

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VŨ THỊ THÙY

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ
MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN
Ở TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VŨ THỊ THÙY

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ
MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN
Ở TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

Mã số: 9310204

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS, TS. LÝ VIỆT QUANG



2. TS. TRẦN THỊ HỘI



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nghiên cứu trong luận án này hoàn toàn trung thực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận án đã được trích dẫn rõ ràng, đầy đủ.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN



Vũ Thị Thùy

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	7
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án.....	7
1.2. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	38
Chương 2: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN	43
2.1. Một số khái niệm cơ bản	43
2.2. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân.....	55
Chương 3: MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN Ở TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY TỪ GÓC NHÌN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA	87
3.1. Khái quát tình hình Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.....	87
3.2. Thực trạng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa từ năm 2015 đến nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	94
3.3. Những vấn đề đặt ra đối với mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....	137
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN Ở TỈNH THANH HÓA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	148
4.1. Dự báo những nhân tố tác động đến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong kỷ nguyên mới.....	148
4.2. Phương hướng tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong kỷ nguyên mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh	158
4.3. Giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong kỷ nguyên mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh.....	162
KẾT LUẬN	199
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	201
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	202
PHỤ LỤC	212

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
BCH	: Ban chấp hành
BTV	: Ban thường vụ
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CTDV	: Công tác dân vận
ĐCSVN	: Đảng Cộng sản Việt Nam
GCCN	: Giai cấp công nhân
HĐND	: Hội đồng nhân dân
KTTT	: Kinh tế thị trường
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
TCCSĐ	: Tổ chức cơ sở đảng
UBKT	: Ủy ban kiểm tra
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về việc ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.....	98
Biểu đồ 3.2. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua nhằm cải thiện đời sống của Nhân dân.....	105
Biểu đồ 3.3. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về xử lý các vụ việc tham nhũng tại địa phương.....	109
Biểu đồ 3.4. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về sự tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng các chính sách, chủ trương của Đảng, kế hoạch phát triển của địa phương	113
Biểu đồ 3.5. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về những hạn chế trong tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay	133

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Trong suốt hành trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi việc xây dựng, gìn giữ và phát huy mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân là nhiệm vụ thiêng liêng và trọng yếu, bởi theo Người, sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ Nhân dân và niềm tin của Nhân dân là cội rễ của mọi thắng lợi. Tư tưởng này là sự kết tinh của truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, coi trọng vai trò của Nhân dân trong lịch sử dân tộc Việt Nam, cùng với sự tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhất là các quan điểm khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân.

Người luôn khẳng định vai trò trung tâm của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng với quan điểm nhất quán: “Dân là gốc”, “Dân làm chủ”, “Quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [58, tr.232], còn người cán bộ, đảng viên vừa là “người lãnh đạo” vừa là “đầy tớ trung thành của Nhân dân”. Do đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “...người lãnh đạo ắt phải có mối liên hệ chặt chẽ giữa mình với các tầng lớp người, với dân chúng” [57, tr.326]. Theo Hồ Chí Minh, mối quan hệ giữa người lãnh đạo và Nhân dân phải được duy trì liên tục, bền chặt và tuyệt đối không được lơ là dù chỉ trong khoảnh khắc. Điều đó có nghĩa là cán bộ không thể tách mình khỏi đời sống của dân, càng không được phép xa dân, quên dân hay xem nhẹ ý kiến, nhu cầu và lợi ích của dân. Sự gắn bó ấy không chỉ là trách nhiệm chính trị mà còn là thước đo phẩm chất, đạo đức và năng lực lãnh đạo.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân không chỉ là lý luận, mà còn được thể hiện sinh động, phong phú qua hành động thực tiễn và phong cách sống hằng ngày của Người, trở thành giá trị cốt lõi, có sức sống lâu bền trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển và vun đắp mối quan hệ này, tạo nền tảng vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, từ đó góp phần quyết định vào những thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam.

Đại hội VI của Đảng năm 1986, tổng kết tư tưởng “Lấy dân làm gốc” là một trong những bài học mang tính nguyên lý, xuyên suốt trong công tác xây dựng Đảng. *Nghị quyết Trung ương 8 khóa VI năm 1990* về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân” cũng nhấn mạnh vai trò then chốt của mối quan hệ mật thiết này. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, được thông qua tại Đại hội VII năm 1991, đã đề cao tinh thần ấy như một định hướng chiến lược trong tiến trình phát triển đất nước: “Toàn bộ hoạt động của

Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân” [19, tr.5]. Quan điểm đó liên tục được nhắc đến trong các cương lĩnh, nghị quyết và văn kiện của các kỳ đại hội Đảng sau này, đặc biệt là tại Đại hội XIII của Đảng (năm 2021), với nội dung: “... quan điểm “dân là gốc”, là chủ thể của công cuộc đổi mới được nhận thức và thực hiện ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn; mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân được củng cố, tăng cường” [27, tr.201 - 202]. Trong Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng (5/2025) tiếp tục khẳng định: “Tăng cường CTDV, thắt chặt và làm sâu sắc hơn mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng” [28, tr.396].

Thực tiễn lịch sử cho thấy, mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và Nhân dân đã được hình thành từ những ngày đầu Đảng mới ra đời. Trải qua các chặng đường đấu tranh gian khổ vì độc lập, tự do của dân tộc, Đảng không chỉ là người lãnh đạo mà còn là người “đầy tớ” trung thành của Nhân dân, nhờ đó mà nhận được sự yêu mến, tin tưởng sâu sắc và sự ủng hộ to lớn, bền bỉ từ Nhân dân. Sự đoàn kết, gắn bó giữa Đảng và Nhân dân đã làm nên những thắng lợi vẻ vang trong lịch sử dân tộc, từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp (1945 - 1954) và đế quốc Mỹ (1954 - 1975), ghi dấu son lịch sử hào hùng của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Tuy nhiên, từ khi trở thành Đảng cầm quyền và lãnh đạo Nhân dân, nhất là trong thời kỳ quá độ lên CNXH, một bộ phận cán bộ, đảng viên, đặc biệt là cán bộ chủ chốt ở các cấp ủy đảng và chính quyền đã bộc lộ những biểu hiện tiêu cực như: quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, xa dân..., làm suy giảm lòng tin của Nhân dân và ảnh hưởng đến vị thế, uy tín của Đảng. Nếu không có giải pháp kịp thời và hiệu quả, cùng với sự chống phá, chia rẽ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, những hạn chế này có thể gây hậu quả nghiêm trọng, làm rạn nứt mối quan hệ vốn được coi là nền tảng của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, tỉnh Thanh Hóa, với vị trí chiến lược, truyền thống lịch sử - văn hóa lâu đời và tiềm năng phát triển mạnh mẽ, là nơi hội tụ đầy đủ những tinh hoa của đất trời, sông núi, một mảnh đất địa linh nhân kiệt - nơi mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt trọn niềm tin: “Tỉnh Thanh Hóa phải trở nên một tỉnh kiểu mẫu”. Phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang suốt 95 năm qua, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã không ngừng nêu cao tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, biến thách thức thành cơ hội, tận dụng thời cơ để bứt phá, đưa quê hương phát triển toàn diện, bền vững trên mọi lĩnh vực. Tất cả những nỗ lực đó đều hướng tới hiện thực hóa các mục

tiêu, nhiệm vụ mà *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX* đã đề ra, vì một Thanh Hóa giàu mạnh, văn minh và phát triển đột phá trong giai đoạn mới, đó là “Phấn đấu đến năm 2030 Thanh Hóa trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc” [125, tr.134]. Những thành tựu đạt được thể hiện rõ nét vai trò của mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và Nhân dân Thanh Hóa trong công cuộc xây dựng và phát triển của Tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, dưới sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau, mối quan hệ này cũng có những lúc, những nơi chưa thật sự bền chặt, thể hiện qua sự suy giảm niềm tin của một bộ phận quần chúng. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng trên là do sự tha hóa, biến chất về đạo đức; năng lực chuyên môn yếu của một bộ phận đảng viên; tình trạng vi phạm dân chủ cơ sở, yếu kém trong CTDV, hoạt động hình thức của một số tổ chức chính trị - xã hội...

Trên phương diện khoa học, đề tài “vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay” cũng là một đề tài mới, chưa được nghiên cứu một cách toàn diện.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân vào thực tiễn tỉnh Thanh Hóa hiện nay là yêu cầu cấp thiết, góp phần giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời tạo động lực cho sự phát triển bền vững của địa phương. Xuất phát từ lý do đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài “***Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay***” nhằm làm rõ những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, đồng thời đề xuất các giải pháp cụ thể, phù hợp để tăng cường hơn nữa mối quan hệ Đảng - dân ở tỉnh Thanh Hóa trong tình hình mới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, đánh giá thực trạng mối quan hệ này ở tỉnh Thanh Hóa từ năm 2015 đến nay, luận án đề xuất những giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong những năm tiếp theo.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến các nội dung của luận án, chỉ ra những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.
- Hệ thống hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, cụ thể:

+ Làm rõ một số khái niệm trọng yếu như: khái niệm Đảng Cộng sản Việt Nam; khái niệm Nhân dân; khái niệm mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, khái niệm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa.

+ Làm rõ các quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò, vị trí của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân; phân tích các nội dung cốt lõi và biện pháp mà Người đã đề xuất nhằm tăng cường mối quan hệ đó.

- Đánh giá khách quan thực trạng việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân tại tỉnh Thanh Hóa từ năm 2015 đến nay dưới góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh; chỉ ra những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

- Dự báo những nhân tố tác động đến mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân trong kỷ nguyên mới; đưa ra phương hướng và đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm củng cố, tăng cường mối quan hệ này ở tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân và sự vận dụng tư tưởng này của Người trong giải quyết mối quan hệ của Đảng với Nhân dân tỉnh Thanh Hoá trong tình hình mới.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Luận án nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân và sự vận dụng ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay, được thể hiện trong các bài nói, bài viết, các tác phẩm và hoạt động thực tiễn của Người; những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh Thanh Hóa về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân hiện nay.

- *Phạm vi không gian*: Luận án nghiên cứu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân vào thực tiễn tỉnh Thanh Hóa.

- *Phạm vi thời gian*: Luận án nghiên cứu, khảo sát việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân vào thực tiễn tỉnh Thanh Hóa từ năm 2015 đến nay; đề xuất phương hướng và giải pháp đến năm 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được xây dựng trên cơ sở học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí

Minh, các quan điểm chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về tăng cường, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được thực hiện dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong quá trình thực hiện, tác giả vận dụng linh hoạt hệ thống các phương pháp nghiên cứu phổ biến, kết hợp các phương pháp liên ngành và chuyên ngành phù hợp với đặc thù của đề tài. Các phương pháp được sử dụng bao gồm: phân tích, tổng hợp, thống kê, quy nạp, diễn dịch, so sánh, dự báo, khảo sát thực tiễn, điều tra xã hội học, cũng như các phương pháp khái quát hóa và trừu tượng hóa,... để nhận định, đánh giá, luận giải làm rõ nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, cũng như sự vận dụng vào thực tiễn ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay. Nhờ đó, các vấn đề nghiên cứu được tiếp cận một cách khách quan, toàn diện và có cơ sở khoa học vững chắc. Cụ thể:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

Trong chương này, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê để làm rõ tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu.

Chương 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân

Trong chương 2, luận án tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về khái niệm, vị trí, vai trò, nội dung, biện pháp, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Do đó, chủ yếu sử dụng các phương pháp diễn dịch, phân tích, tổng hợp các tài liệu để có thể làm phong phú hơn các vấn đề lý luận được đặt ra.

Chương 3. Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay từ góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh - thực trạng và những vấn đề đặt ra

Để nắm bắt được thực trạng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay, luận án sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, điều tra, khảo sát nhằm thu thập thông tin về việc xây dựng, củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay, từ đó đánh giá những ưu điểm, hạn chế và chỉ ra nguyên nhân.

Chương 4. Phương hướng và giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong kỷ nguyên mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Để đưa ra được các giải pháp cơ bản nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong kỷ nguyên mới, luận án sử dụng kết hợp nhiều phương pháp như diễn dịch, quy nạp, phân tích, dự báo, quan sát để có những giải pháp

phù hợp, khắc phục những yếu điểm, hạn chế, phát huy điểm tích cực nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

- *Thứ nhất*, luận án hệ thống hóa, phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, làm cơ sở, căn cứ khoa học cho việc vận dụng ở tỉnh Thanh Hóa trong tình hình hiện nay.

- *Thứ hai*, luận án đã đánh giá thực trạng việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong thời gian qua theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ ra được những vấn đề đặt ra hiện nay trong việc tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa cần phải quan tâm, giải quyết.

- *Thứ ba*, luận án đề xuất các phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh hóa hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần thúc đẩy và phát huy hiệu quả việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong kỷ nguyên mới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung, hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn nhận thức khoa học về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên phạm vi cả nước nói chung và làm rõ hơn mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa nói riêng; đồng thời, khẳng định sức mạnh to lớn của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng nước ta; góp phần xây dựng cơ sở lý luận cho việc đề ra các phương hướng và giải pháp nhằm củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Với những kết quả nghiên cứu đã đạt được, luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong việc tuyên truyền, nghiên cứu, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân nói riêng. Đồng thời, luận án cung cấp thêm những luận cứ khoa học nhằm củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, nhất là ở tỉnh Thanh Hóa, làm cho mối quan hệ đó ngày càng bền chặt và phát huy sức mạnh trong giai đoạn sắp tới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Những nghiên cứu về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân

Cuốn sách của các tác giả Nguyễn Văn Sáu, Trần Xuân Sầm và Lê Doãn Tá (2002) với nhan đề “*Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong thời kỳ đổi mới đất nước - Vấn đề và kinh nghiệm*” [84] là tuyển tập gồm các bài viết của hơn hai mươi học giả đến từ nhiều vùng miền trong cả nước, cùng tập trung luận bàn về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Các tác giả không chỉ làm rõ những vấn đề lý luận cốt lõi liên quan đến mối quan hệ này trong bối cảnh đổi mới, mà còn trình bày những kinh nghiệm thực tiễn và đề xuất nhiều giải pháp thiết thực nhằm củng cố, tăng cường sự gắn bó giữa Đảng và Nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Đề tài KHXH. 05-06: *Luận cứ khoa học và những giải pháp thực tiễn tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân ở nước ta hiện nay* do tác giả Phùng Hữu Phú (2002) làm Chủ nhiệm [72], là một công trình nghiên cứu có giá trị cả về lý luận lẫn thực tiễn. Công trình đã tập trung phân tích sâu sắc cơ sở khoa học của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, một mối quan hệ mang tính nền tảng, quyết định sự bền vững của chế độ XHCN ở Việt Nam. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn lãnh đạo của Đảng và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, đề tài đã chỉ ra những nhân tố tích cực cũng như những hạn chế, thách thức đang tác động đến mối quan hệ này trong bối cảnh đổi mới và hội nhập. Từ đó, đề xuất nhiều quan điểm định hướng và giải pháp cụ thể, khả thi nhằm củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, tăng cường sự gắn bó giữa Đảng và Nhân dân, bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh. Kết quả nghiên cứu của đề tài không chỉ có ý nghĩa lý luận trong việc làm rõ bản chất, vai trò và cơ chế vận hành của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, mà còn mang tính ứng dụng cao, có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo, kế thừa và phát triển trong các công trình khoa học xã hội, chính trị học, và nghiên cứu xây dựng Đảng trong giai đoạn sau.

Tác giả Nguyễn Mạnh Hưởng (2005), với bài viết “*Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân trong điều kiện mới*” [39] đã khẳng định mối quan hệ mật

thiết giữa Đảng và Nhân dân là nguồn sức mạnh quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng. Tác giả làm rõ ba nội dung cốt lõi: Đảng ra đời, tồn tại và hoạt động vì Nhân dân; sức mạnh, uy tín của Đảng bắt nguồn từ sự ủng hộ của Nhân dân; Đảng phụng sự Nhân dân, vì lợi ích chung, không vì lợi ích riêng. Từ đó, bài viết nhấn mạnh yêu cầu củng cố mối quan hệ Đảng - dân bằng các giải pháp như: kiên quyết chống suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, và thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Bài viết *“Kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Cu Ba về tăng cường mối liên hệ với quần chúng”* [86], của Tổ chuyên đề Ban nghiên cứu - giảng dạy Xây dựng Đảng, trường Đảng Trung ương Trung Quốc (2007), đã phân tích bối cảnh thế giới với những tác động tiêu cực có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình chính trị - xã hội của Cu Ba đó là sự tan rã của Liên Xô và các nước Đông Âu, làm cho Cu Ba mất đi chỗ dựa chính trị và kinh tế quan trọng; mặt khác, Mỹ tiếp tục tăng cường cấm vận và thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” đối với Cu Ba. Ở trong nước, tình hình nội bộ đất nước Cu Ba cũng diễn biến hết sức phức tạp. Trong điều kiện hết sức khó khăn đó, nhưng Đảng Cộng sản Cu Ba vẫn giữ vững được vai trò lãnh đạo của mình, vẫn giữ được vị trí cầm quyền duy nhất của Đảng và bảo vệ vững chắc CNXH. Điều đó cho thấy, Đảng Cộng sản Cu Ba đã biết coi trọng và liên hệ tốt với Nhân dân, không ngừng củng cố địa vị cầm quyền của Đảng. Ngoài ra, Cu Ba còn đề ra nguyên tắc “4 tất cả” tức là tất cả mọi việc đều phải gắn liền với quần chúng nhân dân. Từ đó, để hiện thực hóa nguyên tắc này, Đảng Cộng sản Cu Ba đã đưa ra 5 chính sách và 3 biện pháp nhằm đảm bảo chắc chắn cho sự liên hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

Bài viết *“Kinh nghiệm của Đảng dân chủ xã hội Đức trong xử lý quan hệ với quần chúng”* [36] của tác giả Trương Văn Hồng (2007), đã trình bày diễn biến tư tưởng và cơ cấu tổ chức của Đảng Dân chủ xã hội Đức (SPD), từ Hội Liên hợp công nhân toàn Đức (1863) và Đảng Công nhân dân chủ xã hội Đức (1869) cho đến năm 1959 Đảng SPD đã từ chính đảng của GCCN chuyển thành chính đảng của toàn dân. Bài viết cũng đã chỉ ra một số biện pháp mà Đảng SPD áp dụng nhằm củng cố sự đoàn kết trong nội bộ Đảng và tăng cường kết nối với cử tri. Đồng thời, tác giả cũng nêu lên những khó khăn, thách thức mà SPD gặp phải trong mối quan hệ với quần chúng. Các chính sách cải cách sâu rộng về chế độ phúc lợi do chính phủ “Liên minh Đỏ - Xanh” giữa Đảng SPD và Đảng Xanh (DGB) thực hiện đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ từ

người dân, đồng thời gây ra mâu thuẫn nghiêm trọng giữa SPD và DGB. Đứng trước tình thế đó, để giành được sự ủng hộ rộng rãi của quần chúng, Ban lãnh đạo SPD phải làm thế nào để tuyên truyền tốt chính sách của mình. Vì vậy, SPD liên tục triển khai các phương thức như: đối thoại trên truyền hình, tranh luận tại nghị viện, trả lời phỏng vấn truyền thông, và thắt chặt mối quan hệ với các tổ chức công đoàn. Đồng thời, Đảng chú trọng tăng cường kết nối với các tầng lớp xã hội chịu tác động tiêu cực từ các chính sách cải cách.

Cuốn sách *“Một số suy nghĩ về mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước và Nhân dân”* [45] của Nguyễn Khánh (2010) tập hợp hơn 40 bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về vai trò lãnh đạo liên tục, xuyên suốt của Đảng trong các giai đoạn lịch sử quan trọng. Tác phẩm khẳng định chính những thành tựu cách mạng đã củng cố niềm tin của Nhân dân, làm rõ vị thế lãnh đạo duy nhất của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Trong đó, có bài viết nổi bật bàn về *“Tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và Nhân dân”* bám vào tinh thần *Nghị quyết Đại hội lần thứ V*, với khẳng định: “thời kỳ nào, công tác vận động và tổ chức quần chúng làm cách mạng cũng có ý nghĩa chiến lược”, “Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó giữa Nhân dân với Đảng. Do đó, tác giả nhấn mạnh công tác quần chúng của Đảng cần phải được đổi mới về nội dung, hình thức, về phương pháp cho phù hợp. Cùng với đó là vai trò của Nhà nước trong phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và là cầu nối quan trọng trong mối liên hệ giữa Đảng với Nhân dân.

Bài viết *“Xây dựng mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân: Nhân tố quyết định sự vững mạnh của Đảng, làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam”* [83] của Trương Tấn Sang (2010) phân tích sâu sắc mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân - nền tảng và động lực chủ yếu cho mọi thắng lợi cách mạng. Tác giả nhấn mạnh: (1) Đảng luôn lấy lợi ích quốc gia, hạnh phúc Nhân dân làm kim chỉ nam; (2) chính quyền cách mạng phải do dân, vì dân; (3) MTTQ và các tổ chức đoàn thể là cầu nối quan trọng giữa Đảng với dân; (4) sự gương mẫu, gần dân của cán bộ, đảng viên là biểu hiện cụ thể của mối quan hệ ấy. Bài viết đồng thời chỉ rõ những hạn chế trong thực hiện chủ trương gắn bó với Nhân dân, từ đó đề xuất tăng cường trách nhiệm toàn hệ thống chính trị nhằm củng cố mối quan hệ Đảng - dân, phát huy dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân.

Cuốn sách *“Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi*

mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta” [104] do Nguyễn Phú Trọng chủ biên (2011), đã chỉ ra những mối quan hệ trọng đại cần được nhận thức và giải quyết tốt trong tiến trình đổi mới đất nước. Các tác giả đã làm rõ các khái niệm cốt lõi của mối quan hệ này, bao gồm “lãnh đạo”, “quản lý” và “làm chủ”, từ đó giúp xác định rõ vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể trong hệ thống chính trị. Đồng thời, cuốn sách cũng tổng kết quá trình phát triển nhận thức của ĐCSVN về mối quan hệ này trong giai đoạn đổi mới, chỉ ra những bước tiến quan trọng trong tư duy lý luận và thực tiễn lãnh đạo. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất một số định hướng trọng tâm nhằm tiếp tục hoàn thiện và phát huy mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” trong những năm tới, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

Bài viết *“Cơ sở của mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân”* [132] của tác giả Dương Trung Ý (2013), đã phân tích sâu sắc và làm rõ bốn cơ sở nền tảng tạo nên mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. *Thứ nhất*, cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, và chính sự gắn bó với Nhân dân là cội nguồn tạo nên sức mạnh của Đảng. *Thứ hai*, mục tiêu cao cả của Đảng luôn hướng đến lợi ích của Nhân dân, coi đây là kim chỉ nam cho mọi hoạt động. *Thứ ba*, Đảng không tách rời khỏi dân tộc, bởi cán bộ và đảng viên đều xuất thân từ Nhân dân, phục vụ Nhân dân là sứ mệnh thiêng liêng của họ. *Thứ tư*, gắn bó mật thiết với Nhân dân không chỉ là một nguyên tắc tổ chức, mà còn là phương châm hành động xuyên suốt trong hoạt động của Đảng. Từ những cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh rằng việc củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân không chỉ là một yêu cầu tất yếu, mà còn là điều kiện sống còn để Đảng tồn tại và phát triển bền vững. Mối quan hệ này không chỉ đảm bảo sự lãnh đạo vững chắc của Đảng, mà còn là động lực để xây dựng và bảo vệ thành công sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Cuốn sách của Ban Dân vận Trung ương (2014) về *“Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong thời kỳ mới”* do Nguyễn Thế Trung chủ biên [10], làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn về mối quan hệ Đảng - Nhân dân trong bối cảnh KTTT định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Tác phẩm phân tích khái niệm, nội dung, đặc điểm, tiêu chí đánh giá và thực trạng mối quan hệ này, đồng thời rút ra bài học kinh nghiệm. Cuốn sách còn tổng hợp số liệu về mức độ thực hiện chủ trương, chính sách, lòng tin của Nhân dân, vai trò CTDV và hiệu quả xử lý khiếu nại, tố cáo. Trên cơ sở

đó, tác giả dự báo các yếu tố tác động trong thời gian tới và đề xuất nhiều giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Một số nội dung trong sách có thể được luận án kế thừa làm cơ sở luận chứng cho thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh tại Thanh Hóa hiện nay.

Luận án Tiến sĩ của Trần Thị Hương (2015) về *“Thực hiện nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân trong giai đoạn hiện nay”* [37], đã nghiên cứu và trình bày một cách có hệ thống các vấn đề cốt lõi liên quan đến việc thực hiện nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân trong bối cảnh hiện nay. Cụ thể, luận án đã định nghĩa và phân tích sâu sắc quan niệm về nguyên tắc này, đồng thời làm rõ quá trình hình thành và phát triển của nó qua các giai đoạn lịch sử. Bên cạnh đó, luận án cũng xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn của nguyên tắc, nhấn mạnh vai trò lịch sử của Nhân dân, bản chất, mục tiêu và yêu cầu của Đảng trong việc gắn bó với Nhân dân. Trên cơ sở đó, luận án đi sâu phân tích các nội dung trọng yếu của nguyên tắc này, từ đó đánh giá thực trạng thực hiện, chỉ ra nguyên nhân của những kết quả đạt được cũng như những hạn chế và vấn đề đang đặt ra hiện nay. Đồng thời, tác giả cũng dự báo các nhân tố có khả năng tác động đến việc thực hiện nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân trong thời gian tới. Cuối cùng, luận án đã đề xuất các phương hướng và giải pháp cụ thể, khả thi nhằm thực hiện hiệu quả nguyên tắc này, góp phần củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

Bài viết *“Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ trong xây dựng hệ thống chính trị nước ta theo quan điểm Đại hội Đảng lần thứ XII”* [51] của tác giả Đinh Xuân Lý (2016), đã phân tích sâu sắc cơ chế vận hành của hệ thống chính trị Việt Nam với ba trụ cột: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Đây là cơ chế thống nhất, biện chứng, trong đó Đảng đóng vai trò định hướng trong việc hoạch định đường lối, chủ trương lớn; Nhà nước đóng vai trò cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thông qua hệ thống pháp luật, công cụ hành chính và chính sách quản lý xã hội; còn Nhân dân giữ vai trò chủ thể giám sát và thụ hưởng thành quả. Tác giả nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều: Đảng phải gắn bó với dân, còn Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, giám sát Nhà nước. Bài viết khẳng định yêu cầu cấp thiết hoàn thiện cơ chế này theo tinh thần Đại hội XII, trong đó nhấn mạnh việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ thực chất của Nhân dân thông qua đổi mới phương thức lãnh đạo, cải cách hành chính và xây dựng cơ chế pháp lý phù hợp.

Luận án tiến sĩ của Nguyễn Duy Quỳnh (2017) về *“Mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân ở Việt Nam hiện nay”* [81], đã xây dựng nền tảng lý luận vững chắc về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Trước hết, luận án tập trung làm rõ và phân tích các khái niệm trọng yếu như: đảng chính trị, đảng lãnh đạo, đảng cầm quyền, Đảng Cộng sản, cùng các khái niệm liên quan đến Nhân dân và Nhân dân Việt Nam, nhằm khẳng định vai trò và vị trí của từng thành tố trong mối quan hệ này. Trên cơ sở đó, luận án đã kế thừa và phát triển các quan điểm nền tảng của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, làm sáng tỏ chiều sâu tư tưởng về sự gắn kết giữa Đảng và Nhân dân, vốn là yếu tố cốt lõi của sự ổn định và phát triển đất nước. Dựa trên các tiền đề lý luận, luận án tiến hành phân tích thực trạng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong thời điểm hiện tại, làm rõ nguyên nhân dẫn đến những vấn đề còn tồn tại và thách thức đặt ra trong bối cảnh mới. Đồng thời, luận án đã dự báo những nhân tố có khả năng tác động đến mối quan hệ này trong tương lai, từ đó xác định các phương hướng chiến lược. Đặc biệt, luận án đã đề xuất một hệ thống giải pháp toàn diện, khả thi nhằm tăng cường sự gắn bó, đồng thuận và niềm tin giữa Đảng và Nhân dân, góp phần củng cố nền tảng chính trị - xã hội vững mạnh của Việt Nam.

Luận án tiến sĩ của Hoàng Đình Trung (2017) với đề tài *“Thực hiện mối quan hệ ‘Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ’ ở tỉnh Nam Định”* [108] đã góp phần xây dựng một cơ sở lý luận vững chắc về cơ chế vận hành của mối quan hệ giữa ba chủ thể trung tâm trong hệ thống chính trị Việt Nam. Trọng tâm của công trình là phân tích sâu vai trò, chức năng và sự tương tác giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong bối cảnh chính trị - xã hội hiện nay. Luận án đã làm sáng tỏ các khái niệm cốt lõi như vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của Nhân dân, đồng thời chỉ ra tính chất biện chứng trong mối quan hệ giữa ba yếu tố này. Ngoài ra, tác giả còn trình bày một cách hệ thống nội dung của mối quan hệ nói trên, xây dựng các tiêu chí cụ thể để đánh giá hiệu quả thực thi trong thực tiễn. Trên nền tảng lý luận đó, luận án tiến hành khảo sát thực trạng triển khai cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” tại tỉnh Nam Định, ghi nhận những thành tựu đạt được và chỉ ra các hạn chế cùng nguyên nhân sâu xa của những hạn chế đó trong bối cảnh địa phương. Hướng đến sự cải thiện, luận án đã đề xuất một số nhóm giải pháp đồng bộ, có tính khả thi cao, nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” tại Nam Định, qua đó góp phần tăng cường sự ổn định và phát triển bền vững cho hệ thống chính trị ở địa phương.

Bài viết *“Công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay”* của tác giả Trường Lưu (2017) [50], tuy không trực tiếp bàn về quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, nhưng qua việc phân tích nỗ lực xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, đã cho thấy quá trình từng bước củng cố, khôi phục niềm tin của Nhân dân đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Theo tác giả, đến năm 2017, Đảng có gần 90 triệu đảng viên, dưới sự lãnh đạo thống nhất, Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Song, bối cảnh quốc tế và trong nước biến động mạnh mẽ, cùng với những vấn đề nội bộ, đã đặt Đảng trước không ít khó khăn, thách thức. Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới, bài viết đề xuất nhiều giải pháp trọng tâm: giữ vững niềm tin lý tưởng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin và mục tiêu cộng sản; đổi mới phương thức xây dựng Đảng ở cơ sở; nâng cao chất lượng giáo dục, quản lý đảng viên; kiên quyết, kiên trì chống tham nhũng; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; giữ vững sự thống nhất, tập trung trong toàn Đảng; đồng thời tăng cường mối quan hệ mật thiết với Nhân dân.

Tác giả Văn Thị Thanh Mai (2018) với bài viết *“Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân”* [68], khẳng định tính tất yếu của việc Đảng phải gắn bó với Nhân dân, bởi khát vọng tự do, hạnh phúc chỉ có thể đạt được khi Nhân dân được lãnh đạo và tổ chức đấu tranh bởi một chính đảng cách mạng. Bài viết nhấn mạnh, thắng lợi của dân tộc trong gần 90 năm qua gắn liền với sự đoàn kết giữa Đảng và Nhân dân, đồng thời chỉ ra các nguy cơ làm rạn nứt mối quan hệ này như những sai lầm của Đảng nảy sinh trong quá trình lãnh đạo, sự suy thoái đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Trên nền tảng đó, tác giả đưa ra một số giải pháp thiết thực nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại, đồng thời tăng cường, củng cố hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân trong bối cảnh mới hiện nay.

Tỉnh ủy Thanh Hóa, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 90 năm truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa* [114]. Nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (29/7/1930 - 29/7/2020), Tỉnh ủy Thanh Hóa phối hợp cùng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học “90 năm truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa”. Hội thảo mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn, được ghi lại trong Kỷ yếu gồm hai phần với 76 tham luận của lãnh đạo Trung ương, các nhà khoa học, cùng lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể và Đảng bộ trực thuộc tỉnh. Nội dung các tham luận đã làm

sáng tỏ quá trình hình thành, phát triển của Đảng bộ Thanh Hóa qua chặng đường 90 năm, đồng thời phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác xây dựng TCCSĐ. Từ đó, Hội thảo khẳng định vai trò nền tảng của công tác xây dựng Đảng và nhấn mạnh sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân trong suốt tiến trình lịch sử.

Tác giả Trần Trọng Thơ (2020) với bài viết *“Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa - Nhân tố quyết định sự thắng lợi của phong trào cách mạng tỉnh Thanh Hóa trong 90 năm qua”* [114], đăng trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 90 năm truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa*. Bài viết đã chỉ ra “Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, một trong những tổ chức Đảng ra đời sớm ở Việt Nam, đã không ngừng được củng cố, trưởng thành và khẳng định vai trò lãnh đạo”. Trải qua 90 năm đồng hành cùng Nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh, Nhân dân Thanh Hóa đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đặc biệt nhấn mạnh: dù từng được coi là “vùng đất chỉ thích hợp với thời chiến, khó phát huy trong thời bình”, nhưng Thanh Hóa đã chứng minh sức mạnh vươn lên mạnh mẽ, không chỉ trong đấu tranh cách mạng, kháng chiến, mà còn trong công cuộc xây dựng quê hương, đặc biệt là những chuyển biến rõ rệt trong hơn 30 năm đổi mới. Những kết quả đó có được là nhờ Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa suốt 90 năm qua luôn đề cao nhiệm vụ xây dựng Đảng, chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng; coi đó là công việc trọng yếu, thường xuyên, quyết định sự phát triển trong mọi thời kỳ cách mạng. Chính điều này đã củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, gắn kết chặt chẽ mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, khẳng định vai trò của Đảng bộ tỉnh như một nhân tố quyết định mọi thắng lợi.

Tác giả Nhị Lê (2021), với bài viết *“Phát triển mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân và dựa vào Nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng”* [49], đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy mối quan hệ tự nhiên - đạo lý và pháp lý sâu sắc giữa Đảng và Nhân dân, được hun đúc suốt 91 năm kể từ khi ĐCSVN ra đời và lãnh đạo đất nước. Mối quan hệ này không chỉ mang tính lịch sử mà còn là sự gắn bó bền vững, bắt nguồn từ những giá trị cốt lõi và tinh thần đồng hành giữa Đảng và Nhân dân như một lẽ tự nhiên. Để tiếp tục xứng đáng với niềm tin yêu và sự kỳ vọng của Nhân dân, Đảng cần kiên trì công cuộc xây dựng và chỉnh đốn, bảo đảm luôn giữ vững bản lĩnh, uy tín và năng lực lãnh đạo nhằm phụng sự Tổ quốc và phục vụ Nhân dân một cách hiệu quả nhất. Đồng thời, sự gắn bó này chỉ có thể được củng cố khi Đảng thực sự

tôn trọng Nhân dân, luôn gần gũi, lắng nghe, bảo vệ và đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết. Chỉ khi đó, Nhân dân mới tiếp tục tin tưởng, ủng hộ và đồng hành với Đảng, góp phần bảo vệ và phát triển tổ chức Đảng ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Tác giả Trần Văn Phòng (2022), với bài viết *“Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ theo quan điểm của Đảng ta”* [76], đã tập trung phân tích mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ theo quan điểm của Đảng, nhấn mạnh sự thống nhất về mục tiêu, lợi ích nhưng khác biệt về vai trò, chức năng giữa các chủ thể. Tác giả làm rõ ba mối quan hệ cốt lõi trong hệ thống chính trị Việt Nam, đó là: mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân (vừa là quan hệ giữa lực lượng lãnh đạo và đối tượng được lãnh đạo, vừa là quan hệ giữa “người đầy tớ trung thành” và “người chủ chân chính”), giữa Đảng và Nhà nước (đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội) và giữa Nhà nước với Nhân dân (Nhà nước đóng vai trò là công bộc phục vụ cho lợi ích của Nhân dân), trên cơ sở các nguyên tắc được thể chế hóa trong Hiến pháp 2013 và Cương lĩnh 2011, thể hiện nhất quán tư tưởng “dân là gốc” trong nền tảng chính trị nước ta. Bài viết cũng đề xuất giải pháp nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của Nhân dân.

Tác giả Nguyễn Ngọc Ánh (2023), với bài viết *“Củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”* [3], đã phân tích ý nghĩa và tầm quan trọng của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Đánh giá thực trạng việc củng cố và tăng cường mối quan hệ này theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng và chỉ ra thành tựu dựa trên những căn cứ cụ thể như: Sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị đối với CTĐV; Đảng ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết về quyền làm chủ của Nhân dân; Đảng lãnh đạo, chỉ đạo phòng chống tham nhũng, lãng phí... Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra những hạn chế của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, làm cơ sở cho việc đề xuất một số giải pháp nhằm củng cố và tăng cường mối quan này trong giai đoạn hiện nay.

Trong bài viết *“Củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”* [101], tác giả Hà Thị Bích Thủy (2023) đã khẳng định tính tất yếu và cấp bách của việc củng cố mối quan hệ biện chứng, gắn bó giữa

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ - ba chủ thể trung tâm của hệ thống chính trị. Tác giả phân tích vai trò của từng chủ thể và nhấn mạnh sự gắn kết hài hòa giữa họ là nền tảng cho sự ổn định, phát triển bền vững đất nước, đồng thời lý giải nhu cầu củng cố mối quan hệ từ ba góc độ: xuất phát từ bản chất Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam, từ những bất cập trong thực tiễn và từ đặc điểm hệ thống chính trị. Tác giả cũng làm rõ nhu cầu hoàn thiện cơ chế này và đề xuất bốn giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ trong thời gian tới, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tác giả Phạm Thanh Giang (2023), với bài viết *“Củng cố và tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân trong tình hình mới”* [32], nhấn mạnh mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân là sự thống nhất về mục tiêu, lợi ích, tạo nên sức mạnh nội sinh cho cách mạng Việt Nam. Đảng giữ vai trò lãnh đạo, luôn đặt lợi ích Nhân dân lên hàng đầu; Nhân dân là nền tảng vững chắc bảo vệ Đảng và chế độ. Tác giả đồng thời chỉ ra những thách thức hiện nay như an ninh, chủ quyền, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, cùng với âm mưu, hoạt động chống phá ngày càng tinh vi của các thế lực thù địch... Từ đó, bài viết đề xuất 5 giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân trong thời gian tới như: đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân; tăng cường quản lý, giáo dục đội ngũ cán bộ, đảng viên; đấu tranh chống lại các âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch.

Tác giả Tăng Thị Thu Trang (2023), với bài viết *“Phương thức làm chủ của nhân dân trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ”* [102], đã tiếp cận vấn đề từ góc độ pháp lý, làm rõ cơ chế thực thi quyền làm chủ của Nhân dân trong tổng thể mối quan hệ giữa ba chủ thể cấu thành hệ thống chính trị. Bài viết không chỉ khẳng định vai trò thiết yếu của từng chủ thể mà còn phân tích rõ tính biện chứng, tác động qua lại giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân - điều đã được cụ thể hóa trong các văn kiện của Đảng. Bên cạnh những kết quả tích cực trong quá trình thực thi dân chủ ở cơ sở, tác giả cũng chỉ ra một số tồn tại đáng lưu ý như: nội dung và hình thức thực hiện dân chủ chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn; phạm vi và đối tượng điều chỉnh chưa đồng bộ; vai trò, trách nhiệm của MTTQ Việt Nam còn thiếu rõ ràng; sự tham gia chủ

động và sáng kiến từ phía Nhân dân vẫn còn hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất nhiều giải pháp thiết thực nhằm khắc phục bất cập, hướng đến việc đổi mới mạnh mẽ phương thức phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong điều kiện hiện nay.

Tác giả Hà Thị Khiết (2023), với bài viết *“Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, giữ mối quan hệ gắn bó “máu thịt” với các tầng lớp nhân dân”* [46], đã khẳng định vai trò tiên phong, gương mẫu của người cán bộ, đảng viên trong việc tuyên truyền, vận động giữ mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với các Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng. Nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được ban hành. Tuy nhiên, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay vẫn còn không ít người bị suy đồi phẩm chất đạo đức, bị thoái hóa, biến chất, xa rời Nhân dân, tham ô, lãng phí... Do vậy, phát huy tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân có ý nghĩa hết sức quan trọng góp phần xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Vì vậy, tác giả đã nêu lên một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện tốt như: xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất chính trị, có đạo đức trong sáng; không ngừng học tập, rèn luyện; thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc tự phê bình và phê bình; tăng cường CTDV... để tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng trong bối cảnh hiện nay.

Trong bài viết *“Yêu cầu trong giải quyết mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”* [77], tác giả Quách Thị Minh Phượng (2023), đã trình bày hệ thống và logic mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, làm rõ tính biện chứng và sự tác động qua lại giữa ba chủ thể này. Tác giả khẳng định mục tiêu chung của Đảng và Nhà nước là bảo đảm, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số yêu cầu nhằm nâng cao hiệu quả vận hành mối quan hệ như: nâng cao nhận thức đúng đắn về vai trò và vị trí của từng chủ thể; đổi mới phương thức hoạt động; xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng; đầu tư cho công tác tuyên truyền; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; củng cố uy tín của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước. Bên cạnh đó, tác giả cũng bước đầu đề cập đến một số giải pháp, tuy nhiên các giải pháp còn mang tính khái quát, chưa phân tích cụ thể và chỉ ra cách thức thực hiện.

Tác giả Đinh Văn Thụy (2024), với bài viết *“Các mối quan hệ trong cơ chế*

“Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” ở nước ta hiện nay” [100], đã phân tích sâu sắc vai trò và vị trí của từng chủ thể - Đảng, Nhà nước và Nhân dân - trong cơ chế vận hành của hệ thống chính trị Việt Nam, với nhấn mạnh rằng Nhân dân chính là trung tâm, là lực lượng nền tảng và mang tính quyết định cao nhất. Bài viết tập trung làm rõ ba mối quan hệ cốt lõi: giữa Nhân dân với Đảng, giữa Đảng với Nhà nước, và giữa Nhà nước với Nhân dân. Qua đó, tác giả khẳng định quyền lực nhà nước thực chất bắt nguồn từ Nhân dân, còn Nhà nước chỉ là công cụ để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình trong thực tiễn quản lý, điều hành và phát triển đất nước. Bài viết cũng chỉ ra thực trạng vận hành các mối quan hệ và đề xuất giải pháp phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, bảo đảm quyền làm chủ thực chất của Nhân dân. Việc xử lý hài hòa, đúng đắn mối quan hệ giữa ba chủ thể là yếu tố then chốt để xây dựng một nền dân chủ XHCN vững chắc và hiệu quả.

Tác giả Đào Đoàn Hùng (2024), với bài viết *“Xây dựng, củng cố và hoàn thiện mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua gần 40 năm đổi mới”* [41], khẳng định rằng mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân chính là nguồn sức mạnh nội sinh to lớn, góp phần quyết định vào những thành tựu lịch sử của cách mạng Việt Nam trong suốt chặng đường đổi mới. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh vai trò trung tâm, chủ thể của Nhân dân trong toàn bộ tiến trình đổi mới, đồng thời khẳng định rằng mọi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước phải bắt nguồn từ lợi ích, quyền lợi chính đáng của Nhân dân - bởi đó chính là thước đo của sự đúng đắn và hiệu quả trong lãnh đạo, quản lý đất nước. Trên cơ sở thực tiễn gần 40 năm đổi mới, bài viết chỉ rõ quá trình xây dựng, củng cố mối quan hệ Đảng - Nhân dân thông qua việc hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; mở rộng dân chủ; hoạch định và triển khai các chủ trương, chính sách; nâng cao hiệu quả CTDV và củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ, phát triển quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.

Nguyễn Thị Thanh Bình (2024), với bài viết *“Phản bác một số luận điệu xuyên tạc mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân”* [12], đã vạch trần các âm mưu, thủ đoạn của thế lực thù địch nhằm chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Bài viết lên án một số tờ báo, đài phát thanh, tạp chí, nhà xuất bản hoặc các trang website từ các nước trên thế giới, liên tục đăng tải các nội dung thổi phồng, bóp méo

sự thật về bản chất của Đảng. Các thế lực này thường lợi dụng những vấn đề nhạy cảm để xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, vu cáo Nhà nước vi phạm dân chủ, nhân quyền, đàn áp dân tộc và tôn giáo với mục đích lôi kéo, kích động quần chúng chống đối Đảng và Nhà nước. Tác giả cho rằng, Nhân dân cần nâng cao cảnh giác, chủ động đấu tranh, đồng thời khẳng định bằng luận cứ vững chắc và thành tựu thực tiễn vai trò lãnh đạo của Đảng, qua đó củng cố niềm tin và sự gắn bó giữa Đảng với Nhân dân.

Tác giả Phạm Tất Thắng (2024), với bài viết *“Tổng Bí thư Trần Phú và bài học về xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân”* [93], đã trình bày về vai trò của đồng chí Trần Phú - người học trò xuất sắc của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - tấm gương sáng trong công tác xây dựng Đảng và củng cố mối quan hệ sâu sắc giữa Đảng và Nhân dân. Bài viết đã chỉ ra vai trò của Trần Phú trong việc xác định con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, một tấm gương sáng ngời về lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, một người lãnh đạo tiêu biểu trong xây dựng mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, củng cố khối liên minh công nông vững chắc. Thông qua hình ảnh của Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng, tác giả khẳng định mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân là nguồn sức mạnh nội sinh to lớn, làm nên những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam, khẳng định năng lực cầm quyền, lãnh đạo của Đảng cho mãi tới mai sau.

Tác giả Nguyễn Phú Trọng (2024), với bài viết *“Làm tốt công tác dân vận và liên hệ mật thiết với Nhân dân là truyền thống tốt đẹp và là nguồn sức mạnh vô địch của Đảng ta”* [105], khẳng định tầm quan trọng chiến lược của CTDV trong việc củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân - một yếu tố mang tính quyết định đối với thành công của sự nghiệp cách mạng. Bài viết là toàn văn phát biểu tại “Hội nghị toàn quốc triển khai Chương trình hành động thực hiện *Nghị quyết Đại hội XII* và các chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về CTDV”, được đăng tải trên Tạp chí Dân vận. Trong phát biểu, Tổng Bí thư đã nêu bật những thành tựu và chỉ rõ các hạn chế, yếu kém trong CTDV mà Đại hội XII chỉ ra. Tổng Bí thư nhấn mạnh CTDV là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm toàn nhiệm kỳ, với năm yêu cầu then chốt, trong đó cốt lõi là chăm lo đời sống, lợi ích cho Nhân dân và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Qua đó, một lần nữa khẳng định: sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ lòng dân và mối quan hệ bền chặt giữa Đảng với Nhân dân chính là nền tảng vững chắc cho mọi thắng lợi.

Tác giả Tô Lâm (2024), với bài viết *“Quyết tâm xây dựng Đảng vững mạnh, nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”* [48], đã nhấn mạnh rằng sự ra đời của ĐCSVN là cột mốc chói sáng trong dòng chảy lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc suốt hàng nghìn năm. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân Việt Nam đã kiên cường vượt qua bao thử thách, viết nên những trang sử hào hùng, làm rạng danh dân tộc. Bài viết đặc biệt khẳng định: xây dựng Đảng vững mạnh gắn liền với việc kiên định lập trường “dân là gốc”, coi Nhân dân là chủ thể, là trung tâm trong mọi công cuộc đổi mới. Mọi chủ trương, chính sách phải bắt nguồn từ thực tiễn cuộc sống, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của Nhân dân; lấy ấm no, hạnh phúc của Nhân dân làm đích đến cao nhất trong quá trình phát triển đất nước. Điều này cho thấy mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ mang tính biện chứng: Đảng lãnh đạo bằng những đường lối, chính sách hợp lòng dân, mang lại lợi ích thiết thực cho Nhân dân; từ đó, Nhân dân tin tưởng, đồng hành và bảo vệ Đảng. Để mối quan hệ ấy ngày càng bền chặt, theo tác giả, nhiệm vụ cốt lõi là phải không ngừng xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng của Nhân dân.

Tác giả Trần Thị Hương (2025) trong bài viết *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân qua gần 40 năm đổi mới ở Việt Nam”* [38], đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, khẳng định vai trò quyết định của Nhân dân và sự gắn bó hữu cơ giữa Đảng, GCCN và Nhân dân lao động theo tư tưởng mác - xít. Tác giả nhấn mạnh, với bản chất là Đảng của GCCN, ĐCSVN tồn tại, phát triển vì lợi ích của Nhân dân và dân tộc. Bên cạnh những thành tựu đạt được, bài viết cũng chỉ ra những hạn chế cần khắc phục như: sự tha hóa quyền lực, quan liêu, xa rời quần chúng. Để củng cố mối quan hệ Đảng - Nhân dân, cần xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên gương mẫu, thực sự là người đầy tớ của dân, phát huy cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Qua đó, tác giả khẳng định bồi đắp niềm tin Nhân dân là nền tảng cho sức mạnh chính trị và phát triển bền vững của đất nước.

Cuốn sách của Nguyễn Thế Trung (2025), với tựa đề *“Đảng và dân trong thời kỳ mới”* [107], là tập hợp những bài viết chuyên sâu của tác giả, nhằm làm rõ những nội dung cơ bản về các vấn đề then chốt của công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, CTDV, đến những vấn đề lớn về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong tình hình

mới. Trên cơ sở phân tích thực tiễn, tác giả tập trung luận giải và đưa ra giải pháp việc mở rộng và thực hành dân chủ XHCN, nâng cao chất lượng dân chủ trong công tác cán bộ, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Với nội dung phong phú, cách tiếp cận đa chiều và gắn với những vấn đề mang tính thời sự, công trình góp phần khẳng định và làm nổi bật mối quan hệ gắn bó bền chặt giữa Đảng và Nhân dân, coi đây là nền tảng sức mạnh và nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Như vậy, các công trình nghiên cứu đã tiếp cận mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân từ nhiều góc độ, khẳng định đây là vấn đề vừa mang tính truyền thống, vừa có ý nghĩa thời sự. Mối quan hệ này được xem là nhân tố quyết định sức mạnh, uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhiều nghiên cứu đã nêu rõ thành tựu, hạn chế và yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo trong thời kỳ hội nhập, chuyển đổi số. Tuy nhiên, vẫn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu về cơ chế, giải pháp cụ thể và tác động của yếu tố mới như mạng xã hội, minh bạch, trách nhiệm giải trình, đòi hỏi cần tiếp tục nghiên cứu toàn diện, cập nhật hơn để củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân.

1.1.2. Những nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân

Cuốn sách *“Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền”* [42] do Trần Đình Huỳnh (Chủ biên) và Phan Hữu Tích (1996) viết, tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, trách nhiệm và phương thức hoạt động của Đảng trong điều kiện cầm quyền. Đặc biệt, chương VI của cuốn sách dành riêng để làm rõ quan điểm: “Trong điều kiện lãnh đạo chính quyền, Đảng càng phải tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt với Nhân dân”. Mặc dù chỉ giới hạn trong một chương, nhưng nội dung được trình bày đã đi sâu phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò trung tâm của Nhân dân trong mọi hoạt động cách mạng, cũng như nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời giữa Đảng và Nhân dân - yếu tố cốt lõi bảo đảm cho sự vững bền của một Đảng cầm quyền. Cuốn sách không chỉ khẳng định vai trò trung tâm của Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn nhấn mạnh trách nhiệm của Đảng trong việc củng cố niềm tin, gắn bó với Nhân dân để bảo đảm sự lãnh đạo hiệu quả và chính đáng, phù hợp với bản chất và sứ mệnh của Đảng trong tiến trình cách mạng.

Tác giả Lê Doãn Tá (2002), với bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và Nhân dân”* [85], đã nhấn mạnh quan điểm của Hồ Chí Minh về

“cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân do Đảng lãnh đạo”. Điều đó đã được chỉ rõ qua tác phẩm *Đường Cách mệnh* hay trong *Cương lĩnh đầu tiên của Đảng* do Người soạn thảo và đồng thời được chứng minh trong hơn 70 năm qua kể từ khi Đảng ra đời đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân ta đã đoàn kết một lòng trải qua các cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ làm nên thắng lợi vẻ vang. Qua đó khẳng định vai trò lãnh đạo, dẫn dắt của Đảng, Người đứng đầu, khởi xướng, chỉ huy, cầm lái con tàu cách mạng cùng Nhân dân đoàn kết đưa con tàu đến bến bờ thắng lợi. Mặt khác, tác giả phân tích các nhân tố giúp Đảng lãnh đạo Nhân dân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình. Qua đó, bài viết đã nêu lên một số chủ trương và công việc cần phải thực thi nhằm củng cố, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Tác giả Phan Văn Trinh (2008), với bài viết “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân*” [103], đã làm rõ khái niệm “dân” và phân tích sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ hai chiều, mang tính biện chứng giữa Đảng và Nhân dân. Theo đó, Đảng có trách nhiệm phục vụ và bảo vệ quyền lợi Nhân dân, trong khi Nhân dân vừa là chủ của đất nước, vừa có trách nhiệm, nghĩa vụ với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Bài viết nhấn mạnh vai trò tổ chức, dẫn dắt của Đảng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên, cầu nối gắn kết và thúc đẩy quần chúng Nhân dân thực hiện sự nghiệp cách mạng, đồng thời khẳng định yêu cầu Đảng phải không ngừng nâng cao trí tuệ, phẩm chất, năng lực và dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Tác giả cũng chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của CTDV hiện nay và đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong thời gian tới.

Tác giả Trần Đình Huỳnh (2010), trong bài viết “*Để giữ vững vai trò lãnh đạo Đảng phải biết lắng nghe và học hỏi quần chúng nhân dân*” [43], đã phân tích sâu sắc quan điểm của Hồ Chí Minh về nền tảng để Đảng giữ vững vai trò lãnh đạo. Theo Người, sức mạnh và uy tín của Đảng bắt nguồn từ mối quan hệ gắn bó mật thiết với Nhân dân. Vì vậy, Đảng phải luôn lắng nghe tiếng nói của quần chúng, coi ý kiến của Nhân dân là cơ sở thực tiễn để hoạch định đường lối, chính sách. Đồng thời, Đảng cần biết học hỏi từ Nhân dân, bởi trong Nhân dân luôn tồn tại trí tuệ, sáng kiến và những kinh nghiệm phong phú được tích lũy trong lao động, sản xuất và đấu tranh. Không chỉ

dừng ở việc lắng nghe và học hỏi, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh rằng Đảng phải thật sự hiểu dân, gần dân, tin dân, đặt lợi ích của Nhân dân lên hàng đầu. Mọi chủ trương, hành động của Đảng đều phải hướng tới mục tiêu phục vụ Nhân dân, bảo vệ quyền lợi, nâng cao đời sống và đem lại hạnh phúc cho Nhân dân. Ngược lại, Nhân dân cũng cần có sự dẫn dắt của Đảng - lực lượng có đủ bản lĩnh, trí tuệ và tầm nhìn để định hướng con đường cách mạng, tổ chức và quy tụ sức mạnh toàn dân tộc. Từ đó, Hồ Chí Minh khẳng định mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và Nhân dân không chỉ là sự gắn bó về tình cảm mà còn là nguyên lý mang tính chỉ đạo, chi phối toàn bộ sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Đây chính là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, trở thành một “chủ thuyết” định hướng cho sự phát triển và thành công của cách mạng nước ta từ đầu thế kỷ XX đến nay.

Hà Thị Thùy Dương (2015), với bài viết “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân*” [18], cho rằng việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân vừa mang ý nghĩa lý luận sâu sắc, vừa có giá trị thực tiễn to lớn. Việc giữ gìn và củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân là một tư tưởng lớn, mang tính xuyên suốt và nhất quán trong toàn bộ di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trở thành kim chỉ nam cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Từ đó, tác giả lý giải vì sao phải củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân: *Thứ nhất*, Đảng lãnh đạo cần có sự ủng hộ, đồng tình và giúp đỡ của Nhân dân; *Thứ hai*, Nhân dân cần có Đảng lãnh đạo thì sự nghiệp cách mạng mới có thể thành công. Mặt khác, bài viết cũng nêu lên những cách thức để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bài viết “*Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản cầm quyền với nhân dân trong Di chúc Hồ Chí Minh và ý nghĩa định hướng*” [34] của tác giả Đoàn Thế Hanh (2020), đã làm rõ những lời căn dặn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân thông qua bản *Di chúc*, trong đó vấn đề lớn nhất và mang tính bao quát nhất chính là trách nhiệm của Đảng cầm quyền đối với Nhân dân. Tác giả đã phân tích vai trò và trách nhiệm của Đảng trong mối quan hệ này, được thể hiện qua ba khía cạnh cốt lõi trong *Di chúc*: Đảng là một Đảng cầm quyền và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, đồng thời là “người đầy tớ thật trung thành” của Nhân dân. Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, bài viết cũng nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân được thể hiện trong *Di chúc* đối với công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay. Đó không chỉ là kim chỉ nam để Đảng tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo, mà còn

là lời nhắc nhở sâu sắc về trách nhiệm của Đảng trong việc củng cố niềm tin, tăng cường sự gắn bó mật thiết với Nhân dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp phát triển đất nước trong thời đại mới.

Trong bài viết *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân và ý nghĩa đối với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay ”* [70], của tác giả Lê Đình Năm (2021), đã hệ thống và phân tích năm nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Những nội dung này không chỉ mang giá trị lý luận sâu sắc mà còn là kim chỉ nam trong thực tiễn xây dựng Đảng hiện nay. Theo Hồ Chí Minh, Nhân dân là gốc của nước, là chủ thể của cách mạng và là người làm nên mọi thắng lợi lịch sử. Dân là chủ đất nước, là người quyết định vận mệnh chính mình. Nhân dân có tiềm lực to lớn, song sức mạnh đó chỉ phát huy khi được giác ngộ, tổ chức và lãnh đạo đúng đắn. Do đó, Đảng phải luôn thấu hiểu, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; phải chăm lo thiết thực đến đời sống mọi mặt của Nhân dân. Và trên hết, Đảng không chỉ là lực lượng lãnh đạo mà còn phải là người đầy tớ trung thành, tận tụy phục vụ lợi ích của Nhân dân. Đây chính là nền tảng tư tưởng xuyên suốt trong đường lối xây dựng, chỉnh đốn Đảng, bảo đảm cho Đảng luôn gắn bó mật thiết với Nhân dân và vững mạnh trong lòng dân. Mặt khác, tác giả đã tập trung làm rõ ý nghĩa sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân đối với công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong bối cảnh hiện nay. Dựa trên những chỉ dẫn quan trọng của Hồ Chí Minh, tác giả đã đề xuất sáu giải pháp trọng tâm, mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc, nhằm tiếp tục hoàn thiện và củng cố Đảng. Các giải pháp này không chỉ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì mối quan hệ mật thiết gắn bó mật thiết với Nhân dân - yếu tố quyết định sự thành công của sự nghiệp cách mạng và phát triển đất nước.

Tác giả Bùi Đình Phong (2022), với bài viết *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ ”* [75], đã khái lược về mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ từ thực tiễn cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng năm 1930 cho đến Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945, Nhân dân trở thành nguồn gốc quyền lực Nhà nước. Với việc trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, tác giả đã làm rõ được vị thế làm chủ của người dân, chỉ rõ vị trí, vai trò của Đảng

và Chính phủ; phê phán những quan niệm sai trái khi chưa nhận thức rõ mối quan hệ giữa Nhân dân với Đảng và Chính phủ. Bài viết khẳng định rằng, trong bối cảnh hiện nay, việc thực hiện cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” không chỉ là sự tiếp nối mà còn là bước phát triển toàn diện và mạnh mẽ trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nhằm thích ứng linh hoạt với những điều kiện và thách thức mới. Ngoài ra, bài viết cũng làm rõ hai mối quan hệ nền tảng khác: *Một là*, giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của Nhân dân; *hai là*, mối liên hệ chặt chẽ, mang tính biện chứng giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân - những chủ thể không thể tách rời trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Sự vận hành hài hòa giữa các mối quan hệ này không chỉ đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng mà còn khẳng định quyền làm chủ của Nhân dân và hiệu quả quản lý của Nhà nước, từ đó tạo ra sức mạnh tổng hợp để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới.

Lý Việt Quang (2023), trong nghiên cứu “Hồ Chí Minh với chuẩn mực đạo đức gắn bó mật thiết với Nhân dân” [82], đã phân tích sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tầm quan trọng tối thượng của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng. Tác giả khẳng định, khác với những tư tưởng trước đây chỉ coi dân như một yếu tố chính trị hay công cụ cai trị, Hồ Chí Minh đề cao Nhân dân như nguồn sức mạnh lớn nhất, là trung tâm và mục tiêu cao nhất của mọi hoạt động cách mạng. Mặt khác, quan điểm “nước lấy dân làm gốc” của Người không phải là một khẩu hiệu, một “nghệ thuật chính trị”, cũng không phải là công cụ, phương tiện để phục vụ lợi ích riêng của Đảng, mà là kim chỉ nam chiến lược, lâu dài, xuyên suốt mọi thời kỳ và là động lực, là mục đích cao nhất của Đảng, Nhà nước, phản ánh bản chất cách mạng vì dân, do dân, của Đảng. Từ nhận thức ấy, Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng tới việc xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết, bền chặt giữa Đảng và Nhân dân. Tuy vậy, trong bối cảnh Đảng cầm quyền, nguy cơ xa rời quần chúng, sa vào chủ nghĩa quan liêu, độc đoán luôn tiềm ẩn, đe dọa làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng. Vì thế, theo Hồ Chí Minh, đấu tranh chống lại những biểu hiện quan liêu không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà còn là yêu cầu mang tính căn cốt để giữ vững niềm tin, sự gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, bảo đảm sự trong sạch và bền vững của bộ máy lãnh đạo.

Trong bài viết “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân*” [2] của tác giả Trần Thị Phúc An (2024), đã khái quát một cách sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò trung tâm của Nhân dân cũng như mối quan hệ biện

chứng giữa ba chủ thể cốt lõi trong hệ thống chính trị: Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Theo tác giả, Nhân dân không chỉ là nền tảng tạo nên tính chính danh và sức mạnh của Đảng và Nhà nước, mà còn là cội nguồn của mọi quyền lực trong xã hội. Mối quan hệ gắn bó, mật thiết giữa Đảng với Nhân dân được xác định là điều kiện tiên quyết bảo đảm sự trường tồn và phát triển bền vững của Đảng trong vai trò cầm quyền. Nhân dân không chỉ là mục tiêu hướng đến của mọi đường lối, chính sách mà còn là chủ thể phản biện, giám sát và thúc đẩy sự đổi mới trong lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Quan điểm này không chỉ khẳng định tính nhân văn, dân chủ sâu sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn mang ý nghĩa định hướng chiến lược đối với việc hoàn thiện thể chế chính trị và tăng cường hiệu lực quản trị quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, bài viết đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc kế thừa, phát triển và cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh thành cơ chế, chính sách phù hợp, nhằm củng cố niềm tin của Nhân dân và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay.

Tỉnh ủy Nghệ An, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2025), *Hội thảo khoa học cấp quốc gia "Chủ tịch Hồ Chí Minh - biểu tượng cao đẹp của ý chí, khát vọng độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân"* [44]. Phát biểu khai mạc và đề dẫn Hội thảo, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng (“Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương”) nhận định: “Là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để Đảng ta thực sự “là đạo đức, là văn minh”; không ngừng vun đắp, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tăng cường bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên”. Với sự tham gia của 90 tham luận do các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đại diện các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương, cùng đội ngũ các nhà hoạt động thực tiễn và các nhà khoa học đã tạo nên một diễn đàn học thuật có chiều sâu và sức lan tỏa lớn. Từ những cách tiếp cận đa dạng, các tham luận đã tập trung phân tích, luận giải và làm sáng tỏ thêm giá trị to lớn trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua đó khẳng định và tôn vinh những cống hiến vĩ đại của Người đối với sự nghiệp giành độc lập dân tộc, đem lại tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Đồng thời, các nghiên cứu cũng làm nổi bật vai trò đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cứu nước và giải phóng dân tộc; khẳng định nhất quán tư tưởng lấy độc lập dân tộc làm nền tảng gắn chặt với mục tiêu tự do, hạnh phúc của Nhân dân; cũng như thể hiện rõ

tầm nhìn chiến lược, sâu rộng của Người trong xây dựng Nhà nước pháp quyền và định hướng phát triển đất nước theo hướng phồn vinh, văn minh.

Các nghiên cứu trên đều đưa ra quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân và thống nhất rằng đó là mối quan hệ gắn bó mật thiết, trong đó Đảng vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của Nhân dân. Các công trình đã làm rõ vai trò nền tảng của niềm tin, sự đồng thuận xã hội và trách nhiệm phục vụ Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

1.1.3. Những nghiên cứu liên quan đến sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân

Cuốn sách của Đàm Văn Thọ và Vũ Hùng (1997) với tiêu đề “*Mối quan hệ giữa Đảng và dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh*” [95], là một công trình nghiên cứu công phu, tập trung phân tích sâu sắc khái niệm “dân” cùng hệ thống các thuật ngữ liên quan, từ đó làm nổi bật sự phát triển trong nhận thức và quan điểm về Nhân dân qua các thời kỳ lịch sử. Trên nền tảng đó, các tác giả tiến hành một khảo cứu toàn diện, làm rõ quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ mật thiết, mang tính biện chứng giữa Đảng và Nhân dân. Tác phẩm không chỉ lý giải vai trò trung tâm, chủ thể của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng mà còn khẳng định: mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân là quy luật tồn tại và phát triển sống còn của Đảng cầm quyền. Qua đó, cuốn sách góp phần soi sáng nền tảng lý luận vững chắc cho công cuộc xây dựng Đảng trong lòng dân, vì dân và do dân. Không chỉ dừng lại ở khía cạnh lý luận, cuốn sách còn chỉ ra những thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến mối quan hệ này trong bối cảnh đương đại, từ đó gợi mở nhiều suy nghĩ về việc củng cố và phát huy vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng hiện nay. Trên nền tảng đó, nhóm tác giả cũng đề xuất một số phương hướng cụ thể nhằm củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Dân, lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng và kim chỉ nam cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Tác phẩm “*Một số vấn đề về xây dựng Đảng trong văn kiện Đại hội X*” (Lê Minh Thông - chủ biên, 2008) [96] là tập hợp những nghiên cứu chuyên sâu của nhiều tác giả, tập trung luận giải về bản chất, vấn đề phát huy dân chủ, cũng như các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Đảng. Trong đó, đáng chú ý là bài viết của Đỗ Xuân Định “*Xây dựng và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*”. Bài viết này không chỉ đi sâu phân tích tư tưởng Hồ Chí

Mình về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, mà còn đặt trong bối cảnh so sánh quốc tế một cách sinh động và thuyết phục. Tác giả đã khai thác kinh nghiệm lịch sử của Trung Hoa và Việt Nam về mối liên hệ giữa nhà cầm quyền với Nhân dân, đồng thời phân tích những bài học giá trị từ Đảng Cộng sản Cuba và Đảng Hành động Nhân dân Singapore trong việc củng cố mối quan hệ mật thiết với quần chúng. Qua đó, bài viết góp phần làm sáng tỏ tính thời sự và sức sống bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc xây dựng Đảng hiện nay. Tác giả chỉ rõ cách thức vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn lãnh đạo hiện nay, đặc biệt là trong việc đấu tranh chống tham nhũng, từ đó nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng và củng cố mối quan hệ vững chắc giữa Đảng và Nhân dân.

Bài viết của Thanh Tuyền (2010) về *“Thực hiện nguyên tắc Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân trong sự nghiệp đổi mới”* [89], đã làm nổi bật quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, đồng thời nhấn mạnh sự quán triệt và vận dụng sáng tạo những tư tưởng này vào thực tiễn lịch sử Việt Nam bởi Hồ Chí Minh và ĐCSVN. Bên cạnh đó, bài viết cũng phân tích sâu sắc các luận điểm của Hồ Chí Minh về vị trí và tầm quan trọng của quần chúng nhân dân trong công cuộc cách mạng. Những luận điểm đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Đảng quán triệt sâu sắc trong mọi tiến trình của cách mạng Việt Nam về xây dựng mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân. Mối quan hệ đó lại được xây dựng trên những nguyên tắc hết sức khoa học và biện chứng mà tác giả đã nêu lên trong bài viết. Tác giả đồng thời phân tích một số ưu điểm và hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc Đảng liên hệ mật thiết với Nhân dân, từ đó đề xuất 6 giải pháp cơ bản, thiết thực nhằm củng cố và phát triển mối quan hệ Đảng - dân trong bối cảnh mới. Những nội dung này góp phần quan trọng để luận án đánh giá thực trạng và xây dựng các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân tại tỉnh Thanh Hóa hiện nay.

Trong bài viết *“Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [69] của tác giả Nguyễn Năng Nam (2010), đã tập trung làm rõ những vấn đề then chốt nhằm củng cố và phát triển mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân một cách hiệu quả, trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Bài viết nhấn mạnh rằng ĐCSVN không có lợi ích nào khác, ngoài việc phục vụ lợi ích của GCCN, Nhân dân và toàn dân tộc. Tác giả cũng khẳng định tầm quan trọng của việc Đảng luôn gần gũi, lắng nghe và học hỏi từ quần chúng, đồng thời giữ vai trò tổ chức và lãnh đạo quần chúng

trong sự nghiệp cách mạng. Bên cạnh việc phân tích lý luận, bài viết còn chỉ ra một cách hệ thống các giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân trong điều kiện hiện nay. Những giải pháp đó bao gồm: kiên định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng; bảo đảm mọi đường lối, chủ trương, chính sách đều xuất phát từ lợi ích thiết thực của Nhân dân; phát huy đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân thông qua cơ chế dân chủ thực chất; đẩy mạnh CTĐV; đồng thời kiên quyết đấu tranh phòng, chống các tệ nạn xã hội, đặc biệt là tham nhũng và quan liêu, nhằm giữ vững sự trong sạch, vững mạnh của Đảng - điều kiện tiên quyết để duy trì niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Trong bài viết *“Làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh Nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong điều kiện hiện nay”* [33], của tác giả Đoàn Thế Hanh (2011), đã khơi sâu một trong những di sản tư tưởng vĩ đại nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh: vai trò tối thượng của Nhân dân và sức mạnh vô song của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây không chỉ là nền tảng vững chắc củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, mà còn là kim chỉ nam cho một chế độ thực sự của dân, do dân và vì dân. Theo tư tưởng của Người, chế độ mà Đảng và Nhân dân chung tay kiến tạo phải là một chế độ dân làm chủ. Trong đó, mọi quyền lực không nằm đâu xa mà đều thuộc về Nhân dân và được Nhân dân trực tiếp thực thi. Để hiện thực hóa tư tưởng đó, tác giả cũng đề xuất định hướng và triển khai đồng bộ các giải pháp để phát huy hiệu quả sức mạnh Nhân dân như: mỗi tập thể, địa phương, đơn vị cần chủ động xây dựng chương trình hành động phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường các hình thức đoàn kết linh hoạt, đa dạng; xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích sự tham gia của Nhân dân; bảo đảm mọi hoạt động hợp tác, triển khai đều dựa trên nguyên tắc dân chủ, tự nguyện, từ cấp cơ sở đến cấp cao hơn. Những nội dung này không chỉ góp phần phát huy nội lực to lớn trong Nhân dân, mà còn tăng cường sự gắn bó giữa Đảng với Nhân dân trong sự nghiệp phát triển đất nước hiện nay.

Nguyễn Tùng Lâm (2012), trong bài viết *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân với sự nghiệp cách mạng ở nước ta hiện nay”* [47], đã nhấn mạnh một trong những trụ cột quan trọng nhất trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh: vai trò trung tâm và quyết định của Nhân dân trong mọi thắng lợi cách mạng. Theo tác giả, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân không chỉ dừng ở sự gắn bó đơn thuần mà là mối quan hệ biện chứng, hai chiều, sống còn đối với sự nghiệp cách

mạng Việt Nam. Bài viết làm rõ năm nội dung lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và củng cố quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, đồng thời chỉ ra những thách thức mới do cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, đặc biệt là tình trạng suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm suy giảm niềm tin của Nhân dân. Từ đó, tác giả đề xuất nhiều giải pháp như kiên định sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm mọi chủ trương, chính sách xuất phát từ lợi ích của Nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường dân vận, phòng chống tiêu cực, giữ vững kỷ luật, pháp luật và đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái.

Tác giả Bùi Đình Phong (2013), với bài viết *“Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền với dân dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”* [73], đã đúc kết một cách sâu sắc rằng mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, mật thiết giữa Đảng và Nhân dân chính là hạt nhân cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền. Đây không là một giá trị vô cùng quý báu, sống còn và là nền tảng vững chắc bảo đảm mọi thành công của cách mạng Việt Nam. Bài viết đồng thời chỉ ra những hạn chế còn tồn tại trong thực tiễn hoạt động của Đảng cầm quyền thời kỳ đổi mới, mà một nguyên nhân quan trọng là sự xa rời quần chúng, chưa thực sự phát huy vai trò và sức mạnh của Nhân dân. Tác giả cảnh báo rằng, nếu những khuyết điểm này không được kịp thời khắc phục, sẽ làm suy giảm lòng tin của Nhân dân, từ đó đe dọa trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng và chế độ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với dân: Đảng phải kiên trì thực hiện đường lối vì dân, dựa vào dân và phục vụ lợi ích chính đáng của Nhân dân; các nghị quyết, chủ trương của Đảng cần phản ánh được ý chí, nguyện vọng và trí tuệ của toàn dân; đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu, cửa quyền trong bộ máy công quyền. Theo tác giả, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng cầm quyền với Nhân dân không chỉ là yêu cầu thường xuyên, mà còn là điều kiện sống còn đối với Đảng và chế độ trong bối cảnh hiện nay.

Bài viết của tác giả Dương Xuân Ngọc (2013), *“Quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong thời kỳ phát triển mới của đất nước”* [71], đã nêu lên các quan niệm của C. Mác, V.I. Lênin và Hồ Chí Minh về Nhân dân. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để nói về Nhân dân nhưng với cách diễn đạt nào thì về bản chất, là tất cả mọi người dân sống trên dải đất Việt Nam chỉ trừ bọn bán nước, hại dân, đi ngược lại với lợi ích quốc gia, dân tộc. Qua đó, vai trò của Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được tác giả làm rõ. Đồng thời, bài viết cũng đã trình bày nội

dung mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân trên cơ sở quan điểm của Lênin và Hồ Chí Minh, tác giả chỉ ra những nội dung có tính mới về mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với dân trong thời phát triển mới của đất nước, thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Từ đó, đề xuất một số công việc cần phải làm tốt nhằm phát huy mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và dân trong thời kỳ mới.

Trong bài viết *“Củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [90] của tác giả Trần Thị Minh Tuyết (2016), đã khẳng định một chân lý cốt lõi của việc tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa Đảng và Nhân dân, theo tinh thần Hồ Chí Minh, là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng hiện nay. Đây không chỉ là một nhiệm vụ cấp bách mà còn là yếu tố sống còn để đảm bảo sự vững mạnh của Đảng trong mọi thời kỳ. Tác giả đã nhấn mạnh quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò trung tâm của Nhân dân và mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân không phải là quan hệ một chiều, mà là một mối quan hệ tương hỗ, tác động qua lại sâu sắc. Ngoài ra, bài viết còn nêu lên cách thức để khơi nguồn sức mạnh gắn kết giữa Đảng và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là: Đảng phải lấy “dân làm gốc”; Đảng phải gần dân, lắng nghe, thấu hiểu dân; cán bộ, đảng viên phải thật sự cầu thị, khiêm tốn học hỏi dân chúng; Đảng phải thành thật trước dân; Đảng phải làm CTDV thật tốt. Để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và dân trong giai đoạn hiện nay, theo tác giả cần chú trọng làm tốt những việc chủ yếu như: Tích cực nâng cao đời sống của Nhân dân; Đảng phải chăm lo xây dựng chính quyền thực sự của dân, do dân, vì dân; mối quan hệ giữa Đảng và dân được thể hiện rõ qua mối quan hệ giữa Đảng với MTTQ và các tổ chức đoàn thể; Đảng phải chú trọng đến CTDV; tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Trong bài viết của tác giả Đỗ Xuân Tuất (2019), về *“Gắn bó mật thiết với Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh - nét đặc sắc trong văn hóa cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam”* [87], đã phân tích một cách sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò và vị trí của Đảng cầm quyền trong mối quan hệ khăng khít với Nhân dân, xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm và sứ mệnh lịch sử của Đảng trước Nhân dân và dân tộc. Đồng thời, tác giả đã làm rõ vai trò trung tâm của Đảng cầm quyền trong thể chế chính trị “tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân” - một thể chế mà Hồ Chí Minh khẳng định là của dân, do dân, vì dân. Vì vậy, tư tưởng “vì dân”, “lấy dân làm gốc” cần được coi là giá trị văn hóa cốt lõi, thấm nhuần trong mọi hoạt động của Đảng cầm quyền. Từ đó, tác giả

nhấn mạnh rằng, để duy trì và củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với Nhân dân, Đảng phải luôn cảnh giác trước nguy cơ quan liêu, xa rời Nhân dân, đồng thời nâng cao ý thức đấu tranh chống lại những âm mưu phá hoại từ các thế lực thù địch.

Cuốn sách của tác giả Yên Ngọc Trung (2021), về *“Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [109] với nội dung phong phú. Tác giả đi sâu nghiên cứu mối quan hệ dân - nước trong lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, với việc phân tích quan điểm “dân là gốc của nước” trong các thời kỳ, từ thời kỳ phong kiến hưng thịnh cho đến từ nửa cuối thế kỷ XIX đến trước khi ĐCSVN ra đời và từ khi Đảng ra đời và lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám thành công. Mặt khác, nghiên cứu Tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, với việc trình bày quan điểm C. Mác, Ph. Ăngghen là những người đặt nền móng, cơ sở khoa học cho mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, còn Lênin là người xác định nội dung, yêu cầu với từng chủ thể đó. Đồng thời phân tích mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó tác giả trình bày tư tưởng Hồ Chí Minh về “dân là gốc của nước”; về Đảng lãnh đạo phục vụ Nhân dân, về Chính phủ là công bộc của dân; về nội dung cấu thành mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước; về vị trí, vai trò của chi bộ cơ sở cấp xã. Qua đó, tác giả vận dụng vào xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh trong giai đoạn hiện nay, chỉ ra thực trạng mối quan hệ đó từ năm 1986 đến nay; đưa ra một số bài học kinh nghiệm về tăng cường mối quan hệ giữa ba nhân tố Đảng, Nhà nước và Nhân dân; đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ đó trong thời kỳ mới.

Các tác giả Đinh Xuân Lý và Trần Phiên (2021) trong bài viết *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân - nhìn từ Đại hội XIII của Đảng”* [52], các tác giả đã nhấn mạnh rằng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là một dạng quan hệ đặc biệt - quan hệ giữa hai chủ thể quyền lực mang tính chất khác nhau nhưng gắn bó mật thiết. Trong đó, Đảng giữ vai trò lãnh đạo, song không mang lợi ích riêng tư, mà toàn tâm toàn ý phụng sự lợi ích của Nhân dân; còn Nhân dân là chủ thể quyền lực tối cao, là nguồn gốc và điểm tựa chính đáng của mọi quyền lực trong xã hội. Chính vì vậy, quan hệ giữa Đảng và Nhân dân mang tính biện chứng sâu sắc, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ, tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau. Việc nhận thức và vận dụng đúng đắn mối quan hệ này theo tư tưởng Hồ Chí Minh,

nhất là trong bối cảnh Đại hội XIII của Đảng đề cao vai trò của Nhân dân trong mọi quyết sách, là yếu tố then chốt để củng cố niềm tin và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt khác, bài viết cũng đã đánh giá thực tiễn về mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân giai đoạn 2016 - 2020 và đặt ra một số vấn đề về xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân cần được nhận thức và giải quyết đúng đắn trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, tác giả đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân hiện nay nhìn từ Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Tác giả Doãn Thị Chín (2021) với bài viết *“Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân hiện nay”* [17], đã tái khẳng định một trong những hạt nhân cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh chính là Nhân dân - cội nguồn sức mạnh vô tận của Đảng. Tác giả làm rõ thêm vai trò kép của Đảng, vừa là người lãnh đạo tiên phong, vừa là “người đầy tớ” trung thành của Nhân dân, thông qua những chỉ dẫn sâu sắc của Hồ Chí Minh về mối quan hệ mật thiết không thể tách rời giữa Đảng và Nhân dân. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào bối cảnh hiện tại, tác giả đã đề xuất một loạt giải pháp thiết thực nhằm củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. Những giải pháp này hướng tới việc biến tư tưởng vĩ đại của Người thành hành động cụ thể, đảm bảo rằng mối liên kết bền chặt giữa Đảng và Nhân dân luôn được duy trì và phát triển, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho sự nghiệp cách mạng. Các giải pháp bao gồm: đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đảm bảo các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước luôn xuất phát từ nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; tăng cường CTĐV để phát huy tinh thần đoàn kết và đồng thuận trong xã hội; đề cao vai trò gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Nguyễn Văn Hùng và Mai Việt Bách (2021) với bài viết *“Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong thời kỳ mới”* [40], đã nhấn mạnh rằng mối quan hệ gắn bó mật thiết với Nhân dân, cũng như việc dựa vào Nhân dân để xây dựng và chỉnh đốn Đảng, là nhiệm vụ mang ý nghĩa sống còn đối với sự trong sạch, vững mạnh của Đảng và chế độ. Đây không chỉ là trách nhiệm riêng của Đảng, mà còn là nghĩa vụ chung của toàn thể Nhân dân. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng phải luôn “lấy dân làm gốc,” phục vụ vì lợi ích của Nhân dân, bởi Nhân dân chính là chỗ dựa bền vững và là nguồn sức mạnh vô hạn của Đảng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc phát huy vai trò của Nhân dân trong công cuộc xây

dựng và chỉnh đốn Đảng vẫn còn nhiều hạn chế. Do đó, cần tiếp tục thấm nhuần và thực hiện sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của Nhân dân, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia tích cực hơn vào quá trình xây dựng Đảng, nhằm đảm bảo Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng niềm tin và kỳ vọng của Nhân dân.

Tác giả Nguyễn Thị Minh Thùy (2022) với bài viết *“Xây dựng, chỉnh đốn Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần gắn kết mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân”* [97], tác giả đã nhấn mạnh rằng việc củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là một nội dung then chốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng Đảng. Theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân không chỉ là một yêu cầu chiến lược lâu dài, mà còn là nguyên lý nền tảng, thể hiện rõ bản chất của Đảng - lực lượng chính trị tiên phong, kiên định mục tiêu cách mạng của GCCN và phụng sự lợi ích của toàn dân tộc. Việc giữ gìn và phát huy mối quan hệ này, do đó, phải gắn liền với quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng về mặt đạo đức, nhằm bảo đảm cho Đảng luôn xứng đáng với vai trò lãnh đạo và niềm tin mà Nhân dân trao gửi. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh rằng để củng cố mối quan hệ này, cần đặt trọng tâm vào việc xây dựng Đảng về đạo đức. Đạo đức của Đảng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, là đạo đức cách mạng - lấy mục tiêu đấu tranh vì độc lập dân tộc và hạnh phúc của Nhân dân làm kim chỉ nam. Đây chính là thước đo và chuẩn mực cho mọi hoạt động của Đảng, đồng thời là nền tảng gắn kết Đảng với Nhân dân. Trên cơ sở đó, bài viết đã tập trung phân tích một số vấn đề trọng yếu cần giải quyết nhằm thực hiện hiệu quả công tác xây dựng Đảng về đạo đức, qua đó thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong bối cảnh hiện nay.

Bài viết của tác giả Bùi Đình Phong (2022), trong bài viết *“Mối quan hệ giữa Nhân dân với Đảng và Chính phủ từ Hồ Chí Minh đến Đại hội XIII của Đảng”* [74], đã chỉ ra mối quan hệ gắn bó hữu cơ giữa Nhân dân với Đảng và Chính phủ, trong đó, Đảng lãnh đạo, cầm quyền nhưng dân là chủ, là gốc. Vì vậy, Đảng, Chính phủ và Nhân dân phải đoàn kết, gắn bó bền chặt. Từ đó, tác giả đã làm rõ hơn về cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” thể hiện sự vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới, in đậm dấu ấn tại Đại hội XIII của Đảng. Tại đây, Đảng đã rút ra bài học kinh nghiệm lý giải mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, nhất là vai trò của Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những bài học mà Đảng nêu lên tại Đại hội lần thứ XIII đã phản ánh đậm nét mối quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân được rút ra từ thực tiễn công cuộc đổi mới.

Tác giả Phạm Tất Thắng (2022), trong bài viết *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh gắn với phát huy sức mạnh, quyền làm chủ của Nhân dân - Giá trị và định hướng vận dụng trong thực tiễn ”* [92], tác giả đã phân tích sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về yêu cầu cấp thiết trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Trọng tâm của tư tưởng này là phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân - nguồn sức mạnh to lớn và là nền tảng chính trị vững chắc cho sự nghiệp cách mạng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, chỉ khi Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh, với đội ngũ cán bộ, đảng viên hội đủ phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” và luôn ý thức là “người đầy tớ trung thành của Nhân dân,” thì mới có thể củng cố được lòng tin, sự ủng hộ và tình cảm gắn bó từ Nhân dân - yếu tố quyết định thành công của mọi chủ trương, chính sách trong thực tiễn. Khi quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy tối đa, sức mạnh của Nhân dân sẽ trở thành động lực to lớn, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và góp phần cùng Đảng tạo nên những thành tựu quan trọng cho đất nước. Dựa trên tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn hiện nay, tác giả đã chỉ ra rằng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị gắn bó chặt chẽ với việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, bám sát các định hướng trong văn kiện Đại hội XIII. Từ việc đánh giá những kết quả đạt được và các hạn chế còn tồn tại, bài viết đã đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, đồng thời phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân, phù hợp với yêu cầu của giai đoạn mới.

Trong bài viết *“ Một số biện pháp nhằm tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân theo quan điểm Hồ Chí Minh ”* [98] của tác giả Nguyễn Thị Minh Thùy (2022), trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh đã tập trung phân tích một cách có hệ thống các giải pháp cốt lõi nhằm củng cố và phát huy mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Bài viết làm rõ năm định hướng trọng yếu: *Thứ nhất*, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc,” luôn quan tâm đến đời sống Nhân dân, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của họ. *Thứ hai*, “mọi đường lối, chủ trương, chính sách cần bắt nguồn từ nguyện vọng thiết thực của Nhân dân, bảo đảm tính hợp lòng dân để tạo sự đồng thuận sâu rộng”. *Thứ ba*, đội ngũ cán bộ, đảng viên cần đề cao tinh thần cầu thị, khiêm tốn, lắng nghe và tiếp thu ý kiến từ quần chúng. *Thứ tư*, “mỗi tổ chức Đảng và từng cán bộ, đảng viên phải là hình mẫu về đạo đức cách mạng, thực hành nghiêm túc các chuẩn mực cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. *Cuối cùng*, CTDV cần được tăng cường cả về nội dung lẫn hình thức,

nhằm đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả và chiều sâu. Trên cơ sở các giải pháp đó, tác giả cũng đề xuất những kiến nghị cụ thể để tiếp tục phát huy mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong bối cảnh hiện nay.

Tác giả Nguyễn Thị Hoài Phương (2024), với bài viết *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong giai đoạn hiện nay”* [78], đã làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Theo đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, quần chúng nhân dân là nền tảng, là chỗ dựa vững chắc của Đảng; chính từ trong phong trào cách mạng của Nhân dân mà Đảng ra đời, được hun đúc và không ngừng lớn mạnh. Để giữ vững vai trò cầm quyền, Đảng phải luôn gắn bó mật thiết với Nhân dân; mỗi cán bộ, đảng viên không chỉ là người lãnh đạo mà còn phải là “người đầy tớ thật trung thành” của Nhân dân - một tư tưởng mang tính chỉ đạo xuyên suốt, thể hiện sâu sắc bản chất vì dân, do dân và gần dân của Đảng ta. Bài viết cũng phân tích sâu sắc rằng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân không chỉ đơn thuần là một nguyên tắc lãnh đạo, mà còn là một trong những tiêu chí cốt lõi xác định tính chính danh và cách mạng của một đảng chân chính. Đây đồng thời là quy luật sống còn, quyết định sự tồn tại, phát triển của ĐCSVN. Từ nền tảng tư tưởng ấy, tác giả đã luận giải rõ việc vận dụng và quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Theo đó, Đảng cần không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực công tác và tinh thần phục vụ Nhân dân của mỗi cán bộ, đảng viên, nhằm củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân một cách bền chặt và hiệu quả hơn trong điều kiện phát triển mới của đất nước.

Trong bài viết *“Mối quan hệ giữa Đảng, Nhân dân với Bác Hồ”* [11], của tác giả Hoàng Chí Bảo (2024), tác giả khẳng định rằng mối quan hệ giữa Đảng, Nhân dân và Chủ tịch Hồ Chí Minh là mối quan hệ thiêng liêng, sâu sắc và đầy cảm xúc - một sợi dây gắn bó bền chặt được hình thành từ buổi đầu Đảng ra đời và không ngừng được vun đắp qua các giai đoạn lịch sử. Bài viết cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân Việt Nam đã làm nên những thắng lợi vĩ đại, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tới cách mạng XHCN. Gần bốn thập kỷ đổi mới đã tiếp tục minh chứng cho bản chất cách mạng, khoa học và GCCN của Đảng. Mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân và với Bác Hồ không chỉ là sự gắn bó chặt chẽ về lý tưởng và hành động mà còn là sự thống nhất trong mục tiêu phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Từ những chỉ dẫn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tác giả nhấn mạnh sự cần thiết phải kiên trì thực hành

đạo đức cách mạng, phát huy dân chủ, tăng cường CTDV và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, nhằm không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ gắn bó bền vững giữa Đảng, Nhân dân và tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

Tác giả Đỗ Xuân Tuất, và Nguyễn Thị Hiền (2024), trong bài viết “*Tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*” [88], đã khẳng định rằng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ mật thiết, gắn bó chặt chẽ và không thể tách rời. Sự xa rời Nhân dân không chỉ làm suy giảm niềm tin của quần chúng mà còn có thể gây tổn thất nghiêm trọng cho sự nghiệp cách mạng và sự tồn vong của Đảng. Trong *Di chúc*, những lời căn dặn về Đảng và Nhân dân thể hiện sâu sắc yêu cầu ĐCSVN phải không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, sức chiến đấu, giữ vững vai trò tiên phong và đặc biệt là tăng cường mối quan hệ gắn bó, mật thiết với Nhân dân, coi đó là nền tảng cho sự lãnh đạo đúng đắn và hiệu quả. Tác giả cũng chỉ ra, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ chính là “chìa khóa vạn năng” giúp Đảng giải quyết mọi khó khăn. Việc xây dựng, củng cố mối quan hệ Đảng - Dân phải đặt trên nền tảng dân chủ thực chất. Để làm được điều đó, Đảng cần quyền cần thường xuyên lắng nghe, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, từ đó điều chỉnh, bổ sung các chủ trương, đường lối, chính sách phù hợp, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích quốc gia và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Tác giả Đỗ Văn Phới (2024), với bài viết “*Củng cố, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*” [79], đã nói lên nhiều điều tâm huyết mà Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn trong *Di chúc*, trong đó có di sản tinh thần vô giá của Người về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; về CTDV, sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Theo đó, Đảng phải trong sạch, vững mạnh, phải “thực hành dân chủ rộng rãi”, “thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình”... Trên cơ sở kế thừa những giá trị cốt lõi của *Di chúc* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn, tác giả vận dụng vào tăng cường và đổi mới CTDV, thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Vì vậy, mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải thấy được trách nhiệm của mình trước Đảng, trước Nhân dân, không ngừng tu dưỡng đạo đức cách mạng, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Bài viết của tác giả Nguyễn Phương An (2024), về “*Quan điểm vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” [1], khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là

tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta. Xuất phát từ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Nhân dân và của Đảng, tác giả đã vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của Người vào tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới. Theo tác giả cần thực hiện tốt các quan điểm sau: quan niệm đúng, hiểu đúng về việc xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân; cần phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân; phải tổng kết công tác xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong gần 40 năm đổi mới, làm cơ sở cho việc vận dụng vào những năm tiếp theo; quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng trong Đại hội XIII và dự thảo văn kiện Đại hội XIV về xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân.

Trong bài viết *“Quán triệt thực hiện quan điểm “dân là gốc” trong giải quyết mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh”* [94], tác giả Hoàng Diệu Thảo (2025), khẳng định: Hồ Chí Minh luôn coi Nhân dân là cội nguồn sức mạnh, động lực và mục tiêu của cách mạng; Đảng, Nhà nước phải chăm lo đời sống, phát huy vai trò chủ thể và sức sáng tạo của Nhân dân. Quan điểm “dân là gốc” trở thành kim chỉ nam để hoàn thiện mối quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân, được Đảng kế thừa, phát triển qua các kỳ Đại hội, đặc biệt từ Đại hội VI đến XIII. Tuy nhiên, trong bối cảnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, vẫn còn nhiều thách thức tác động đến đời sống, tư tưởng và tình cảm Nhân dân, ảnh hưởng tới khối đại đoàn kết toàn dân. Từ đó, tác giả đề xuất giải pháp tiếp tục quán triệt quan điểm “dân là gốc” như nguyên tắc cốt lõi để củng cố mối quan hệ Đảng - Nhà nước - Nhân dân hiện nay.

Các nghiên cứu trên cho thấy, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong công cuộc đổi mới đã góp phần củng cố niềm tin, tăng cường đoàn kết và phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân. Tuy đạt nhiều kết quả, song vẫn còn một số hạn chế trong thực hiện. Điều đó đòi hỏi tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường đối thoại, bảo đảm minh bạch, trách nhiệm và gắn bó chặt chẽ với Nhân dân, đồng thời cần thêm các nghiên cứu sâu hơn để vận dụng phù hợp trong bối cảnh hiện nay.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu có liên quan đến luận án

Với khối lượng tri thức đa dạng và phong phú, các công trình nghiên cứu, được công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế kể trên đã tiếp cận, nghiên cứu mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân từ nhiều góc độ và phương pháp khác nhau, mang

lại những kết quả nghiên cứu quan trọng. Trong đó, có thể khái quát thành những kết quả tiêu biểu sau:

Một là, các công trình nghiên cứu đã đưa ra và phân tích về khái niệm “Nhân dân” trong mối quan hệ với các khái niệm liên quan như: dân tộc, quần chúng nhân dân, GCCN, cũng như các phạm trù lý luận như Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo, Đảng Cộng sản và đặc biệt là ĐCSVN. Nhiều nghiên cứu đã đi sâu luận giải vai trò trung tâm của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, từ đó khẳng định nguyên tắc “lấy dân làm gốc” trong tư tưởng chính trị. Bên cạnh đó, các công trình còn phân tích vai trò và ý nghĩa của CTDV như một phương thức quan trọng để Đảng gắn bó với Nhân dân, tập hợp và phát huy sức mạnh toàn dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, các nghiên cứu cũng làm sáng tỏ mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, trên cơ sở những quan điểm nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò chủ thể của Nhân dân trong lịch sử, cũng như công tác vận động quần chúng.

Hai là, nhiều nghiên cứu đã tập trung xây dựng cơ sở khoa học cho mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, xem đây là một vấn đề có tính nền tảng đối với sự lãnh đạo của ĐCSVN. Các công trình này không chỉ dừng lại ở việc khẳng định tầm quan trọng của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân mà còn đi sâu phân tích những nguyên tắc, quy luật chi phối mối quan hệ này, từ góc độ lý luận đến thực tiễn. Đặc biệt, các tác giả đã luận giải những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng làm rõ những điều kiện cần thiết để đảm bảo sự gắn bó bền vững giữa Đảng và Nhân dân, bao gồm việc xây dựng một tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội, đồng thời tăng cường CTDV để tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Trên cơ sở phân tích bối cảnh chính trị - xã hội hiện nay, nhiều nghiên cứu đã đề xuất các phương thức lãnh đạo nhằm củng cố và tăng cường mối quan hệ Đảng - Nhân dân. Những nghiên cứu này góp phần cung cấp luận cứ khoa học quan trọng để Đảng tiếp tục hoàn thiện công tác lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.

Ba là, một số công trình nghiên cứu đã tiến hành đánh giá thực trạng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên nhiều khía cạnh, từ đó nhận diện rõ những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế. Đồng thời, các công trình cũng đi sâu phân tích nguyên nhân dẫn đến những thành tựu và hạn chế đó, bao gồm cả nguyên nhân khách quan và

chủ quan, từ môi trường chính trị, kinh tế - xã hội đến công tác xây dựng Đảng và sự tham gia của Nhân dân trong đời sống chính trị. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu đã xác định những vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay trong việc củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, đồng thời đề xuất một số phương hướng, giải pháp cụ thể nhằm tăng cường sự gắn kết này trong thời gian tới, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng luôn xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Bốn là, tuy mỗi công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân đều tiếp cận từ những góc độ khác nhau, với phạm vi khác nhau, từ lý luận đến thực tiễn. Mỗi nghiên cứu đề xuất những phương hướng và giải pháp cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong từng bối cảnh. Nhưng điểm chung trong các công trình này là hướng tới mục tiêu quan trọng: củng cố và tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. Điều này không chỉ giúp nâng cao niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng mà còn tạo động lực để thúc đẩy những chuyển biến tích cực trong nhận thức, tư tưởng và hành động. Những chuyển biến này không chỉ giới hạn trong nội bộ Đảng mà còn lan tỏa mạnh mẽ trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là những cán bộ chủ chốt, những người giữ vai trò quan trọng trong việc triển khai chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn đời sống xã hội.

Năm là, một số công trình đã làm nổi bật vai trò nền tảng của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các nghiên cứu này nhấn mạnh rằng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân chính là cội nguồn sức mạnh của cách mạng Việt Nam. Tính gắn bó với Nhân dân không chỉ là bản chất của Đảng mà còn là nguyên tắc sống còn. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phục vụ Nhân dân, và chính điều này làm nên sự gắn bó mật thiết giữa Nhân dân với Đảng - một tổ chức tiên phong của GCCN, dẫn dắt Nhân dân thực hiện những mục tiêu và lý tưởng cao cả.

Như vậy, các công trình nghiên cứu có liên quan đến: “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân hiện nay” đã được các tổ chức, cá nhân tiếp cận, nghiên cứu ở nhiều góc độ, lĩnh vực khác nhau và đã đạt được những kết quả nhất định.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu và đánh giá tổng quan các công trình khoa học đã công bố, có thể nhận thấy rằng mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đề cập đến “mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, song vẫn còn những khoảng trống cần

tiếp tục được nghiên cứu thêm. Đồng thời, các yếu tố tác động đến mối quan hệ này trong bối cảnh hiện nay chưa được phân tích sâu sắc, cụ thể. Đặc biệt, những vấn đề thực sự bức thiết đặt ra trong “mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân” trong giai đoạn hiện nay vẫn chưa được làm rõ. Mặt khác, do mục đích, tính chất, phạm vi và quy mô nghiên cứu khác nhau, nên chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu chuyên sâu và vận dụng cụ thể tư tưởng Hồ Chí Minh để đề xuất các giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân tại tỉnh Thanh Hóa hiện nay. Các công trình chủ yếu mới tập trung vào những quan điểm, quan niệm, tư tưởng mang tính định hướng, hoặc mới chỉ đề cập chung chung đến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong cả nước nói chung mà chưa có đề tài nào đề cập đến tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa nói riêng. Điều này mở ra hướng nghiên cứu cần thiết và ý nghĩa cả về “lý luận lẫn thực tiễn”. Vì vậy, luận án cần tập trung nghiên cứu, làm rõ một số nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, luận án cần hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn một số vấn đề lý luận cốt lõi về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Cụ thể, luận án làm sáng tỏ các khái niệm công cụ liên quan, bao gồm: khái niệm “Đảng Cộng sản Việt Nam”, khái niệm “Nhân dân”, khái niệm “mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân”, khái niệm “tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân” và khái niệm “vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay”. Trên cơ sở xác định rõ nội hàm của từng khái niệm, luận án cần hệ thống hóa một cách đầy đủ, toàn diện nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, trong đó cần phân tích, làm rõ những vấn đề cơ bản như: quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân; về các nội dung cốt lõi và các biện pháp nhằm củng cố và tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. Qua đó, góp phần khẳng định ý nghĩa chiến lược của mối quan hệ này đối với sự nghiệp cách mạng và sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ hai, trên cơ sở nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, luận án khảo sát và đánh giá một thực trạng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong thời gian vừa qua, không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận những thành tựu đã đạt được mà còn phân tích các hạn chế trong quá trình xây dựng và phát huy mối quan hệ này. Cùng với đánh giá thực trạng, luận án cần chỉ ra các nguyên

nhân dẫn đến những thành tựu và hạn chế làm cơ sở đưa ra được những vấn đề cần giải quyết trong kỷ nguyên mới.

Thứ ba, luận án dự báo các nhân tố tác động đến việc tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong kỷ nguyên mới, bao gồm những nhân tố tác động thuận lợi và không thuận lợi. Trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh và thực trạng xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở Thanh Hóa thời gian vừa qua, luận án đề xuất các phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường và phát huy mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong kỷ nguyên mới.

Tiểu kết chương 1

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy, vấn đề nghiên cứu về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả nhất định. Trong đó, những kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân nói chung đã góp phần bổ sung, củng cố thêm lý luận, phương pháp cho việc nghiên cứu mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng vào thực tiễn địa phương, đơn vị hiện nay.

Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã được các học giả trong và ngoài nước đề cập đến dưới nhiều góc độ và lĩnh vực khác nhau. Trong tổng quan tình hình nghiên cứu, nghiên cứu sinh đã tập trung vào những công trình nghiên cứu cơ bản, chủ yếu trên ba khía cạnh: Nghiên cứu “về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân”; nghiên cứu “tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân”; nghiên cứu “sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân”. Các công trình nghiên cứu đều chỉ ra rằng, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ biện chứng, không thể tách rời. Mỗi nhân tố có một vị trí, vai trò khác nhau nhưng đều hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu mới chỉ đề cập đến những mặt, những khía cạnh riêng lẻ có liên quan đến vấn đề nghiên cứu và đang nghiên cứu một cách chung chung, trừu tượng mà chưa đi sâu, tìm tòi, phân tích một cách cụ thể, rõ ràng về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân cũng như sự vận dụng cụ thể vào một địa phương nào đó. Nói cách khác, chưa có công trình nào nghiên cứu độc lập về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Hóa hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Do đó, việc kế thừa, tiếp thu và phát triển sáng tạo những thành quả nghiên cứu đã đạt được để thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án đã đề ra là hết sức quan trọng và cần thiết.

Chương 2

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Khái niệm “Đảng Cộng sản Việt Nam”

ĐCSVN do chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, xuất hiện từ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, chính thức thành lập vào đầu năm 1930. Từ đó đến nay, Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi qua những chặng đường đầy gian khổ và giành được những thắng lợi vẻ vang: Từ trong đấu tranh giành chính quyền, cho đến kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thắng lợi, tiến lên xây dựng CNXH, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới đất nước. Trải qua nhiều lần đổi tên, từ ĐCSVN (02/1930), ĐCS Đông Dương (10/1930), Đảng Lao động Việt Nam (02/1951) và trở lại tên ĐCSVN (12/1976), nhưng bản chất của Đảng vẫn không hề thay đổi. Mục tiêu cao nhất của Đảng là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến tới CNXH và Chủ nghĩa Cộng sản, xóa bỏ tận gốc mọi hình thức áp bức, bóc lột. Theo Hồ Chí Minh, ĐCSVN không chỉ là đội tiên phong của GCCN mà còn là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.

Bản chất GCCN của Đảng thể hiện ở mục tiêu lý tưởng là CNXH và Chủ nghĩa Cộng sản; nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; nguyên tắc tổ chức là tập trung dân chủ; quy luật phát triển dựa trên tự phê bình và phê bình; đồng thời gắn bó mật thiết với Nhân dân, trung thành với chủ nghĩa yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản. ĐCSVN ra đời từ sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước - một sự kết hợp đặc thù của dân tộc thuộc địa nửa phong kiến, nơi GCCN còn nhỏ bé nhưng mang sứ mệnh lịch sử to lớn. Ngay tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (1951), khi thay đổi tên gọi về Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích: “Nhưng về thực chất, nó vẫn là một chính đảng cách mạng của GCCN Việt Nam. Vì nó có đủ những điều kiện cốt yếu của một Đảng như thế: Lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng; lấy dân chủ tập trung là nguyên tắc tổ chức; lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển, v.v.. Một Đảng có những điều kiện cốt yếu về nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức và quy luật phát

triển như trên, thì thực tế là chính Đảng cách mạng kiểu mới của GCCN” [20, tr.160]. Trong sách *Thường thức chính trị* (1953), Người viết: “Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng của toàn dân” [60, tr.276]. Năm 1957, trong một lần nói chuyện ở Trường cán bộ công đoàn, Người nhấn mạnh: “Đảng là đội tiên phong của GCCN, đồng thời cũng là đội tiên phong của dân tộc” [62, tr.477]. Năm 1961, trong bài nói chuyện với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm, Người lại nói: “Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc” [65, tr.275]. Trong tác phẩm *Di chúc*, Người khẳng định: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền”. Với Người, “Đảng cầm quyền” không chỉ là danh xưng chính trị mà là thực quyền, nghĩa là Đảng có quyền lực trong thực tế, Đảng nắm giữ chính quyền, đại diện cho sức mạnh và ý chí của Nhân dân.

Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định: dù tên gọi có thay đổi, Đảng ta trước sau vẫn là chính đảng cách mạng của GCCN Việt Nam, đồng thời là Đảng của Nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đó là sự khẳng định nhất quán về bản chất và sứ mệnh lịch sử của Đảng - một đảng cách mạng kiểu mới, vì giai cấp, vì dân tộc, và vì nhân loại tiến bộ.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách, chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát; bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu” [23, tr.88].

Điều lệ Đảng Cộng sản Việt nam (do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI năm 2011 của Đảng thông qua) đã khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc” [23].

Theo Điều 4 Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam Việt Nam đã chỉ rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của GCCN, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành

lợi ích của GCCN, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. ĐCSVN gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. Các tổ chức của Đảng và đảng viên ĐCSVN hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” [80, tr.10].

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam trong mối quan hệ với Nhân dân theo quan điểm của Hồ Chí Minh như sau: *Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân và của dân tộc Việt Nam; là tổ chức chính trị cách mạng duy nhất nắm quyền lãnh đạo Nhà nước và xã hội, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, lấy mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội làm mục tiêu, lý tưởng, hoạt động dựa trên các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.*

2.1.2. Khái niệm “Nhân dân”

Trong lịch sử phát triển của nhân loại, đã có nhiều khái niệm khác nhau về Nhân dân với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, nhìn chung các khái niệm đều có quan niệm chung: Nhân dân là một tập đoàn người to lớn, có vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội loài người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin quan niệm rằng: “quần chúng nhân dân bao gồm tất cả các giai cấp, tầng lớp, chẳng những là đa số công nhân, mà là đa số những người bị bóc lột” [128, tr.38]. Chủ nghĩa Mác - Lênin phê phán một cách mạnh mẽ, không khoan nhượng những quan điểm và thái độ sai lầm hạ thấp và phủ nhận vai trò quần chúng nhân dân. Vai trò to lớn của quần chúng Nhân dân đã được C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định từ rất sớm, trong tác phẩm *Gia đình thần thánh* (1844): “*Quần chúng là những người đã đưa mọi việc trở lại nề nếp*”. Quần chúng không chỉ là lực lượng trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, mà còn là chủ thể quyết định vận mệnh lịch sử; là lực lượng hiện thực hoá tư tưởng, biến sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất để cải tạo và thúc đẩy sự phát triển của loài người. Lịch sử nhân loại là lịch sử của các phong trào quần chúng, nơi Nhân dân vừa là người viết nên lịch sử, vừa là động lực chính làm nên mọi cuộc đổi thay vĩ đại. Quan điểm đó đặt nền tảng cho tư tưởng nhất quán của chủ nghĩa Mác - Lênin và Hồ Chí Minh về vai trò trung tâm, chủ thể của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng.

Theo cuốn Từ điển Tiếng Việt (2010) đã định nghĩa Nhân dân là “đồng đảo những người dân, thuộc mọi tầng lớp, đang sống trong một khu vực nhất định” [126, tr.913].

Qua đó cho thấy, khái niệm Nhân dân có nghĩa cơ bản nhất, chung nhất là gồm đồng đảo những người lao động sống trong một lãnh thổ nhất định, họ thuộc mọi giai cấp và tầng lớp làm nên nền tảng cho đất nước.

Theo Hiến pháp nước Việt Nam năm 2013 được ghi tại Điều 2, khoản 1: “Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”. Điều đó cho thấy, trong nghĩa chính trị - pháp lý, “Nhân dân” không chỉ là cộng đồng dân cư mà còn là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước trong một quốc gia, là người làm chủ đất nước, mọi quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, HĐND và thông qua các cơ quan khác nhà nước khác của Nhà nước” (Điều 6, Hiến pháp 2013).

Trên cơ sở kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã phát triển, làm phong phú thêm nội hàm của khái niệm Nhân dân. Người quan niệm Nhân dân với nội hàm rất rộng, bao quát và phong phú, phù hợp với đặc điểm, truyền thống văn hóa, lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái và tinh thần hết lòng vì Tổ quốc của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Trong mỗi bối cảnh lịch sử khác nhau, Hồ Chí Minh lại sử dụng những thuật ngữ khác nhau để diễn đạt về Nhân dân. Chẳng hạn, trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Người thường dùng các từ như “người bản xứ”, “người mất nước”, “người cùng khổ”, “người bị bóc lột”... để nói về thân phận của người dân Việt Nam lúc bấy giờ. Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Hồ Chí Minh lại dùng những từ như “dân chúng”, “dân ta”, “quốc dân”, “quần chúng nhân dân”, “Nhân dân”, “đồng bào”... tùy lúc, tùy nơi, tùy bối cảnh, tùy từng quan hệ sao cho thích hợp. Đôi khi, trong các bài nói, bài viết của mình, Hồ Chí Minh thường dùng từ “Dân”, hàm nghĩa giống từ “Nhân dân” vì nó ngắn gọn, quen thuộc với cách nói hàng ngày của người dân Việt Nam.

Mặc dù diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau nhưng về bản chất, Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh đều được hiểu là toàn thể dân tộc Việt Nam, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, giàu, nghèo, quý tiện, không chia tôn giáo, đảng phái, tín ngưỡng, trừ những kẻ phản bội, bán nước hại dân, làm tay sai cho đế quốc, đi ngược lại với lợi ích của quốc gia, dân tộc, với quyền lợi chính đáng của Nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, những người Việt Nam trước đây thuộc giai cấp thống trị, giai cấp bóc lột (dưới chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà) bị lầm đường, lạc lối, nhưng nếu biết hối cải, quay đầu, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, thì vẫn được xem là Nhân dân. Ngược lại, những người Việt có địa vị là Nhân dân, nhưng lại đi theo bọn bán nước hại dân, đi ngược lại quyền lợi, lợi ích của quốc gia dân tộc thì không thuộc Nhân dân.

Trong tác phẩm *Thường thức chính trị* (1953), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu khái niệm về “Nhân dân” như sau:

“*Nhân dân* là bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những phần tử khác yêu nước. Đó là nền tảng của quốc dân. Những bọn phản động chưa đến nỗi bị xử tử, vẫn là *quốc dân*. Nhưng chúng không được ở trong địa vị nhân dân, không được hưởng quyền lợi như nhân dân. Chúng không có quyền tuyển cử, ứng cử; không có quyền tổ chức tuyên truyền, v.v.. Song chúng cần phải làm *tròn nghĩa vụ*, như phục tùng trật tự, tuân theo pháp luật của nhân dân” [60, tr.264].

Quan niệm của Hồ Chí Minh về Nhân dân được thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, Nhân dân là đông đảo những người dân Việt Nam, bao gồm:

Các giai cấp, tầng lớp: Đó là *giai cấp công nhân* (Công); *giai cấp nông dân* (Nông); *tầng lớp trí thức* (Sỹ); *tầng lớp thương nhân* (Thương); *quân nhân* (Binh). Bên cạnh các tầng lớp, giai cấp lao động, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh rằng trong chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, “mọi người yêu nước” đều được coi là thành phần của Nhân dân. Trong đó có các nhân sỹ yêu nước - những trí thức có uy tín như cụ Huỳnh Thúc Kháng, Bùi Bằng Đoàn, Trịnh Đình Thảo - và các thân sỹ yêu nước, tức những người có học vấn, xuất thân từ tầng lớp trên của xã hội cũ như cụ Phan Kế Toại. Tất cả công dân Việt Nam khi đã thuộc về hàng ngũ Nhân dân đều được hưởng đầy đủ các quyền lợi mà pháp luật của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quy định. Các giai cấp, tầng lớp này luôn đoàn kết, gắn bó với nhau và là “nền tảng của quốc dân”.

Các dân tộc: bao gồm các dân tộc đa số và thiểu số, dù họ là “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau” [56, tr.249].

Các tôn giáo: Trong *Thư gửi đồng bào công giáo*, ngày 14/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nay toàn quốc đồng bào ta đã không chia giai cấp, không chia

tra gái, không chia tôn giáo mà đoàn kết chặt chẽ thành một khối” [56, tr.55], tức là các đồng bào theo tôn giáo họ cũng là Nhân dân, cho nên dù họ bên lương hay giáo cũng phải “thương yêu nhau như anh em một nhà”, “Phải đoàn kết chặt chẽ giữa đồng bào lương và đồng bào các tôn giáo, cùng nhau xây dựng đời sống hòa thuận ấm no, xây dựng Tổ quốc” [65, tr.454].

Các đảng phái: Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc” [56, tr.534]. Tất cả các đảng phái đều là người dân Việt Nam và vì vậy họ đều phải đứng lên đánh giặc cứu Tổ quốc.

Thứ hai, là những người có cùng chung lợi ích, cùng chung lý tưởng, mục tiêu vì độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của Nhân dân.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, những người có cùng chung lợi ích, cùng chung lý tưởng, mục tiêu vì độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của Nhân dân thì họ đều được xem là Nhân dân. Họ là những người cùng sinh sống trong một cộng đồng, quốc gia, một lãnh thổ thống nhất (trong nước) và những người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài nhưng họ luôn hướng về Tổ quốc, luôn vì lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Thứ ba, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm “Nhân dân” không chỉ được xác định dựa vào nguồn gốc giai cấp, mà còn dựa trên thái độ và hành động thực tế của mỗi người. Những ai từng thuộc giai cấp thống trị, bóc lột hay từng có hành vi bán nước, nếu trong chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa biết chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân thì vẫn được công nhận là thành phần của Nhân dân. Ngược lại, ngay cả những người vốn ở địa vị Nhân dân, nhưng lại vì lợi ích riêng mà đi ngược lại lợi ích dân tộc, phản bội Tổ quốc, thì cũng không còn được xem là Nhân dân nữa. Trường hợp Nguyễn Vĩnh Thụy (Bảo Đại) là minh chứng rõ ràng: sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông trao ấn kiếm cho cách mạng, cam kết trung thành với đất nước và được mời làm Cố vấn tối cao của Chính phủ lâm thời, nên được coi là Nhân dân. Tuy nhiên, sau đó ông quay lại bắt tay với thực dân Pháp, phản bội lợi ích dân tộc, thì ông đã tự đánh mất vị trí của mình trong hàng ngũ Nhân dân.

Khái niệm Nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành cơ sở của tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là tiền đề

cho mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, là nguồn nội lực quan trọng nhất giúp đất nước vượt qua những khó khăn, thử thách trong lịch sử dân tộc.

Quan điểm về Nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được ĐCSVN kế thừa và phát triển. Trong giai đoạn hiện nay, nội hàm khái niệm “Nhân dân” được mở rộng, bao gồm toàn thể cộng đồng các dân tộc Việt Nam - 54 dân tộc anh em cùng sinh sống trên dải đất hình chữ S, không phân biệt đa số hay thiểu số, cũng như một bộ phận người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài. Trên nền tảng liên minh công - nông - trí thức, Đảng ta xác định đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam. Đây không chỉ là nguồn sức mạnh to lớn, vô tận, mà còn là mục tiêu, động lực chủ yếu và là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng.

Như vậy có thể hiểu, *Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đông đảo người dân Việt Nam, thuộc mọi giai cấp, tầng lớp, các dân tộc (đa số và thiểu số), các tôn giáo... đang sinh sống ở trong nước và ở nước ngoài có cùng chung lợi ích, cùng chung lý tưởng, thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng trong từng điều kiện lịch sử, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

2.1.3. Khái niệm “Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân”

“Mối quan hệ” được hiểu là sự tác động qua lại giữa hai hay nhiều chủ thể có liên quan, phản ánh sự gắn kết, ảnh hưởng lẫn nhau trong một chỉnh thể thống nhất. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, khái niệm này được giới hạn trong mối liên hệ qua lại giữa hai lực lượng trọng yếu trong hệ thống chính trị là Đảng và Nhân dân.

Theo quan điểm của phép biện chứng duy vật, “mối quan hệ” không chỉ là sự liên hệ đơn thuần, mà là quá trình ràng buộc, quy định, tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng, hay giữa các yếu tố bên trong một hiện tượng - phản ánh bản chất vận động, phát triển của thế giới khách quan.

Trên cơ sở kế thừa những quan điểm của C.Mác - Ph.Ăngghen, Lênin đã làm rõ hơn về vai trò của từng nhân tố. Quần chúng nhân dân là lực lượng quyết định sự phát triển của lịch sử, còn Đảng là tổ chức tự nguyện đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng Nhân dân khỏi ách áp bức, bóc lột; đảng viên là “một danh hiệu vinh dự và đầy trách nhiệm” [130, tr.288]. Đảng là con đẻ của Nhân dân, có xuất thân từ Nhân dân nên những đảng viên của Đảng phải thực hiện việc củng cố, tăng cường và giữ gìn mối liên hệ mật thiết với Nhân dân. V.I.Lênin cho rằng: “chính công tác đó, được biểu lộ và

thực hiện... sẽ góp phần củng cố hoàn toàn lòng quý mến và yêu thương của nông dân đối với nhà nước vô sản. Công tác đó và chỉ có công tác đó - mới làm cho nông dân hoàn toàn tin chắc rằng chúng ta đúng, chủ nghĩa cộng sản đúng, nó làm cho nông dân trở thành bạn đồng minh vĩnh viễn của chúng ta” [131, tr.33].

Lênin đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa Đảng Cộng sản và quần chúng nhân dân, coi đây là nguyên tắc nền tảng, không thể thay đổi trong quá trình hình thành một chính đảng kiểu mới của GCCN. Theo Người, một đảng chân chính chỉ có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình khi biết dựa vào quần chúng, gắn bó mật thiết với họ và thực sự trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào cách mạng. Đồng thời, Lênin nhiều lần cảnh báo nguy cơ xa rời Nhân dân ở một đảng cầm quyền, bởi nếu đánh mất mối liên hệ với quần chúng, đó sẽ là hiểm họa to lớn và nguy hiểm nhất đối với sự tồn vong của Đảng.

Mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân chính là cội nguồn sức mạnh của Đảng, của dân tộc, là yếu tố quan trọng giúp cho Đảng giữ vững được vai trò lãnh đạo của mình. Trong tác phẩm *Một bước tiến, hai bước lùi*, V.I.Lênin viết: “Chừng nào mà người vô sản còn là một cá nhân tách biệt, thì họ chẳng có nghĩa gì cả” [129, tr.11]. Từ thực tiễn lịch sử nhân loại, V.I.Lênin đi đến khẳng định: “Chúng ta có thể rút ra kết luận quan trọng nhất đối với chúng ta, kết luận mà chúng ta phải lấy làm kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của mình, tức là: xét về mặt lịch sử, giai cấp nào lãnh đạo được quần chúng nhân dân thì giai cấp đó sẽ chiến thắng” [131, tr.395].

Theo Điều lệ Đảng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9 năm 1960), đã xác định:

“Mục đích của Đảng không có gì khác là phục vụ lợi ích của GCCN và của quần chúng nhân dân và vì cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân do Đảng lãnh đạo, cho nên Đảng và mỗi đảng viên phải quan tâm đến đời sống của quần chúng, phải học hỏi quần chúng, liên hệ chặt chẽ với quần chúng, hòa mình với quần chúng, tin và dựa vào quần chúng, không thể cô độc, tách rời khỏi quần chúng. Đảng phải mau lẹ và thường xuyên thu thập những nguyện vọng, ý kiến và kinh nghiệm của quần chúng để đề ra chủ trương, chính sách đúng đắn và phát động quần chúng ra sức thực hiện” [21, tr.780-781].

Trong cuốn sách của Ban Dân vận Trung ương do Nguyễn Thế Trung chủ biên đã đưa ra khái niệm về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân như sau: “Mối quan

hệ giữa Đảng và Nhân dân là quan hệ giữa đội tiên phong lãnh đạo với đông đảo nhân dân đứng lên làm cách mạng giành độc lập, tự do và xây dựng CNXH. Ở mỗi giai đoạn của cách mạng, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân được biểu hiện cụ thể, mang nội dung và đặc thù riêng” [10, tr.8-9].

Qua đó cho thấy, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ giữa người lãnh đạo và người làm chủ đất nước - hai chủ thể quyền lực có vai trò và vị trí khác nhau nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau. Theo quan điểm của tác giả Đinh Xuân Lý: “Trong quan hệ với Nhân dân, Đảng với tư cách lãnh đạo, nhưng Đảng không có mục đích tự thân, Đảng không có lợi ích nào khác ngoài phấn đấu cho lợi ích của Nhân dân. Do đó, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhân dân là nhằm thực hiện những công việc của chính bản thân quần chúng nhân dân, là “lấy tài dân, sức dân để làm những công việc có lợi cho dân”. Sự lãnh đạo của Đảng hướng tới đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân” [51, tr.31]. Sự lãnh đạo đó không nhằm áp đặt mà nhằm tổ chức, dẫn dắt Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong mối quan hệ này, Nhân dân là lực lượng vật chất to lớn, là chủ thể quyền lực tối cao, là nền tảng tạo nên sức mạnh và tính chính danh của sự lãnh đạo mà Đảng đảm nhận. Không có Nhân dân, Đảng sẽ mất đi điểm tựa, mất đi nguồn lực và không thể thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Quyền làm chủ của Nhân dân và vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng có mối quan hệ tương hỗ, tác động lẫn nhau: quyền làm chủ của Nhân dân càng được phát huy thì vị thế và uy tín lãnh đạo của Đảng càng được củng cố. Niềm tin của Nhân dân chính là thước đo khách quan nhất về hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Chính vì vậy, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, sự đồng thuận và ủng hộ của Nhân dân là yếu tố sống còn, quyết định sự vững mạnh, sự trường tồn và tính chính đáng trong vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Qua nghiên cứu, có thể đưa ra khái niệm: *Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại giữa Đảng Cộng sản Việt Nam - lực lượng lãnh đạo đất nước, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam với đông đảo quần chúng Nhân dân - lực lượng tham gia cách mạng, chủ thể của mọi quyền lực, thuộc các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo... nhằm thực hiện mục tiêu chung là độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa.*

Phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, đã trở thành tôn chỉ, mục đích hoạt động của Đảng. Mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng sẽ đi vào lòng dân, được Nhân dân ủng hộ, hưởng ứng và tự giác thực hiện, vai trò lãnh đạo của Đảng qua đó được phát huy. Do đó, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân được hình thành là do đòi hỏi khách quan của sự nghiệp cách mạng mang lại và phải ngày càng được bồi đắp bền chặt.

2.1.4. Khái niệm “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ”

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là một trong những tư tưởng đặc sắc, quan trọng, xuyên suốt và quyết định thắng lợi sự nghiệp cách mạng nước ta. Hồ Chí Minh đưa ra những quan điểm sâu sắc và phong phú về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Người cho rằng, Đảng cầm quyền nhưng Nhân dân là chủ và làm chủ. Đảng cầm quyền, lãnh đạo thông qua việc đề ra những chủ trương, chính sách và tuyên truyền, vận động, hướng dẫn Nhân dân thực hiện, qua đó xác định vai trò lãnh đạo của Đảng. Nguyên vọng và ý chí của Nhân dân phải được định hướng và tuân theo sự lãnh đạo của Đảng, mới đạt được kết quả trong thực tiễn xã hội, nghĩa là Nhân dân cần có Đảng lãnh đạo để thực hiện được vai trò làm chủ của mình.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng nhất thiết phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng thì Đảng mới hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình và sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo mới giành được thắng lợi. Người nhấn mạnh: “Vì vậy, cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng, cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại” [57, tr.326], ngược lại “Nếu không vậy, thì chẳng những không lãnh đạo được dân chúng mà cũng không học được dân chúng” [57, tr.289]. Thông qua hoạt động thực tiễn từ trong phong trào quần chúng, người đảng viên mới có điều kiện bộc lộ khả năng, bản lĩnh, tính tiên phong, gương mẫu và năng lực lãnh đạo của người đảng viên. Đó cũng là một trong 6 “Tiêu chuẩn đảng viên Đảng Lao động Việt Nam” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy:

“Phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Nghĩa là: phải toàn tâm toàn lực phụng sự quần chúng; luôn luôn nghe ngóng những yêu cầu và ý kiến của quần chúng và báo cáo cho Đảng rõ; phải tuyên truyền giải thích cho quần chúng rõ chính sách và nghị quyết của Đảng, làm cho quần chúng nhận chính sách và nghị quyết ấy là của họ, để quần chúng vui vẻ và ra sức thi hành; phải phụ

trách trước quần chúng; phải tin tưởng vào lực lượng và sáng kiến của quần chúng; phải học hỏi quần chúng; phải đi đúng đường lối quần chúng để lãnh đạo quần chúng” [60, tr.283].

Mặt khác, mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân là mối quan hệ hài hòa về lợi ích. Lợi ích của Đảng, thống nhất với lợi ích của các tầng lớp Nhân dân, của cả dân tộc Việt Nam. Cho nên, mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng phải nhằm mục đích là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Đây là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh, coi Nhân dân là động lực, là mục đích của cách mạng. Sự nghiệp cách mạng thành công hay thất bại đều do Nhân dân. Bởi vậy, phải “Ra sức phụng sự nhân dân, củng cố mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, kịp thời cho Đảng biết những nhu cầu của nhân dân, giải thích cho nhân dân thấm nhuần và thực hiện chính sách của Đảng” [60, tr.284-285]. Mặt khác, mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh còn thể hiện ở lòng tin của Đảng vào sức mạnh của Nhân dân và ở niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Bởi theo Người, sức mạnh của Nhân dân chính là ở khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chỉ có đoàn kết, tập hợp được đông đảo lực lượng của quần chúng Nhân dân mới tạo nên một sức mạnh tổng hợp và chỉ khi Nhân dân tin tưởng vào Đảng, ủng hộ, giúp đỡ Đảng thì mới có thể cùng nhau làm nên thắng lợi.

Từ cách tiếp cận này, có thể rút ra khái niệm: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là hệ thống các quan điểm toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò, nội dung và biện pháp xây dựng, củng cố, tăng cường mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại giữa Đảng Cộng sản Việt Nam - lực lượng lãnh đạo cách mạng, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam với đông đảo quần chúng Nhân dân - lực lượng tham gia cách mạng, chủ thể của mọi quyền lực, thuộc các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo... nhằm thực hiện mục tiêu chung là độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa.*

Đảng phải dựa vào Nhân dân, phải vì lợi ích chính đáng của Nhân dân, phải tin dân, yêu dân, không được xa rời dân. Đáp lại điều đó, Nhân dân cũng phải tin Đảng, ủng hộ, bảo vệ, giúp đỡ Đảng. Đảng tiếp thu trí tuệ của Nhân dân để đề ra những chủ trương, đường lối, chính sách và tuyên truyền, vận động, hướng dẫn Nhân dân thực hiện, qua đó xác định vai trò lãnh đạo xã hội của Đảng; đồng thời dựa vào sự kiểm tra,

giám sát của Nhân dân mà Đảng tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất, nhân cách đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cũng xuất phát từ tầm quan trọng của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh mà suốt chiều dài lịch sử dân tộc, Đảng và Nhân dân ta đã không ngừng củng cố, vun đắp cho mối quan hệ này ngày càng vững bền hơn.

2.1.5. Khái niệm “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa”

Vận dụng là mang những tri thức đã được khẳng định, xác minh tính hợp lý, đúng đắn, được khái quát thành hệ thống quan điểm lý luận và đem áp dụng vào thực tiễn cuộc sống.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn cho rằng: “Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính” [57, tr.273]. Người cũng nhấn mạnh thêm “*Lý luận* là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử” [63, tr.96]. Trong đó, nghiên cứu lý luận là quá trình đi sâu tìm tòi, phân tích, nắm bắt cái tất yếu, bản chất, quy luật của các sự vật, hiện tượng từ đó vận dụng vào giải quyết, xử lý các tình huống diễn ra trong thực tiễn, Người nói “Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận” [57, tr.275]. Bởi vậy theo Hồ Chí Minh, “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế” [57, tr.273]. Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng, phát triển mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, làm cho mối quan hệ ngày càng bền chặt, góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng.

Từ những hiểu biết trên, có thể hiểu: *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa là tổng thể các hoạt động của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhằm nhận thức, quán triệt, vận dụng sáng tạo các quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò, nội dung, biện pháp tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, tạo ra sức mạnh to lớn, hoàn thành những nhiệm vụ của địa phương trong tình hình mới, phát huy vai trò trong xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, vì nhu cầu và lợi ích chính đáng của Nhân dân.*

Từ khái niệm nêu trên, chúng ta có thể hiểu nội dung của khái niệm bao gồm:

Chủ thể của sự vận dụng: ở đây chính là Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Điều này có nghĩa là không chỉ tổ chức Đảng các cấp mà cả Nhân dân trong tỉnh đều tham gia vào quá trình hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nội dung vận dụng: bao gồm việc nhận thức đúng đắn, quán triệt sâu sắc, và áp dụng linh hoạt, sáng tạo những quan điểm của Hồ Chí Minh. Các quan điểm ấy tập trung vào: vai trò của Nhân dân, trách nhiệm của Đảng với Nhân dân, phương thức và biện pháp củng cố, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân.

Mục tiêu, ý nghĩa: việc vận dụng này nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp tỉnh Thanh Hóa hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong bối cảnh mới. Đồng thời, nó góp phần phát huy vai trò của địa phương trong sự nghiệp chung của cả nước về xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và thúc đẩy phát triển.

Giá trị nhân văn: tất cả đều hướng đến việc đáp ứng nhu cầu và bảo đảm lợi ích chính đáng của Nhân dân - yếu tố mà Hồ Chí Minh coi là trung tâm, mục tiêu cao nhất của mọi hoạt động cách mạng.

Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là nền tảng tư tưởng vững chắc, kim chỉ nam soi đường cho Đảng ta hoạch định và triển khai những đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn lịch sử. Tư tưởng đó không chỉ định hướng mà còn truyền cảm hứng, tạo niềm tin cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, đưa đất nước ngày càng phát triển, hội nhập và khẳng định vị thế trên trường quốc tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới với nhiều vấn đề phức tạp, chưa từng có tiền lệ - nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế sâu rộng - thực tiễn cách mạng đặt ra không ít yêu cầu và thách thức mà Hồ Chí Minh chưa có điều kiện trực tiếp đề cập đến. Do đó, việc vận dụng tư tưởng của Người, đặc biệt là về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, cần được thực hiện một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn thời đại; vừa bảo đảm giữ gìn giá trị cốt lõi, vừa không ngừng cập nhật, bổ sung để đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN

2.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân

2.2.1.1. Vị trí, vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng

Nhân dân có vai trò vô cùng to lớn, là nhân tố quan trọng, quyết định sự phát triển của quốc gia, dân tộc, sự thành bại của cách mạng và là chỗ dựa vững chắc, là

động lực thúc đẩy sự phát triển của tiến trình lịch sử. Vai trò và sức mạnh to lớn của Nhân dân đã sớm được ông cha ta nhiều lần khẳng định trong lịch sử, như tư tưởng “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ, bền gốc, đó là thượng sách giữ nước muôn đời vậy” của Trần Quốc Tuấn; tư tưởng “Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân, thuận lòng dân thì sống, nghịch lòng dân thì chết” của Nguyễn Trãi...

V.I.Lênin cho rằng, Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp vô sản nhưng Đảng Cộng sản cũng chỉ là một bộ phận nhỏ của giai cấp vô sản và giai cấp vô sản lại cũng chỉ là một bộ phận nhỏ trong quần chúng nhân dân. Do đó, Nhân dân mới là lực lượng chính và đông đảo nhất trong xã hội, là nguồn sức mạnh vô địch và vô tận mà không một kẻ thù nào có thể khuất phục.

Trên cơ sở kế thừa, nghiên cứu, phát triển, đúc kết những tư tưởng, quan điểm của ông cha, cũng như vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò to lớn của Nhân dân được thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, Nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “Nhân dân” không phải là một khái niệm trừu tượng, chung chung mà là một thực thể sinh động, cụ thể - những người đã làm nên lịch sử, đại diện cho mọi lực lượng trong xã hội. Đó là công nhân, nông dân, trí thức, tiểu thương, điền chủ nhỏ, bộ đội, công an, phụ nữ, người già, thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên, đồng bào các dân tộc thiểu số, các tín đồ tôn giáo và cả kiều bào đang sinh sống ở nước ngoài. Theo Hồ Chí Minh: “Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân” [62, tr.453]. Chính sức mạnh ấy đã hun đúc nên những chiến công lẫy lừng trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc: từ kháng chiến chống ngoại xâm giành độc lập, đến công cuộc bảo vệ và dựng xây đất nước trong thời bình. Khi Tổ quốc lâm nguy, Nhân dân cùng chung một kẻ thù, một chí hướng - đứng lên đánh giặc, giữ nước. Khi hòa bình lập lại, Nhân dân tiếp tục gánh vác sứ mệnh xây dựng đất nước giàu mạnh, bảo vệ nền độc lập, tự do và làm rạng danh non sông gấm vóc.

Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lênin đều khẳng định rằng: Nhân dân chính là lực lượng sản xuất cơ bản nhất, là chủ thể sáng tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần nuôi dưỡng xã hội. Mọi lý tưởng cách mạng - từ giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp đến giải phóng con người - nếu không được Nhân dân tổ chức thực hiện bằng

hành động thực tiễn thì sẽ chỉ dừng lại ở những khẩu hiệu. Như C. Mác đã chỉ rõ: “Xét đến cùng thì lực lượng sản xuất là cái quyết định mọi sự biến đổi lịch sử”, và chính Nhân dân - với trí tuệ, lao động, và tinh thần đấu tranh kiên cường - là lực lượng cốt lõi tạo nên mọi chuyển biến cách mạng sâu sắc trong lịch sử loài người.

Thứ hai, Nhân dân là lực lượng chủ yếu và đóng vai trò quyết định mọi thắng lợi của cách mạng

Từ ngàn xưa, tư tưởng “*Dân là gốc của nước, nước lấy dân làm gốc*” đã trở thành chân lý bất biến và kim chỉ nam hành động của các bậc minh quân, hiền triết. Kế thừa những giá trị nhân văn sâu sắc trong truyền thống dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa tư tưởng tiến bộ của thời đại, Hồ Chí Minh không chỉ gìn giữ mà còn phát triển tư tưởng ấy lên một tầm cao mới - mang đậm bản chất cách mạng, dân chủ và hiện đại. Người không xem Nhân dân như một đối tượng bị lãnh đạo, mà là chủ thể của cách mạng, là nguồn sức mạnh vĩ đại, quyết định sự thành bại của sự nghiệp cách mạng. Người thực sự trọng dân, tin dân, gần dân, hiểu dân; biết khơi dậy và phát huy sức mạnh to lớn trong mỗi người dân; và trên hết, suốt đời tận tụy, hy sinh vì hạnh phúc của Nhân dân. Với Hồ Chí Minh, phụng sự Nhân dân không chỉ là mục tiêu cao nhất mà còn là đạo lý cốt lõi của người cách mạng chân chính.

Theo Người, trong mỗi người dân Việt Nam đều có phẩm chất cao quý nhất là lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần đoàn kết dân tộc. Người khẳng định: “Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên” [57, tr.333]; “dân rất thông minh” [60, tr.101], biết “giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra” [57, tr.335]. Nhận thức sâu sắc về tư tưởng “Nước lấy dân làm gốc”, Hồ Chí Minh đã đúc kết: “Gốc có vững, cây mới bền. Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” [57, tr.502].

Lịch sử dân tộc ta luôn gắn liền với các cuộc chiến tranh xâm lược, đối mặt với nhiều kẻ thù mạnh hơn gấp bội. Trong cuộc chiến chống lại ách đô hộ từ các thế lực ngoại bang đó, Nhân dân là lực lượng chủ yếu, nòng cốt, có vai trò quyết định thắng lợi. Nếu không có lực lượng to lớn của Nhân dân tham gia tạo nên một sức mạnh khổng lồ thì không thể nào đè bẹp được các thế lực ngoại bang.

Thứ ba, Nhân dân là chủ và làm chủ trong chế độ xã hội mới

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là nhân dân làm chủ” [65, tr.83]. Người cũng nhấn mạnh vị thế làm chủ của Nhân dân:

“Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ” [58, tr.434]. Theo Người, ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mọi quyền hành và lực lượng đều là của Nhân dân, xuất phát từ Nhân dân.

Vị thế làm chủ của Nhân dân còn thể hiện ở quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người làm chủ đối với đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [58, tr.232].

Dân là chủ, song để dân trở thành người chủ đích thực, đòi hỏi dân phải biết làm chủ, tức dân phải biết mình có những quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ gì đối với đất nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chế độ của ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, nhân dân lại có nhiệm vụ giúp đỡ Chính phủ, theo đúng kỷ luật của Chính phủ và làm đúng chính sách của Chính phủ, để Chính phủ làm tròn phận sự mà nhân dân đã giao phó cho” [61, tr.90].

Thứ tư, Nhân dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng và hệ thống chính trị

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhân dân giữ vai trò trung tâm, là chủ thể của cách mạng, là gốc của nước. Người luôn nhất quán quan điểm: “Nước lấy dân làm gốc” - tức là mọi hoạt động của Đảng, của nhà nước, của hệ thống chính trị đều phải xuất phát từ lợi ích của Nhân dân, dựa vào Nhân dân và vì Nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [62, tr.453], hay “Để mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong” [67, tr.280]. Nhân dân không chỉ là đối tượng phục vụ của hệ thống chính trị, mà chính là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, là lực lượng quyết định thành bại của cách mạng.

Từ đó, Người xác định “Đảng muốn tồn tại, phát triển, giữ vững vai trò lãnh đạo thì phải dựa vào Nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân”. Bởi, Đảng không phải là một tổ chức siêu hình đứng trên Nhân dân, mà là “đội tiên phong của GCCN, đồng thời là của cả dân tộc”. Nếu Đảng không bám sát đời sống, nguyện vọng của Nhân dân thì Đảng sẽ mất chỗ dựa, mất sức mạnh và suy yếu. Không có sự ủng hộ, tin tưởng và

tham gia của Nhân dân thì Đảng không thể thực hiện vai trò lãnh đạo cách mạng của mình. Do đó, mọi chủ trương, chính sách của Đảng chỉ thực sự đi vào cuộc sống khi được Nhân dân tiếp nhận, thực hiện và giám sát. Nhân dân là lực lượng triển khai thực tế và kiểm nghiệm tính đúng đắn của đường lối cách mạng.

Mặt khác, trong tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm nhất quán của Đảng ta, Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, là nền tảng của mọi thiết chế chính trị từ trung ương đến địa phương. Toàn bộ hệ thống chính trị - gồm Đảng, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội - đều ra đời từ nhu cầu, lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, vì Nhân dân mà tồn tại và phát triển. Sự tham gia chủ động của Nhân dân vào đời sống chính trị - xã hội là yếu tố cốt lõi bảo đảm cho hệ thống chính trị hoạt động hiệu quả, minh bạch và vững mạnh. Nhân dân không chỉ bầu cử, giám sát mà còn trực tiếp tham gia quản lý xã hội, xây dựng và thực hiện chính sách. Lòng tin và sự đồng thuận của Nhân dân là nền tảng vững chắc cho ổn định chính trị và sức mạnh quốc gia.

Bởi vậy, sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Công cuộc đổi mới chỉ thành công khi có sự chung sức của toàn dân. Nhân dân vừa là người làm chủ, vừa là người thực hiện quyền làm chủ, đồng thời gánh vác trách nhiệm công dân. Khi quyền và trách nhiệm gắn bó chặt chẽ, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân càng bền vững, trở thành nguồn lực quyết định cho mọi thắng lợi của cách mạng.

2.2.1.2. Vị trí, vai trò của Đảng trong sự nghiệp cách mạng

Đảng Cộng sản Việt Nam - chính đảng của GCCN Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của quá trình chuẩn bị đầy đủ về chính trị, tư tưởng và tổ chức của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. ĐCSVN là lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam, được xác định trong Hiến pháp và được Nhân dân ta tin tưởng, ủng hộ. Đảng giữ vai trò trung tâm trong việc định hướng và tổ chức các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh. Do đó, vai trò của Đảng được thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, Đảng là ngọn cờ tập hợp Nhân dân và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Nguồn sức mạnh vô địch, vô tận của Nhân dân chỉ có thể phát huy tối đa khi được đoàn kết, tập hợp và dẫn dắt bởi một tổ chức chính trị vững mạnh, đó chính là

Đảng Cộng sản như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Lực lượng của GCCN và Nhân dân lao động là rất to lớn, là vô cùng vô tận. Nhưng lực lượng ấy cần có Đảng lãnh đạo mới chắc chắn thắng lợi” [63, tr.609].

Khi nói về vai trò của ĐCSVN, trong cuốn sách *Đường cách mệnh* xuất bản năm 1927, Hồ Chí Minh chỉ ra: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy” [54, tr.289].

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Đảng là “người cầm lái”, dẫn dắt con thuyền cách mạng vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Người cho rằng, sức mạnh của cách mạng đến từ sự đoàn kết toàn dân. Trong đó, Đảng giữ vai trò trung tâm trong việc tập hợp lực lượng, quy tụ các lực lượng yêu nước, đoàn kết các dân tộc, giai cấp, tầng lớp, từ GCCN, nông dân đến trí thức, các tầng lớp tiểu tư sản, thậm chí cả các lực lượng tiến bộ trong giai cấp tư sản dân tộc, lực lượng yêu nước phú nông, trung, tiểu địa chủ và dẫn dắt họ đứng lên đấu tranh giành độc lập dân tộc; Đảng xác định mục tiêu, chiến lược đúng đắn để Nhân dân đồng lòng vượt qua sóng gió. Đường lối đoàn kết dân tộc của Đảng đã tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến thắng các thế lực thù địch trong các giai đoạn cách mạng. Cho nên, Hồ Chí Minh coi đại đoàn kết là chiến lược lâu dài, trong đó Đảng giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp chung của dân tộc.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò không thể thiếu của Đảng trong phát huy đoàn kết toàn dân tộc, lãnh đạo cách mạng vượt qua mọi khó khăn, thử thách. Sức mạnh của Đảng không chỉ nằm ở lý luận mà còn ở khả năng tập hợp, dẫn dắt và quy tụ lòng dân, tạo nên một khối đoàn kết thống nhất, vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc và CNXH.

Thứ hai, Đảng đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân

Theo Hồ Chí Minh, một trong những vai trò then chốt của Đảng là xây dựng đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp thực tiễn và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: “Cách mạng là cuộc đấu tranh rất phức tạp. Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng” [60, tr.274]. Đường lối đúng giúp định hướng rõ ràng, tạo sự đồng thuận, đoàn kết và sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Nếu không dựa trên lợi ích của Nhân dân, Đảng sẽ mất đi chỗ dựa và sức mạnh cốt lõi.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam đã khẳng định một chân lý bất biến: vai trò lãnh đạo của ĐCSVN là nhân tố quyết định mọi thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 - đánh đổ ách thống trị của thực dân, đế quốc và phong kiến, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (2/9/1945) - nhà nước của Nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Dưới sự lãnh đạo kiên cường, sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân Việt Nam đã làm nên những kỳ tích lịch sử trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trở thành một trong những dân tộc đầu tiên giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa, phụ thuộc. Đặc biệt, Việt Nam - một quốc gia nhỏ bé - đã trở thành biểu tượng của thời đại khi đánh bại cả chủ nghĩa thực dân cũ lẫn chủ nghĩa thực dân mới, góp phần châm ngòi và cổ vũ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc lan rộng khắp châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

Những thắng lợi vẻ vang đó là minh chứng sống động cho đường lối cách mạng đúng đắn, khoa học, nhất quán và bám sát thực tiễn của Đảng - một đường lối luôn đặt lợi ích của Nhân dân làm trung tâm, gắn bó mật thiết với nguyện vọng, khát vọng và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Do đó, Đảng cần tiếp tục kiên định lý tưởng, xuất phát từ thực tiễn, không ngừng hoàn thiện đường lối, chính sách phù hợp với từng giai đoạn lịch sử, đảm bảo phục vụ lợi ích Nhân dân - yếu tố quyết định sự thành công bền vững của cách mạng.

Thứ ba, Đảng tổ chức và lãnh đạo Nhân dân làm cách mạng

ĐCSVN do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập có vai trò lãnh đạo, tổ chức và động viên quần chúng nhân dân tham gia vào sự nghiệp cách mạng, cùng một lúc vừa làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và vừa làm cách mạng XHCN. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đảng phải đi sát quần chúng, khéo tổ chức và lãnh đạo quần chúng, thì cách mạng mới thành công” [63, tr.609]. Trong bản *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng*, vai trò lãnh đạo của ĐCSVN đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [55, tr.1]. Chủ trương đó được thực hiện trên tất cả các phương diện xã hội, chính trị, kinh tế nhằm mục đích “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”; “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”;... Đem lại mọi quyền lợi và tự do cho Nhân dân.

Sự ra đời, tồn tại và phát triển của ĐCSVN vừa phù hợp với quy luật phát triển của thời đại, vừa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn cách mạng. Người khẳng định:

“Muốn thắng lợi, thì cách mạng phải có một đảng lãnh đạo. Đảng phải làm cho quần chúng giác ngộ vì đâu mà họ bị áp bức bóc lột; phải dạy cho quần chúng hiểu các quy luật phát triển của xã hội, để họ nhận rõ vì mục đích gì mà đấu tranh; chỉ rõ con đường giải phóng cho quần chúng, cổ động cho quần chúng kiên quyết cách mạng; làm cho quần chúng tin chắc cách mạng nhất định thắng lợi. Cách mạng là cuộc đấu tranh rất phức tạp. Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định phương châm cho đúng” [60, tr.274].

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Đảng ta là một đảng cầm quyền... Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” [67, tr.622]. Đây không chỉ là lời căn dặn, mà còn là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Đảng muốn giữ vững vai trò cầm quyền và củng cố niềm tin của Nhân dân, mỗi cán bộ, đảng viên phải trở thành tấm gương mẫu mực trong đạo đức, lối sống và tinh thần phục vụ. Họ phải tận tụy vì dân, gắn bó với Nhân dân, luôn đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết, trước hết. Chỉ khi nào mỗi người trong Đảng thực sự “lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ”, thì Đảng mới giữ được sự trong sạch, xứng đáng là người lãnh đạo chân chính, là chỗ dựa vững chắc của Nhân dân. Đảng có vinh dự đảm đương vai trò lãnh đạo toàn diện vì Đảng không có lợi ích nào ngoài lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân: “Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác” [57, tr.290]. Vai trò lãnh đạo ấy bao trùm lên mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Dù mỗi lĩnh vực có đặc thù riêng, nhưng đều bình đẳng về tầm quan trọng và cùng hướng đến mục tiêu cao nhất: phục vụ Nhân dân, đáp ứng những lợi ích chính đáng của họ, tạo điều kiện để từng con người được phát triển toàn diện cả về trí tuệ, đạo đức lẫn nhân cách.

Như vậy, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, vai trò của Đảng là lãnh đạo toàn diện sự nghiệp cách mạng, bảo đảm thắng lợi cho công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng CNXH. Đảng chỉ có thể hoàn thành vai trò lịch sử của mình khi luôn gắn bó với Nhân dân, không ngừng tự đổi mới và giữ vững đạo đức cách mạng.

2.2.1.3. Vị trí, vai trò của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam

Trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Mối quan hệ đó là mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời, bởi, nếu xa rời nó là đánh mất đi bản chất của Đảng, Đảng sẽ mất cơ sở tồn tại và phát triển. Chính vì vậy, việc xây dựng và củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân không chỉ là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, mà còn là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả và bền vững của Đảng, sự tồn vong của chế độ. Vai trò, vị trí của mối quan hệ đó được thể hiện rõ trên các khía cạnh sau:

Một là, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là vấn đề cơ bản, có ý nghĩa chiến lược lâu dài, xuyên suốt, quyết định sự thành công của cách mạng Việt Nam: “Đảng mạnh tức là dân mạnh, dân mạnh thì Đảng mạnh, dân, Đảng mạnh thì chúng ta nhất định thắng lợi” [63, tr.117]. Ngay từ khi thành lập, ĐCSVN đã coi việc xây dựng quan hệ mật thiết với Nhân dân là nhiệm vụ hàng đầu, là nền tảng cho mọi thắng lợi của cách mạng. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng thể hiện rõ tư tưởng đoàn kết toàn dân, chỉ loại trừ những thế lực phản cách mạng, cho thấy tầm nhìn chiến lược trong tập hợp lực lượng cách mạng của Người.

Chính từ đường lối đúng đắn đó, sự ra đời của Đảng không chỉ là sự kiện chính trị của một tổ chức cách mạng, mà còn đánh dấu sự hình thành của một mối quan hệ chính trị mới: mối quan hệ hữu cơ, gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. Mối quan hệ này đã và đang trở thành nhân tố chi phối mạnh mẽ đến mọi chuyển biến xã hội Việt Nam trong suốt quá trình cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà còn là chủ thể tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng và đất nước. Sự kết hợp giữa trí tuệ, bản lĩnh, đường lối đúng đắn của Đảng và sức mạnh sáng tạo, ý chí kiên cường, tinh thần yêu nước của Nhân dân đã tạo nên một sức mạnh vô địch. Chính sức mạnh đó đã làm nên những thắng lợi vĩ đại: từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đến chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, Đại thắng mùa Xuân 1975, cho đến công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước trong suốt gần một thế kỷ qua.

Với Hồ Chí Minh, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ gắn bó mật thiết, bởi cả hai cùng chung lý tưởng, mục tiêu cách mạng và lợi ích lâu dài. Mối quan hệ này không bắt nguồn từ ý chí chủ quan của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào, càng không phải là một biện pháp tạm thời hay thủ đoạn chính trị để đạt được mục đích trước mắt. Đó là mối quan hệ khách quan, bền vững, dựa trên niềm tin, sự đồng hành và lợi ích chung. Đảng phải gần dân, hiểu dân, lắng nghe và phục vụ Nhân dân để thực sự là “đầy tớ trung thành của Nhân dân”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của Nhân dân, đã lãnh đạo Nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lênin” [64, tr.672]. Những thành quả của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN đã khẳng định sức mạnh “dời non, lấp biển” của khối đại đoàn kết toàn dân, của sự thống nhất giữa “ý Đảng với lòng dân”, giữa mục tiêu, lý tưởng của Đảng với khát vọng “không có gì quý hơn độc lập tự do” của Nhân dân. Đó chính là yếu tố quyết định thành công của cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ và tiếp tục là kim chỉ nam cho phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Hai là, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời, có sự thống nhất về lợi ích

Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân được hình thành từ yêu cầu khách quan của cách mạng, trong đó Đảng là lực lượng lãnh đạo, Nhân dân là lực lượng thực hiện. Cả hai cùng thống nhất về lợi ích, mục tiêu và lý tưởng cách mạng. Đảng ra đời từ Nhân dân, đại diện cho lợi ích của Nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân và chỉ tồn tại, phát triển khi dựa vào Nhân dân.

Qua đó chúng ta có thể hiểu rằng, do nhu cầu của Nhân dân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và vì chính lợi ích của mình nên Nhân dân cần có Đảng lãnh đạo, dẫn đường trong cuộc đấu tranh phản đế và phản phong. Xét về mặt khách quan, điều kiện ra đời, phát triển và tồn tại của Đảng là do chính nhu cầu của xã hội, do yêu cầu bức thiết của Nhân dân. Đảng có xuất thân từ Nhân dân, sinh ra từ Nhân dân nên Đảng hiểu sâu sắc nguyện vọng của Nhân dân, có mối quan hệ gắn bó tự nhiên, mật thiết với Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra” [57, tr.303], “...là Đảng của GCCN và Nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam” [59, tr.41].

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng là của Nhân dân, vì Nhân dân, không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của Tổ quốc, của dân tộc, của Nhân dân lao động. Đảng vững mạnh nhờ vào trí tuệ và sức mạnh của Nhân dân, còn Nhân dân cần Đảng dẫn đường, định hướng để đi đến thắng lợi. Người luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến việc hài hòa và thống nhất quyền lợi giữa các giai cấp cũng như toàn thể dân tộc. Người từng khẳng định đầy sâu sắc: "...quyền lợi của GCCN và Nhân dân lao động và của dân tộc là một" [59, tr.41]. Tư tưởng này thể hiện rõ quan điểm nhất quán của Người: lợi ích dân tộc là mục tiêu cao nhất, được xây dựng trên nền tảng sự đồng thuận, thống nhất về lợi ích giữa các tầng lớp trong xã hội. Đó không chỉ là sự dung hòa mà còn là sự gắn bó hữu cơ giữa lợi ích của GCCN, của Nhân dân lao động với lợi ích của quốc gia và nhân loại. Từ nhận thức đó, Người nhấn mạnh rõ vai trò đại diện của Đảng: "Đảng không phải chỉ đại biểu lợi ích của đảng viên, mà đại biểu lợi ích của toàn GCCN, toàn thể dân tộc và loài người" [58, tr.290], và "Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp, của dân tộc, Đảng ta không có lợi ích nào khác" [64, tr.334]. Những khẳng định ấy cho thấy sự nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về một Đảng vì dân, vì nước, vì sự tiến bộ của toàn nhân loại. Người từng căn dặn: "Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy" [54, tr.289]. Đây không chỉ là hình ảnh ẩn dụ sinh động mà còn là chân lý bất biến về mối quan hệ mật thiết, sống còn giữa Đảng với Nhân dân - nguồn sức mạnh vĩ đại giúp cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi.

Như vậy, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là quan hệ hai chiều, bổ sung cho nhau: Nhân dân là cơ sở xã hội của Đảng, còn Đảng là người tổ chức, dẫn dắt Nhân dân thực hiện cách mạng. Muốn giữ gìn và phát huy mối quan hệ này, cần bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu, lợi ích của Đảng và của Nhân dân. Chính sự thống nhất đó tạo nên tảng vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, bảo đảm cho sự thành công bền vững của sự nghiệp cách mạng.

Ba là, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là ngọn cờ tập hợp lực lượng, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nguồn sức mạnh to lớn của Nhân dân

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời từ khát vọng độc lập của dân tộc và nhu cầu bức thiết của Nhân dân trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột. Mục tiêu cao nhất của Đảng là giành tự do cho Tổ quốc, mang lại ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân. Quyền lãnh đạo của Đảng là sự ủy thác của Nhân dân, cho nên Đảng phải luôn gắn bó mật

thiết với dân, lấy dân làm gốc, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Vì lẽ đó, Đảng cần phải xây dựng mối quan hệ mật thiết với Nhân dân, Đảng phải luôn gần dân, hiểu dân, tin tưởng vào sức mạnh và trí tuệ của Nhân dân, củng cố liên minh công - nông, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, quy tụ mọi lực lượng yêu nước để tạo khối đại đoàn kết vững chắc. Sức mạnh của Nhân dân là vô tận, nhưng chỉ được phát huy khi được tổ chức, dẫn dắt đúng đắn. Người khẳng định, Nhân dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, theo Người: “Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân ta là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác” [61, tr.244]. Tinh thần đoàn kết rộng rãi đó là nền tảng vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân - “bức tường đồng” bảo vệ Tổ quốc, nuôi dưỡng ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Sự đồng tâm của đồng bào ta đúc thành một bức tường đồng xung quanh Tổ quốc. Dù địch hung tàn, xảo quyệt đến mức nào, đụng đầu nhằm bức tường đó, chúng cũng phải thất bại” [57, tr.179].

Vì vậy, Đảng phải liên hệ chặt chẽ, gần dân, tin dân, chăm lo lợi ích của Nhân dân, giữ vững liên minh công - nông, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Chính tinh thần đại đoàn kết dân tộc đã tạo nên sức mạnh to lớn giúp Nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, hy sinh gian khổ để giành độc lập, thống nhất đất nước. Nhờ đó, Đảng mới thực sự mạnh, Nhân dân mới đồng lòng, và cách mạng mới thắng lợi. Thành công ấy là kết quả của sự gắn bó keo sơn giữa Đảng và Nhân dân - mối quan hệ quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Bốn là, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là nhân tố đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng

Trong bất cứ thời đại nào, Đảng cũng luôn gắn bó mật thiết với Nhân dân, cho dù là trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân hay đến cách mạng XHCN, Đảng cũng luôn lấy lợi ích của Nhân dân làm mục tiêu, lý tưởng cho hành động, làm nền tảng cho những quyết sách, đường lối của mình. Hầu hết cán bộ, đảng viên luôn gương mẫu, luôn cống hiến hết mình vì Nhân dân, luôn gần gũi Nhân dân, hiểu dân và luôn phấn đấu vì lợi ích của Nhân dân, được Nhân dân tin yêu, ủng hộ, tin theo Đảng, sẵn sàng

chiến đấu, hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Đây chính là nguyên nhân tạo thành sức mạnh của Đảng, đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng và là yếu tố làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn chín thập niên qua.

Chính nhờ mối quan hệ mật thiết với Nhân dân mà Đảng có thể khơi dậy và phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm chính trị của Nhân dân trong công cuộc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Đặc biệt, sự tham gia của Nhân dân vào công tác kiểm tra, giám sát là yếu tố then chốt, giúp Đảng kịp thời nắm bắt thông tin khách quan, toàn diện về đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng các cấp. Qua đó, có thể phát hiện kịp thời những biểu hiện sai lệch trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng, uy tín và năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thông qua sự giám sát rộng khắp và sâu sắc từ Nhân dân, Đảng có điều kiện đánh giá chính xác phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và tinh thần phục vụ của cán bộ, đảng viên. Điều này không chỉ giúp phát hiện sớm các biểu hiện tiêu cực như quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những nhiễu Nhân dân trong bộ máy công quyền, mà còn tạo cơ sở để đề ra các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục một cách hiệu quả, nhằm xây dựng bộ máy thực sự trong sạch, vững mạnh, xứng đáng với niềm tin của Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra:

“Công việc của Đảng và Nhà nước ngày càng nhiều. Muốn hoàn thành tốt mọi việc, thì toàn thể đảng viên và cán bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh đường lối và chính sách của Đảng. Và muốn như vậy, thì các cấp ủy đảng phải tăng cường công tác kiểm tra. Vì kiểm tra có tác dụng thúc đẩy và giáo dục đảng viên và cán bộ làm tròn nhiệm vụ đối với Đảng, đối với Nhà nước, làm gương mẫu tốt cho nhân dân. Do đó mà góp phần vào việc củng cố Đảng về tư tưởng, về tổ chức” [66, tr.362].

Mặt khác, thông qua mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, đội ngũ cán bộ, đảng viên sẵn sàng để Nhân dân kiểm tra, đánh giá, góp ý, giám sát. Từ đó, phát hiện những thành phần bị thoái hóa, biến chất nhằm thanh lọc đảng viên và Nhân dân có thể giới thiệu cho Đảng những nhân tố mới, tiêu biểu, tích cực. Từ đó, phát huy vai trò, trách nhiệm của Nhân dân trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chính quyền, góp phần làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên và phòng, chống các tiêu cực, đảm bảo cho sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

2.2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân

Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân có nguồn gốc sâu xa là ở sự thống nhất về những lợi ích căn bản và mục tiêu, lý tưởng. Theo Người, mối quan hệ đó có sự qui định, ràng buộc, tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau, điều đó được thể hiện trên những nội dung cơ bản sau:

2.2.2.1. Đảng đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết thể hiện được trí tuệ và lòng dân, đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân luôn là yếu tố then chốt bảo đảm mọi thắng lợi. ĐCSVN giữ vị trí lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nhưng sự lãnh đạo ấy chỉ đúng đắn khi bắt nguồn từ ý chí và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Một trong những nội dung quan trọng thể hiện điều này chính là việc Đảng đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết thể hiện được trí tuệ và lòng dân, đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân, từ đó để tạo nên niềm tin của nhân dân với Đảng, đồng thời khẳng định vị thế lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng lãnh đạo Nhân dân bằng chủ trương, đường lối, chính sách mà Đảng đề ra nhưng những chủ trương, đường lối đó phải xuất phát từ thực tiễn đời sống Nhân dân, phản ánh đúng nhu cầu, lợi ích và mong muốn của Nhân dân thì sẽ được Nhân dân tin tưởng và hưởng ứng thực hiện.

Đảng xác định: Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của mọi chính sách phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác. Do đó, việc hoạch định chính sách phải gắn với lắng nghe dân, phát huy dân chủ và tạo sự đồng thuận xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh rằng, Đảng không đứng trên dân mà là một bộ phận của dân, gắn bó mật thiết với dân. Đường lối đúng đắn không thể chỉ hình thành trong phòng họp, mà phải được đúc kết từ thực tiễn đời sống Nhân dân. Trí tuệ của Đảng được kết tinh từ việc nắm bắt quy luật khách quan, tổng kết thực tiễn cách mạng, tham khảo kinh nghiệm quốc tế và vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của đất nước. Lòng dân được phản ánh khi Đảng luôn lắng nghe, tiếp thu ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân; coi “dân là gốc”, từ đó xây dựng đường lối sát thực tiễn, phù hợp với lợi ích chính đáng của Nhân dân lao động. Sự kết hợp giữa trí tuệ lãnh đạo và nguyện vọng quần chúng tạo nên sức mạnh bền chặt trong mối quan hệ Đảng - dân.

Mọi nghị quyết, chính sách của Đảng đều nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng, tiến bộ xã hội. Đảng quan tâm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân, xây dựng xã hội ổn định, dân chủ, văn minh. Nhân dân vừa là người thụ hưởng thành quả, vừa là chủ thể tham gia vào quá trình hiện thực hóa đường lối, chính sách, từ đó tạo nên sự gắn bó khăng khít giữa Đảng và dân. Khi các chủ trương, chính sách của Đảng phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của Nhân dân, niềm tin của Nhân dân vào Đảng được củng cố, mối quan hệ Đảng - dân thêm bền chặt. Nhân dân tin tưởng, đồng thuận và ủng hộ thì sự lãnh đạo của Đảng mới có chính danh và bền vững. Đó cũng chính là điều kiện tiên quyết để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa đất nước phát triển vững chắc trong bối cảnh mới.

Mặt khác, lợi ích là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, tác động tới đời sống của mỗi người, mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia. Về vấn đề này, Ph.Ăngghen đã lí giải: phải giải thích hành vi của con người là do nhu cầu và lợi ích của họ quyết định. C.Mác thì cho rằng: “Tất cả những gì mà con người đấu tranh để giành lấy, đều dính liền với lợi ích của họ” [14, tr.98]. V.I.Lênin phát triển thêm:

“Những lý tưởng cao cả nhất cũng không đáng một xu nhỏ, chừng nào mà người ta không biết kết hợp chặt chẽ những lý tưởng đó với lợi ích của chính ngay những người đang tham gia cuộc đấu tranh kinh tế, chừng nào mà người ta không biết kết hợp những lý tưởng đó với những vấn đề “chật hẹp” và nhỏ nhất trong cuộc sống hàng ngày của giai cấp ấy, như vấn đề trả công lao động một cách công bằng” [128, tr.207].

Kế thừa tư tưởng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Phải thật thà quan tâm đến đời sống của nhân dân, tin và dựa vào lực lượng, sáng kiến của nhân dân” [61, tr.520]. Mọi chủ trương, đường lối phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của Nhân dân, được Nhân dân đồng tình thì mới có hiệu lực trong thực tiễn. Bởi theo Người: “Đảng được nhân dân hết lòng tin yêu và ủng hộ; đường lối, chính sách của Đảng được nhân dân ra sức thực hiện” [67, tr.396]. Nhân dân là tấm gương phản chiếu để Đảng tự soi mình, nhìn thấu được những tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân cũng giống như của chính mình, từ đó điều chỉnh chính sách cho phù hợp với thực tiễn đời sống của Nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ ra: “cách tổ chức và cách làm việc nào không hợp với quần

chúng thì ta phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc” [57, tr.286]. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, một trong những điều mà Người chỉ ra về tư cách của Đảng chân chính cách mạng là: “Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hoá ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng” [57, tr.290]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh thêm:

“Luôn luôn thắt chặt quan hệ với quần chúng, học tập quần chúng, tìm hiểu, lắng nghe nguyện vọng và ý kiến của quần chúng để phản ánh cho Đảng và kịp thời giải quyết một cách thích đáng. Ra sức tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng trong quần chúng, tổ chức quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách và nghị quyết của Đảng...” [66, tr.243].

Chính việc bảo đảm lợi ích hài hòa, thống nhất giữa Đảng và Nhân dân sẽ tạo nên sự đồng thuận xã hội, cũng là thước đo quan trọng đánh giá sự quan tâm và mức độ chăm lo của Đảng, Nhà nước đối với Nhân dân. Qua đó, củng cố niềm tin và huy động sức mạnh toàn dân tộc vào sự nghiệp cách mạng.

Việc Đảng đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết thể hiện được trí tuệ và lòng dân, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của Nhân dân là minh chứng sinh động cho bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của Đảng. Đây không chỉ là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, mà còn là cơ sở để củng cố niềm tin của Nhân dân, khẳng định và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong mọi giai đoạn phát triển đất nước. Giữ vững mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và dân chính là nhân tố quyết định để xây dựng một Việt Nam độc lập, giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh.

2.2.2.2. Đảng tổ chức thực hiện, đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống của Nhân dân, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của dân, gần dân, tin dân, trọng dân

Đường lối của Đảng là hệ thống quan điểm chính trị, tư tưởng và tổ chức nhằm định hướng mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cho cách mạng Việt Nam, là ngọn cờ tập hợp, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp Nhân dân trong tiến trình cách mạng. Đường lối còn là cơ sở để định ra các chủ trương, cương lĩnh, nghị quyết của Đảng, chính sách

của Nhà nước với mục tiêu cao nhất là vì lợi ích Nhân dân. Cho nên, đường lối của Đảng vừa phải đúng đắn, khoa học, phù hợp với quy luật vận động khách quan của xã hội, vừa phải gắn bó mật thiết với lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và phải đi vào đời sống của Nhân dân, được Nhân dân đón nhận.

Tuy nhiên, chỉ có đường lối đúng thôi chưa đủ, mà quan trọng hơn là việc tổ chức triển khai phải thực sự hiệu quả. Quá trình thực hiện đường lối không chỉ thể hiện năng lực lãnh đạo, khả năng biến chủ trương thành hiện thực của Đảng và đội ngũ đảng viên, mà còn phản ánh mức độ đồng thuận, ủng hộ của quần chúng. Do đó, sự gắn kết hai chiều giữa Đảng và Nhân dân - khi Đảng tổ chức thực hiện, đưa đường lối, chủ trương vào đời sống, đồng thời tiếp thu sáng kiến, nguyện vọng của Nhân dân để bổ sung, hoàn thiện đường lối - trở thành quy luật tất yếu trong mối quan hệ biện chứng giữa hai bên.

Trong mối quan hệ tác động qua lại này, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Họ chính là “mắt xích” vận hành bộ máy tổ chức; nếu mắt xích đó yếu kém, cả bộ máy sẽ đình trệ. Cán bộ, đảng viên chính là những người trực tiếp chuyển tải đường lối, nghị quyết, chính sách của Đảng đến với Nhân dân. Vì vậy, họ phải biết tin dân, gần dân, gắn bó với dân, thực sự hòa mình vào quần chúng để hình thành sức mạnh thống nhất, theo đúng tinh thần “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

Hồ Chí Minh khẳng định: đường lối đúng đắn phải bắt nguồn từ nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, dễ hiểu, dễ thực hiện, được dân đồng tình và tích cực hưởng ứng. Để chuyển hóa ý chí của Đảng thành ý chí chung của toàn dân, mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của Nhân dân lên hàng đầu và tận tâm phục vụ, trước khi triển khai bất kỳ công việc nào, cần chủ động tuyên truyền, giải thích, thuyết phục để Nhân dân hiểu rõ, phải thực hành dân chủ, lắng nghe ý kiến Nhân dân, tiếp thu phản hồi để hoàn thiện chủ trương, chính sách, từ đó tạo được sự đồng thuận và ủng hộ rộng rãi. Như chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc nhở “Việc gì cũng hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc. Giải thích cho dân chúng hiểu rõ. Được dân chúng đồng ý. Do dân chúng vui lòng ra sức làm” [57, tr.334]. Khi dân chúng đã hiểu rõ những chủ trương, đường lối đó là vì tốt cho họ thì họ sẽ ra sức thực hiện. Bởi, theo Hồ Chí Minh: “dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ. Nhưng trước hết cần phải chịu khó tìm đủ cách giải thích cho họ hiểu rằng: những việc đó là vì ích lợi của họ mà phải làm” [57, tr.286]. Từ đó, cần tìm ra những phương thức và cách làm sáng tạo để đường lối của Đảng thấm sâu và phát huy hiệu quả trong đời sống Nhân

dân. Việc tuyên truyền, vận động phải phù hợp với trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, kinh nghiệm và hoàn cảnh cụ thể của quần chúng. Hồ Chí Minh cho rằng, nếu cách tổ chức hay phương pháp làm việc không sát với thực tiễn, không phù hợp với Nhân dân thì phải mạnh dạn đề xuất sửa đổi hoặc loại bỏ. Người đặc biệt phê phán căn bệnh quan liêu, xa dân, xa thực tế và yêu cầu phải kiên quyết khắc phục. Đó là căn bệnh “Không chịu khó hỏi quần chúng cần cái gì, muốn nghe muốn biết cái gì, ham chuộng cái gì. Chỉ mấy cán bộ đóng cửa lại mà làm, ngồi ý trong phòng giấy mà viết, cứ tưởng những cái mình làm là đúng, mình viết là hay... kết quả là “đem râu ông nọ, chấp cằm bà kia”, không ăn thua, không thấm thía, không ích lợi gì cả” [57, tr.287].

Hồ Chí Minh cũng khẳng định, nguyên tắc quan trọng nhất trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng là phải đặt dưới sự giám sát của quần chúng để kiểm chứng tính đúng đắn. Đồng thời, khi đã có chủ trương đúng, sự thành bại còn phụ thuộc vào cách thức tổ chức thực hiện, việc lựa chọn, sử dụng cán bộ và công tác kiểm tra. Nếu ba khâu này tiến hành hời hợt, thiếu đồng bộ và không chặt chẽ thì dù đường lối, chính sách có đúng đắn đến đâu cũng khó đem lại hiệu quả. Do vậy, “Đảng phải luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hoá ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của nhân dân đối với Đảng” [57, tr.290].

Mặt khác, theo Hồ Chí Minh, trong quá trình triển khai, thực hiện đường lối của Đảng, phải hết sức tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, không được có thái độ “bịt mồm quần chúng”. Đồng thời, Nhân dân cần phát huy quyền làm chủ, tham gia góp ý, bàn bạc, cung cấp những thông tin đúng đắn, khoa học, phê bình và kiểm tra hành vi của cán bộ, đảng viên, giám sát hoạt động của Đảng và Nhà nước.

Sự tiếp thu ý kiến đóng góp, xây dựng của Nhân dân giúp cho các tổ chức đảng và đảng viên nhận thấy được sai lầm, khuyết điểm của mình mà sửa chữa kịp thời, làm cho Đảng với dân hiểu nhau hơn, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân càng thêm gắn bó.

2.2.2.3. Đảng không ngừng cải thiện, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân

Có thể khẳng định rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của tình yêu thương con người, yêu thương Nhân dân sâu sắc. Người không chỉ cống hiến trọn đời, hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do mà còn vì ấm no và hạnh phúc của Nhân dân.

Khát khao và mong muốn cháy bỏng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện rõ trong buổi trả lời phỏng vấn các nhà báo nước ngoài vào ngày 21/1/1946, đó là: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [56, tr.187]. Với Người, mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng phải bắt nguồn từ lợi ích, hạnh phúc của Nhân dân. Theo Hồ Chí Minh: “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý” [62, tr.378].

Điều đó cho thấy, Người hết sức quan tâm, chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Để đạt được mục đích cải thiện và nâng cao đời sống cho Nhân dân, Người lựa chọn con đường độc lập dân tộc gắn liền với CNXH vì chỉ có ở xã hội XHCN con người mới thực sự có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Người xác định CNXH là con đường duy nhất để Nhân dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bởi theo Hồ Chí Minh mục đích của CNXH “Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là: Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động” [65, tr.30]. Người cũng chỉ ra: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ” [56, tr.175]. Nghĩa là sau khi giành được độc lập dân tộc, việc đầu tiên mà Đảng và Chính phủ cần làm là cải thiện, chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, chứ không phải chỉ cần lãnh đạo Nhân dân đấu tranh đánh đuổi giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc, xong rồi để cho dân đói khổ thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Bởi vậy, ngay sau khi giành được độc lập, Người yêu cầu Chính phủ cần phải thực hiện ngay 4 việc sau: “Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành” [56, tr.175].

Hồ Chí Minh luôn coi hạnh phúc, ấm no của Nhân dân là mục tiêu cao nhất của cách mạng. Theo Người, độc lập, tự do chỉ có ý nghĩa khi Nhân dân được ăn no, mặc ấm, học hành, có chỗ ở, sống trong xã hội công bằng, văn minh. Vì vậy, ngay sau Cách mạng Tháng Tám, Người yêu cầu Chính phủ thực hiện cấp bách các chính sách chống đói, chống dốt và xóa bỏ bất công để cải thiện đời sống Nhân dân. Tổ chức quyên góp vàng, bạc; lập “Hũ gạo tiết kiệm”, “Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo [56, tr.33]; phát động phong trào “Bình dân học vụ” để xóa nạn mù chữ; bãi bỏ các loại thuế như thuế thân, thuế chợ,

thuế đò; thực hiện quyền tự do, dân chủ của Nhân dân. Đồng thời thực hiện biện pháp lâu dài là phát động phong trào “Tăng gia sản xuất”... là những nội dung, biện pháp và bước đi quan trọng của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh để từng bước chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Người thường dẫn lại câu tục ngữ “dân dĩ thực vi thiên” (dân lấy ăn làm trời). Điều đó cho thấy, việc chăm lo cho dân, làm sao cho dân có ăn, có mặc là việc làm hết sức quan trọng. Bởi “có thực mới vực được đạo”, dân được no bụng mới có sức phục vụ cách mạng và lao động sản xuất. Việc chăm lo đời sống Nhân dân phải là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh “Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi, nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi” [61, tr.518]. Do vậy, Người yêu cầu Đảng và Chính phủ từ trên xuống dưới, phải hết sức chăm lo đến đời sống của Nhân dân.

Trong tác phẩm *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân” [67, tr.622]. Tức là, để dân được hưởng thụ cuộc sống ấm no, hạnh phúc cả về vật chất lẫn tinh thần thì Đảng cần phải vạch ra những kế hoạch cụ thể để phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, nâng cao văn hóa, bằng những hành động thiết thực, không ngừng cải thiện, chăm lo cho đời sống Nhân dân.

2.2.2.4. Nhân dân tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ, bảo vệ Đảng

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã chứng minh sứ mệnh của mình - đội tiên phong của giai cấp vô sản là lãnh đạo Nhân dân và toàn thể dân tộc làm cách mạng, tự giải phóng mình khỏi ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân và phong kiến. Theo Hồ Chí Minh: “Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng An Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng” [55, tr.22].

Do đó, để Đảng tiếp tục được Nhân dân tin yêu, ủng hộ và chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng, theo Hồ Chí Minh: “Nhất định phải vào sâu trong quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ quần chúng, làm cho quần chúng mến Đảng, tin Đảng, ra sức ủng hộ Đảng và tự giác tự nguyện chịu Đảng lãnh đạo” [60, tr.278]. Người cũng khẳng định sự

nghiệp cách mạng của nước ta có được thành công rực rỡ như hôm nay là do quần chúng Nhân dân tin theo Đảng, ủng hộ, giúp đỡ Đảng, mà quần chúng tin theo sự lãnh đạo của Đảng là vì Đảng biết dựa vào quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng.

Đảng dựa vào dân, lãnh đạo Nhân dân, làm đầy tớ của Nhân dân và Nhân dân tin theo Đảng, ủng hộ, giúp đỡ, bảo vệ Đảng là một trong những nội dung quan trọng của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Niềm tin, sự ủng hộ, giúp đỡ, bảo vệ của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của ĐCSVN được thể hiện ở nhiều khía cạnh như: Nhân dân luôn xây dựng và hưởng ứng tích cực trong việc ủng hộ, giúp đỡ và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nhân dân tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đoàn thể, góp phần làm cho Đảng nói chung, đội ngũ cán bộ, đảng viên nói riêng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Sự tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ, bảo vệ Đảng của Nhân dân phụ thuộc vào năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Nếu đội ngũ cán bộ, đảng viên bị thoái hóa, biến chất thì sẽ làm mất đi niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Ngược lại, nếu cán bộ, đảng viên luôn gương mẫu, tiên phong, dựa vào dân, gần dân, yêu dân, cống hiến hết mình vì lợi ích của Nhân dân, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của dân thì Đảng mới đề ra được những chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân. Có như vậy thì Nhân dân cũng sẽ tin yêu Đảng, ra sức ủng hộ, bảo vệ Đảng, giúp đỡ Đảng hiện thực hóa những đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết đó.

Do đó, tất cả mọi người dân đều phải giúp đỡ Đảng, ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng “vì Đảng mạnh tức là dân mạnh, dân mạnh thì Đảng mạnh, dân, Đảng mạnh thì chúng ta nhất định thắng lợi” [63, tr.117].

2.2.2.5. Nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng

Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy vai trò của Nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân và lấy Nhân dân làm điểm tựa để xây dựng, chỉnh đốn Đảng là một di sản tư tưởng vô giá, mang ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Đây không chỉ là một nguyên lý mang tính lý luận sâu sắc, mà còn là kim chỉ nam có giá trị thực tiễn to lớn, quyết định sự vững bền của Đảng, sự sống còn của chế độ và tương lai của dân tộc.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Người nhấn mạnh rằng, muốn lãnh đạo cách mạng thành công, Đảng phải luôn giữ mình trong sạch, vững mạnh; từng cán bộ, đảng viên phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết, hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân. Với Người, sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ lòng tin của Nhân dân, và muốn có được lòng tin ấy, không có con đường nào khác ngoài việc gắn bó chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe Nhân dân và hành động vì Nhân dân. Hồ Chí Minh khẳng định: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân” [67, tr.622].

Xây dựng Đảng không chỉ là việc của riêng Đảng mà còn là trách nhiệm của toàn dân. Nhân dân có quyền và nghĩa vụ tham gia góp ý, giám sát, phản ánh tâm tư, nguyện vọng để giúp Đảng ngày càng hoàn thiện hơn. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Nhân dân giúp xây dựng Đảng bằng cách: hiểu rõ Đảng, ủng hộ Đảng, hưởng ứng những lời kêu gọi của Đảng, ra sức cho Đảng rõ tình hình trong nhân dân, đối với công tác của Đảng thì thật thà phê bình và nêu ý kiến của mình” [60, tr.280-281]. Đồng thời, Người cũng chỉ ra cơ sở của việc dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng là phải tuân theo nguyên tắc “Theo đúng đường lối nhân dân”, với sáu điều cơ bản: “Đặt lợi ích nhân dân lên trên hết; Liên hệ chặt chẽ với nhân dân; Việc gì cũng bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ; Có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước nhân dân, và hoan nghênh nhân dân phê bình mình; Sẵn sàng học hỏi nhân dân; Tự mình phải làm gương mẫu cần kiệm liêm chính, để nhân dân noi theo” [59, tr.177]. Làm tốt được sáu điều đó, tự khắc mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân sẽ ngày càng khăng khít và bền chặt hơn. Người cũng căn dặn: “Nhân dân ta rất yêu mến Đảng ta. Phải khuyến khích nhân dân góp phần xây dựng Đảng như: góp ý kiến với chi bộ trong việc tuyển chọn người vào Đảng, tuyển chọn cán bộ lãnh đạo. Làm được như thế, mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân sẽ càng thêm mật thiết” [67, tr.595]. Có như vậy, mới góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, phát huy vai trò và sức mạnh của Nhân dân, phòng, chống được các căn bệnh tiêu cực trong Đảng.

Chính sự tham gia tích cực của Nhân dân vào quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng, sẽ góp phần làm cho mối quan hệ Đảng - dân càng thêm gần gũi, tạo niềm tin sâu sắc, từ đó nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

2.2.2.6. Nhân dân thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân

ĐCSVN là Đảng duy nhất cầm quyền và lãnh đạo Nhân dân ta trong suốt sự nghiệp cách mạng, đấu tranh giải phóng dân tộc và tiến lên CNXH. Đảng lãnh đạo Nhân dân thực hiện đầy đủ các quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ công dân. Nhân dân được tham gia vào các quyết sách chính trị của Đảng, nhằm xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc, xây dựng xã hội thật sự dân chủ, công bằng, văn minh. Quyền và nghĩa vụ công dân được pháp luật quy định rõ ràng, cần phải tuyên truyền, giáo dục cho Nhân dân hiểu rõ những quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ đó để Nhân dân biết mà thực hiện cho đúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cho nên chúng ta cần phải có giáo dục đạo đức công dân để mọi người hiểu rõ: Lợi ích chung của nước nhà và lợi ích riêng của người dân là nhất trí; quyền lợi của công dân và nghĩa vụ của công dân là nhất trí; đã là người chủ của nước nhà thì phải phụ trách đối với Tổ quốc” [61, tr.259].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước luôn đề cao và bảo vệ các quyền hạn, lợi ích chính đáng của Nhân dân, tôn trọng các quyền tự do dân chủ (tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tôn giáo, tín ngưỡng...) cho công dân nhưng cũng nghiêm cấm các hành vi lợi dụng các quyền tự do dân chủ đó để vi phạm pháp luật, xâm phạm đến lợi ích của quốc gia, dân tộc, của Nhân dân; công dân được hưởng các quyền lợi thì đồng thời cũng phải thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm, bổn phận của người công dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trong chế độ ta, lợi ích của Nhà nước, của tập thể cùng lợi ích của cá nhân căn bản là nhất trí. Cho nên trong khi được hưởng những quyền lợi do Nhà nước và tập thể mang lại cho mình thì mọi người công dân phải tự giác làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, đối với tập thể” [64, tr.378]. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, công dân có một số nghĩa vụ như sau: “tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng và những quy tắc sinh hoạt xã hội. Công dân có nghĩa vụ tôn trọng tài sản công cộng, đóng thuế theo pháp luật, làm nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc” [64, tr.378].

Khi thực hiện quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân, Hồ Chí Minh luôn cho rằng mỗi công dân phải thật sự làm tốt vai trò làm chủ của mình, phải ra sức góp công, góp sức, góp của cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc; phải có trách nhiệm tự mình lo toan, gánh vác mọi công việc, không được có tư tưởng ỷ lại cho người khác, không “há miệng chờ sung”, không “ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau”... Để thực hiện tốt quyền lợi và nghĩa vụ công dân, Đảng, Nhà nước cần phải có chủ trương, đường lối, chính sách, giải pháp thực thi phù hợp, hiệu quả; phải luôn nêu cao tinh thần trách

nhiệm, phân định rõ quyền hạn, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức trước Nhân dân, vì Nhân dân phục vụ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên đề cập đến vấn đề xây dựng đạo đức công dân trong chế độ mới, đây được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của chính quyền dân chủ nhân dân. Trong bài “Đạo đức công dân”, đăng trên báo *Nhân dân*, số 320, đăng ngày 15/1/1955, Hồ Chí Minh viết: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ. Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân” [61, tr.258]. Theo Người, đạo đức công dân, tức là: “Tuân theo pháp luật Nhà nước. Tuân theo kỷ luật lao động. Giữ gìn trật tự chung. Đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung. Hăng hái tham gia công việc chung. Bảo vệ tài sản công cộng. Bảo vệ Tổ quốc” [61, tr.258].

2.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về biện pháp tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân

2.2.3.1. Tăng cường công tác dân vận, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; ra sức tuyên truyền, thuyết phục, giáo dục, vận động, tổ chức, hướng dẫn Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng

Để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc một cách bền chặt, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò của CTDV - chiếc cầu nối thiết yếu giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Chính thông qua CTDV, Đảng có thể tổ chức, tập hợp và khơi dậy sức mạnh to lớn trong Nhân dân, biến niềm tin thành hành động, biến tinh thần yêu nước thành lực lượng vật chất góp phần quyết định vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Hồ Chí Minh định nghĩa: “Dân vận là vận động tất cả lực lượng của *mỗi một người dân* không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho” [58, tr.232]. Từ đó, Người khẳng định vai trò, sức mạnh to lớn của Nhân dân, cũng như tầm quan trọng chiến lược của CTDV trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và phát huy dân chủ XHCN, Người chỉ ra: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công” [58, tr.234].

Bên cạnh việc giải quyết câu hỏi “Dân vận là gì?”, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra “Ai phụ trách dân vận?” và “Dân vận phải thế nào?”. Theo Hồ Chí Minh, phải phát huy trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, mà đi đầu là dân vận chính quyền, Người xác định: “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ

chức nhân dân... đều phải phụ trách dân vận” [58, tr.233]. Người yêu cầu đối với những người làm CTDV phải: “*óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm*. Chứ không phải chỉ *nói suông*, chỉ *ngồi viết mệnh lệnh*” [58, tr.233-234]. Đây không chỉ là sự ghi nhận và đánh giá cao đối với vai trò của người làm CTDV trong một nhà nước dân chủ, mà còn là yêu cầu nghiêm khắc về bản lĩnh chính trị, tư duy lý luận sắc bén, năng lực lãnh đạo thực tiễn, phẩm chất đạo đức cách mạng và tinh thần nêu gương. Yêu cầu “*óc nghĩ*” thể hiện đòi hỏi về trí tuệ - người cán bộ dân vận phải không ngừng trau dồi kiến thức, tư duy độc lập, khả năng phân tích, phán đoán và sáng tạo trong phương pháp, cách thức vận động quần chúng sao cho thiết thực, hiệu quả. “*Mắt trông, tai nghe*” là yêu cầu về sự sâu sát thực tiễn, gần dân, hiểu dân - không thể làm dân vận từ xa, càng không thể bằng mệnh lệnh hành chính hay sự áp đặt chủ quan. Cán bộ dân vận phải tận mắt chứng kiến, tận tai lắng nghe để kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng, tình hình thực tế trong đời sống Nhân dân, từ đó có giải pháp đúng và trúng, tránh sự xa rời quần chúng - vốn dễ dẫn đến mất niềm tin của Nhân dân. “*Chân đi, miệng nói, tay làm*” là nhấn mạnh tinh thần chủ động, sâu sát, gắn bó với dân, không chỉ dừng lại ở lời nói mà phải hành động thiết thực. Cán bộ dân vận phải thường xuyên đến với dân, nói năng phải có trách nhiệm, làm việc phải gương mẫu, nói đi đôi với làm, tránh tình trạng “*nói suông*”, “*nói hay làm dở*” hoặc mệnh lệnh hóa trong chỉ đạo. Đó là tiêu chuẩn cần có để người cán bộ dân vận thực sự là cầu nối vững chắc giữa Đảng với Nhân dân, là người truyền cảm hứng, khơi dậy và quy tụ sức mạnh từ lòng dân phục vụ cho sự nghiệp cách mạng.

Tư tưởng gần dân, trọng dân của Người bắt nguồn từ truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc và sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về công tác vận động quần chúng. Hồ Chí Minh luôn xem Nhân dân là chủ thể của cách mạng, vừa có quyền lợi, vừa có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với sự nghiệp cách mạng. Do đó, CTDV phải được đặt ở tầm nhiệm vụ chiến lược, phải được mọi cán bộ chính quyền vào cuộc nhằm tập hợp, khơi dậy nguồn sức mạnh của mọi tầng lớp nhân dân bằng các phong trào cụ thể để quần chúng nhân dân có được ý thức, trách nhiệm của người làm chủ và có điều kiện làm chủ thực sự.

Mặt khác, để bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của Đảng và đưa những chủ trương, đường lối vào cuộc sống, thì công tác tuyên truyền, thuyết phục, giáo dục, vận động Nhân dân đi theo đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. Khi

Nhân dân có niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, họ sẽ tự giác gắn bó, đồng lòng thực hiện các quyết sách chính trị, giúp quá trình triển khai chủ trương, chính sách được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả hơn. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

“Luôn luôn thắt chặt quan hệ với quần chúng, học tập quần chúng, tìm hiểu, lắng nghe nguyện vọng và ý kiến của quần chúng để phản ánh cho Đảng và kịp thời giải quyết một cách thích đáng. Ra sức tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng trong quần chúng, tổ chức quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách và nghị quyết của Đảng; phát triển ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng” [66, tr.243].

Để phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng, Đảng không chỉ đề ra đường lối đúng đắn mà còn phải tổ chức, tập hợp lực lượng, giác ngộ Nhân dân, tuyên truyền và giải thích rõ ràng để Nhân dân hiểu và tự giác thực hiện. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Chúng ta phải tổ chức, giải thích, tuyên truyền và cổ động cho thật rộng khắp. Sao cho mọi người phấn khởi làm trọn nhiệm vụ công dân của mình...” [66, tr.298]. Người cũng rút ra kết luận: “Nói tóm lại: đồng bào thiếu số hay là đa số, lương hay là giáo, cán bộ biết cách làm thì đều vận động được” [60, tr.97].

Hiệu quả của công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng không chỉ phụ thuộc vào nội dung, hiệu quả hoạt động thực tiễn của những chủ trương, nghị quyết đó mà còn nằm ở phương pháp thực hiện, ở vai trò, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là những người trực tiếp làm CTDV. Sự gắn kết chặt chẽ giữa Đảng và Nhân dân không chỉ là điều kiện cần để bảo đảm hiệu quả công tác tuyên truyền mà còn là nền tảng tạo nên sức mạnh tổng hợp, bảo vệ và phát triển sự nghiệp cách mạng. Đó là sự thống nhất biện chứng giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và sức mạnh quần chúng, tạo nên động lực bền vững để thực hiện thành công mục tiêu của cách mạng Việt Nam.

2.2.3.2. Xây dựng, chỉnh đốn đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, gương mẫu, xứng đáng với niềm tin của Nhân dân

Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên và xem đây là yếu tố quan trọng quyết định thành bại của cách mạng. Người nhấn mạnh cán bộ phải có đức, có tài, là “công bộc” trung thành của Nhân dân, Bởi, theo Người: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [57, tr.309], “Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Vì vậy, Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như

người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta” [57, tr.313].

Đề Đảng và Nhân dân ngày càng gắn bó, người cán bộ phải là cầu nối, là cánh tay đắc lực của cả Đảng và Nhân dân, cán bộ phải vừa truyền đạt chủ trương của Đảng, vừa nắm bắt tâm tư nguyện vọng của Nhân dân để phản ánh kịp thời, giúp Đảng và Chính phủ hoạch định chính sách sát thực tiễn và giúp Nhân dân hiểu để thi hành. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng” [57, tr.309].

Muốn xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh thì phải thường xuyên rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên theo chuẩn mực đạo đức cách mạng: trung với nước, hiếu với dân, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Muốn vậy, người cách mệnh phải “không hiếu danh, không kiêu ngạo”, “nói thì phải đi đôi với làm”, phải “giữ chủ nghĩa cho vững” và “ít lòng tham muốn về vật chất”. Trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*” (10-1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích rõ phận sự của người cán bộ, đảng viên là: “phải đặt lợi ích của Đảng lên trên hết, lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc” [57, tr.290]. Đồng thời, Người đặc biệt cảnh báo về nguy cơ của chủ nghĩa cá nhân - kẻ thù chính của những thói hư tật xấu trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm nảy sinh nhiều căn bệnh như tham lam, lười biếng, kiêu ngạo, hiếu danh, bè phái, xu nịnh, a dua... vì theo Hồ Chí Minh: “Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm” [57, tr.295]. Do đó, phải kiên quyết đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân, thực hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc, chân thành, góp phần đoàn kết và nâng cao phẩm chất đội ngũ cán bộ, đảng viên. Người chỉ rõ: “Mục đích phê bình cốt để giúp nhau sửa chữa, giúp nhau tiến bộ. Cốt để sửa đổi cách làm việc cho tốt hơn, đúng hơn. Cốt đoàn kết và thống nhất nội bộ. Vì vậy, phê bình mình cũng như phê bình người phải ráo riết, triệt để, thật thà, không nề nang, không thêm bớt. Phải vạch rõ cả ưu điểm và khuyết điểm. Đồng thời, chớ dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọc. Phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người” [57, tr.272]. Ngoài ra, phải nâng cao tinh thần phục vụ dân, yêu dân, kính dân, biết dựa vào dân, khiêm tốn, thật thà ngay thẳng, nhất là phải luôn luôn tôn trọng quyền làm chủ của Nhân dân.

Tháng 5-1952, trong *Bài nói tại lớp chính huấn đầu tiên của Trung ương*, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Mục đích chính Đảng là nâng cao tư tưởng và trình độ

chính trị của đảng viên và cán bộ, làm cho đảng viên và cán bộ theo đúng quan điểm và lập trường vô sản” [59, tr.415]. Người cũng nhấn mạnh thêm: “Chỉnh Đảng phải có trọng tâm: chỉnh đốn tư tưởng rồi mới chỉnh đốn tổ chức. Chỉnh huấn cán bộ rồi mới chỉnh huấn toàn thể đảng viên” [59, tr.415]. Mục đích và những phương pháp mà Người đưa ra trong việc chỉnh đốn Đảng đều nhằm giúp cho Đảng ngày càng tốt lên, mỗi cán bộ, đảng viên ngày càng rèn luyện được những phẩm chất đạo đức tốt, xứng đáng với Nhân dân.

Trước lúc đi xa, trong tác phẩm *Di chúc*, Hồ Chí Minh căn dặn: “việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Làm được như vậy, thì dù công việc to lớn mấy, khó khăn mấy chúng ta cũng nhất định thắng lợi” [67, tr.616]. Đó là điều kiện tiên quyết để Đảng xứng đáng với vai trò lãnh đạo và niềm tin của Nhân dân.

Vì vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu có đức, có tài, nói đi đôi với làm, thực sự trong sạch, gương mẫu, chí công vô tư.

2.2.3.3. Ngăn chặn và đẩy lùi các nguy cơ suy thoái của Đảng cầm quyền, nhất là bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí

Trong điều kiện một Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh không những sớm nhìn thấy những vắn nạn của một bộ máy quyền lực “tách khỏi dân, đứng trên dân, ức hiếp dân” mà Người còn thấy trước cả những vắn đề phức tạp của một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu đi lên CNXH với nền sản xuất nhỏ, công cụ sản xuất thô sơ. Trong điều kiện như vậy, không tránh khỏi những vắn đề tiêu cực xảy ra trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhiều tệ nạn xã hội khác nảy sinh, làm mục ruỗng bộ máy của Đảng và Nhà nước, làm mất đi bản chất của Đảng, phá hoại tình đoàn kết gắn bó giữa Đảng với dân.

Với tầm nhìn nhạy bén, ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy những nguy cơ có thể xảy ra của một Đảng cầm quyền như: xa rời quần chúng nhân dân, xa rời mục tiêu, lý tưởng của Đảng, của cách mạng, dễ khoác lên mình cái mác “quan cách mạng”, dễ nảy sinh nhiều thói hư, tật xấu trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ chủ chốt (quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham ô, lãng phí, cậy quyền, sách nhiễu Nhân dân, bè phái, cục bộ, ham chuộng hình thức, lười làm việc bàn giấy, vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm....).

Những khuyết điểm đó rất nguy hiểm vì nó phá hoại Đảng ta từ bên trong. Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhanh chóng chỉ đạo toàn Đảng chấn chỉnh những khuyết điểm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ cấp chiến lược, để củng cố niềm tin của Nhân dân. Bởi vậy, ngay trong *Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*, ngày 17-10-1945, Người đã phê phán, cảnh tỉnh cán bộ, đảng viên nắm giữ các chức vụ, quyền hạn trong bộ máy chính quyền các cấp mắc phải một số căn bệnh như: trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo...

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, nguyên nhân của những căn bệnh trên là do xa dân, không gần dân, không hiểu dân, khinh dân, không tin dân, không yêu thương Nhân dân, chỉ biết đòi hỏi, vơ vĩnh Nhân dân mà không biết giúp đỡ dân. Để chữa được những bệnh đó, Hồ Chí Minh cho rằng phải theo đúng nguyên tắc đường lối Nhân dân:

“Đặt lợi ích nhân dân lên trên hết; Liên hệ chặt chẽ với nhân dân; Việc gì cũng bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ; Có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước nhân dân, và hoan nghênh nhân dân phê bình mình; Sẵn sàng học hỏi nhân dân; Tự mình phải làm gương mẫu cần kiệm liêm chính, để nhân dân noi theo” [59, tr.177].

Sự suy thoái của một đảng cầm quyền, nếu xảy ra, sẽ tác động trực tiếp và nghiêm trọng đến uy tín chính trị của Đảng, làm xói mòn niềm tin của Nhân dân, từ đó từng bước làm rạn nứt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân - nền tảng sống còn của chế độ. Nguy cơ này không chỉ bộc lộ những hạn chế trong công tác cán bộ và chất lượng đội ngũ đảng viên, mà còn phơi bày bất cập trong cơ chế tự kiểm soát quyền lực của Đảng, khi quyền lực không được ràng buộc bằng trách nhiệm và đạo đức công vụ. Chính vì vậy, mỗi cán bộ, đảng viên càng phải nghiêm khắc rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, giữ gìn lối sống trong sạch, lành mạnh; đồng thời phải yêu dân, kính dân, luôn dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân trong mọi hoạt động của mình. Cần thấm nhuần sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: sống khiêm tốn, trung thực, thẳng thắn; hành động cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư; đặc biệt là phải tuyệt đối tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, coi việc phụng sự Nhân dân là lẽ sống và trách nhiệm thiêng liêng. Như Người từng căn dặn: “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta” [56, tr.65]. Đó không chỉ là nguyên tắc đạo đức, mà còn là kim chỉ nam hành động của người cán bộ trong mọi hoàn cảnh.

2.2.3.4. Nhân dân đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, cảnh giác trước các luận điệu xuyên tạc, âm mưu chia rẽ của thực dân, đế quốc và các thế lực phản động

Trong suốt chặng đường cách mạng đầy gian khổ nhưng cũng hết sức vẻ vang của dân tộc Việt Nam, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng luôn là nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Chính vì vậy, việc Nhân dân một lòng đoàn kết, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời cảnh giác, kiên quyết đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc, âm mưu chia rẽ của kẻ thù là yêu cầu khách quan, mang ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng.

Trước hết, Nhân dân cần tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng - lực lượng duy nhất có đủ bản lĩnh chính trị, trí tuệ, và kinh nghiệm để dẫn dắt cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi. Không phải ngẫu nhiên mà Đảng trở thành đội tiên phong của GCCN, Nhân dân lao động và của cả dân tộc. Chính sự lãnh đạo kiên định, đúng đắn của Đảng đã đưa dân tộc ta từ thân phận nô lệ trở thành người chủ của đất nước. Niềm tin vào Đảng vì thế không chỉ xuất phát từ lý tưởng cách mạng cao đẹp, mà còn được hun đúc từ thực tiễn lịch sử, được chứng minh qua các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, đưa đất nước đi lên CNXH mà Đảng và Nhân dân ta đã cùng nhau giành được. Niềm tin này chính là cơ sở để toàn dân đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, chung sức, chung lòng vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

Bên cạnh đó, Nhân dân cần phải nâng cao cảnh giác trước các thủ đoạn, âm mưu thâm độc, gây chia rẽ của các thế lực thù địch. Không nên tin theo lời dụ dỗ, lôi kéo của thực dân, đế quốc, phản bội lại đồng bào, bán nước, hại dân. Để chống phá cách mạng, chống phá Đảng và Nhà nước ta, hòng chia rẽ mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, chúng luôn tìm cách chia rẽ khối đại đoàn kết, gieo rắc hoài nghi, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, hành động khiêu khích, gây chia rẽ, phá hoại trong nội bộ Đảng và Nhân dân.

Lịch sử cách mạng Việt Nam, từ khi ĐCSVN ra đời cho đến nay, đã minh chứng sinh động rằng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ gắn bó hai chiều, mang tính tương hỗ, thống nhất và không thể tách rời. Đảng ra đời từ khát vọng độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân; vì vậy, toàn bộ mục tiêu, đường lối và hành động của Đảng đều hướng về lợi ích chính đáng của Nhân dân. Ngược lại, chính Nhân

dân - với sức mạnh vô tận và niềm tin sắt son - là điểm tựa, là nguồn lực bất tận để Đảng có thể lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi. Đảng là của dân, do dân, vì dân; Nhân dân tin Đảng, đi theo Đảng, bảo vệ Đảng và sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì lý tưởng cao cả mà Đảng đại diện. Chính sự hòa quyện giữa “ý Đảng” và “lòng dân” đã tạo nên sức mạnh vô song, đưa dân tộc Việt Nam vượt qua bao thử thách lịch sử - từ các cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại đến công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân không chỉ là cội nguồn của sức mạnh cách mạng mà còn là yếu tố quyết định thành công, bảo đảm cho sự trường tồn của Đảng và chế độ.

Nhận thức rõ tầm quan trọng sống còn của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, các thế lực thù địch luôn tìm cách phá hoại bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, công khai lẫn ngầm ngấm. Chúng lợi dụng khó khăn kinh tế, sai sót trong quản lý, hay yếu kém của một số cán bộ để gieo rắc hoài nghi, chia rẽ Nhân dân với Đảng, làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc và lung lay niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng. Chúng xuyên tạc tình hình đất nước, kích động ở vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, biên giới, hải đảo; cổ súy đa nguyên, đa đảng, mua chuộc, lôi kéo đảng viên và quần chúng ưu tú, nhằm làm tha hóa đội ngũ, giảm sút niềm tin của Nhân dân. Do đó, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh phải: “Quyết tâm đánh bại mọi hoạt động gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch; ngăn chặn và trấn áp kịp thời mọi âm mưu của bọn phản động; bảo vệ tốt các cơ quan đầu não, các lực lượng vũ trang, các mối giao thông vận tải, tài sản của Nhà nước và của nhân dân...” [67, tr.168].

Vì vậy, mỗi người dân cần tỉnh táo nhận diện, đấu tranh, phản bác lại những luận điệu sai trái, thù địch, đồng thời kiên quyết bảo vệ lý tưởng của Đảng, ủng hộ Đảng và sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, sự gắn bó giữa Đảng và Nhân dân phải được thể hiện bằng hành động cụ thể: Nhân dân phải tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, đóng góp xây dựng quê hương, đất nước; đồng thời Đảng và Nhà nước phải không ngừng lắng nghe, thấu hiểu và giải quyết kịp thời những nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Tiểu kết chương 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là một trong những nội dung cốt lõi trong di sản tư tưởng của Người, có ý nghĩa sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn. Theo Người, đó là mối quan hệ mật thiết, là nền tảng bảo đảm mọi

thắng lợi của cách mạng. Hồ Chí Minh khẳng định “lấy dân làm gốc”, coi Nhân dân là chủ thể sáng tạo lịch sử, là trung tâm và mục tiêu của mọi đường lối, chính sách. Sức mạnh và uy tín của Đảng bắt nguồn từ niềm tin và sự ủng hộ của Nhân dân, vì vậy Đảng phải luôn gắn bó, lắng nghe và hết lòng phục vụ Nhân dân.

Mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú và đa dạng, được thể hiện qua một số nội dung, bao gồm: *Một là*, Đảng đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết thể hiện được trí tuệ và lòng dân, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích chính đáng của Nhân dân. *Hai là*, Đảng tổ chức thực hiện, đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống của Nhân dân, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của dân, gần dân, tin dân, trọng dân. *Ba là*, Đảng không ngừng cải thiện, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. *Bốn là*, Nhân dân tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ, bảo vệ Đảng. *Năm là*, Nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng. *Sáu là*, Nhân dân thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đưa ra những quan điểm về biện pháp xây dựng, củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân kế thừa truyền thống dân tộc, tinh hoa nhân loại và được Người phát triển lên tầm cao mới, trở thành hệ giá trị định hướng cho cách mạng Việt Nam. Tư tưởng ấy là nền tảng lý luận và kim chỉ nam cho Đảng, dân tộc trong xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước. Trong giai đoạn hiện nay, tư tưởng này càng khẳng định giá trị to lớn, là điểm tựa để Đảng đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, củng cố niềm tin và gắn bó với Nhân dân.

Vì vậy, cần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về bản chất, nội dung và giải pháp xây dựng mối quan hệ Đảng - Nhân dân. Điều này đòi hỏi Đảng có bản lĩnh, trí tuệ, năng lực lãnh đạo linh hoạt, cùng với sự đồng lòng, tin tưởng và tham gia tích cực của Nhân dân. Chỉ khi mối quan hệ ấy được củng cố bền chặt, sự nghiệp cách mạng mới phát triển vững chắc, đáp ứng yêu cầu thời đại.

Chương 3

MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN Ở TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY TỪ GÓC NHÌN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

3.1.1. Khái quát tình hình Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hóa là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, là nơi hội tụ các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa đã và đang không ngừng phấn đấu biến những giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử và thiên nhiên hùng vĩ thành nguồn lực to lớn, phục vụ sự phát triển bền vững của vùng đất “địa linh nhân kiệt”, góp phần xây dựng quê hương, đất nước Việt Nam và Tỉnh nhà tươi đẹp, giàu mạnh, văn minh.

Với vị trí địa lý chiến lược đặc biệt - là cầu nối giữa vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ với đồng bằng sông Hồng - Thanh Hóa từ lâu đã giữ vai trò trọng yếu trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Mảnh đất này từng được xem là vùng đất “phên dậu”, “một vùng đất căn bản”, “đất bản triều”, là nơi phát tích nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào cách mạng hào hùng. Thanh Hóa có địa hình đẹp nhưng hiểm trở “mạch núi cao vót, sông lớn lượn quanh, biển ở phía Đông, Ai Lao sát phía Tây, Bắc giáp trấn Sơn Nam, Nam giáp đạo Nghệ An. Núi sông rất đẹp, là một chỗ đất có cảnh đẹp ở nơi xung yếu... Bởi vì đất thiêng thì người giỏi nên nảy ra những bậc phi thường...” [13, tr.70]. Được ví như “một Việt Nam thu nhỏ”, Thanh Hóa là một trong số ít địa phương sở hữu đầy đủ ba vùng địa lý đặc trưng: miền núi nối dài từ Tây Bắc Bộ, đồng bằng lớn nhất Trung Bộ, và vùng duyên hải tiếp giáp Vịnh Bắc Bộ, cùng với thềm lục địa rộng hơn 17.000 km². Tỉnh Thanh Hóa có diện tích tự nhiên 11.114,71 km², với 102 km bờ biển và 213,6 km đường biên giới với tỉnh Hòa Phấn (Lào) [127, tr.6], có hệ thống hạ tầng ngày càng hoàn thiện với các đầu mối giao thông quan trọng như Cảng hàng không Thọ Xuân, Khu kinh tế Nghi Sơn gắn với Cảng nước sâu Nghi Sơn và 8 khu công nghiệp lớn. Mạng lưới giao thông đa dạng, đồng bộ gồm các tuyến huyết mạch quốc gia như đường cao tốc Bắc - Nam, đường sắt Bắc - Nam, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 1A, quốc lộ 10, 15, 45, 47, 217, và tuyến đường ven biển, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội toàn diện và hội nhập sâu rộng với các vùng, miền trong cả nước.

Sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa diễn ra trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, khi phong trào cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN đang phát triển mạnh mẽ sau Hội nghị thành lập Đảng tháng 2/1930. Đây cũng là thời kỳ thực dân Pháp đẩy mạnh chính sách đàn áp, bóc lột tàn bạo, khiến đời sống Nhân dân lâm vào cảnh lầm than. Tuy nhiên, chính trong bối cảnh đó, tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường của Nhân dân cả nước nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng càng được khơi dậy và hun đúc mạnh mẽ.

Tại Thanh Hóa, phong trào yêu nước và đấu tranh cách mạng sớm được hình thành và lan rộng dưới nhiều hình thức phong phú: từ các cuộc khởi nghĩa của nông dân chống ách thống trị thực dân, đến hoạt động bí mật của các tổ chức yêu nước tiên bộ. Đặc biệt, tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền bá sâu rộng trong quần chúng thông qua các tài liệu, sách báo cách mạng và sự hoạt động bền bỉ của những cán bộ tiên phong. Tinh thần đấu tranh bất khuất của người dân xứ Thanh không chỉ được kế thừa từ truyền thống yêu nước lâu đời, mà còn được tiếp thêm lửa từ ảnh hưởng sâu sắc của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh - biểu tượng sáng ngời về tinh thần đấu tranh kiên cường của giai cấp công - nông miền Trung lúc bấy giờ.

Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930-1931) không chỉ tạo tiếng vang trên cả nước mà còn có sức lan tỏa mạnh mẽ đến tỉnh Thanh Hóa - nơi phong trào công nhân và nông dân đang từng bước chuyển mình từ tự phát sang tự giác. Các cuộc bãi công, biểu tình, đấu tranh đòi quyền lợi của Nhân dân Thanh Hóa diễn ra ngày càng quy mô và có tổ chức hơn, phản ánh yêu cầu cấp thiết phải có một tổ chức chính trị lãnh đạo thống nhất. Chính trong bối cảnh đó, ngày 29/7/1930, tại làng Yên Trường, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân (nay là xã Thọ Lập), Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa chính thức được thành lập - một sự kiện tất yếu mang tính bước ngoặt, đánh dấu giai đoạn phát triển mới đầy khí thế của phong trào cách mạng địa phương, đồng thời góp phần vào dòng chảy sôi động của cách mạng cả nước.

Trải qua hơn 9 thập kỷ xây dựng và trưởng thành với ba giai đoạn lịch sử chính (1930-1954; 1954-1975; 1975 đến nay), Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, từng bước lớn mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Theo *Kết luận số 3546-KL/TU* ngày 19/4/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã thống nhất chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh từ 547 xã, phường, thị trấn xuống còn 166 xã, phường [125, tr.3], gồm: 19 phường và 147 xã (71

xã đồng bằng, 76 xã miền núi). Số xã, thị trấn giáp nước bạn Lào là 16 đơn vị [127, tr.82]. Do đó, số lượng Đảng bộ trực thuộc, số TCCSĐ và chi bộ theo mô hình chính quyền hai cấp cũng có sự thay đổi theo. “Toàn tỉnh đã giảm 28 đảng bộ và thành lập mới 168 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; giảm 02 ban thuộc Tỉnh ủy và 11 đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh; thành lập Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh trên cơ sở hợp nhất 05 tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh về trực thuộc Ủy ban MTTQ tỉnh, giảm 16 phòng, ban và 01 đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; giảm 06 sở và tương đương; sáp nhập, kết thúc hoạt động của 27 đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp, sáp nhập, hợp nhất, thành lập 166 xã, phường mới, giảm 393 xã, phường, thị trấn so với đầu nhiệm kỳ... Đến nay, toàn tỉnh có 1.391 tổ chức cơ sở đảng (gồm 954 đảng bộ cơ sở, 437 chi bộ cơ sở), giảm 71 tổ chức cơ sở đảng so với đầu nhiệm kỳ 2020 – 2025” [125, tr.74]. Cùng với đó là hệ thống tổ chức đảng trong các đoàn thể, cơ quan trọng yếu của tỉnh ngày càng được củng cố. Trong suốt 95 năm qua, mỗi bước phát triển, mỗi thành tựu của tỉnh Thanh Hóa đều gắn liền với vai trò lãnh đạo toàn diện, sâu sát của Đảng bộ tỉnh và sự đồng lòng, nhất trí, ủng hộ to lớn từ Nhân dân - những người luôn là chủ thể, là động lực và là mục tiêu của sự nghiệp cách mạng.

Thấm nhuần sâu sắc các quan điểm, chủ trương lớn của Đảng, đặc biệt là những định hướng mang tính chiến lược nêu trong *Nghị quyết số 58-NQ/TW* ngày 5/8/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về “Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã chủ động nhận diện rõ thời cơ, vận hội đan xen với những khó khăn, thách thức trong bối cảnh phát triển mới của đất nước và khu vực. Trên cơ sở đánh giá đúng tình hình và tiềm năng nội tại, *Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX*, đã thống nhất cao với các quan điểm, phương châm hành động, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2025-2030: “...phát huy tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, khát vọng đi đầu để bứt phá đi lên, xây dựng Thanh Hóa thực sự trở thành cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung bộ và Nam đồng bằng Bắc bộ” [125, tr.132], với mục tiêu “Phấn đấu đến năm 2030 Thanh Hóa trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc” [125, tr.134]. Để hiện thực hóa khát vọng phát triển mạnh mẽ đó, tỉnh Thanh Hóa đã xác định nhiệm vụ then chốt là tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và

sức chiến đấu của toàn Đảng bộ; đồng thời phát huy cao độ truyền thống lịch sử - văn hóa hào hùng, tinh thần đoàn kết nội sinh, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên vì một Thanh Hóa phát triển nhanh, toàn diện, bền vững, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững được đặt trong nền tảng nông nghiệp, lấy công nghiệp nặng làm trụ cột, trong đó các lĩnh vực công nghiệp năng lượng, chế biến - chế tạo và dịch vụ logistics đóng vai trò đột phá, còn du lịch được xác định là ngành mũi nhọn. Tỉnh tập trung phát triển đồng bộ bốn trung tâm kinh tế động lực, năm trụ cột tăng trưởng và sáu hành lang kinh tế chiến lược, tạo sự lan tỏa và liên kết vùng hiệu quả. Bên cạnh đó, Thanh Hóa chú trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh, giữ gìn ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Những thành tựu đạt được và bước chuyển mình mạnh mẽ của tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ mới là kết quả của quá trình đồng tâm hiệp lực, sự chung sức, đồng lòng giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân toàn tỉnh. Trên hết, đó là minh chứng sinh động cho mối quan hệ khăng khít, gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân xứ Thanh - cội nguồn tạo nên sức mạnh nội sinh to lớn, thúc đẩy Tỉnh phát triển nhanh, mạnh và bền vững trên con đường hội nhập và hiện đại hóa.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, toàn thể Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết một lòng, cùng nhau xây dựng tỉnh Thanh Hóa phát triển mạnh mẽ như ngày hôm nay với những thành tựu nổi bật trên tất cả các lĩnh vực, các phương diện với mục tiêu biến tỉnh Thanh Hóa trở thành “tỉnh kiểu mẫu”, một cực tăng trưởng mới, để xứng đáng với lời dạy và mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3.1.2. Khái quát tình hình Nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Theo số liệu thống kê từ cơ sở dữ liệu về dân cư, dân số thường trú và tạm trú tại Thanh Hóa tính đến ngày 31/12/2022 là 4.357.523 người (bao gồm dân số thường trú là 4.209.293 người, dân số tạm trú quy đổi là 148.230 người), đứng thứ ba trong cả nước, sau hai thành phố lớn trực thuộc trung ương là Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Còn theo số liệu mới nhất được công bố trong “*Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025*” của UBND tỉnh Thanh Hóa số 84 /ĐA-UBND ngày 29/4/2025, quy mô dân số của tỉnh Thanh Hóa là 4.324.783 người [127, tr.6].

Dân cư tỉnh Thanh Hóa phân bố không đồng đều giữa các khu vực địa lý và đơn vị hành chính. Mật độ dân số tập trung cao tại các đô thị, vùng ven biển, ven sông - nơi có điều kiện thuận lợi về giao thông, sản xuất và dịch vụ. Trong khi đó, các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo lại có mật độ dân số thấp, dân cư thưa thớt do địa hình hiểm trở và điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều hạn chế.

Về thành phần dân tộc, Thanh Hóa là tỉnh có cơ cấu dân cư phong phú với sự hiện diện của nhiều tộc người, trong đó “chủ yếu là bảy dân tộc: Kinh, Mường, Thái, Thổ, Dao, Mông và Khơ Mú. Người Kinh chiếm đa số với khoảng 84,4% tổng dân số và phân bố rộng rãi trên toàn tỉnh. Người Mường chiếm 8,7%, người Thái 6%, còn lại là các dân tộc thiểu số khác chủ yếu sinh sống ở các vùng núi cao, vùng biên giới phía Tây” [124, tr,1]. Tính đa dạng về dân tộc không chỉ tạo nên bản sắc văn hóa phong phú cho tỉnh Thanh Hóa, mà còn mở ra tiềm năng lớn trong phát triển du lịch văn hóa - sinh thái. Tuy nhiên, sự khác biệt về điều kiện địa lý, tập quán sản xuất và mức độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng miền cũng đặt ra những thách thức lớn đối với mục tiêu phát triển đồng đều và bền vững.

Về tôn giáo, theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2019 do Tổng cục Thống kê công bố, tỉnh Thanh Hóa có 9 tôn giáo với tổng số tín đồ là 159.466 người. Trong đó, Công giáo chiếm tỷ lệ lớn nhất với 149.990 người, tiếp đến là đạo Tin Lành (7.890 người), Phật giáo (1.447 người). Các tôn giáo khác như Hồi giáo (95 người), Cao Đài (23 người), Minh Sư đạo (14 người), Phật giáo Hòa Hảo (4 người), Tứ Ân Hiếu Nghĩa (2 người) và Minh Lý đạo (1 người), là những tôn giáo có số lượng tín đồ rất nhỏ, phân bố rải rác. Bức tranh tôn giáo tại tỉnh Thanh Hóa thể hiện sự phong phú nhưng đồng thời cũng yêu cầu chính quyền các cấp quan tâm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Theo số liệu thống kê mới nhất tính đến năm 2025, tổng số tín đồ các tôn giáo được công nhận tại Thanh Hóa khoảng hơn 300.000 người, chiếm khoảng 8 – 8,5 % dân số toàn tỉnh, trong đó có 4 tôn giáo chính đang hoạt động là: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành và đạo Cao Đài (theo nguồn Chính phủ, Ủy ban Tôn giáo và các báo chính thống). Các tôn giáo khác (như đạo lạ, tổ chức tôn giáo chưa được cấp phép) tồn tại nhưng số lượng tín đồ rất nhỏ.

Với bề dày hơn 990 năm danh xưng Thanh Hóa, đã hun đúc nên truyền thống vẻ vang và bản chất tốt đẹp của con người Xứ Thanh. Nhân dân tỉnh Thanh Hóa luôn có

tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống đoàn kết, gắn bó, tương thân, tương ái, đùm bọc lẫn nhau, luôn phát huy tinh thần sáng tạo trong lao động, quật cường trong chiến đấu, cương trực, thẳng thắn, trọng nghĩa tình; có mối quan hệ tự nhiên gắn bó mật thiết với Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Nhờ mối quan hệ đó, tỉnh Thanh Hóa đã có những bước phát triển vượt bậc như ngày hôm nay. Tất cả đã hun đúc nên con người Xứ Thanh vừa mang trong mình bản sắc cội nguồn người Việt, vừa thể hiện những nét đặc trưng riêng.

Thanh Hóa cũng là mảnh đất có truyền thống hiếu học, cần cù, siêng năng, chịu khó, lại mưu trí, anh dũng, kiên cường, người dân luôn nỗ lực học tập, lao động, chiến đấu vì quê hương, đất nước. Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, người dân Thanh Hóa luôn hiện lên với hình ảnh kiên cường, bất khuất, mưu trí và dũng cảm. Từ cuộc khởi nghĩa hào hùng của Bà Triệu chống quân Đông Ngô, đến chiến công của Dương Đình Nghệ - người từ xứ Thanh kéo quân ra Đại La, giành lại La Thành và cai quản đất nước dưới danh nghĩa Tiết độ sứ, tinh thần quật khởi ấy đã trở thành biểu tượng cho khí phách của con người nơi đây. Thanh Hóa còn được mệnh danh là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, nơi phát tích của nhiều vương triều phong kiến Việt Nam như Tiền Lê, Hậu Lê, Nhà Hồ và Nhà Nguyễn. Những nhân vật kiệt xuất như Lê Hoàn, Hồ Quý Ly, Lê Lợi không chỉ lên ngôi hoàng đế mà còn để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử dân tộc, làm rạng danh xứ Thanh với những đóng góp quan trọng về chính trị, quân sự và văn hóa. Người Thanh Hóa không chỉ “lên ngựa cầm gươm” để bảo vệ non sông mà còn “xuống ngựa cầm bút” để khai sáng trí tuệ dân tộc. Cha con Hồ Quý Ly từng xây dựng Thành Nhà Hồ - một công trình quân sự kiên cố và độc đáo, chế tạo súng thần công, đúc tiền đồng, đặt nền móng pháp luật cho triều đại mới. Lê Văn Hưu với bộ “Đại Việt sử ký”, Lê Lợi với “Lam Sơn thực lục”... đều là những minh chứng cho tài năng, trí tuệ và tinh thần sáng tạo của người xứ Thanh. Trong thời đại Hồ Chí Minh, Nhân dân Thanh Hóa tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, góp phần quan trọng vào thắng lợi của các cuộc kháng chiến vĩ đại. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Thanh Hóa không chỉ là hậu phương chiến lược mà còn là trung tâm văn hóa kháng chiến, nơi quy tụ sức người, sức của chi viện cho chiến dịch Điện Biên Phủ, được xem là “Thủ đô Văn hóa kháng chiến”, đã góp phần cùng cả nước làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954) “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, khiến cho cả thế giới phải nể sợ Việt Nam, được Chủ tịch Hồ Chí Minh khen

ngôi “Bây giờ tiếng Việt Nam đến đâu, tiếng Điện Biên Phủ đến đó; tiếng Điện Biên Phủ đến đâu, đồng bào Thanh Hóa cũng có một phần vinh dự đến đó” [62, tr.598]. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Thanh Hóa tiếp tục hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ chiến lược: vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc, vừa chi viện cho miền Nam ruột thịt, góp phần quan trọng làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Nhiều tên đất, tên làng của xứ Thanh đã đi vào lịch sử, vang lên những khúc tráng ca bất tử cùng Tổ quốc và dân tộc, khắc sâu vào lịch sử như biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Linh khí núi sông đã hun đúc nên con người xứ Thanh có hội tụ đầy đủ những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc. Những phẩm chất ấy trở thành truyền thống quý báu, được tiếp nối qua các thế hệ, làm nên một Thanh Hóa kiêu hãnh trong quá khứ và khát vọng vươn lên trong hiện tại. Ngày nay, người Thanh Hóa không ngừng học tập, lao động sáng tạo, xây dựng quê hương phát triển bền vững, văn minh, hội nhập. Mỗi người dân cần tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống trước tác động của cơ chế thị trường và toàn cầu hóa. Việc xây dựng hình ảnh người Thanh Hóa phát triển toàn diện về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, tuân thủ pháp luật, đáng tin cậy trong mắt bạn bè trong nước và quốc tế, phải được xem là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Tình hình Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa nêu trên có tác động sâu sắc đến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

Thuận lợi: Thanh Hóa là tỉnh có truyền thống yêu nước, cách mạng lâu đời, Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử. Điều này tạo nền tảng vững chắc để củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Mặt khác, những năm gần đây, Thanh Hóa có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, đặc biệt với các khu công nghiệp, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao nên đời sống Nhân dân được nâng cao, tạo sự tin tưởng vào chính sách của Đảng và Nhà nước. Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng cán bộ, chống tham nhũng, quan liêu; sự đổi mới trong công tác lãnh đạo, gần dân, lắng nghe dân giúp tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và Nhân dân.

Khó khăn: Một số chủ trương, chính sách chậm đi vào cuộc sống hoặc chưa thực sự phát huy hiệu quả, làm giảm niềm tin của Nhân dân vào Đảng; một số nơi, việc triển

khai chưa đồng bộ, gây khó khăn trong thực hiện. Dù công tác xây dựng Đảng được chú trọng, nhưng vẫn còn tình trạng một số cán bộ, đảng viên xa rời Nhân dân, tham ô, lãng phí gây mất niềm tin của Nhân dân. Mặt khác, một số huyện miền núi còn nghèo, cơ sở hạ tầng kém phát triển, đời sống Nhân dân khó khăn, nếu không có giải pháp phù hợp, Nhân dân dễ cảm thấy bị bỏ lại phía sau, làm suy giảm lòng tin. Các thế lực thù địch lợi dụng những hạn chế, khó khăn để xuyên tạc, bôi xấu Đảng, gây nhiễu loạn thông tin và gây hoang mang trong Nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tinh thần yêu nước nồng nàn, khối đại đoàn kết và mối quan hệ gắn bó bền chặt giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã không ngừng được củng cố, tăng cường, trở thành nguồn sức mạnh to lớn góp phần làm nên thắng lợi của cách mạng, đồng thời khẳng định vị thế, vai trò quan trọng của người xứ Thanh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2. THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN Ở TỈNH THANH HÓA TỪ NĂM 2015 ĐẾN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

3.2.1. Thành tựu và nguyên nhân

3.2.1.1. Thành tựu

Một là, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các đường lối, chủ trương, nghị quyết, văn bản kịp thời, hiệu quả để lãnh đạo Nhân dân

Việc ban hành và thực hiện kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch, kết luận, các văn bản của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trong đó, công tác quán triệt, phổ biến đóng vai trò then chốt, giúp đưa quan điểm, đường lối của Đảng vào thực tiễn, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. *Văn kiện XIX* của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa nhận định: “BTV Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đã đổi mới việc học tập, quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng; tổ chức bằng nhiều hình thức, trực tiếp cho cán bộ chủ chốt và trực tuyến đến cơ sở, để đông đảo cán bộ, đảng viên tham gia học tập, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống” [30, tr.47]. Đổi mới hình thức học tập nghị quyết đã góp phần nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên; từ đó lan tỏa tinh thần chấp hành, thực hiện chủ trương của Đảng, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân.

Trên cơ sở định hướng từ Trung ương và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền KTTT, tỉnh Thanh Hóa đã tập trung thể chế hóa, ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển KTTT theo định hướng XHCN, gồm: *Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVII)* “về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững”; *Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/01/2019 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII)* “về tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; *Kết luận số 55-KL/TU ngày 29/11/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII)* “về phát triển doanh nghiệp đến năm 2020”; Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình phát triển Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình phát triển đô thị đến năm 2020; Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020; các cơ chế, chính sách: Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, thương mại đến năm 2020; Chính sách khuyến khích phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020; Cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020; Cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực giáo dục có chất lượng cao cho cấp trung học phổ thông; Chính sách khuyến khích phát triển các trường mầm non ngoài công lập ở những nơi có điều kiện trên địa bàn tỉnh; Cơ chế, chính sách khuyến khích xử lý rác thải theo hình thức đốt... [112, tr.2].

Thực hiện chủ trương chung, tỉnh Thanh Hóa đã kịp thời triển khai hiệu quả 10 Luật có hiệu lực từ ngày 1/7/2024, trong đó nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống người dân như: *Luật Căn cước*, *Luật về lực lượng bảo vệ an ninh trật tự tại cơ sở*, *Luật Giao dịch điện tử*, *Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, *Luật Phòng thủ dân sự*... Đồng thời, tỉnh cũng chủ động thực hiện các quy định về cải cách chính sách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp xã hội, ưu đãi người có công và các chính sách an sinh gắn với lương cơ sở có hiệu lực từ cùng thời điểm.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo ban hành các cơ chế, chính sách được HĐND tỉnh thông qua như: Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân giai đoạn 2022-2025; Cơ chế hỗ trợ phát triển cây gai xanh nguyên liệu giai đoạn 2021- 2023; Cơ chế, chính sách hỗ

trợ mua thiết bị hành trình và phí thuê bao dịch vụ thiết bị giám sát hành trình cho các chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên; Chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2022-2026; Chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025; Chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2022-2025; Chính sách khuyến khích đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý Trường THPT Chuyên Lam Sơn và các trường THPT trên địa bàn tỉnh; Chính sách thu hút bác sĩ có trình độ cao và bác sĩ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập giai đoạn 2021-2025; Chính sách hỗ trợ hoạt động và thu hút đào tạo cán bộ, giảng viên cho Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2026; Chính sách hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động gặp khó khăn do dịch Covid- 19 trên địa bàn Tỉnh [120, tr.5].

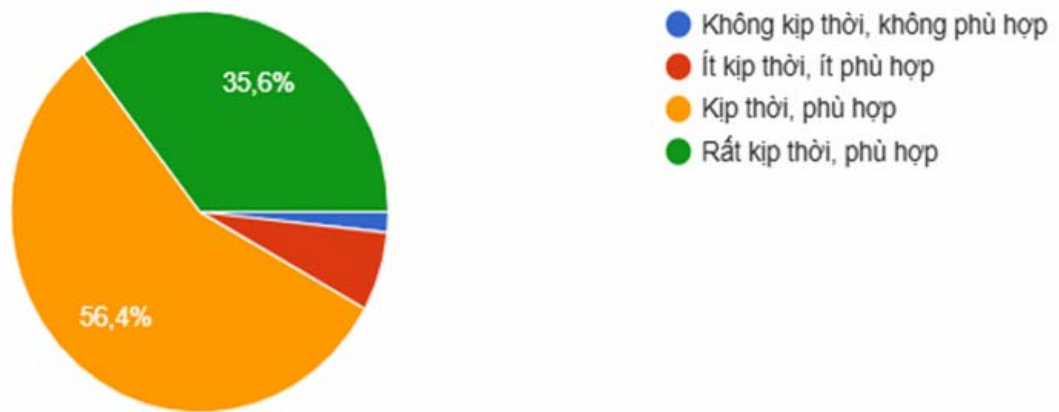
Sau gần nhiệm kỳ thực hiện *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX* (2020-2025), Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thanh Hóa đã phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; triển khai quyết liệt, đồng bộ, sáng tạo các nghị quyết trọng tâm như: *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX*, *Nghị quyết Đại hội XIII* của Đảng, *Nghị quyết 58-NQ/TW* và các văn bản Trung ương. Nhiều cơ chế, chính sách phù hợp thực tiễn được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển.

Ngay sau khi tiếp thu các văn bản mới của Trung ương và từ thực tiễn của tỉnh, BTV Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành *Kế hoạch số 158* về học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII và của BTV Tỉnh ủy. Đồng thời, phân công Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh và các Ban Đảng tham mưu cho BTV Tỉnh ủy ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo cụ thể. Nhiều văn bản Trung ương quan trọng đã được cụ thể hóa kịp thời bằng các kế hoạch hành động như: *Chỉ thị số 23-CT/TW* về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; *Kết luận số 49-KL/TW* về phát triển đường sắt; *Kết luận 55-KL/TW* về kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế; *Chỉ thị 21-CT/TW* về nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; *Kết luận 58-KL/TW* về tổ chức Hội Người cao tuổi; *Nghị quyết 34-NQ/TW* về định hướng đối ngoại; *Kết luận 61-KL/TW* về phát triển rừng; *Chỉ thị 24-CT/TW* về bảo đảm

an ninh quốc gia; *Chỉ thị 22-CT/TW* và *Chỉ thị 17-CT/TU* về lãnh đạo Đại hội MTTQ; *Kết luận 54-KL/TW* về phát huy vai trò Nhân dân trong phòng chống suy thoái; *Kết luận 50-KL/TW* về sắp xếp tổ chức bộ máy; *Quy định 114-QĐ/TW* về kiểm soát quyền lực; *Chỉ thị 16-CT/TU* về sắp xếp đơn vị hành chính; *Quy định 110-QĐ/TW* về luân chuyển cán bộ kiểm tra; *Quy định 117-QĐ/TW* về phục hồi quyền lợi đảng viên bị kỷ luật oan; *Kết luận 57-KL/TW* về nâng cao chất lượng thông tin đối ngoại; và *Quy định 85-QĐ/TW* về sử dụng mạng xã hội của cán bộ, đảng viên.

Như vậy, đến nay, Đảng bộ tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, nghị quyết, các văn bản, chỉ thị, kết luận một cách kịp thời, phát huy được quyền làm chủ của Nhân dân, hợp với lòng dân, góp phần xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa trở thành một cực tăng trưởng mới, qua đó đã khơi dậy tinh thần tích cực, hăng hái của các tầng lớp nhân dân tham gia vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước nói chung, tỉnh nhà nói riêng. Nhờ triển khai nhiều chủ trương, giải pháp phù hợp, đúng đắn, nên mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những tác động tiêu cực chưa từng có do đại dịch COVID-19 gây ra, nhưng bức tranh tổng thể về kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa vẫn tiếp tục khởi sắc.

Theo kết quả điều tra khảo sát cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (xem phụ lục 3), qua tổng hợp 486 phiếu điều tra cho thấy: Phần lớn người dân đánh giá tích cực, với 274/486 phiếu chiếm 56,4% cho rằng “việc ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước tại địa phương là “kịp thời và phù hợp” với thực tế đời sống, nhu cầu và điều kiện của người dân; 173/486 phiếu chiếm 35,6% cho là “rất kịp thời, phù hợp”, phản ánh sự hài lòng sâu sắc và tin tưởng của người dân đối với tính linh hoạt, sát thực tế trong công tác điều hành chính sách tại địa phương. Trong khi đó, số phiếu cho là “ít kịp thời, ít phù hợp” chỉ có 31/486 phiếu, chiếm 6,4%, và “không kịp thời, không phù hợp” chiếm 1,6%, cho thấy số lượng người dân chưa hài lòng là rất nhỏ và không đáng kể. Việc hơn 90% người dân đánh giá “kịp thời” hoặc “rất kịp thời” cho thấy hiệu quả quản lý, điều hành cũng như sự cải thiện trong khâu tổ chức thực hiện chính sách công tại địa phương, đồng thời phản ánh niềm tin và sự đồng thuận của người dân đối với quá trình thực thi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở cấp địa phương.



Biểu đồ 3.1. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về việc ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

(Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án)

Hai là, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa định hướng, lãnh đạo chính quyền thể chế hóa các chủ trương, đường lối, nghị quyết trong thực tiễn, góp phần kịp thời giải quyết những vấn đề đặt ra cho Nhân dân

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thể chế hóa, cụ thể hóa Điều lệ Đảng, các quy định của Trung ương, các chỉ thị, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Tỉnh trong thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện trên nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội, góp phần kịp thời giải quyết những vấn đề đặt ra cho Nhân dân. Căn cứ Điều lệ Đảng, Quy định số 231-QĐ/TW, ngày 16/6/2009 của Ban Bí thư; BTV Tỉnh ủy đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt đến toàn thể cán bộ chủ chốt toàn Tỉnh; giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh, Đảng ủy Cơ quan cấp tỉnh hướng dẫn về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động và mối quan hệ đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện, thị xã trực thuộc tỉnh; chỉ đạo cụ thể hóa các quy định của Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức để tổ chức thực hiện ở đơn vị; giao UBKT Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các đơn vị trong quá trình thực hiện.

Trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng ở các cơ quan cấp tỉnh đã kịp thời lãnh đạo, triển khai và chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trên các lĩnh vực thuộc sự quản lý, điều hành của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Tham mưu, đề xuất, cụ thể hóa kịp thời

các chủ trương của BCH Đảng bộ tỉnh, BTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy thành các văn bản pháp lý, chương trình, kế hoạch, thể chế để thực hiện. Chuẩn bị hoặc lãnh đạo, chỉ đạo tập thể lãnh đạo tổ chức, cơ quan, đơn vị chuẩn bị những nội dung, đề án, dự án và các vấn đề trình BCH Đảng bộ tỉnh, BTV Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo quy định hoặc những vấn đề lớn, quan trọng nhạy cảm, các định hướng lớn về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng-an ninh, các vấn đề khác có liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cơ quan, đơn vị khi cần thiết. Thường xuyên giữ mối quan hệ phối hợp với các ban, UBKT, các đảng đoàn, ban cán sự đảng và các cấp ủy trong thực hiện các chủ trương, nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh, BTV Tỉnh ủy về hoạt động của tổ chức, cơ quan, đơn vị, xây dựng cơ sở đảng ở cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

BTV Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả CTDV; phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần tăng cường sự đồng thuận, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong Tỉnh.

Tập trung cụ thể hóa đường lối, chủ trương của nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Trung ương, của Tỉnh ủy về CTDV với phương châm *“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”*; xây dựng cơ chế để Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ. Chỉ đạo thực hiện chủ đề CTDV năm 2023 *“Năm đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua Dân vận khéo”*; tiếp tục chỉ đạo và nhân rộng mô hình *“Chính quyền thân thiện, vì Nhân dân phục vụ”* trên địa bàn tỉnh; tham mưu tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng các cấp về CTDV. Tham mưu, chỉ đạo thành công đại hội nhiệm kỳ Hội Nông dân và Công đoàn các cấp, nhiệm kỳ 2023–2028.

Lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về CTDV thành các nghị quyết, quy chế, quy định, cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện; trọng tâm là thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Cụ thể: Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy đã ban hành và triển khai thực hiện Quyết định số 763-QĐ/TU ngày 15/10/2021 về Quy chế CTDV của hệ thống chính trị; Kết luận số 610-KL/TU ngày 20/9/2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của

MTTQ, các đoàn thể chính trị – xã hội tỉnh Thanh Hóa; Kết luận số 684-KL/TU ngày 27/8/2021 về tăng cường CTDV trong vùng đồng bào dân tộc Mông tỉnh Thanh Hóa; Kết luận số 862-KL/TU ngày 01/8/2022 về nâng cao chất lượng CTDV ở xã, phường, thị trấn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2543-QĐ/TU ngày 17/9/2018 về ban hành Quy chế đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với MTTQ, các đoàn thể chính trị – xã hội và Nhân dân trên địa bàn tỉnh; Quy định số 1501-QĐ/TU ngày 01/8/2022 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của khối dân vận xã, phường, thị trấn; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 28/4/2023 thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường và đổi mới CTDV của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới; Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 26/6/2023 triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Hằng năm đều ban hành chương trình giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các đoàn thể chính trị – xã hội với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị; duy trì thường xuyên việc tổ chức giao ban định kỳ hằng quý với BDV, MTTQ, các đoàn thể và tổ chức làm việc đột xuất về những nội dung phát sinh liên quan đến các đoàn thể; tăng cường tiếp xúc, đối thoại, giải quyết các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của Nhân dân, doanh nghiệp, nhất là trong thực hiện thủ tục về đất đai, đầu tư xây dựng, thủ tục hành chính, bồi thường giải phóng mặt bằng, phòng, chống dịch Covid-19; kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc trong Nhân dân như ô nhiễm môi trường, nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...

Tham mưu tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác dân vận; tăng cường công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân vận cho đội ngũ cán bộ ở cơ sở; tham mưu thực hiện tốt công tác dân vận trong vùng đồng bào dân tộc, đồng bào có đạo. Chủ động nắm chắc tình hình Nhân dân, tham mưu giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh ở cơ sở.

Ba là, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã chăm lo cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân

Trong công cuộc đổi mới đất nước, từ việc vận dụng, thực hiện nghiêm túc, sáng tạo, hiệu quả các định hướng lớn trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước năm 2011*, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc tỉnh Thanh Hóa đã phát huy nội lực, khơi dậy được tiềm năng, lợi thế, tranh thủ thu hút đầu tư từ bên ngoài, đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH,

tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt. Do đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, tỉnh Thanh Hóa đã đạt được kết quả toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Giai đoạn 2016 - 2020, “tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 13,6% (năm 2016 GRDP đạt 9,05%, năm 2017 đạt 9,08%, năm 2018 đạt 15,16%, năm 2019 đạt 20%, năm 2020 đạt 15,5%). Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP chuyển dịch theo hướng tích cực; tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm mạnh từ 23,7% năm 2010 xuống còn 12,7% năm 2018, năm 2020 còn 9,3%; ngành công nghiệp, xây dựng tăng từ 36,3% lên 44% năm 2018, năm 2020 là 46,7%; ngành dịch vụ từ 36,9% xuống 36,7% năm 2018, năm 2020 là 35%; thuế sản phẩm tăng từ 3,1% lên 6,6% năm 2018, năm 2020 là 9%” [112, tr.7]. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn luôn vượt dự toán, tốc độ tăng thu bình quân hằng năm đạt 18,1%, trong nhóm các tỉnh có tốc độ tăng thu ngân sách cả nước; năm 2020 đạt 28.967 tỷ đồng, gấp 2,3 lần năm 2015 [30, tr.28]. Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Thống kê về kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2020, Thanh Hóa là địa phương có thu nhập bình quân đầu người cao nhất trong 6 tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ theo giá hiện hành là 3,510 triệu đồng (Báo Thanh Hóa). Quy mô GRDP của tỉnh năm 2020 đạt 131.199 tỷ đồng, gấp 1,77 lần năm 2015, đứng thứ 8 cả nước (sau các tỉnh, thành phố như: Tp.Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Hải Phòng, Bắc Ninh) [30, tr.24-25].

Giai đoạn 2021 - 2025: “Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt 11% trở lên” [30, tr.220-221]. Riêng giai đoạn 2021-2023, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân hàng năm đạt 9,69%, đứng thứ 5 cả nước [122, tr.1]. Chỉ tính riêng năm 2021, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 8,85%, đứng thứ 5/63 tỉnh, thành phố (đứng sau các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Quảng Ninh, Gia Lai, Ninh Thuận), GRDP bình quân đầu người đạt 2.496 USD, tăng 276 USD, thu ngân sách nhà nước đạt cao nhất từ trước đến nay, đạt 39.519 tỷ đồng, vượt 49% dự toán, tăng 25% so với năm 2020 [119, tr.2-3]. Năm 2022, quy mô GRDP (theo giá hiện hành) đạt 252.672 tỷ đồng, gấp 1,34 lần năm 2020, chiếm 12,51%, vượt kế hoạch đề ra (kế hoạch 11,5%), đứng thứ 7 cả nước; thu ngân sách nhà nước 48.820 tỉ đồng, vượt 65% dự toán, tăng 20% so với cùng kỳ; GRDP bình quân đầu người đạt 2.924 USD, vượt 4,42% kế hoạch [120, tr.1 - 2]. Năm 2023, “với quy

mô GRDP (giá hiện hành) đạt 279.074 tỷ đồng chiếm 7,29%, gấp 1,5 lần năm 2020, đứng thứ 8 cả nước và cao nhất các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung bộ. GRDP bình quân đầu người đạt 3.144 USD, gấp 1,42 lần so với năm 2020. Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP chuyển dịch tích cực; tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 17,3% năm 2020 xuống còn 13,8% năm 2023; ngành công nghiệp, xây dựng tăng từ 41,8% lên 48,4%; ngành dịch vụ giảm từ 33,9% xuống 31,8%; thuế sản phẩm giảm từ 7% xuống 6%” [122, tr.1-2]. Năm 2024, theo Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 trình tại Kỳ họp thứ 24, HĐND tỉnh Khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 cho thấy nhiều dấu ấn nổi bật: tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2024 đạt 12,16%, vượt kế hoạch và đứng thứ 2 cả nước... thu ngân sách Nhà nước ước đạt 54.341 tỷ đồng, vượt 52,8% dự toán, tăng 25,9% so với cùng kỳ, cao nhất từ trước đến nay, đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ và đứng thứ 8 cả nước. Hoạt động đầu tư công được tập trung chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả; đến ngày 30/11/2024, giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý đạt 10.300 tỷ đồng, bằng 71,3% kế hoạch, cao hơn 6,2% so với cùng kỳ... (Cổng thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam). Năm 2025, “GRDP bình quân đầu người đạt 5.200 USD trở lên. Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP năm 2025: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5,9%; công nghiệp - xây dựng chiếm 53,8%; dịch vụ chiếm 30,5%; thuế sản phẩm chiếm 9,8%. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 10% trở lên. Kim ngạch xuất khẩu năm 2025 đạt 8 tỉ USD” [30, tr.220-221]

Ngoài ra, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ cũng có nhiều chuyển biến tiến bộ, an sinh xã hội được chăm lo, củng cố, đời sống Nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tiếp tục chuyển biến tích cực, toàn diện. Giáo dục mũi nhọn và thể thao đạt thành tích cao, giữ vững vị thế nhóm đầu cả nước. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đồng bộ, hỗ trợ hiệu quả người dân vùng khó khăn, gia đình chính sách và nhóm yếu thế, hướng tới an sinh bền vững. Hệ thống y tế cơ sở được củng cố, chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng nâng cao. Bản sắc văn hóa xứ Thanh được gìn giữ, nhiều lễ hội và di sản được bảo tồn, quảng bá, góp phần phát triển du lịch và khẳng định nét riêng của địa phương.

Hoạt động khoa học và công nghệ có nhiều khởi sắc. Năng lực nghiên cứu, ứng

dụng khoa học - kỹ thuật không ngừng được nâng cao; thị trường và doanh nghiệp khoa học công nghệ phát triển mạnh với 23 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận (đứng thứ ba cả nước). Giai đoạn 2018-2024, hàng trăm nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia và cấp tỉnh được triển khai, nhiều công trình, đề tài đã được nghiệm thu, ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Cụ thể: Năm 2018, có 38 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, 390 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được triển khai thực hiện; nhiều đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiên cứu, ứng dụng thành công vào sản xuất và đời sống [112, tr.9]. Năm 2021, đã triển khai thực hiện 177 nhiệm vụ khoa học công nghệ, nghiệm thu 52 nhiệm vụ [119, tr.4]. Năm 2024, “toàn tỉnh tổ chức thực hiện 192 nhiệm vụ khoa học công nghệ (17 nhiệm vụ cấp quốc gia, 175 nhiệm vụ cấp tỉnh) với kinh phí trên 280 tỷ đồng, tập trung vào các lĩnh vực then chốt như công nghiệp, nông nghiệp, y dược và du lịch. Đến nay, đã đánh giá nghiệm thu 18 nhiệm vụ khoa học công nghệ; kiểm tra, xác nhận khối lượng 19 nhiệm vụ. Nhiều đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã được ứng dụng hiệu quả, thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững” (Theo Đài phát thanh và truyền hình Thanh Hóa - Chuyên mục Khoa học và Đời sống ngày 03/01/2025).

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thời gian qua đạt nhiều kết quả rõ nét, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện rõ nét đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Từ chỗ là tỉnh có số hộ nghèo cao nhất cả nước năm 2015 (với 128.893 hộ theo chuẩn nghèo đa chiều), Thanh Hóa đã có bước chuyển biến mạnh mẽ. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2,54%/năm, đến cuối năm 2018 giảm còn 5,8%. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên tổng dân số năm 2018 đạt 87,4% [112, tr.10]. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia “Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020”, toàn tỉnh Thanh Hóa đã giảm được 118.887 hộ nghèo (từ 128.893 hộ xuống còn 10.006 hộ); tỷ lệ hộ nghèo giảm 10,24%, từ 13,51% (năm 2016) xuống còn 3,27% (năm 2020) [112, tr.10]. Năm 2022, Thanh Hóa tiếp tục vượt mục tiêu Chương trình giảm nghèo với tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,99% (tương ứng giảm còn 49.893 hộ), và đến cuối năm 2023, tiếp tục giảm còn 3,79% (tương ứng còn 37.936 hộ). Bên cạnh đó, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2018 đạt 87,4%, cho thấy sự lan tỏa của chính sách an sinh trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Đặc biệt, BTV Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 30/3/2024 về Cuộc vận động hỗ trợ xây dựng nhà

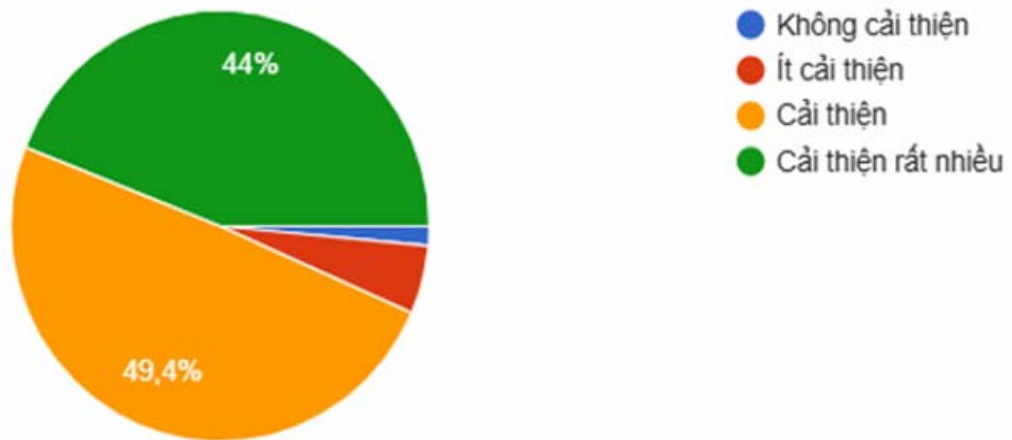
ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách và các đối tượng khó khăn, tạo bước đột phá trong cải thiện điều kiện sống của người dân.

Ngay sau khi Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 04/6/2010, tỉnh Thanh Hóa đã nhanh chóng cụ thể hóa chủ trương này phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương. Với quan điểm xuyên suốt “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”, Tỉnh xác định phát triển nông nghiệp hàng hóa, nâng cao thu nhập cho người dân là nhiệm vụ trọng tâm và nền tảng cho xây dựng nông thôn mới bền vững. Thanh Hóa chủ động ban hành các quy định, hướng dẫn, bộ tiêu chí, cơ chế và chính sách hỗ trợ để khuyến khích các địa phương tích cực tham gia và thi đua xây dựng nông thôn mới.

Đến hết năm 2018, toàn tỉnh có 02 huyện, 284 xã (chiếm 49,9% tổng số xã) và 730 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới (bình quân đạt 16 tiêu chí/xã), tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 49,9%, cao hơn so với tỷ lệ chung của cả nước (43,02%). Phát huy những thành quả đạt được trong sự nghiệp đổi mới, đến cuối năm 2020 có thêm 2 huyện, 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới ước đạt 60% [112, tr.12]. Đến năm 2022, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 263/QĐ-TTg: Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Tỉnh Thanh Hóa tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, trong nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết (2021 - 2023), toàn tỉnh có thêm 5 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 46 xã và 208 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới; 58 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 16 xã và 330 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Theo kết quả điều tra khảo sát 486 cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (xem phụ lục 3), cho thấy: Có tới 240/486 phiếu, chiếm 49,4% người tham gia trả lời cho rằng “việc đề ra các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua đã cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân”, điều đó chứng tỏ phần lớn người dân cảm nhận rõ sự chuyển biến tích cực trong đời sống nhờ các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước. Trong khi đó, có 214/486 phiếu, chiếm 44%, lại cho là cải thiện rất nhiều, phản ánh mức độ hài lòng cao và ghi nhận rõ rệt của người dân đối với hiệu quả chính sách trong thực

tiền. Ngược lại, chỉ có 25/486 phiếu, chiếm 5,1%, cho là “ít cải thiện” và 1,4% “không cải thiện”, cho thấy tỷ lệ bất mãn hoặc hoài nghi là rất thấp, gần như không đáng kể.



Biểu đồ 3.2. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua nhằm cải thiện đời sống của Nhân dân

(Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án)

Có thể thấy, những thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh của tỉnh Thanh Hóa thời gian qua là kết quả của sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh và tinh thần đoàn kết, đồng lòng của Nhân dân. Những nỗ lực ấy đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Trải qua 95 năm xây dựng và phát triển, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa luôn khẳng định vai trò tiên phong, xứng đáng với truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng vẻ vang của vùng đất “địa linh nhân kiệt”.

Bốn là, niềm tin của Nhân dân vào Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ngày càng được củng cố, tăng cường

Củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng là nhiệm vụ quan trọng, góp phần tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và Nhân dân. Thời gian qua, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã triển khai hiệu quả các nghị quyết Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn và đổi mới Đảng; đồng thời ban hành, điều chỉnh nhiều quy định nhằm siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Nhờ đó, tình trạng suy thoái được kiềm chế, niềm tin của Nhân dân ngày càng được củng cố. Song song đó, công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh toàn diện; các nghị quyết, quy định về kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được thực hiện đồng bộ, góp phần phòng ngừa tham nhũng từ sớm, từ xa.

Công tác thanh tra, điều tra, xử lý vi phạm được chú trọng. Riêng năm 2015, toàn tỉnh đã khởi tố 48 vụ với 100 bị can liên quan đến tội phạm tham nhũng, kinh tế (trong đó có 01 phó chủ tịch UBND huyện; 09 chủ tịch và phó chủ tịch UBND cấp xã; 04 giám đốc và phó giám đốc doanh nghiệp nhà nước; 17 cán bộ, công chức nhà nước, 31 cán bộ, công chức cấp xã và 13 cán bộ thôn); đã đưa ra xét xử 34 vụ, 71 bị cáo, trong đó: tù có thời hạn 50 bị cáo; phạt tù cho hưởng án treo 15 bị cáo [111, tr.6]. Trong 5 năm (2016 - 2020), đã khởi tố, điều tra 131 vụ, 271 bị can về tội tham nhũng và kinh tế; đã xét xử 78 vụ, 132 bị cáo [115, tr.13].

Trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, cấp ủy và tổ chức đảng các cấp đã kiểm tra 8.006 lượt tổ chức đảng và 24.941 lượt đảng viên; tiến hành giám sát đối với 10.939 lượt tổ chức đảng và 30.631 lượt đảng viên, UBKT các cấp đã kiểm tra 298 tổ chức đảng và 4.247 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; kết luận 136 tổ chức đảng và 3.289 đảng viên có vi phạm. Giải quyết 20 lượt tố cáo tổ chức đảng và 261 lượt tố cáo đảng viên; giải quyết 17 lượt khiếu nại về kỷ luật đảng [115, tr.13]. Qua quá trình kiểm tra, giám sát đã phát hiện và *xử lý kỷ luật cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng vi phạm*, BTV Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp đã thi hành kỷ luật 45 tổ chức đảng (giảm 5 tổ chức đảng so với nhiệm kỳ trước); cấp ủy, tổ chức đảng và UBKT các cấp thi hành kỷ luật 3.472 đảng viên (tăng 1.039 đảng viên so với nhiệm kỳ trước), trong đó có 902 cấp ủy viên các cấp (Gồm: 02 Phó chủ tịch UBND tỉnh, 04 Tỉnh ủy viên, 05 nguyên Tỉnh ủy viên; 01 bí thư huyện ủy, 04 chủ tịch và 01 nguyên chủ tịch UBND cấp huyện, 04 ủy viên BTV cấp huyện; 13 cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý, 29 huyện ủy viên, 443 đảng ủy viên, 390 chi ủy viên) [115, tr.9]. Việc xử lý kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm được thực hiện nghiêm túc, đúng nguyên tắc, quy trình, đảm bảo công tâm, khách quan, có tính giáo dục, răn đe, góp phần giữ vững kỷ luật Đảng. Sau xử lý đảng, các cấp ủy đã kịp thời đề nghị xử lý hành chính, đoàn thể và khắc phục hậu quả. Mặt khác, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo 204 cuộc thanh tra, phát hiện sai phạm kinh tế gần 203,96 tỷ đồng và 12.078 m² đất; kiến nghị thu hồi 80,79 tỷ đồng (đã thu 79,6 tỷ đồng, đạt 98,53%, thuộc nhóm đầu thanh tra các tỉnh của cả nước) và 4.000 m² đất; kiến nghị khác 123,17 tỷ đồng và 8.078 m² đất; chuyển hồ sơ 4 vụ sang cơ quan điều tra; kiểm điểm, xử lý kỷ luật hành 116 tập thể, 252 cá nhân vi phạm, trong đó có 16 trường hợp thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý. Chủ tịch UBND tỉnh cũng chỉ đạo giải quyết 559 vụ khiếu nại, đã xử lý 556 vụ (đạt 99,46%) [115, tr.9]. Những kết quả này góp phần tăng cường kỷ cương, ổn định chính trị và củng cố niềm tin của Nhân dân.

Cũng trong nhiệm kỳ 2015-2020, BTV Tỉnh ủy Thanh Hóa và một số cá nhân liên quan đã vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, buông lỏng lãnh đạo, thiếu kiểm tra, giám sát đối với Đảng đoàn HĐND và Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, dẫn đến nhiều sai phạm nghiêm trọng trong quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư công và sử dụng ngân sách. Một số dự án do Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC và Công ty Cổ phần Tiến bộ Quốc tế AIC thực hiện gây lãng phí, thất thoát ngân sách, phát sinh tranh chấp, khiếu kiện kéo dài. Nhiều cán bộ, đảng viên, trong đó có cán bộ chủ chốt, đã bị khởi tố, điều tra, gây bức xúc trong xã hội và ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân. Những vi phạm này đã được nêu công khai trên Cổng thông tin của UBKT Trung ương, trong bài viết của Lương Đức - Trịnh Thế Bình - Phó Vụ trưởng Vụ Địa bàn III, Cơ quan UBKT Trung ương. Cụ thể: “Theo kết luận của UBKT Trung ương, ông Trịnh Văn Chiến (nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh) và ông Nguyễn Đình Xứng (nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Chủ tịch UBND tỉnh) với cương vị là người đứng đầu, đã thiếu trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, buông lỏng quản lý, dẫn đến những vi phạm nghiêm trọng của Thường trực, BTV Tỉnh ủy, Đảng đoàn HĐND và Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021. Hai ông còn trực tiếp ký hoặc chỉ đạo cấp dưới ban hành nhiều văn bản trái pháp luật trong lĩnh vực đất đai, đầu tư công, gây hậu quả nghiêm trọng, làm thất thoát lớn ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, cả hai vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập cá nhân; vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật về phòng, chống tham nhũng như: vi phạm Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị; Luật Phòng, chống tham nhũng số 55/2005/QH11 và số 36/2018/QH14; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, Thông tư số 08/2013/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ; Quy chế làm việc số 01-QC/TU của Tỉnh ủy, cho thấy biểu hiện rõ ràng của việc suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống” (Kết quả điều tra của UBKT Trung ương). Ngoài ra, “ông Mai Văn Ninh (nguyên Bí thư Tỉnh ủy) cũng bị xác định thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương, để xảy ra nhiều vi phạm nghiêm trọng trong hệ thống chính trị địa phương. Các đồng chí Lê Thị Thìn, Phạm Đăng Quyền, Trịnh Hữu Hùng, Hoàng Sỹ Bình, Hoàng Văn Hùng đều bị xác định có vi phạm quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu lực quản lý nhà nước, làm giảm niềm tin của Nhân dân. Đặc biệt nghiêm trọng là trường hợp ông Nguyễn Thanh Trì (nguyên Tỉnh ủy viên, Chánh Thanh tra tỉnh), đã suy thoái về đạo đức, tư tưởng, nhận

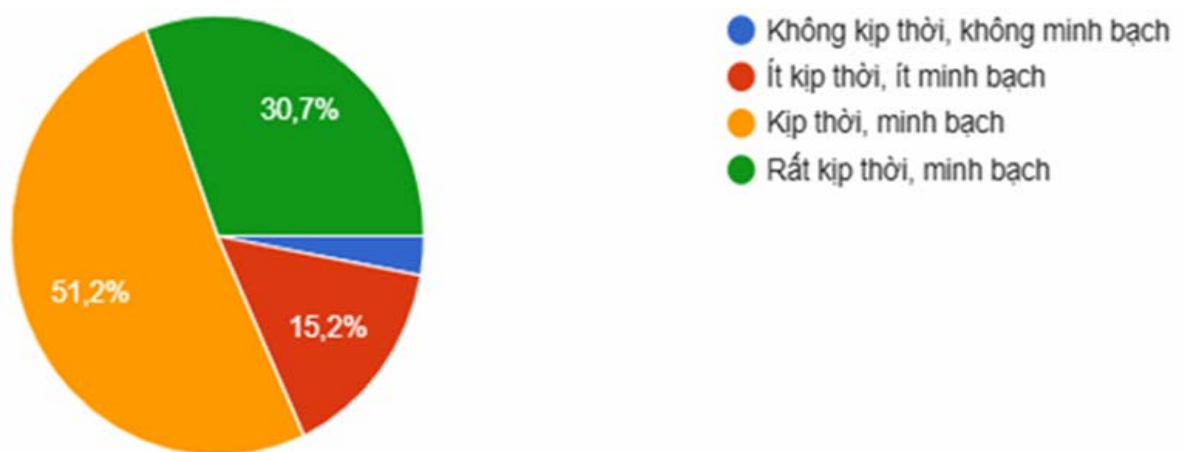
hối lộ, bao che sai phạm cho cấp dưới nhận hối lộ khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, khiến nhiều cán bộ, đảng viên bị truy cứu trách nhiệm hình sự” (Kết quả điều tra của UBKT Trung ương). Ngoài ra, hàng loạt cán bộ, đảng viên khác cũng bị xác định vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; vi phạm quy định những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương, góp phần làm gia tăng sự bức xúc trong xã hội và ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của Đảng, chính quyền tỉnh Thanh Hóa.

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã kiểm tra 6.766 tổ chức đảng cấp dưới và 18.992 đảng viên; giám sát 7.397 tổ chức đảng và 21.951 đảng viên. UBKT các cấp kiểm tra 100 tổ chức đảng và 2.938 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm (có 790 cấp ủy viên), kết luận 66 tổ chức đảng và 2.664 đảng viên có vi phạm. Cấp có thẩm quyền đã thi hành kỷ luật 47 tổ chức đảng và 3.789 đảng viên có vi phạm [125, tr.75]. Riêng giai đoạn 2018-2023, các cấp ủy, tổ chức đảng ở Thanh Hóa đã kiểm tra 4.967 tổ chức đảng và 19.268 đảng viên, qua đó phát hiện vi phạm và đã xử lý kỷ luật 10 tổ chức và 130 đảng viên vi phạm. Công tác giám sát được thực hiện đối với 7.314 tổ chức và 24.910 đảng viên, phát hiện 59 tổ chức và 249 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, chuyển kiểm tra 21 tổ chức và 133 đảng viên. UBKT các cấp kiểm tra 93 tổ chức đảng cấp dưới và 3.522 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, kết luận 57 tổ chức và 3.130 đảng viên vi phạm, xử lý kỷ luật 21 tổ chức và 2.736 đảng viên; trong đó có 68 đảng viên vi phạm trong lĩnh vực kinh tế, tham nhũng, lãng phí, cố ý làm trái quy định [116, tr.7]. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc thực hiện *Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII*, quy chế làm việc, trách nhiệm nêu gương, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác cán bộ, quản lý đất đai, tài chính, ngân sách, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Do đó, giai đoạn này, các cấp ủy, tổ chức đảng ở Thanh Hóa đã thi hành kỷ luật 24 tổ chức đảng và 2.798 đảng viên; UBKT các cấp xử lý 611 đảng viên, trong đó có 68 trường hợp vi phạm kinh tế, tham nhũng, lãng phí, cố ý làm trái quy định. Cơ quan Nhà nước đã thực hiện 4.128 cuộc thanh tra, phát hiện sai phạm hơn 616,7 tỷ đồng và 128.211 m² đất; khởi tố 118 vụ án với 238 bị can; việc kê khai tài sản được thực hiện nghiêm túc [116, tr.8].

Nhiều vụ án tham nhũng, tiêu cực tại tỉnh Thanh Hóa được dư luận quan tâm. Ngày 22/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa khởi tố bị can, bắt tạm giam ông Nguyễn Bá Hùng (Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Như Xuân,

nguyên Phó Giám đốc Sở Tài chính) và ông Văn Xuân Hùng (nguyên Trưởng phòng Quản lý công sản giá cả Sở Tài chính) liên quan sai phạm tại Dự án Hạc Thành Tower, số 03 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa. Tiếp đó, ông Cầm Bá Xuân (nguyên Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân) bị bắt vì tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, điều chỉnh trái phép quy hoạch, chuyển mục đích sử dụng đất sai quy định, ký quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng 5.000 m² đất rừng sản xuất của xã Ngọc Phục sang đất ở nông thôn, gây thiệt hại ngân sách nhà nước. Ngoài ra, nhiều vụ việc khác về tham nhũng, vi phạm pháp luật của cán bộ, đảng viên cũng được xử lý nghiêm minh.

Kết quả điều tra khảo sát 486 cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (xem phụ lục 3), đã cho thấy hơn một nửa người dân đánh giá tích cực về tính hiệu quả và minh bạch trong công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương, với 249/486 phiếu, chiếm 51,2% cho là “kịp thời, minh bạch”; 149/486 phiếu, đạt 30,7%, cho là “rất kịp thời, minh bạch”, phản ánh niềm tin khá mạnh mẽ từ một bộ phận người dân vào nỗ lực xử lý tham nhũng của chính quyền cơ sở. Ngược lại, chỉ 15,2% cho rằng công tác xử lý các vụ việc tham nhũng tại địa phương là “ít kịp thời, ít minh bạch”, và 2,9% đánh giá là “không kịp thời, không minh bạch”. Tỷ lệ người dân đánh giá tích cực (gồm “kịp thời, minh bạch” và “rất kịp thời, minh bạch”) chiếm 81,9%, là một tín hiệu đáng khích lệ, phản ánh kết quả bước đầu của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng theo tinh thần *Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và XIII*, từng bước lấy lại niềm tin của Nhân dân.



Biểu đồ 3.3. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về xử lý các vụ việc tham nhũng tại địa phương

(Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án)

Trong nhiệm kỳ 2020-2025, cấp ủy và UBKT các cấp đã kiểm tra 5.506 tổ chức đảng và 16.148 đảng viên; giám sát 4.743 tổ chức và 12.183 đảng viên, trong đó có 5.169 cấp ủy viên [124, tr.15-17]. Qua kiểm tra, 53 tổ chức và 1.946 đảng viên vi phạm, trong đó 1.618 đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật, đã thi hành kỷ luật 1.913 trường hợp [124, tr.16]. Đồng thời, 792 đảng viên bị UBKT các cấp kỷ luật, trong đó có 206 cấp ủy viên (gồm: 7 huyện ủy viên, 138 đảng ủy viên, 61 chi ủy viên). Tổng cộng, toàn Đảng bộ thi hành kỷ luật 38 tổ chức đảng và 2.607 đảng viên. Hình thức kỷ luật gồm: khiển trách 2.050, cảnh cáo 318, cách chức 56, khai trừ 57 đảng viên. Riêng UBKT các cấp xử lý 792 trường hợp, trong đó có 322 đảng viên bị khai trừ [124, tr.18]. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng.

Đáng chú ý, “ngày 11/9/2025, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã phê chuẩn quyết định “khởi tố bị can, thi hành lệnh bắt tạm giam đối với ông Nguyễn Văn Thi (Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Thanh Hóa) để điều tra về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, theo quy định tại khoản 3, Điều 356 Bộ luật Hình sự. Tiếp đó là ông Trần Anh Chung (Giám đốc Sở Công thương, nguyên Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa); Lê Mai Khanh (Chủ tịch UBND phường Đông Sơn, nguyên Phó Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa) và Tào Minh Hạnh (nguyên Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Thanh Hóa)” (Kết quả điều tra của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa). Các bị can này đều bị khởi tố về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Nhìn chung, thời gian qua, cấp ủy, tổ chức đảng và UBKT các cấp đã phối hợp chặt chẽ, bám sát nhiệm vụ chính trị, tập trung kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm, kịp thời phát hiện, xử lý sai phạm, nhất là tham ô, lãng phí. Qua đó góp phần phòng ngừa, ngăn chặn từ sớm các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, giữ vững kỷ luật Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Năm là, Nhân dân tỉnh Thanh Hóa tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng bộ tỉnh

Nhân dân thực hiện quyền giám sát và phản biện xã hội một cách khoa học, khách quan và có trách nhiệm. Họ không chỉ tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính

quyền mà còn chủ động đề xuất sáng kiến, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của hệ thống chính trị, đặc biệt là ở cấp cơ sở.

Sau khi Bộ Chính trị ban hành *Quyết định số 217-QĐ/TW* về quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, và *Quyết định số 218-QĐ/TW* quy định về việc MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, BTV Tỉnh ủy Thanh Hóa đã kịp thời cụ thể hóa bằng các văn bản chỉ đạo như: *Kế hoạch số 71-KH/TU*, *Công văn số 813-CV/TU*, *Quyết định số 1737-QĐ/TU*, qua đó thiết lập hành lang pháp lý và cơ chế triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội trên địa bàn Tỉnh.

Hoạt động giám sát ngày càng mở rộng, với sự vào cuộc của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí và đặc biệt là Nhân dân. Chỉ riêng giai đoạn 2016-2022, MTTQ các cấp đã tổ chức 3.454 cuộc giám sát độc lập và phối hợp thực hiện 5.289 cuộc với các tổ chức, cơ quan chức năng, tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu như chính sách đối với người nghèo, giám sát dự án đầu tư công, xử lý đơn thư khiếu nại - tố cáo, bảo vệ môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Đồng thời, đã tổ chức 1.745 cuộc phản biện đối với các dự thảo văn bản, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cấp ủy, chính quyền. Kết quả từ các hoạt động này đã góp phần điều chỉnh, bổ sung 267 nhóm vấn đề lớn, khẳng định vai trò quan trọng của Nhân dân trong việc giám sát quyền lực và tham gia xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, hiệu lực và hiệu quả [116, tr.8-9].

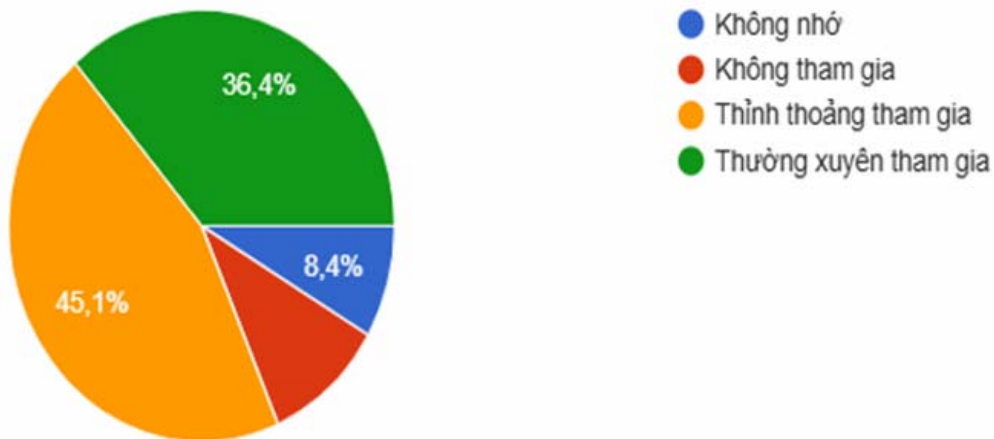
Nhờ có nhận thức xã hội ngày càng được nâng cao, người dân có đủ năng lực đánh giá khách quan các chủ trương, chính sách, đồng thời mạnh dạn bày tỏ ý kiến, đề xuất các giải pháp thiết thực từ thực tiễn đời sống. MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đã chủ động xây dựng kế hoạch giám sát, phản biện ngay từ đầu năm, trình cấp ủy phê duyệt và tổ chức triển khai tại cơ sở một cách bài bản, hiệu quả. Riêng trong năm 2021, “MTTQ đã chủ trì và tổ chức trên 2.750 cuộc giám sát, 1.361 cuộc phản biện xã hội; Ban Thanh tra Nhân dân giám sát 1.224 vụ việc; Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo dõi, đánh giá 786 công trình, dự án. Thông qua đó, đã kiến nghị xử lý 137 công trình có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của người dân, góp phần bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm trong quản lý, điều hành” [118, tr.5]. Bên cạnh đó, MTTQ và các đoàn thể các cấp còn đóng vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp

nhân dân, nhất là những nhóm dễ bị tổn thương như công nhân lao động, đồng bào dân tộc, tôn giáo. Thông tin thu thập được đã được tổng hợp, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xử lý những vấn đề nổi cộm, phát sinh từ cơ sở, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Song song với đó, các phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt là phong trào “Dân vận khéo” tiếp tục được triển khai sâu rộng, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng. Năm 2023, “toàn tỉnh đã xây dựng và nhân rộng thêm 2.496 mô hình “Dân vận khéo” trên nhiều lĩnh vực, từ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh đến bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhân dân” [121, tr.10]. Đáng chú ý, MTTQ và các tổ chức đoàn thể cũng tích cực tham mưu cho cấp ủy trong việc triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở cho đồng bào sinh sống trên sông. Kết quả, “toàn tỉnh đã cấp đất ở cho 162 hộ với tổng diện tích 18.850 m² và hỗ trợ xây dựng nhà cho 143 hộ với tổng kinh phí hơn 23.676 tỷ đồng - một minh chứng cụ thể cho hiệu quả của CTĐV gắn với nâng cao đời sống Nhân dân” [121, tr9].

Việc mở rộng dân chủ trong Đảng và xã hội đã tạo điều kiện để Nhân dân mạnh dạn đóng góp ý kiến, phản biện chính sách, góp phần bảo đảm minh bạch, công bằng trong quản lý, điều hành. Đây là yếu tố quan trọng giúp Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ngày càng gần gũi với Nhân dân. Thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, cấp ủy, chính quyền các cấp ở Thanh Hóa đã công khai thông tin, duy trì hòm thư góp ý, tổ chức tiếp công dân định kỳ và xử lý kịp thời những phản ánh từ cơ sở. Nhờ đó, nhiều vụ việc phức tạp, tồn đọng được giải quyết, góp phần nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và củng cố niềm tin của Nhân dân.

Người dân tỉnh Thanh Hóa đã tích cực tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp hoạch định chính sách thông qua các kênh đối thoại như hội nghị tiếp xúc cử tri, diễn đàn phản biện. Những ý kiến xuất phát từ thực tiễn cuộc sống đã giúp cấp ủy, chính quyền điều chỉnh chính sách sát thực tế, đáp ứng nguyện vọng Nhân dân, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của Tỉnh và đất nước. Qua kết quả điều tra khảo sát 486 cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cho thấy: Có 219/486 phiếu, chiếm tỷ lệ cao nhất với 45,1%, đồng ý với ý kiến “thỉnh thoảng tham gia”, cho thấy phần lớn người dân có tham gia góp ý nhưng chưa thường xuyên, điều này phản ánh mức độ tiếp cận và tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình xây dựng chính sách còn chưa đồng đều; 177/486 phiếu, chiếm 36,4% chọn “thường xuyên tham gia”, thể hiện một bộ phận đáng kể người dân tích cực tham gia vào công việc chung của địa

phương, cho thấy tín hiệu tốt về tinh thần trách nhiệm và dân chủ cơ sở được phát huy. Trong khi đó, 18,5% (gồm 8,4% không nhớ và 10,1% không tham gia) phản ánh tình trạng người dân ít được mời gọi, hoặc thiếu thông tin để đóng góp ý kiến. Khoảng 81,5% người dân được khảo sát có tham gia ở các mức độ khác nhau vào quá trình góp ý xây dựng chính sách, điều này là dấu hiệu tích cực trong việc phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong công cuộc đổi mới (xem phụ lục 3).



Biểu đồ 3.4. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về sự tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng các chính sách, chủ trương của Đảng, kế hoạch phát triển của địa phương

(Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án)

Sáu là, phần lớn Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân

Điều này đã phản ánh rõ nét tinh thần trách nhiệm và sự gắn bó sâu sắc của Nhân dân tỉnh Thanh Hóa với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Người dân nơi đây không chỉ tích cực thực thi quyền và nghĩa vụ công dân mà còn chủ động đồng hành cùng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Chính sự tham gia tích cực ấy đã góp phần củng cố nền tảng ổn định cho sự phát triển bền vững của địa phương, đồng thời thể hiện rõ bản lĩnh chính trị và ý thức cộng đồng sâu sắc trong lòng mỗi người dân.

Về thực hiện quyền công dân:

Quyền bầu cử và ứng cử: Qua các kỳ bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp, cử tri Thanh Hóa luôn thể hiện thái độ chính trị nghiêm túc, với tỷ lệ đi bầu luôn đạt ở mức cao, cho thấy nhận thức sâu rộng về vai trò và giá trị của lá phiếu trong nền dân chủ.

Diễn hình là trong cuộc bầu cử năm 2021, hòa chung không khí dân chủ của gần 69,2 triệu cử tri trên cả nước, hơn 2,66 triệu cử tri tại tỉnh Thanh Hóa đã tích cực tham gia, qua đó khẳng định quyền làm chủ và sự tin tưởng vào thể chế chính trị của đất nước. Đây là dịp để Nhân dân trực tiếp chọn lựa những người đại diện ưu tú, xứng đáng đứng vào hàng ngũ lãnh đạo trong bộ máy Nhà nước, từ trung ương đến địa phương. Cuộc bầu cử tại tỉnh Thanh Hóa được triển khai với quy mô rộng khắp: 5 đơn vị bầu cử Đại biểu Quốc hội, 27 đơn vị bầu cử HĐND tỉnh, 259 đơn vị bầu cử HĐND cấp huyện và 3.909 đơn vị cấp xã. Toàn tỉnh bố trí 3.983 tổ bầu cử, phủ khắp các khu vực dân cư và đặc thù, trong đó có cả đơn vị vũ trang, trại tạm giam, các cơ sở giáo dục đặc biệt và cơ sở cai nghiện bắt buộc. Có 24 người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, 143 người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII, 1.519 người ứng cử đại biểu HĐND cấp huyện, 21.984 người ứng cử đại biểu HĐND cấp xã. Sự tham gia của hàng chục nghìn ứng cử viên và việc tổ chức chặt chẽ, khoa học, minh bạch cho thấy sự nỗ lực vượt bậc của chính quyền các cấp trong việc bảo đảm công bằng và minh bạch trong thực thi dân chủ. Kết quả, cử tri Thanh Hóa đã lựa chọn ra 14 đại biểu Quốc hội, 85 đại biểu HĐND tỉnh, 920 đại biểu HĐND cấp huyện và 13.269 đại biểu HĐND cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026 (Báo Thanh Hóa).

Những con số này không chỉ phản ánh quy mô tổ chức bầu cử mà còn thể hiện sinh động lòng tin, tinh thần trách nhiệm và ý thức chính trị cao của người dân đối với sự nghiệp chung. Sự đồng thuận và tham gia đông đảo ấy chính là nền tảng vững chắc cho việc xây dựng một hệ thống chính quyền công khai, minh bạch, hiệu lực và vì dân.

Quyền tham gia các hoạt động chính trị - xã hội: Người dân tỉnh Thanh Hóa không ngừng phát huy vai trò chủ thể trong đời sống chính trị - xã hội thông qua sự gắn bó sâu sắc và tinh thần trách nhiệm đối với các tổ chức đoàn thể. Họ không chỉ là những thành viên tham gia thụ động mà còn là lực lượng nòng cốt thúc đẩy phong trào tại cơ sở, tạo nên sức mạnh tổng hợp, lan tỏa tinh thần đoàn kết, tự lực, và phát triển toàn diện. Thanh niên trong tỉnh là minh chứng rõ nét cho sức trẻ và tinh thần xung kích khi luôn đồng hành với các hoạt động do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức. Những chiến dịch như “Thanh niên tình nguyện”, phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”, hay các chương trình vì cộng đồng như hiến máu nhân đạo, bảo vệ môi trường không chỉ bồi dưỡng lý tưởng sống đẹp, sống có ích mà còn rèn luyện bản lĩnh, kỹ năng cho thế hệ trẻ trong thời đại mới. Phụ nữ Thanh Hóa, thông qua Hội Liên hiệp

Phụ nữ Việt Nam, đã chủ động đóng góp vào sự nghiệp phát triển xã hội qua những chương trình ý nghĩa như “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, “Phụ nữ khởi nghiệp, làm kinh tế giỏi”. Những hoạt động này đã khẳng định vai trò ngày càng lớn mạnh của phụ nữ trong công cuộc xây dựng gia đình và phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đối với lực lượng nông dân, vai trò của Hội Nông dân Việt Nam trong việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, hỗ trợ phát triển mô hình kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái là hết sức quan trọng. Người nông dân Thanh Hóa đã từng bước nâng cao trình độ sản xuất, thích nghi với cơ chế thị trường và chủ động hội nhập quốc tế, đóng góp vào sự chuyển mình mạnh mẽ của nông thôn mới.

Quyền tự do ngôn luận và báo chí: Tại tỉnh Thanh Hóa, quyền tự do ngôn luận và báo chí của người dân được ghi nhận và bảo đảm, góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công khai và cầu thị. Người dân có cơ hội trình bày quan điểm, góp ý và phản ánh thực tiễn thông qua các kênh tiếp xúc chính thức như hội nghị cử tri, đối thoại giữa đại biểu Quốc hội, HĐND với Nhân dân. Đây là diễn đàn để người dân trực tiếp thể hiện tiếng nói, đề xuất giải pháp đối với các vấn đề cụ thể như quy hoạch, an sinh, cải cách hành chính hay bảo vệ quyền lợi cộng đồng. Song song với đó, hệ thống báo chí địa phương như Báo Thanh Hóa, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã trở thành cầu nối thông tin hiệu quả giữa chính quyền và người dân. Qua các chuyên mục tương tác như “Hộp thư bạn nghe đài”, “Điểm nóng”, hay các bản tin phản ánh thực trạng địa phương, người dân có thể truyền tải những nguyện vọng chính đáng cũng như phản ánh các bất cập trong quản lý, đời sống. Sự phát triển của công nghệ số cũng mở rộng không gian biểu đạt khi mạng xã hội trở thành công cụ truyền thông mạnh mẽ. Nhiều nhóm cộng đồng trên nền tảng trực tuyến đã kêu gọi hỗ trợ người nghèo, cứu trợ thiên tai, bảo vệ môi trường và di sản - thể hiện sức mạnh của lòng nhân ái và tinh thần trách nhiệm xã hội. Chính sự chủ động đó đã thúc đẩy quá trình minh bạch hóa hoạt động công quyền, đồng thời nâng cao khả năng giám sát xã hội, từ đó kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi sai phạm, góp phần xây dựng một chính quyền liêm chính, vì dân.

Qua kết quả điều tra khảo sát 486 cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (xem phụ lục 3), ghi nhận: Có tới 262/486 phiếu, chiếm 53,9% chọn “tốt”, đây là tỷ lệ lớn nhất, cho thấy hơn một nửa số người được hỏi đánh giá mức độ thực hiện quyền công dân là “Tốt”. Điều này có thể được coi là một tín hiệu tích cực. Gần một phần ba số người trả lời (149/486 phiếu), chiếm 30,7% đánh giá mức độ thực hiện

quyền công dân là “Rất tốt”. Chỉ có một bộ phận nhỏ chiếm 15% đánh giá ở mức “Trung bình”. Một tỷ lệ rất nhỏ, gần như không thể nhìn thấy rõ trên biểu đồ, cho thấy rất ít người đánh giá mức độ thực hiện quyền công dân là “Kém”. Nhìn chung, kết quả điều tra cho thấy phần lớn người dân tỉnh Thanh Hóa có đánh giá tích cực về mức độ thực hiện quyền công dân hiện nay. Hơn 84% người được hỏi cho rằng mức độ này là “Tốt” hoặc “Rất tốt”. Chỉ có một tỷ lệ nhỏ đánh giá ở mức “Trung bình” và rất ít người đánh giá “Kém”. Điều này có thể gợi ý rằng người dân cảm thấy quyền công dân của họ đang được thực hiện tương đối tốt trong tỉnh.

Về thực hiện nghĩa vụ công dân:

Song hành với việc thực hiện các quyền công dân, Nhân dân tỉnh Thanh Hóa còn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực thi nghĩa vụ đối với Tổ quốc nói chung, với Tỉnh nhà nói riêng, qua đó góp phần vun đắp nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Trách nhiệm tuân thủ pháp luật, được người dân thực hiện nghiêm túc, thể hiện qua ý thức giữ gìn an ninh trật tự, chấp hành các quy định trong giao thông, phòng chống tội phạm, bảo vệ môi trường sống và không gian công cộng. Sự tự giác này không chỉ thể hiện nhận thức pháp lý cao mà còn tạo nên môi trường xã hội an toàn, ổn định, đáng sống.

Nghĩa vụ lao động và đóng góp kinh tế, người dân tích cực lao động sản xuất, đẩy mạnh phát triển hộ gia đình, doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước như nộp thuế, lệ phí, đóng góp vào các quỹ xã hội. Những hành động cụ thể này không chỉ thúc đẩy sự phát triển chung mà còn thể hiện tinh thần đoàn kết, chia sẻ trong cộng đồng.

Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cũng được Nhân dân Thanh Hóa đặc biệt chú trọng. Thanh niên luôn sẵn sàng lên đường nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ quân sự với tinh thần tự hào và ý thức trách nhiệm cao, góp phần gìn giữ chủ quyền quốc gia, đảm bảo an ninh và trật tự xã hội.

Về phát triển kinh tế địa phương, Thanh Hóa là vùng đất hội tụ nhiều thế mạnh về nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Người dân chính là lực lượng chủ đạo trong việc khai thác tiềm năng, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ, tạo nên những chuyển biến rõ nét về tốc độ tăng trưởng và chất lượng sống.

Xây dựng đời sống văn hóa - tinh thần cũng là một điểm sáng trong việc thực hiện nghĩa vụ công dân. Các phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống

văn hóa”, “Nông thôn mới”, “Khu dân cư kiểu mẫu” được triển khai đồng bộ, với sự tham gia tích cực của người dân. Nhờ đó, nhiều vùng quê đã khoác lên mình diện mạo mới - khang trang, văn minh, giàu bản sắc.

Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống là nghĩa vụ mang tính tinh thần sâu sắc mà người dân Thanh Hóa luôn trân trọng. Với bề dày văn hóa và lịch sử, họ không ngừng gìn giữ, tôn vinh và lan tỏa các giá trị quý báu như di sản Thành Nhà Hồ, lễ hội Lam Kinh, dân ca Đông Anh... góp phần nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc và giáo dục thế hệ trẻ.

Theo kết quả điều tra khảo sát cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (xem phụ lục 3), qua tổng hợp 486 phiếu điều tra, cho thấy: Hơn một nửa số người được hỏi (278/486 phiếu), chiếm 57,2% đánh giá ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân là “Tốt”. Đây là một dấu hiệu rất tích cực. Gần một phần ba số người trả lời (149/486 phiếu), chiếm 30,7% đánh giá ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân là “Rất tốt”. Tổng cộng có 87,9% người dân có cái nhìn tích cực (Tốt và Rất tốt) về ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân. Trong khi đó, chỉ có 57/486 phiếu, chiếm 11,7% đánh giá ở mức “Trung bình”. Một tỷ lệ rất nhỏ, gần như không thể nhìn thấy rõ trên biểu đồ, cho thấy rất ít người đánh giá ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân là “Kém”. Qua đó, cho thấy một cái nhìn rất tích cực về ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân của người dân, theo quan sát của những người được hỏi. Đại đa số (gần 88%) cho rằng ý thức này là “Tốt” hoặc “Rất tốt”. Điều này phản ánh một mức độ tuân thủ pháp luật, đóng góp cho cộng đồng và ý thức trách nhiệm đối với quốc gia khá cao trong cộng đồng được khảo sát. Mặc dù có một tỷ lệ nhỏ đánh giá ở mức “Trung bình”, nhưng tỷ lệ “Kém” gần như không đáng kể, cho thấy vấn đề về ý thức thực hiện nghĩa vụ công dân không phải là một mối lo ngại lớn trong nhóm đối tượng này.

Trong tương lai, tỉnh Thanh Hóa cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tạo điều kiện tốt hơn để mọi người dân hiểu rõ và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ công dân, đồng thời phát huy tiềm năng, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng quê hương và đất nước.

3.2.1.2. Nguyên nhân

Một là, những truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa được phát huy

Nhân dân Thanh Hóa, với truyền thống yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết và đức tính cần cù, bền bỉ đã được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước.

Những giá trị ấy không ngừng được phát huy và tỏa sáng trong dòng chảy cách mạng của dân tộc, đặc biệt là khi có ĐCSVN soi đường. Sự tin tưởng tuyệt đối của Nhân dân đối với Đảng không phải là kết quả của mệnh lệnh hay sự áp đặt, mà là sự lựa chọn tự nguyện, xuất phát từ niềm tin sâu sắc, từ những trải nghiệm lịch sử thực tiễn, nơi Nhân dân chính là chủ thể thụ hưởng thành quả và là người đồng hành kiên trung trong mọi chặng đường cách mạng.

Trải qua 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Tỉnh, Thanh Hóa luôn là vùng đất trung kiên, một phần máu thịt không thể tách rời của dân tộc Việt Nam. Với hơn bốn triệu con người mang trong mình dòng chảy lịch sử hào hùng, xứ Thanh đã khắc ghi dấu ấn trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cùng cả nước viết nên những trang sử chói lọi trong kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc và dựng xây CNXH. Trong những năm tháng khốc liệt nhất của lịch sử, từ đạn bom chiến tranh đến thử thách của công cuộc đổi mới, người Thanh Hóa vẫn luôn kiên trung theo Đảng, góp phần làm nên bản lĩnh kiên cường, trí tuệ và tinh thần quật cường của cả dân tộc Việt Nam.

Đặc biệt, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân Thanh Hóa càng được củng cố nhờ đội ngũ cán bộ, đảng viên xuất thân từ chính Nhân dân - từ những người công nhân, nông dân, trí thức. Nhiều cán bộ trẻ hiện nay là thế hệ kế tiếp trong các gia đình có truyền thống cách mạng, thấm nhuần lý tưởng và đạo đức cộng sản. Chính xuất phát điểm gần gũi ấy giúp họ gắn bó mật thiết với Nhân dân, hiểu dân, chia sẻ với dân và hành động vì lợi ích của Nhân dân. Đây là nền tảng vững chắc để củng cố niềm tin giữa Đảng với Nhân dân, từ đó hình thành sức mạnh nội sinh quan trọng, bảo đảm cho sự phát triển ổn định, bền vững của Tỉnh trong lòng Tổ quốc.

Hai là, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã triển khai kịp thời, có hiệu quả những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân

Việc Đảng bộ tỉnh ban hành kịp thời và hiệu quả các đường lối, chủ trương, nghị quyết là kết quả của quá trình phân tích tình hình của Đảng bộ, nắm chắc thực tiễn và vận dụng sáng tạo các chủ trương của Trung ương vào điều kiện cụ thể của địa phương. Bộ máy tham mưu được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hoạt động ngày càng chuyên nghiệp, cùng sự phối hợp thống nhất trong toàn hệ thống chính trị đã tạo điều kiện để các quyết sách của Đảng bộ bảo đảm tính khả thi và phù hợp.

Qua đó, đã phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, đặc biệt ở cấp cơ sở, đóng vai

trò then chốt trong việc khơi dậy tinh thần tích cực, chủ động và ý thức tự giác của người dân trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như tham gia tích cực vào quá trình xây dựng Đảng và hoạch định các quyết sách chính trị của Tỉnh. Đảng bộ tỉnh đã thiết lập các cơ chế rõ ràng nhằm tiếp nhận, phản hồi và hiện thực hóa ý kiến của Nhân dân vào thực tiễn quản lý, tạo môi trường để Nhân dân phát huy quyền làm chủ, đóng góp trí tuệ cho sự phát triển chung. Khi Nhân dân được tham gia bàn bạc, giám sát và trực tiếp triển khai các nội dung liên quan đến đời sống của mình, các chủ trương ấy không chỉ dễ đi vào cuộc sống mà còn nhanh chóng trở thành động lực thực tiễn cho sự phát triển. Thực tế cho thấy, trong thời gian qua, chính nhờ việc Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa kịp thời cụ thể hóa và triển khai hiệu quả các đường lối, chính sách một cách sát thực với nguyện vọng, lợi ích thiết thân của người dân mà toàn Tỉnh đã đạt được nhiều kết quả nổi bật trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Cách tiếp cận “lấy dân làm gốc”, phát huy đầy đủ vai trò chủ thể của Nhân dân không chỉ giúp lan tỏa sự đồng thuận, mà còn tạo nên sức mạnh nội lực to lớn để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển. Đặc biệt, khi Nhân dân thực sự được làm chủ, vai trò giám sát của họ - cũng như của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho Nhân dân - sẽ được phát huy đầy đủ và hiệu quả hơn. Đây là yếu tố quan trọng giúp Đảng bộ tỉnh nâng cao tính minh bạch, phòng ngừa quan liêu, xa rời thực tế, hành chính hóa trong công tác lãnh đạo, quản lý. Khi mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân được đặt trên nền tảng của sự tin tưởng, lắng nghe và đồng hành, thì đó không chỉ là biểu hiện của nền dân chủ lành mạnh mà còn là tiền đề vững chắc để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, và bảo đảm cho sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ mới.

Ba là, những chuyển biến tích cực từ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời gian qua đã củng cố thêm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa

Thời gian qua, bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm quốc phòng - an ninh, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Với tinh thần quyết liệt, sáng tạo, các cấp ủy đã triển khai đồng bộ các nội dung về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, coi đây là nhiệm vụ then chốt nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về xây dựng Đảng được vận dụng linh hoạt, sát thực tiễn. Nội dung xây dựng Đảng luôn được đặt ở vị trí trọng tâm trong văn kiện các kỳ Đại hội.

Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ tỉnh được củng cố nhờ tính minh bạch, quyết liệt và hiệu quả trong lãnh đạo, điều hành. Những kết quả thực chất trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; nỗ lực phòng chống tham nhũng, lãng phí; sự đổi mới trong cải cách hành chính và phong cách lãnh đạo gần dân, lắng nghe dân đã làm gia tăng uy tín và sức mạnh thuyết phục của Đảng bộ trong đời sống xã hội. BTV Tỉnh ủy đã triển khai đồng bộ các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ một cách nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Quy hoạch cán bộ được thực hiện từ cơ sở đến tỉnh theo nguyên tắc “mở”, “động”, liên thông giữa các cấp, các ngành; coi chuẩn hóa cán bộ là cơ sở xây dựng quy hoạch. Công tác bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử được thực hiện nền nếp, kịp thời, dân chủ, đúng nguyên tắc và quy trình theo phân cấp quản lý.

Nhờ đó, kỷ luật, kỷ cương trong Đảng được tăng cường, ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng lên rõ rệt. Việc đánh giá TCCSD, cán bộ, đảng viên ngày càng thực chất, gắn với kết quả công tác. Tự phê bình và phê bình, nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách được thực hiện nghiêm túc, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và tạo sự đồng thuận xã hội.

Bốn là, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của người dân có nhiều đổi mới

Trong thời gian qua, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục chính trị nhằm giúp Nhân dân hiểu rõ hơn, tin tưởng hơn và tích cực thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Việc huy động sự tham gia đồng bộ của toàn hệ thống chính trị, cùng với đổi mới nội dung và phương pháp truyền đạt chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, đã làm tăng tính thuyết phục, khả năng lan tỏa và hiệu quả tác động trong xã hội. Nhờ đó mà đường lối, chính sách của Đảng dễ đi vào đời sống Nhân dân hơn và Nhân dân cũng dễ dàng tiếp nhận, thực hiện hơn.

BTV Tỉnh ủy và các cấp ủy đã linh hoạt áp dụng cả hình thức học tập, quán triệt nghị quyết trực tiếp và trực tuyến, tạo điều kiện để đông đảo cán bộ, đảng viên tham gia, đồng thời tiết kiệm thời gian và chi phí. Công tác tuyên truyền miệng, đội ngũ báo cáo viên và việc cập nhật kiến thức mới đều được nâng cao chất lượng. Bên cạnh đó, tỉnh quan tâm đẩy mạnh biên soạn lịch sử Đảng bộ, quản lý báo chí – xuất bản và phát huy vai trò của văn hóa, văn nghệ trong công tác tư tưởng; đồng thời tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Nhờ sự đổi mới mạnh mẽ trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nhận thức của Nhân dân về quyền và nghĩa vụ công dân ngày càng được nâng lên, góp phần củng cố niềm tin và sự gắn bó giữa Nhân dân với Đảng. Ý thức pháp luật, ý thức cộng đồng và tinh thần trách nhiệm xã hội của người dân được tăng cường; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật được triển khai sâu rộng; tình hình kinh tế – xã hội ổn định cùng với việc chính quyền các cấp duy trì kỷ cương, kỷ luật đã tạo môi trường thuận lợi để các giá trị pháp quyền và tinh thần làm chủ của Nhân dân được phát huy. Qua đó, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa được củng cố bền vững hơn, dựa trên sự hiểu biết, niềm tin và trách nhiệm chung trong xây dựng phát triển địa phương.

3.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân

3.2.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân Thanh Hóa vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Cụ thể:

Một là, một số tổ chức Đảng có biểu hiện mất dân chủ, xa rời quần chúng nhân dân

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, ở một số thời điểm nhất định, cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở chưa thể hiện rõ quyết tâm chính trị trong việc mở rộng và thực hành dân chủ, còn lúng túng trong việc ban hành cơ chế, quy định nhằm tăng cường gắn bó với Nhân dân. Việc lấy ý kiến nhận xét của Nhân dân về cán bộ, đảng viên còn mang tính hình thức, thiếu quy trình và tiêu chí cụ thể, dẫn đến hiệu quả thực tế thấp. Công tác thăm dò dư luận trước khi ban hành quyết sách còn bị động, chưa thực sự phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng của người dân, khiến một số kiến nghị chính đáng chưa được tiếp thu thỏa đáng. Tình trạng này phần nào làm giảm tính tương tác hai chiều giữa Đảng và Nhân dân, ảnh hưởng đến niềm tin và sự gắn bó giữa hai bên.

Đáng lo ngại, tại một số TCCSĐ vẫn tồn tại biểu hiện mất dân chủ, xa rời quần chúng, vi phạm nguyên tắc sinh hoạt, dẫn đến tình trạng mất đoàn kết kéo dài, thậm chí nghiêm trọng. Những bất đồng này không chỉ diễn ra giữa cán bộ lãnh đạo chủ chốt và tổ chức Đảng, mà còn phát sinh từ việc sáp nhập đơn vị, cơ cấu tổ chức, hoặc trước mỗi kỳ Đại hội. Hệ quả là kỷ cương nội bộ bị phá vỡ, gây rối loạn đội ngũ cán bộ: người có năng lực thì nản lòng, kẻ cơ hội lại được ưu ái. Ở những nơi mất đoàn kết, đảng viên sa vào đấu đá nội bộ, xa rời nhiệm vụ chính trị và phớt lờ đời sống Nhân

dân, làm suy yếu nghiêm trọng lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, khiến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân bị tổn thương sâu sắc.

Sự mất đoàn kết những năm qua trong nội bộ một số tổ chức Đảng phần lớn là do chủ nghĩa cá nhân, tham vọng về quyền lực, tranh công đổ lỗi, cục bộ địa phương, gia trưởng, độc đoán chuyên quyền xem thường tập thể, mất dân chủ, thiếu trung thực, xu nịnh... Bên cạnh đó còn có một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện xa dân, không phát huy được vai trò giám sát, phản biện của người dân, không tôn trọng ý kiến đóng góp của Nhân dân, thờ ơ, vô cảm, không có trách nhiệm với dân.

Mặt khác, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở thời gian qua vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Công tác tuyên truyền, triển khai và giám sát từ cấp trên chưa thường xuyên, thiếu chiều sâu; ở một số địa phương, dân chủ chưa được thực thi thực chất, thậm chí còn mang tính hình thức. Nhiều vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi Nhân dân như quy hoạch sử dụng đất, đơn giá đền bù, các chính sách an sinh... chưa được công khai minh bạch; việc huy động đóng góp còn có biểu hiện áp đặt, một số khoản thu trái quy định gây bức xúc trong Nhân dân. Bên cạnh đó, tình trạng quan liêu, tiêu cực, nội bộ mất đoàn kết vẫn còn xảy ra; tiếp nhận và giải quyết kiến nghị, thủ tục hành chính còn nhiều bất cập, dẫn đến đơn thư khiếu nại phát sinh và có nơi trở nên phức tạp. Từ tình trạng mất dân chủ đó đã gây ra các cuộc tranh chấp, khiếu kiện trong Nhân dân. Chính vì vậy, trong những năm gần đây, Chủ tịch UBND tỉnh đã trực tiếp chỉ đạo và tổ chức nhiều cuộc tiếp xúc, đối thoại thẳng thắn với Nhân dân nhằm kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, giải quyết những vấn đề bức xúc phát sinh từ thực tiễn đời sống. Tiêu biểu, trong các năm 2018-2019, đã diễn ra nhiều cuộc đối thoại quan trọng như: đối thoại với Nhân dân xã Hải Hà (huyện Tĩnh Gia) về công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án Cảng Container Long Sơn; với các hộ kinh doanh xe điện tại TP Sầm Sơn; với người dân xã Hoằng Thanh (huyện Hoằng Hóa) liên quan đến việc di dời bến neo đậu để triển khai dự án du lịch sinh thái biển Hải Tiến; với Nhân dân xã Thiệu Công (huyện Thiệu Hóa) xung quanh công tác quản lý đất đai ở cơ sở; với công nhân Xí nghiệp gạch Đông Văn (huyện Đông Sơn) về quyền lợi lao động; và với các hộ dân thôn Hồng Thắng, phường Quảng Cư (TP Sầm Sơn) liên quan đến chính sách đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án phát triển đô thị. Các cuộc đối thoại này không chỉ thể hiện tinh thần trách nhiệm, cầu thị, gần dân của người đứng đầu chính quyền mà còn là minh chứng sinh động cho chủ trương tăng cường dân chủ, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã

hội của địa phương. Qua các buổi đối thoại, có thể thấy một thực tế đáng lo ngại là tình trạng thiếu dân chủ ở cơ sở vẫn còn tồn tại, người dân không được trình bày ý kiến của mình, họ cũng chưa hiểu rõ chủ trương của Đảng, dẫn đến thiếu đồng thuận, phát sinh khiếu kiện. Điều này cho thấy, nếu dân không được thông tin đầy đủ, không được tham gia bàn bạc, giám sát thì niềm tin sẽ bị xói mòn, mối quan hệ giữa chính quyền với Nhân dân sẽ gặp nhiều trở ngại.

Qua khảo sát khi được hỏi về việc “cấp ủy nơi Ông (Bà) cư trú có thường xuyên tiếp xúc và đối thoại về những vấn đề Nhân dân quan tâm không? Có tới 281/486 phiếu, chiếm 57,8% cho là “thường xuyên tiếp xúc, đối thoại”. Trong khi đó có 162/486 phiếu, chiếm 33,3% người tham gia trả lời cho là cấp ủy “ít tiếp xúc, đối thoại”. Mặc dù không phải là con số lớn nhất, nhưng tỷ lệ này vẫn đáng chú ý và cho thấy vẫn còn một bộ phận người dân cảm thấy tần suất tiếp xúc chưa đủ hoặc chưa hiệu quả. Chỉ có 3,5% số phiếu chọn “không tiếp xúc, đối thoại” và 5,3% là “không nhớ” cấp ủy có tiếp xúc, đối thoại với dân hay không (xem phụ lục 3). Mặc dù không phủ nhận hoàn toàn các hoạt động tiếp xúc, nhưng nó cho thấy vẫn còn không gian để cấp ủy cải thiện tần suất, hình thức hoặc hiệu quả của các buổi tiếp xúc, đối thoại để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của toàn bộ người dân, đặc biệt là những người cảm thấy chưa được lắng nghe đầy đủ. Cũng theo kết quả khảo sát từ 486 người dân về thời gian định kỳ hợp lý nhất cho việc tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền với Nhân dân (xem phụ lục 3), cho thấy: Có 183/486 phiếu, chiếm 37,7% số người được hỏi cho rằng “6 tháng tiếp xúc, đối thoại một lần” là khoảng thời gian hợp lý nhất, tiếp đến là “3 tháng/lần” với tỷ lệ 29,4% (143/486 phiếu). Trong khi đó, chỉ có 18,1% lựa chọn hình thức “1 tháng/lần”, và 14,8% cho rằng chỉ cần “12 tháng/lần”. Những con số này phản ánh rõ mong muốn được gặp gỡ, trao đổi với người đứng đầu một cách định kỳ, có tổ chức và không quá thừa thớt về mặt thời gian. Đáng chú ý là việc đa số ý kiến tập trung vào khoảng thời gian từ 3 đến 6 tháng, cho thấy người dân có nhu cầu được lắng nghe nhưng đồng thời cũng đề cao tính thực chất và hiệu quả của hoạt động tiếp xúc, đối thoại, thay vì thực hiện với tần suất quá dày có thể dẫn đến hình thức, chiếu lệ.

Những khuyết điểm, hạn chế trên chủ yếu là do nhận thức và trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện dân chủ ở cơ sở của cấp ủy, chính quyền, sự vào cuộc của MTTQ và các đoàn thể nhân dân, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong giải quyết công việc có liên quan đến tổ chức và công dân chưa cao. Vai trò giám sát của

Nhân dân chưa được thể hiện rõ nét; hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng hiệu quả chưa cao.

Hai là, một số chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng chưa phù hợp với thực tế, chưa phản ánh được nguyện vọng chính đáng của Nhân dân

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng” [57, tr.330]. Lời dạy ấy khẳng định sâu sắc mục tiêu cao nhất của Đảng là phục vụ lợi ích và hạnh phúc của Nhân dân. Vì vậy, mọi chủ trương, đường lối, chính sách - dù ở tầm vĩ mô hay vi mô - đều phải bắt nguồn từ thực tiễn cuộc sống, phản ánh đúng tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Việc cụ thể hóa các nghị quyết, định hướng của Đảng thành chính sách phù hợp với đời sống chính là thước đo năng lực lãnh đạo, khả năng nắm bắt thực tiễn và sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt lý luận, mà còn là đòi hỏi cấp thiết trong xây dựng một Đảng cầm quyền thực sự vì dân, gần dân và được dân tin yêu.

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng thời gian qua, công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập. Một số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành chậm trễ, thiếu tính khả thi hoặc chưa sát với thực tiễn, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Việc cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở một số cấp ủy còn thiếu quyết liệt, chưa làm rõ vai trò, trách nhiệm của tổ chức lãnh đạo và người đứng đầu, dẫn đến tình trạng trì trệ, thiếu hiệu lực trong thực thi. Qua tổng kết 15 năm thực hiện *Nghị quyết số 15-NQ/TW* và *Nghị quyết số 28-NQ/TW* ngày 17/11/2022 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới”, có thể thấy rõ: nhiều định hướng lớn của Đảng vẫn chưa được thể chế hóa kịp thời, một số văn bản pháp lý còn mang tính hình thức, dàn trải, nội dung thiếu cụ thể và chậm được điều chỉnh, bổ sung khi tình hình thực tiễn thay đổi. Tình trạng kéo dài trong quá trình ban hành chính sách không chỉ làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước mà còn gây tâm lý bức xúc, hoài nghi trong Nhân dân, ảnh hưởng đến niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực thực thi của bộ máy hành chính.

Một số chủ trương, chính sách chưa thực sự gắn bó với đời sống người dân, chưa bảo đảm cân đối nguồn lực thực hiện, có nhiều lúc, nhiều nơi còn chưa kịp thời hoặc chưa phù hợp với lợi ích của Nhân dân. Bên cạnh đó, việc ban hành chính sách phải chuẩn bị khá lâu, việc bổ sung sửa chữa cũng cần thời gian nghiên cứu, kiểm nghiệm.

Do vậy, rất nhiều chính sách bị lạc hậu, cần bổ sung, sửa đổi hoặc khi ban hành không phù hợp với thực tế, làm giảm hiệu quả triển khai, đã gây khó khăn cho hoạt động của Nhân dân và ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Công tác vận động quần chúng do đó cũng gặp nhiều lúng túng, thiếu định hướng rõ ràng.

Hiện nay, một số cấp ủy cơ sở, nhất là ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vẫn còn lúng túng trong việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn địa phương. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại còn phổ biến; việc khai thác nguồn lực tại chỗ chưa hiệu quả, mục tiêu phát triển chưa rõ, phân công trách nhiệm còn thiếu cụ thể. Nhiều xã miền núi đều chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách, nên đầu tư cơ sở hạ tầng còn yếu kém. Các TCCSD ở xã, phường và thị trấn khó khăn trong việc tạo nguồn phát triển đảng viên mới, lúng túng trong quản lý đô thị, thu hút đầu tư. Đội ngũ bí thư chi bộ ở nông thôn, miền núi còn hạn chế về trình độ, tuổi đời cao, ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo. Một số nghị quyết do cơ quan tham mưu xây dựng chưa được khảo sát kỹ, thiếu đánh giá tác động thực tiễn. Việc lấy ý kiến Nhân dân còn hình thức, chưa có quy định cụ thể; một số chính sách công mới chỉ được ban hành dựa trên những nhận thức và mong muốn chủ quan của các cơ quan quản lý nhà nước, vai trò của người dân và doanh nghiệp - đối tượng chịu tác động trực tiếp - chưa được phát huy trong quá trình ban hành chính sách. Điều này dễ dẫn đến tình trạng thiên lệch, “vừa đá bóng, vừa thổi còi”, cục bộ, thậm chí lợi ích nhóm. Trình độ, năng lực của một số cán bộ làm chính sách còn hạn chế; một số dự thảo luật còn gây tranh cãi, thiếu đồng thuận.

Bên cạnh đó, một số tổ chức đảng chưa quan tâm đúng mức đến quyền lợi chính đáng của Nhân dân, nhất là người lao động. Nhiều vấn đề bức xúc như đất cho nông dân sản xuất, đất canh tác, thu nhập bấp bênh, tình trạng “được mùa mất giá”, “được giá mất mùa”, đời sống người dân đô thị hóa bị ảnh hưởng, chưa được giải quyết triệt để. Quản lý nhà nước còn lỏng lẻo, dễ xảy ra lãng phí tài sản công, yếu kém trong xử lý tệ nạn xã hội, an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường, giá cả leo thang... khiến lòng tin của Nhân dân bị suy giảm.

Những hạn chế trên cho thấy việc thể chế hóa các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng ở một số nơi vẫn còn xa rời thực tế, chưa phản ánh đầy đủ tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, đã làm cho Nhân dân ngày càng xa Đảng, mất niềm tin vào Đảng. Nếu không kịp thời khắc phục, sẽ tiềm ẩn nguy cơ rạn nứt trong mối quan hệ giữa Đảng bộ với Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong kỷ nguyên mới.

Ba là, công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng còn một số bất cập, nhất là ở khu vực miền núi

Công tác vận động và tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng giữ vai trò then chốt trong việc xây dựng sự đồng thuận xã hội và đảm bảo thống nhất giữa nhận thức với hành động trong toàn hệ thống chính trị. Tuy nhiên, thực tế triển khai tại một số địa phương, đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần được nghiêm túc khắc phục.

Tại tỉnh Thanh Hóa, dù hệ thống văn bản, quy định từ tỉnh đến cơ sở về cơ bản đã khá đầy đủ và chi tiết, song việc chuyển hóa nghị quyết thành hành động cụ thể trong đời sống Nhân dân vẫn gặp nhiều rào cản, nhất là những nội dung liên quan trực tiếp đến quyền lợi thiết thân của người dân. Điều này cho thấy, khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn vẫn còn hiện hữu.

Sở dĩ hạn chế này vẫn còn tồn tại là do công tác tuyên truyền chưa được triển khai linh hoạt, sâu sát với đặc điểm từng địa bàn. Ở nhiều nơi, hình thức truyền thông còn đơn điệu, nội dung chưa dễ hiểu, thiếu tính thuyết phục đối với người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi hoặc ít tiếp cận thông tin hiện đại. Khó khăn về địa hình, hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin còn yếu, mạng internet chưa phổ cập, hệ thống phát thanh, báo chí chưa phủ đều... khiến nhiều người dân không được tiếp cận đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện mà còn làm giảm niềm tin và sự gắn kết giữa Đảng với Nhân dân. Để khắc phục tình trạng trên, đòi hỏi cần có những đổi mới mạnh mẽ, sáng tạo trong phương thức truyền thông, gắn lý luận với thực tiễn, lấy nhu cầu thông tin của Nhân dân làm trung tâm, bảo đảm mọi quyết sách của Đảng đều được truyền tải đúng, đủ, đến đúng đối tượng, từ đó nâng cao hiệu quả vận động, tổ chức thực hiện trong toàn xã hội.

Mặt khác, một trong những thách thức lớn hiện nay trong công tác vận động quần chúng ở miền núi, vùng sâu, vùng xa là trình độ dân trí và nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiếp cận và thực hiện các chủ trương, chính sách. Sự đa dạng về ngôn ngữ, văn hóa giữa các dân tộc thiểu số cũng tạo ra khoảng cách trong giao tiếp, làm giảm hiệu quả tuyên truyền. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền tại cơ sở còn thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng, nhiều người chưa được đào tạo bài bản, thiếu kỹ năng, thiếu am hiểu phong tục tập quán địa phương, dẫn đến việc triển khai các chương trình vận động còn lúng túng,

kém thuyết phục. Quy trình lấy ý kiến tham gia trước khi ban hành các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết liên quan đến quyền và lợi ích của các tầng lớp nhân dân thực hiện chưa được thường xuyên, một số nội dung chậm đến với người dân ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân tuy có cố gắng nhưng vẫn còn nhiều tồn đọng, chậm trễ; một số điểm có vấn đề vẫn tồn tại kéo dài; cải cách hành chính còn chậm, vận hành của bộ máy hành chính chưa thông suốt. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác tuyên truyền còn thiếu thốn, phương tiện, kinh phí chưa được đầu tư tương xứng. Hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chưa linh hoạt, chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng. Việc tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết còn nặng hình thức, tập trung chủ yếu vào một bộ phận tích cực, chưa lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Tình trạng thiếu chủ động trong việc nắm bắt tư tưởng, nguyện vọng của Nhân dân cũng khiến nhiều bức xúc nảy sinh nhưng chưa được xử lý kịp thời, ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện các chủ trương lớn, nhất là các dự án đầu tư công, vẫn còn nhiều vấn đề phát sinh phức tạp, vượt ngoài dự báo. Một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi chưa sát với thực tế, thiếu tính khả thi hoặc triển khai chậm, không đồng bộ, làm giảm niềm tin của người dân và khó vận động họ hưởng ứng.

Việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên ở một số cơ sở chưa kịp thời; chưa chủ động đề ra các biện pháp giải quyết những bức xúc, tư tưởng mới nảy sinh trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân nên phần nào ảnh hưởng đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Một bộ phận cán bộ công chức, nhất là cán bộ chủ chốt, năng lực lãnh đạo, điều hành ở một số cấp ủy cơ sở và các cán bộ, đảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ, kiến thức pháp luật non kém, thiếu tôn trọng dân, xa dân, vi phạm quyền dân chủ của Nhân dân chưa được khắc phục; tinh thần trách nhiệm, tính gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao. Vẫn tồn tại tình trạng sợ trách nhiệm, có tâm lý sợ sai, né tránh, đùn đẩy công việc, làm việc cầm chừng; nhiều cán bộ chưa chủ động đề xuất giải pháp, thiếu quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ, gây ách tắc, trì trệ công việc. Không ít tổ chức đảng ở cơ sở chưa thực sự quyết tâm trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Đặc biệt, một số cán bộ làm công tác tuyên truyền chưa có nghiệp vụ vững vàng, thiếu nhiệt huyết, chưa chịu khó học hỏi, rèn luyện, nên chưa tạo được sự lan tỏa, đồng thuận trong Nhân dân. Khi người tuyên truyền không đủ thuyết phục, trong khi chính cán bộ, đảng viên lại thiếu nêu gương trong thực tiễn, thì việc vận động quần chúng

khó đạt hiệu quả cao. Đây là những vấn đề cần được quan tâm khắc phục kịp thời để nâng cao chất lượng CTDV trong tình hình mới.

Bốn là, sự tha hóa quyền lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nguy cơ quan liêu, tham ô, lãng phí của chính quyền các cấp

Trong suốt hành trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của Tỉnh, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa luôn đặt trọng tâm vào việc xây dựng và củng cố mối quan hệ gắn bó, tin cậy giữa Đảng với Nhân dân. Mối quan hệ ấy không chỉ là nguyên tắc chính trị, mà còn là sợi dây máu thịt, nơi cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người phục vụ trung thành lợi ích của dân. Chỉ khi thấm nhuần tư tưởng “lấy dân làm gốc”, cán bộ, đảng viên mới có thể gần dân, hiểu dân, được dân tin yêu, hỗ trợ để hoàn thành sứ mệnh của mình.

Tuy nhiên, một thực tế đáng lo ngại là, trong những năm gần đây, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn diễn biến phức tạp. Chủ nghĩa cơ hội, thực dụng, lối làm việc quan liêu, xa rời thực tiễn và thờ ơ với đời sống Nhân dân ngày càng bộc lộ rõ, làm suy giảm lòng tin của dân vào Đảng. Như Đảng ta đã thẳng thắn chỉ ra tại *Hội nghị Trung ương 4 khóa XI*: “cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu, quên đi trách nhiệm, bỏn phận trước Đảng, trước nhân dân” [24, tr.21]. Thậm chí đã có không ít cán bộ, đảng viên, nhất là một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức, có quyền còn có biểu hiện quan liêu, tham ô, lãng phí, xa rời quần chúng. Biểu hiện của “căn bệnh” này được thể hiện ở cả suy nghĩ, thái độ, hành vi và việc làm cụ thể ở một số cán bộ, đảng viên. Theo đánh giá của *Hội nghị Trung ương 4 (khóa XII)*: “thời gian qua, có những cán bộ, đảng viên thiếu kiểm tra, đôn đốc, không sâu sát, nắm chắc tình hình cơ sở, vì thế mắc vào “bệnh” xa quần chúng, bàn giấy,... dẫn đến lý luận suông, xây dựng kế hoạch thực hiện không sát với thực tế”. Không ít cán bộ thiếu sâu sát cơ sở, mắc bệnh hình thức, đưa ra chính sách từ văn phòng mà không gắn với thực tiễn, khiến người dân bị động tiếp nhận những mệnh lệnh thiếu tính khả thi. Tình trạng cán bộ, đảng viên thờ ơ, né tránh trách nhiệm, hoặc thiếu trách nhiệm trước những bức xúc, quyền lợi chính đáng của Nhân dân vẫn còn tồn tại ở nhiều cấp. Thậm chí, có trường hợp cố tình phớt lờ, dìm đi những ý kiến xây dựng, gây mất đoàn kết, tạo dư luận tiêu cực và khiến Nhân dân hoài nghi, mất niềm tin. Báo cáo của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX cũng đã thẳng thắn nhìn nhận: “vẫn còn một số cán bộ, công chức, đảng viên sa sút về tư tưởng chính trị, những thiếu sót trong thực thi công vụ, vi phạm quy định của Đảng và Nhà

nước, gây bức xúc trong cơ quan, đơn vị, tạo dư luận xã hội không tốt” [30, tr.70]. Đây là những biểu hiện lệch chuẩn cần được chấn chỉnh kịp thời, nhằm củng cố lại vai trò nêu gương, nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên - những người đại diện cho hình ảnh và uy tín của Đảng trong mắt Nhân dân.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy, một số lĩnh vực quản lý nhà nước vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh tiêu cực, đặc biệt trong các lĩnh vực nhạy cảm như đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tài chính công, thu chi ngoài ngân sách tại các trường học, và quản lý tài sản công. Những tồn tại này không chỉ cho thấy những sơ hở về cơ chế kiểm soát mà còn phản ánh sự thiếu trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, nhất là người đứng đầu tại một số cơ quan, đơn vị. Nhiều giải pháp phòng, chống tham nhũng chưa được triển khai thực chất; việc kê khai tài sản, thu nhập còn mang tính hình thức; chế độ báo cáo thiếu nghiêm túc, thậm chí chậm trễ, sơ sài, phản ánh chưa đúng bản chất tình hình. Công tác xử lý cán bộ sai phạm ở một số nơi còn thiếu kiên quyết; việc kiểm điểm trách nhiệm nhiều trường hợp phải làm lại do chưa rõ vai trò cá nhân, tập thể. Sau thanh tra, kiểm tra, có đơn vị chưa nghiêm túc khắc phục, còn biểu hiện đối phó, kéo dài. Nhiều tài sản công, nhất là nhà đất dôi dư sau sáp nhập, không được sử dụng đúng mục đích, để hoang hóa, xuống cấp, gây lãng phí lớn. Ý thức trách nhiệm trong sử dụng tài sản công, tổ chức các hoạt động xã hội như hiếu, hỷ... vẫn còn yếu, làm ảnh hưởng đến kỷ cương, kỷ luật hành chính.

Điều khiến không ít người dân Thanh Hóa bức xúc là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chạy chức, chạy quyền, chạy tội, chạy danh hiệu... của một bộ phận cán bộ, đảng viên có chức, có quyền. Các hành vi vôi vĩnh, những nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính vẫn tồn tại trong nhiều giao dịch giữa công chức với người dân và doanh nghiệp. Số vụ tiêu cực bị phát hiện ngày càng tăng về quy mô, mức độ và tính chất tinh vi, nhưng việc xử lý chưa đồng bộ, chưa đủ sức răn đe. Không ít vụ án nghiêm trọng về kinh tế - dù thiệt hại lớn - nhưng không xác định rõ hành vi tham nhũng, hoặc không xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu, khiến dư luận hoài nghi, bất mãn. Việc thực hiện *Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII* ở một số địa phương, đơn vị còn chậm; kỷ luật Đảng chưa được thực thi nghiêm túc, thậm chí có nơi để cán bộ vi phạm pháp luật vẫn giữ vị trí lãnh đạo, gây tổn hại đến uy tín của tổ chức và làm xói mòn niềm tin của Nhân dân. Một số cơ quan vẫn chưa chủ động trong công tác giám sát nội bộ, việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng, lãng phí còn hình thức, thiếu tính minh bạch và kịp thời. Trách nhiệm người đứng đầu trong phòng, chống tham nhũng

có nơi vẫn bị né tránh, chưa được xác lập rõ ràng. Từ tình trạng trên, đòi hỏi cần có giải pháp mạnh mẽ hơn để siết chặt kỷ cương, minh bạch hóa hoạt động công vụ, tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm sai phạm, đặc biệt là trách nhiệm người đứng đầu, nhằm khôi phục và củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra, giám sát tại một số cấp ủy, tổ chức đảng vẫn còn những hạn chế đáng lo ngại, thể hiện ở sự thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Nhiều cấp ủy, đặc biệt là người đứng đầu, chưa thực sự coi trọng nhiệm vụ kiểm tra TCCSD và đảng viên, nhất là kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Việc xây dựng kế hoạch còn chậm, nội dung kiểm tra thiếu chiều sâu, dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm hoặc các vấn đề nổi cộm gây bức xúc trong dư luận. Nhiều đơn vị sau kiểm tra chậm khắc phục khuyết điểm, thậm chí tái phạm, buộc phải xử lý lại. Không ít nơi vẫn nhầm lẫn giữa kiểm tra và giám sát, trong khi giám sát - với vai trò phòng ngừa từ sớm, từ xa - lại bị xem nhẹ. Việc nắm bắt tình hình, phát hiện sớm dấu hiệu vi phạm, đặc biệt ở các lĩnh vực nhạy cảm như tài chính, đất đai, cán bộ, vẫn còn bị động. Hoạt động giám sát cấp ủy viên cùng cấp, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt chưa được triển khai mạnh mẽ; tự kiểm tra, tự phát hiện vi phạm trong nội bộ còn là khâu yếu, nhiều vi phạm chậm bị phát hiện và xử lý, ảnh hưởng đến kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

Bên cạnh đó, việc quán triệt và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Trung ương và cấp trên về công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi chưa nghiêm túc, thậm chí mang tính hình thức. Nhiều cuộc kiểm tra, giám sát còn sơ sài, hiệu quả thấp, thiếu tính ngăn ngừa. Sau kiểm tra, việc đôn đốc, giám sát khắc phục vi phạm không quyết liệt, dẫn đến tình trạng “chìm xuồng” hoặc kéo dài, không triệt để. Một số UBKT cấp dưới vẫn chưa chủ động thực hiện nhiệm vụ khi phát hiện dấu hiệu vi phạm, hoặc xử lý kỷ luật chưa đúng mức, thiếu tính răn đe, giáo dục. Cá biệt, có nơi còn né tránh giải quyết đơn thư tố cáo hoặc xử lý chưa dứt điểm, gây dư luận không tốt trong nội bộ và Nhân dân. Với những trường hợp tố cáo sai sự thật, mang dụng ý xấu, việc xử lý còn lúng túng, thiếu biện pháp ngăn chặn kịp thời.

Năm là, một bộ phận Nhân dân có thái độ thờ ơ với các hoạt động chính trị, công tác xây dựng chính quyền; tình trạng vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước và của địa phương vẫn còn khá nhiều

Một bộ phận Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có thái độ thờ ơ với các hoạt động chính trị, công tác xây dựng chính quyền. Nhận thức và năng lực thực hành dân

chủ của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, thể hiện ở việc ít quan tâm đến quyền bầu cử, tiếp xúc cử tri, đóng góp ý kiến, kiểm tra, giám sát. Thái độ thờ ơ với hoạt động chính trị khá phổ biến, đặc biệt tại đô thị. Việc tìm kiếm cán bộ cơ sở gặp nhiều khó khăn do lực lượng trẻ đi làm ăn xa hoặc xuất khẩu lao động; nhiều thôn, xóm, tổ dân phố thiếu cán bộ chất lượng, thậm chí “trống cán bộ” ở các đoàn thể. Trong các kỳ bầu cử, Nhân dân ít quan tâm đến đối tượng bầu cử, kể cả với bầu HĐND cấp xã, phường hay các chức danh trưởng thôn, tổ trưởng dân phố - những vị trí liên quan trực tiếp đến quyền lợi người dân. Dù chính quyền đã tuyên truyền rộng rãi, song trách nhiệm và tinh thần tham gia của Nhân dân vẫn hạn chế. Điều này làm chất lượng bầu cử chưa cao, còn nặng cục bộ dòng họ, “nể nang”, “dĩ hòa vi quý” trong đánh giá cán bộ. Công tác phát triển đảng ở cơ sở cũng gặp nhiều khó khăn. Nhiều quần chúng ưu tú được giới thiệu nhưng không muốn vào Đảng, dẫn đến tình trạng nhiều năm “trắng đảng viên mới”, tuổi đảng viên ngày càng cao, số kết nạp chủ yếu là cán bộ, công chức; trong khi đảng viên xuất thân từ quần chúng rất ít. Đáng chú ý, tình trạng đảng viên xin nghỉ sinh hoạt có xu hướng tăng, nhất là ở đô thị. Nguyên nhân sâu xa là do sự chênh lệch phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng, nhất là nông thôn và miền núi; đời sống còn khó khăn khiến người dân tập trung mưu sinh, chưa thấy rõ ý nghĩa của việc thực hiện dân chủ ở cơ sở đối với nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển địa phương.

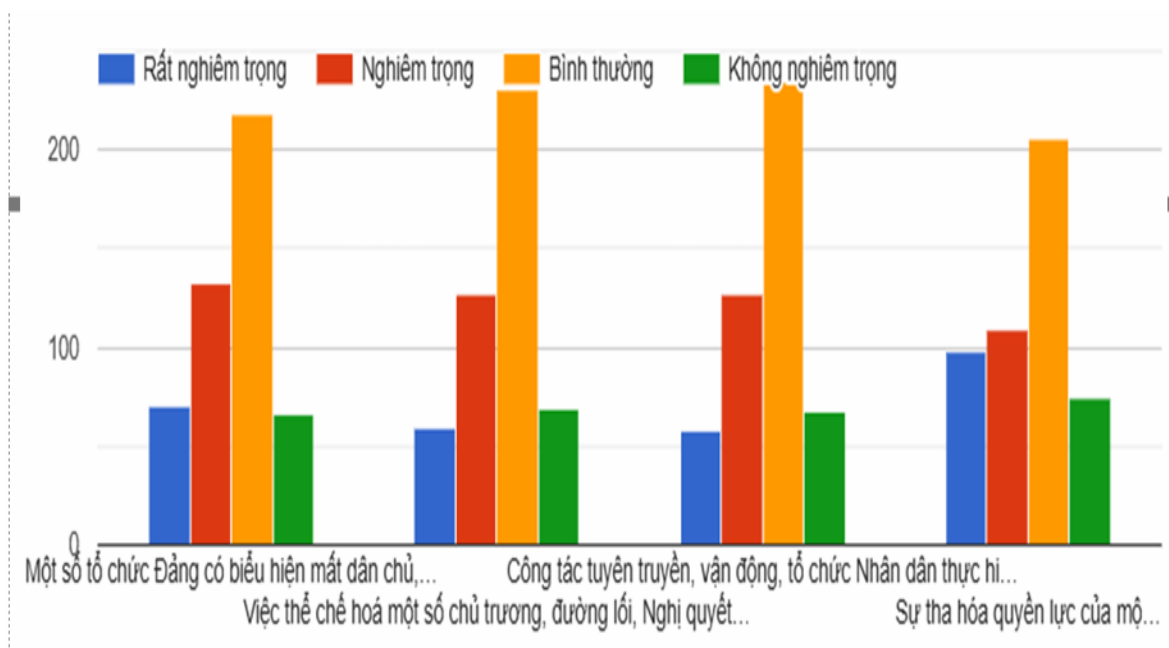
Tình trạng vi phạm pháp luật của Nhà nước, chủ trương, chính sách của của một bộ phận Nhân dân trong Tỉnh còn khá nhiều. Trong những năm qua, tình trạng vi phạm pháp luật của Nhà nước, cũng như việc chưa tuân thủ chủ trương, chính sách của Tỉnh, địa phương ở một bộ phận người dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp như: Ý thức chấp hành nghĩa vụ thuế của một số hộ kinh doanh, doanh nghiệp và cá nhân còn hạn chế. Nhiều trường hợp cố tình kê khai sai doanh thu, lợi dụng chính sách ưu đãi, hoặc sử dụng hóa đơn giả để trốn thuế, gây thất thu ngân sách. Chẳng hạn: “Ngày 14/9/2025, Công an tỉnh Thanh Hóa cho biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bà Lê Thị Thanh Thủy (Sinh năm 1970, trú tại phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa) về tội “Trốn thuế”. Bà Thủy chỉ đạo nhân viên lập bảng kê dự toán và thu các khoản phí đã bỏ ngoài sổ sách gây thất thoát hơn 11 tỷ đồng” (Kết quả điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa). Ngoài ra còn nhiều vụ án khác, liên quan đến việc “trốn thuế” gây thất thoát ngân sách của Nhà nước. Thậm chí có tình trạng “kinh doanh ngầm”, không đăng ký, không xuất hóa đơn, dẫn đến khó kiểm soát nguồn thu.

Tình trạng trốn tránh nghĩa vụ quân sự vẫn diễn ra ở một số địa phương. Một bộ phận thanh niên tìm cách trì hoãn, né tránh, thậm chí nhờ cậy quan hệ để không phải nhập ngũ, ảnh hưởng đến công tác tuyển quân, gây mất công bằng và tạo dư luận không tốt trong xã hội. Một số người dân, đặc biệt là thanh thiếu niên, thiếu ý thức rèn luyện, còn ham chơi, lười lao động, dễ bị lôi kéo vào các tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma túy, tín dụng đen, mại dâm, gây mất trật tự an toàn xã hội. Đây cũng là nguồn gốc dẫn đến nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác như trộm cắp, cố ý gây thương tích, lừa đảo. Ý thức tham gia giao thông của một bộ phận người dân còn kém, điển hình như không đội mũ bảo hiểm, sử dụng rượu bia khi lái xe, phóng nhanh vượt ẩu, chờ quá số người quy định, đi ngược chiều. Những vi phạm này là nguyên nhân trực tiếp gây ra nhiều vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh. Ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường của nhiều người dân chưa cao; còn tình trạng vứt rác bừa bãi, đổ chất thải sinh hoạt và sản xuất ra sông, suối, kênh mương; sử dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp không đúng quy định, gây ô nhiễm đất và nguồn nước. Các vi phạm này vừa ảnh hưởng đến cảnh quan, đời sống cộng đồng, vừa tác động tiêu cực đến phát triển bền vững của địa phương. Bên cạnh đó, tình trạng nông dân bỏ ruộng, không sản xuất gia tăng; nhiều nơi còn chống đối chủ trương của chính quyền, tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất trái pháp luật, ảnh hưởng đến quy hoạch, gây lãng phí tài nguyên và cản trở mục tiêu phát triển bền vững của Tỉnh. Nguyên nhân chủ yếu do chính sách chuyển đổi đất đai chưa sát thực tiễn, công tác quản lý còn lỏng lẻo, nhưng quan trọng hơn là nhận thức đơn giản, tâm lý bảo thủ của một bộ phận Nhân dân. Ngoài ra, việc chấp hành quy định về nếp sống văn minh và chính sách dân số vẫn còn thấp. Nhiều gia đình tổ chức cưới hỏi, tang lễ rườm rà, tốn kém, thậm chí gây mất trật tự. Đặc biệt, ở một số xã vùng xa trung tâm, tình trạng buôn bán và đốt pháo nổ trong dịp Tết Nguyên đán vẫn tái diễn dù chính quyền đã nhiều lần tuyên truyền và áp dụng biện pháp ngăn chặn.

Từ những hạn chế trên, có thể thấy một bộ phận người dân chưa nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm công dân trong việc tuân thủ pháp luật và chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Điều này không chỉ làm gia tăng các vi phạm, sai phạm pháp luật, mà còn ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước, làm chậm quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa.

Theo kết quả khảo sát 486 cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về mức độ nghiêm trọng của từng hạn chế kể trên cho thấy: đa số ý kiến cho rằng các hạn

chế này ở mức “bình thường”. Tuy nhiên, cũng có một tỷ lệ đáng kể cho rằng các hạn chế là “nghiêm trọng” hoặc “rất nghiêm trọng” như: “Một số tổ chức Đảng có biểu hiện mất dân chủ, xa rời quần chúng nhân dân” với 132/486 phiếu, chiếm 27,2% cho là nghiêm trọng; 70/486 phiếu, chiếm 14,4% cho là rất nghiêm trọng. Hay “Việc thể chế hoá một số chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng chưa phù hợp với thực tế, chưa phản ánh được nguyện vọng chính đáng của Nhân dân” và “Công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng còn một số bất cập, nhất là ở khu vực miền núi” đều chiếm tỉ lệ 26,1% cho là nghiêm trọng. Đồng thời, khi đánh giá mức độ nghiêm trọng của “sự tha hóa quyền lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nguy cơ quan liêu, xa rời Nhân dân của chính quyền các cấp”, có tới 109/486 người tham gia trả lời, chiếm 22,4% cho là nghiêm trọng, 98/486 phiếu, chiếm 20,2% cho là rất nghiêm trọng.



Biểu đồ 3.5. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về những hạn chế trong tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

(Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án)

Những con số này cảnh báo tình trạng suy thoái đạo đức, tha hóa quyền lực vẫn còn xảy ra, gây ảnh hưởng tiêu cực đến lòng tin của Nhân dân đối với Đảng. Điều đó cho thấy, vẫn tồn tại những lo ngại nhất định về dân chủ trong tổ chức Đảng, công tác tuyên truyền, cũng như tình trạng suy thoái của một bộ phận cán bộ. Đây là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm, khắc phục để củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

3.2.2.2. Nguyên nhân

Những hạn chế, yếu kém trong thực hiện tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa do nhiều nguyên nhân gây ra, trong đó có những nguyên nhân khách quan, chủ quan hoặc nguyên nhân trực tiếp cũng như gián tiếp. Tuy nhiên, khi xem xét mối quan hệ này, trước hết phải tìm hiểu nguyên nhân ở chính sự lãnh đạo của Đảng:

Thứ nhất, do những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường

Những tác động của mặt trái KTTT, lối sống thực dụng, chạy theo tiền tài, địa vị, danh vọng, không chỉ ảnh hưởng xấu tới các tầng lớp nhân dân mà còn tác động đến một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ chủ chốt bị suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thiếu gương mẫu trước Nhân dân. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có lối sống hưởng thụ, thực dụng, ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa, dẫn đến tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Căn bệnh quan liêu, cửa quyền, hách dịch, tham ô, hối lộ không chỉ làm cho một số cán bộ xa rời Nhân dân, coi thường ý kiến, nguyện vọng chính đáng của người dân, mà còn tạo ra rào cản trong mối quan hệ gắn bó mật thiết vốn có giữa Đảng với Nhân dân. Hình ảnh người cán bộ “của dân, do dân, vì dân” bị lu mờ, thay vào đó là ấn tượng tiêu cực về bộ máy hành chính quan liêu, xa dân. Việc một số tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý, điều hành chỉ dựa vào quyền uy, mệnh lệnh, ít coi trọng tuyên truyền, vận động, thuyết phục cũng làm cho khoảng cách giữa Đảng với Nhân dân ngày càng xa hơn, nhất là ở khu vực miền núi, do điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn, trình độ dân trí và khả năng tiếp cận thông tin của đồng bào còn thấp. Phương thức tuyên truyền chậm đổi mới, còn nặng tính áp đặt, chưa phù hợp đặc thù văn hóa – ngôn ngữ của từng nhóm dân cư. Mạng lưới cán bộ dân vận, mặt trận, đoàn thể ở cơ sở miền núi chưa đủ mạnh, thiếu sự gắn bó thường xuyên với Nhân dân. Hậu quả là mối quan hệ gắn bó mật thiết vốn có giữa Đảng và Nhân dân bị ảnh hưởng, tạo ra tâm lý hoài nghi, thiếu đồng thuận trong xã hội, cản trở việc tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chính những tác động tiêu cực từ mặt trái của nền KTTT, đã khiến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân bị suy giảm cả về niềm tin chính trị, sự đồng thuận xã hội, và tình cảm gắn bó. Thay vì là chỗ dựa, là niềm tin vững chắc, một bộ phận cán bộ, đảng viên lại trở thành nguyên nhân gây ra sự bất bình, xa cách trong lòng dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

Thứ hai, công tác kiểm tra, giám sát và quản lý cán bộ chưa thật sự chặt chẽ; việc xử lý vi phạm ở một số nơi còn thiếu kiên quyết

Ở nhiều cơ quan, đơn vị, cấp ủy và người đứng đầu chưa thể hiện rõ tính chủ động, quyết đoán trong lãnh đạo, chỉ đạo; năng lực dự báo, khả năng xử lý và tháo gỡ khó khăn còn hạn chế, dẫn tới việc triển khai nghị quyết của Đảng có lúc chậm, thiếu cụ thể và thiếu tính kiểm soát. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong giải quyết công việc chưa thật sự chặt chẽ; trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể nhiều nơi chưa được đề cao, làm giảm hiệu quả điều hành và theo dõi kết quả thực hiện.

Bên cạnh đó, sự gắn kết giữa công tác tư tưởng với công tác tổ chức cán bộ, kiểm tra và giám sát chưa bảo đảm tính đồng bộ; tâm lý nể nang, ngại va chạm, ngại góp ý đối với những sai phạm hoặc yếu kém vẫn tồn tại khá phổ biến trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với cơ sở chưa thật sát sao, thiếu sự đồng hành và hỗ trợ kịp thời trong xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy. Điều này tạo ra khoảng trống trong quản lý cán bộ, dẫn đến tình trạng một bộ phận cán bộ thiếu rèn luyện, biểu hiện tư duy quyền lực, chưa đặt lợi ích của Nhân dân lên trên. Cùng với đó, thủ tục hành chính còn rườm rà, trong khi cơ chế giám sát của Nhân dân chưa được phát huy đầy đủ, làm nảy sinh hiện tượng nhũng nhiễu, quan liêu trong một số cơ quan công quyền. Vai trò nêu gương và tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ lãnh đạo chủ chốt chưa được thể hiện đúng mức, làm giảm hiệu lực công tác xây dựng Đảng và chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng.

Những khuyết điểm trên đã tác động không nhỏ đến sự gắn bó giữa Đảng và Nhân dân, khiến mối quan hệ này ở một số nơi có biểu hiện suy giảm và đặt ra yêu cầu phải khắc phục một cách nghiêm túc, kịp thời.

Thứ ba, ý thức của một bộ phận người dân Thanh Hóa còn hạn chế

Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay đang gặp một số khó khăn, hạn chế không chỉ xuất phát từ phía Đảng mà còn do một bộ phận các tầng lớp nhân dân chưa chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây khó cho việc lãnh, chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện từ phía Đảng, Nhà nước, cụ thể:

Đối với GCCN: Việc phát huy vai trò nòng cốt của GCCN trong liên minh với nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN vẫn còn nhiều hạn chế. Nhận thức về chính sách, pháp luật của một bộ phận công nhân còn yếu; không ít người chưa thực sự quan tâm đến việc phấn đấu đứng vào hàng ngũ của Đảng, chưa

tích cực tham gia các tổ chức chính trị - xã hội, dẫn đến việc vai trò lịch sử của GCCN chưa được thể hiện đầy đủ trong giai đoạn hiện nay.

Đối với giai cấp nông dân: Một bộ phận nông dân vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ từ Nhà nước, chưa có khát vọng vươn lên tự lực thoát nghèo. Đáng lo ngại, tại một số địa phương còn tồn tại hiện tượng luân phiên “làm hộ nghèo” để hưởng lợi từ các chính sách ưu đãi, làm giảm hiệu quả của các chương trình giảm nghèo bền vững và gây tác động tiêu cực đến tinh thần tự lập, tự cường của người dân.

Đối với đội ngũ trí thức: Vẫn còn một bộ phận trí thức, đặc biệt trong các cơ sở nghiên cứu và giáo dục đại học, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập. Hạn chế nổi bật là năng lực sáng tạo, thực hành, khả năng ứng dụng, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng công nghệ thông tin còn thấp so với chuẩn mực khu vực. Ngoài ra, có những biểu hiện đáng lo ngại như sa sút đạo đức nghề nghiệp, thiếu tinh thần trách nhiệm, thiếu trung thực trong nghiên cứu, chạy theo hình thức, bằng cấp; một số cá nhân không có động lực học hỏi, thiếu hoài bão và ý chí vươn lên trong khoa học và công hiến.

Đối với lực lượng doanh nhân: Cũng còn tồn tại nhiều bất cập, nhất là về kiến thức pháp lý, năng lực kinh doanh và quản trị. Một bộ phận doanh nhân chưa thực sự tuân thủ pháp luật một cách tự giác, còn lợi dụng kẽ hở chính sách để trục lợi, móc nối với phần tử biến chất trong bộ máy nhà nước nhằm mưu cầu lợi ích nhóm, thực hiện hành vi đưa - nhận hối lộ, tiếp tay cho tham nhũng, làm gia tăng những tiêu cực trong xã hội, ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh lành mạnh và sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Đặc biệt, nhận thức của một bộ phận người dân ở các khu vực miền núi như Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Mường Lát... vẫn còn nhiều hạn chế. Đây là những nơi điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, trình độ dân trí chưa cao, dẫn đến nhiều vấn đề như: Một số người dân chưa nắm rõ hoặc hiểu đúng các chính sách của Đảng và Nhà nước, dẫn đến việc chậm trễ hoặc sai sót trong việc thực hiện các quy định pháp luật, chẳng hạn như quản lý đất đai, bảo vệ rừng, hoặc tham gia các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế; do địa hình cách trở và hạn chế về phương tiện truyền thông, nhiều người dân khó tiếp cận với các nguồn thông tin mới, đặc biệt là các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc các mô hình phát triển sản xuất kinh tế hiệu quả; một số phong tục, tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại như kết hôn sớm, mê tín dị đoan, hoặc sử dụng tài nguyên thiên nhiên không bền vững, làm ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội và môi trường; nhiều hộ dân vẫn canh tác theo phương pháp truyền

thống, chưa áp dụng được các kỹ thuật mới để tăng năng suất, dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp, đời sống kinh tế bấp bênh.

Bên cạnh đó, khả năng áp dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống và sản xuất của người dân ở những khu vực này còn hạn chế, dẫn đến việc phát triển kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn. Việc nâng cao dân trí và nhận thức xã hội cần được ưu tiên, thông qua các chương trình giáo dục, tuyên truyền và hỗ trợ thiết thực từ các cấp chính quyền và tổ chức đoàn thể.

Thứ tư, sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động

Gần đây, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, lợi dụng một số sự cố trong quá trình lãnh đạo của Đảng (trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng; vấn đề môi trường; vấn đề dân tộc; tôn giáo) các thế lực thù địch đã lợi dụng công kích, nhằm chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân Thanh Hóa. Thực tế cho thấy, thời gian qua đã xuất hiện tình trạng các thế lực thù địch lợi dụng những vấn đề nhạy cảm, bức xúc trong xã hội để xuyên tạc, kích động, lôi kéo người dân tham gia biểu tình, khiếu kiện. Những hành vi này không chỉ gây nhiễu loạn thông tin, làm rối loạn dư luận, mà còn trực tiếp đe dọa đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại một số địa phương, nhất là ở cấp xã. Trước tình hình đó, cấp ủy, chính quyền các cấp buộc phải dành nhiều thời gian, công sức để xử lý, ổn định tình hình, ứng phó với các tình huống phức tạp phát sinh, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Nguy hiểm hơn là, trong bộ máy Đảng và chính quyền tỉnh Thanh Hóa có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bị lôi kéo, tác động từ những hoạt động chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình” đang diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chúng tập trung phá hoại tư tưởng, đạo đức, lối sống, mua chuộc, lôi kéo làm thoái hóa, biến chất đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước.

3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN Ở TỈNH THANH HÓA HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

3.3.1. Khoảng cách giữa việc hoạch định, triển khai và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng bộ tỉnh với thực tiễn cuộc sống của người dân Thanh Hóa

Một trong những vấn đề đáng quan tâm trong mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân tại tỉnh Thanh Hóa hiện nay là độ vênh giữa chủ trương, chính sách của Đảng với thực tiễn đời sống của người dân. Dù không phải là hiện tượng mới, song khoảng cách

này vẫn tồn tại dai dẳng ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng trực tiếp đến sự gắn kết giữa chính quyền và Nhân dân, cũng như làm xói mòn niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Có thể nhận định rằng vấn đề “khoảng cách giữa việc hoạch định, triển khai và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng với thực tiễn cuộc sống của người dân” là một trong những thách thức cốt lõi trong công tác lãnh đạo, quản lý và thực thi chính sách ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay. Khoảng cách này thể hiện ở việc chủ trương, chính sách được hoạch định đúng đắn, phù hợp về mặt định hướng chiến lược, nhưng khi đưa vào thực tế lại chưa mang lại hiệu quả tương xứng, hoặc chưa được người dân cảm nhận rõ ràng trong đời sống hằng ngày. Nói cách khác, “ý Đảng” chưa thực sự hợp với “lòng dân”, làm giảm tính thuyết phục và hiệu lực của chính sách, ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình hoạch định chủ trương, chính sách, vẫn còn nhiều bất cập ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi và tính đồng thuận xã hội, cụ thể: Một số chính sách được ban hành vẫn còn xa rời thực tiễn, chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu, lợi ích và nguyện vọng chính đáng của người dân, nhiều chủ trương xuất phát từ mục tiêu vĩ mô hoặc định hướng mang tính lý thuyết, nhưng chưa được kiểm chứng đầy đủ bằng thực tế đời sống kinh tế - xã hội của các địa phương và nhóm đối tượng chịu tác động trực tiếp; công tác nghiên cứu, khảo sát cơ sở trước khi ban hành chính sách còn hạn chế, nhiều đề án, chương trình chưa có cơ sở dữ liệu định lượng đáng tin cậy hoặc thiếu thông tin phản hồi từ người dân và doanh nghiệp, việc thu thập, phân tích số liệu còn nặng về hình thức, dẫn đến chính sách ban hành thiếu căn cứ khoa học và khó áp dụng hiệu quả trong thực tiễn; cơ chế phản biện và tham vấn chính sách chưa được phát huy đúng mức, quy trình xây dựng chính sách ở một số lĩnh vực vẫn thiếu sự tham gia thực chất của các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, nhiều khi ý kiến góp ý chỉ dừng lại ở hình thức, chưa được lắng nghe và tiếp thu nghiêm túc, dẫn đến chính sách chưa bao quát đầy đủ các chiều cạnh của vấn đề; tư duy hoạch định chính sách đôi khi vẫn còn mang tính chủ quan, áp đặt từ trên xuống, chưa dựa trên các bằng chứng và dữ liệu thực tế, cách tiếp cận này khiến cho quá trình hoạch định thiếu tính linh hoạt, không theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của đời sống xã hội và nhu cầu thực tế của người dân.

Cần khẳng định rằng, phần lớn các chủ trương, chính sách thời gian qua là đúng đắn, phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước và tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, vấn đề không chỉ nằm ở khâu hoạch định chính sách mà còn ở quá trình triển khai và tổ chức

thực hiện chính sách đó. Việc triển khai và thực thi chính sách ở nhiều nơi còn thiếu quyết liệt, máy móc, chưa căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, dẫn đến hiệu quả thấp và lãng phí nguồn lực và khiến người dân hoài nghi về tính hiệu quả của các quyết sách. Điển hình là trong lĩnh vực đất đai, bồi thường và tái định cư, còn tình trạng đền bù thiếu công bằng; tiến độ thu hồi đất nhanh chóng nhưng quy hoạch tái định cư lại chậm trễ, không đồng bộ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân sau khi mất đất sản xuất. Các chính sách an sinh, giảm nghèo cũng bộc lộ nhiều bất cập trong thực thi. Việc xác định sai đối tượng, thiếu minh bạch, gây bất mãn và giảm niềm tin của người dân. Ở vùng sâu, vùng xa, người dân dễ bị bỏ sót quyền lợi do quản lý lỏng lẻo, thông tin thiếu cập nhật, thậm chí không biết cách khiếu nại.

Thực tế cho thấy, nếu chính sách không gắn với đời sống, dù mục tiêu tốt đẹp cũng khó phát huy hiệu quả. Vì vậy, cần nâng cao tính thực tiễn trong hoạch định và thực thi; đặt lợi ích của Nhân dân làm trung tâm, đồng thời phát huy dân chủ ở cơ sở, lắng nghe và điều chỉnh kịp thời để củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

3.3.2. Về thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa

Việc thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa cần được thực hiện dựa trên hệ thống cơ chế, chính sách chung của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đặc biệt là cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Mối quan hệ này là nền tảng chính trị - xã hội quan trọng, song ở một số cấp, ngành vẫn còn biểu hiện chưa thật sự thấu hiểu vai trò “dân là gốc”. Việc thể chế hóa chưa được nhìn nhận như một yêu cầu bắt buộc trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, mà mới dừng lại ở khẩu hiệu hoặc các quy định hành chính. Điều này khiến cho sự tương tác giữa Đảng và dân chưa được chuyển hóa thành cơ chế vận hành thực chất, dẫn đến khoảng cách trong niềm tin và sự đồng thuận trong Nhân dân, cụ thể:

Thiếu cơ chế cụ thể để Nhân dân tham gia vào quá trình ra quyết định. Mặc dù các chủ trương về phát huy dân chủ, giám sát, phản biện xã hội và góp ý chính sách, đã được ban hành, nhưng việc cụ thể hóa, thể chế hóa thành quy định pháp lý, quy chế rõ ràng ở cấp tỉnh, cấp cơ sở để Nhân dân dễ tiếp cận, dễ thực hiện quyền làm chủ và giám sát còn chưa đồng bộ, chưa kịp thời. Các kênh tiếp nhận ý kiến của người dân chưa đa dạng, thiếu tính ràng buộc, dẫn đến tình trạng “dân nói - chính quyền nghe nhưng ít phản hồi”. Ở cấp cơ sở, việc tổ chức đối thoại định kỳ giữa cấp ủy, chính quyền và Nhân dân chưa thực chất, nhiều nơi còn hình thức, nặng tính báo cáo. Đặc biệt, trong các lĩnh vực nhạy

cảm như quy hoạch, đất đai, đền bù, an sinh xã hội, người dân ít có cơ hội được tham vấn sớm. Điều này khiến chính sách dù đúng đắn cũng khó được đồng thuận cao. Các quy trình về lấy ý kiến Nhân dân đối với các dự án, chính sách phát triển còn mang tính hình thức ở một số nơi, chưa thực sự đi vào chiều sâu, thiếu cơ chế đảm bảo ý kiến đóng góp được tiếp thu và phản hồi một cách có trách nhiệm.

Hạn chế trong công tác phản biện, giám sát xã hội. Mặc dù Hiến pháp quy định Đảng chịu sự giám sát của Nhân dân, nhưng việc thể chế hóa cụ thể quyền giám sát của Nhân dân (qua MTTQ, các đoàn thể và cá nhân) đối với các tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên còn thiếu các văn bản pháp quy mạnh mẽ, độc lập và khả thi để Nhân dân thực sự cảm thấy được trao quyền và bảo vệ khi thực hiện quyền giám sát. MTTQ và các đoàn thể được giao vai trò đại diện cho Nhân dân, song năng lực phản biện chính sách ở tỉnh Thanh Hóa còn thiếu tính độc lập, chiều sâu và chuyên nghiệp. Các kiến nghị của Mặt trận, hội nghề nghiệp hay nhóm chuyên gia đôi khi chưa được tiếp thu đầy đủ, hoặc chưa có cơ chế bắt buộc cơ quan có thẩm quyền phải phản hồi. Điều này làm cho kênh giám sát xã hội chưa thực sự phát huy hiệu quả, khiến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân thiếu tính tương tác hai chiều.

Khoảng cách trong thông tin và niềm tin xã hội. Một bộ phận người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, chưa được cung cấp thông tin đầy đủ về chủ trương, chính sách, dẫn đến hiểu sai hoặc thiếu tin tưởng vào quyết định của chính quyền. Cách thức truyền đạt chính sách còn một chiều, chưa tận dụng hiệu quả các kênh truyền thông mới và mạng xã hội để lan tỏa thông tin chính thống, củng cố niềm tin của dân với Đảng.

Vấn đề về bộ máy và cán bộ. Việc xây dựng văn hóa trong thực thi công vụ theo tinh thần “trọng dân, gần dân, hiểu dân, có trách nhiệm với dân” đang được chú trọng, nhưng vẫn tồn tại một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện quan liêu, hách dịch, những thiếu hoặc thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc liên quan đến Nhân dân. Cần thể chế hóa rõ ràng hơn các chuẩn mực đạo đức công vụ, đi kèm với các chế tài xử lý nghiêm minh và quy trình đánh giá, kiểm tra khách quan, công khai để Nhân dân tham gia đánh giá cán bộ, qua đó tạo áp lực kỷ luật từ cơ sở. Dù cải cách hành chính được đẩy mạnh, các thủ tục hành chính, đặc biệt ở cấp cơ sở, vẫn còn rườm rà, phức tạp, gây phiền hà, làm giảm niềm tin và sự hài lòng của Nhân dân đối với sự lãnh đạo, điều hành của chính quyền và Đảng bộ. Đảm bảo tính thống nhất, minh bạch, dễ tiếp cận của các quy trình cải cách hành chính thông qua các quy định chặt chẽ, áp dụng công nghệ thông tin và tăng cường tính chịu trách nhiệm của người đứng đầu.

Như vậy, vấn đề cốt lõi hiện nay ở tỉnh Thanh Hóa không phải là thiếu chủ trương đúng, mà là chưa có cơ chế đủ mạnh để chuyển hóa niềm tin, ý chí và nguyện vọng của Nhân dân thành động lực chính trị và hành động thực tiễn. Việc thể chế hóa mối quan hệ Đảng - Nhân dân phải được xem là quá trình liên tục, gắn kết giữa ý Đảng - lòng Dân - sức Dân, nhằm củng cố nền tảng chính trị vững chắc cho sự phát triển bền vững của Tỉnh.

3.3.3. Công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh gắn với những điều kiện đặc thù của tỉnh Thanh Hóa

CTDV là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Đảng và toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu cao nhất là phục vụ Nhân dân. CTDV không chỉ dừng lại ở việc tuyên truyền, vận động để Nhân dân chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mà còn phải thuyết phục, giải thích để Nhân dân hiểu rõ rằng mọi chủ trương, chính sách đó đều vì lợi ích chính đáng của họ. Vì thế, tư duy và hành động của đội ngũ cán bộ làm CTDV phải xuất phát từ lợi ích của Nhân dân, lấy hiệu quả thiết thực cho dân làm thước đo thành công.

Thanh Hóa là tỉnh có diện tích rộng, đa dạng về địa hình (đồng bằng, trung du, miền núi, miền biển); dân cư đông đúc, có sự đa dạng về thành phần dân tộc với sự hiện diện của nhiều tộc người; đa dạng về tôn giáo... Điều này đòi hỏi, để đảm bảo hiệu quả, CTDV phải luôn gắn với điều kiện thực tiễn, đặc thù của địa phương. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vẫn còn nhiều bất cập. Một bộ phận cán bộ, đảng viên làm CTDV chưa thực sự gần dân, thiếu khả năng nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; vẫn tồn tại lối làm việc quan liêu, mệnh lệnh, hành chính hóa các tổ chức đoàn thể, làm suy giảm sự gắn bó giữa Nhân dân với Đảng, chính quyền. Nhiều nơi chưa chủ động đổi mới phương thức tập hợp quần chúng, nội dung tuyên truyền còn đơn điệu, thiếu tính thời sự; công tác giáo dục chính trị, phổ biến thông tin thời sự cho cán bộ, đảng viên còn hình thức. Việc nắm bắt dư luận xã hội chưa được chú trọng đúng mức, trong khi các mô hình điển hình, gương người tốt việc tốt chưa được nhân rộng hiệu quả, khiến phong trào thi đua ở cơ sở thiếu chiều sâu, thiếu bền vững. Một số tổ chức đảng chưa thể hiện rõ vai trò lãnh đạo trong CTDV; sự phối hợp giữa tổ chức đảng và chính quyền chưa đồng bộ, việc chỉ đạo còn thiếu cụ thể, chưa xác lập rõ trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị. Thêm vào đó, việc phân công phụ trách CTDV còn mờ nhạt, đội ngũ cán bộ chưa ổn định, thiếu chuyên trách và thường xuyên thay đổi. Việc lấy ý kiến Nhân dân trong quá trình xây dựng cơ chế, chính sách còn hạn chế, dẫn đến khi triển khai xuất hiện nhiều

vướng mắc, không phù hợp thực tiễn, gây lãng phí và làm giảm hiệu quả. Công tác phản biện chính sách sau thực hiện còn yếu, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Không ít cán bộ, công chức vẫn chưa rũ bỏ được thói quen làm việc quan liêu, thiếu trách nhiệm, ít lắng nghe dân, chưa thấm nhuần tinh thần “trọng dân, gần dân, hiểu dân”. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể ở một số nơi chưa thực sự linh hoạt, chưa gắn với điều kiện thực tiễn của địa phương, thiếu sáng tạo, chất lượng triển khai nhiệm vụ còn chưa đồng đều, chưa tạo được sức lan tỏa sâu rộng trong đời sống cộng đồng. Tất cả những hạn chế trên cho thấy, nếu CTDV không được nhìn nhận đúng tầm và thực hiện một cách căn cơ, toàn diện thì sẽ khó phát huy được vai trò kết nối giữa Đảng với Nhân dân - yếu tố nền tảng bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững của địa phương.

3.3.4. Về thực hiện dân chủ trong Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa và thực hiện dân chủ trong Nhân dân trên địa bàn Tỉnh

Dân chủ trong Đảng chính là điều kiện tiên quyết để Đảng hoàn thành vai trò lãnh đạo toàn diện. Khi nguyên tắc tập trung dân chủ được vận hành đúng đắn, tổ chức đảng sẽ có sự thống nhất từ tư tưởng đến hành động, tạo nên sức mạnh đoàn kết và phát huy được trí tuệ tập thể. Ngược lại, khi dân chủ bị xem nhẹ, sẽ dẫn đến tình trạng độc đoán, chuyên quyền, hình thức, thậm chí làm nảy sinh lợi ích nhóm, làm suy yếu nội bộ và làm tổn hại đến vai trò lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, thực hành dân chủ trong nội bộ Đảng ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay đang có nhiều vấn đề đặt ra cần phải giải quyết, những hạn chế, bất cập trong thực hành dân chủ của Đảng chưa tạo được động lực cho dân chủ trong toàn xã hội. Có thể khẳng định rằng, hiện nay, tình trạng mất dân chủ trong Đảng ở tỉnh Thanh Hóa vẫn còn tồn tại khá phổ biến, nhiều nơi dân chủ chỉ là hình thức, hợp thức hóa cho những quyết định quan liêu, chủ quan của cá nhân người đứng đầu. Điều này làm nảy sinh phong cách lãnh đạo chuyên quyền, độc đoán, gia trưởng, luôn xem mình là nhất, đặt mình lên trên tập thể, không sâu sát thực tế, quan liêu, mệnh lệnh, không lắng nghe ý kiến của Nhân dân và cấp dưới, đưa ra những chủ trương quyết định mang tính chủ quan, không phù hợp với thực tiễn đời sống và lợi ích của Nhân dân; nói không đi đôi với làm, lý luận không gắn liền với thực tiễn; không nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; một số cán bộ, đảng viên trong các tổ chức Đảng không dám đấu tranh, không dám làm trái ý cấp trên, sợ bị trừ dập, thậm chí còn có thái độ xu nịnh, cơ hội. Cũng chính vì điều đó đã nuôi dưỡng bệnh chủ quan, hống hách và

quan liêu của người lãnh đạo; nhiều cán bộ, đảng viên đã tạo lập phe cánh, xây dựng lợi ích nhóm để tạo thêm sức mạnh bảo vệ quyền lực của mình, đồng thời vô hiệu hóa các ý kiến trái chiều chống lại họ, gây ra tình trạng mất dân chủ trong Đảng; ở một số nơi, nhiều cá nhân lãnh đạo đã không coi trọng tập thể, thậm chí qua mặt tập thể trong quyết định những vấn đề quan trọng, những chủ trương lớn thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của tập thể để giành những lợi ích riêng cho mình. Từ việc mất dân chủ trong Đảng đã kìm hãm việc thực hiện dân chủ trong toàn xã hội, nếu có cũng chỉ là hình thức. Qua đó, không phát huy được vai trò của Nhân dân trong việc tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng.

Hệ quả tất yếu là dân chủ trong toàn xã hội cũng khó được phát huy. Nhân dân - chủ thể giám sát quyền lực - bị gạt ra bên lề các quá trình ra quyết định. Dù có quy định về việc lấy ý kiến dân trong đánh giá, xếp loại tổ chức đảng và cán bộ, nhưng việc triển khai còn hình thức, thiếu minh bạch và không khuyến khích người dân góp ý một cách thẳng thắn. Cơ chế phản hồi, giải trình từ phía chính quyền chưa rõ ràng, khiến nhiều người dân không còn mặn mà với việc phản ánh, góp ý, vì “nói cũng không thay đổi được gì”. Thêm vào đó, vai trò của mặt trận và các đoàn thể tại cơ sở còn mờ nhạt, thiếu chủ động, chưa thực sự là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân. Một bộ phận người dân thiếu kiến thức chính trị - pháp lý, dẫn đến những hạn chế trong việc đánh giá đúng cán bộ, tổ chức Đảng. Đồng thời, tâm lý e ngại, lo sợ bị trù dập cũng khiến người dân dè dặt trong việc lên tiếng. Muốn khắc phục tình trạng này, trước hết, phải thực hành dân chủ thực chất trong nội bộ Đảng, coi đó là nền tảng để xây dựng một hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Dân chủ không chỉ là quyền nói, mà còn là trách nhiệm lắng nghe, phản hồi, giải trình. Cần khơi thông các kênh để Nhân dân có thể tham gia giám sát, phản biện một cách bình đẳng, dân chủ, minh bạch; nâng cao vai trò của mặt trận, đoàn thể; đồng thời, tăng cường giáo dục chính trị - pháp luật cho người dân để họ có thể góp ý đúng và trúng.

Như vậy, có thể khẳng định việc thực hiện và phát huy tốt dân chủ trong Đảng, nâng cao ý thức pháp luật của Nhân dân sẽ tạo động lực lớn để phát huy dân chủ trong xã hội. Từ đó khơi gợi, khích lệ, động viên Nhân dân phát huy trí tuệ tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng Đảng và các quyết sách chính trị của Đảng, góp phần quan trọng tạo ra sức mạnh của Đảng, sức mạnh của Nhân dân trong toàn tỉnh, nhằm xây dựng tỉnh Thanh Hóa trở thành “tỉnh kiểu mẫu” - nơi dân chủ được phát huy đầy đủ, quyền lực thuộc về Nhân dân và Đảng thực sự là người lãnh đạo được dân tin, dân trọng.

3.3.5. Thực tiễn việc phát huy vai trò của Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong công tác xây dựng Đảng

Vấn đề phát huy vai trò của Nhân dân trong công tác xây dựng Đảng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Nhân dân không được tham gia đóng góp ý kiến, hoặc ý kiến của họ không được lắng nghe, tiếp thu, dẫn đến những hệ quả tiêu cực như dấu hiệu sai phạm của cán bộ, đảng viên. Những sai phạm đó xảy ra, chủ yếu là do cơ chế giám sát của Nhân dân chưa thực sự được phát huy mạnh mẽ. Các kênh tiếp nhận ý kiến, phản ánh từ người dân đôi khi còn hình thức, thiếu hiệu quả, hoặc không được xử lý kịp thời và nghiêm túc.

Ngoài ra, tâm lý e ngại, sợ bị trừ dập khi góp ý, phản ánh sai phạm cũng là rào cản khiến Nhân dân chưa chủ động tham gia giám sát. Một số cán bộ, đảng viên chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm, chưa gương mẫu trong thực hiện quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Trong khi đó, niềm tin của Nhân dân đối với Đảng luôn là cội nguồn sức mạnh, là điểm tựa căn bản cho sự ổn định chính trị và phát triển bền vững của đất nước. Tuy nhiên, tại tỉnh Thanh Hóa, thực tế cho thấy niềm tin ấy đang có dấu hiệu suy giảm ở một bộ phận người dân, đặc biệt là trong thái độ thờ ơ, nghi ngại đối với các hoạt động chính trị - xã hội. Đây là vấn đề nghiêm trọng, cần được nhận diện thấu đáo cả về nguyên nhân và hệ lụy để có giải pháp căn cơ, kịp thời.

Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tình trạng trên. Những hành vi tiêu cực như tham nhũng, trục lợi, quan liêu, xa rời dân, thiếu tinh thần trách nhiệm... đã làm tổn thương sâu sắc đến lòng tin của Nhân dân, bởi trong mắt dân, mỗi cán bộ, đảng viên là hiện thân của Đảng. Việc một bộ phận cán bộ bị tha hóa nhưng không bị xử lý nghiêm minh, hoặc xử lý chậm trễ, thiếu minh bạch càng làm dấy lên nghi ngờ trong dư luận về tính công bằng, nguyên tắc và hiệu quả của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Tại một số địa phương trong tỉnh, những vụ việc vi phạm của cán bộ khi bị phát hiện xử lý còn chậm, thiếu minh bạch hoặc chưa đủ mức độ nghiêm khắc, gây bức xúc trong dư luận. Tình trạng “giơ cao đánh khẽ”, xử lý nội bộ khép kín, hoặc không công khai kết quả khiến người dân hoài nghi về quyết tâm chống tham nhũng, dễ dẫn đến tâm lý bất mãn, xa lánh chính trị, đặc biệt trong giới trẻ - lực lượng cần được bồi đắp niềm tin và lý tưởng. Khi thiếu thông tin chính thống, họ dễ bị dẫn dắt bởi các luồng thông tin sai lệch, xuyên tạc trên mạng xã hội, dần hình thành cái nhìn lệch lạc về Đảng và Nhà nước. Đây chính là mảnh đất màu mỡ để các thế lực thù địch lợi dụng, gieo rắc tư tưởng phản động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Thực tế đã cho thấy, niềm tin

Nhân dân chính là “lá chắn mềm” mạnh mẽ nhất trước mọi âm mưu chống phá. Khi niềm tin ấy lung lay, toàn bộ hệ thống chính trị sẽ đứng trước nguy cơ rạn nứt. Bài học sụp đổ của Liên Xô và các nước Đông Âu là minh chứng lịch sử không thể quên, nhắc nhở chúng ta về hậu quả của việc để mất lòng tin từ Nhân dân.

Trong thời gian qua, tại tỉnh Thanh Hóa, những sai phạm nghiêm trọng của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý đã trở thành cái cớ để các thế lực thù địch tuyên truyền, xuyên tạc, kích động chống phá. Khi những hành vi tham ô, lãng phí, vi phạm quy định Đảng không bị xử lý nghiêm khắc, công khai, sẽ tiếp tay cho luận điệu phản động và làm lung lay vị thế của Đảng trong lòng dân. Rõ ràng, âm mưu lớn nhất của chúng là phá vỡ sự đồng thuận, chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân - nguồn lực nền tảng của mọi thắng lợi cách mạng. Vì vậy, hơn lúc nào hết, các tổ chức Đảng trong Tỉnh cần nhận thức rõ vai trò then chốt của niềm tin Nhân dân, phải dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm những cán bộ vi phạm, không bao che, không nhân nhượng. Đồng thời, đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin, đặc biệt trong công tác xử lý cán bộ, để Nhân dân thấy rõ quyết tâm chính trị trong việc làm trong sạch đội ngũ.

3.3.6. Về nhận thức chính trị, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của một bộ phận Nhân dân trên địa bàn Tỉnh trong tình hình mới

Trong tiến trình phát triển đất nước nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng, Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà còn là chủ thể giữ vai trò trung tâm trong việc hiện thực hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy tại một số địa phương, bao gồm cả tỉnh Thanh Hóa, ý thức chính trị và trách nhiệm công dân, đặc biệt trong giới trẻ, vẫn còn nhiều hạn chế, đặt ra thách thức lớn đối với công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền và phát huy dân chủ XHCN.

Một bộ phận thanh niên, học sinh, sinh viên chưa thật sự quan tâm đến các vấn đề chính trị - xã hội, ít tham gia các hoạt động của tổ chức Đoàn - Hội, không tích cực theo dõi thời sự hay đóng góp xây dựng chính quyền. Tâm lý thờ ơ, thụ động, thậm chí hoài nghi vào vai trò lãnh đạo của Đảng đang ngày càng biểu hiện rõ nét, trong bối cảnh thông tin đa chiều, thật giả lẫn lộn. Không ít người trẻ thiếu khả năng sàng lọc và phản biện thông tin, dễ bị dẫn dắt bởi luận điệu sai trái, phản động trên mạng xã hội - nơi các thế lực thù địch đang triệt để lợi dụng để gieo rắc hoài nghi, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân.

Nguyên nhân sâu xa bắt nguồn từ việc giáo dục chính trị, tư tưởng chưa được triển khai một cách hiệu quả, đồng bộ và gắn với thực tiễn đời sống. Nhiều nội dung giảng dạy lý luận trong nhà trường còn nặng về lý thuyết, áp đặt, thiếu gắn kết với thực

tiền xã hội, dẫn đến tâm lý học đối phó, tiếp thu hời hợt, không tạo dựng được nền tảng nhận thức vững vàng. Trong khi đó, các thiết chế văn hóa cơ sở như nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, thư viện cộng đồng hay trung tâm học tập cộng đồng, hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cũng gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy được vai trò là điểm tựa tinh thần cho cộng đồng. Nhiều nơi còn thiếu về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực chuyên môn và đặc biệt là thiếu nội dung truyền thông hấp dẫn, mới mẻ, có khả năng lôi cuốn sự tham gia tự giác của người dân, khiến các hoạt động tuyên truyền khó tiếp cận được đông đảo quần chúng, nhất là thanh niên. Hình thức tuyên truyền còn mang tính truyền thống, như đọc báo tường, nghe báo cáo viên trình bày, xem băng đĩa truyền truyền... đã không còn phù hợp với xu hướng tiếp cận thông tin nhanh, đa chiều và trực quan trong thời đại số. Mặt khác, công tác truyền thông chính trị hiện nay chưa tận dụng tốt các nền tảng công nghệ, mạng xã hội - vốn là phương tiện giao tiếp, giải trí và học tập phổ biến của thanh niên. Việc thiếu vắng các sản phẩm truyền thông chính trị hiện đại, có nội dung ngắn gọn, trực quan, sinh động, mang tính tương tác cao khiến thông điệp tuyên truyền khó lan tỏa, khó chạm đến suy nghĩ, cảm xúc của người trẻ. Trong khi đó, các thế lực thù địch, phản động lại lợi dụng rất tốt các nền tảng này để phát tán thông tin sai lệch, độc hại, gây nhiễu loạn nhận thức, nhất là với những người thiếu nền tảng tư tưởng vững vàng. Mặt khác, tâm lý trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước vẫn hiện hữu ở một bộ phận người dân. Khi phát sinh vấn đề trong cộng đồng, nhiều người không chủ động bàn bạc, tham gia giải quyết mà phó mặc cho chính quyền. Điều đó không chỉ phản ánh sự thiếu tinh thần công dân mà còn làm giảm tính hiệu quả của cơ chế “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Tình trạng trên không chỉ làm suy giảm hiệu quả triển khai các chính sách phát triển kinh tế - xã hội mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân. Sự suy giảm đồng thuận xã hội nếu kéo dài sẽ làm tổn thương nền tảng chính trị của hệ thống chính trị ở cơ sở, cản trở quá trình phát triển bền vững của địa phương và đất nước. Chỉ khi mỗi người dân, từ học sinh, sinh viên đến người lao động, nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí và trách nhiệm của mình trong hệ thống chính trị, thì mới có thể tạo dựng được nền móng xã hội bền vững, trong đó Đảng và Nhân dân gắn bó keo sơn, cùng nhau xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh.

Tiểu kết chương 3

Từ việc phân tích thực trạng vận dụng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa từ năm 2015 đến nay, có thể rút ra một số kết luận sau:

Trong những năm qua, việc thực hiện mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa đã đạt những thành tựu to lớn, thể hiện trên các phương diện: *Một là*, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các đường lối, chủ trương, nghị quyết, văn bản kịp thời, hiệu quả để lãnh đạo Nhân dân. *Hai là*, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa định hướng, lãnh đạo chính quyền thể chế hóa các chủ trương, đường lối, nghị quyết trong thực tiễn, góp phần kịp thời giải quyết những vấn đề đặt ra cho Nhân dân. *Ba là*, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã chăm lo cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. *Bốn là*, niềm tin của Nhân dân vào Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ngày càng được củng cố, tăng cường. *Năm là*, Nhân dân tỉnh Thanh Hóa tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng bộ tỉnh. *Sáu là*, phần lớn Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân. Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc vận dụng mối quan hệ này ở tỉnh Thanh Hóa còn một số hạn chế như: *Một là*, một số tổ chức Đảng có biểu hiện mất dân chủ, xa rời quần chúng nhân dân. *Hai là*, một số chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng chưa phù hợp với thực tế, chưa phản ánh được nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. *Ba là*, công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng còn một số bất cập, nhất là ở khu vực miền núi. *Bốn là*, sự tha hóa quyền lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nguy cơ quan liêu, tham ô, lãng phí của chính quyền các cấp. *Năm là*, một bộ phận Nhân dân có thái độ thờ ơ với các hoạt động chính trị, công tác xây dựng chính quyền; tình trạng vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước và của địa phương vẫn còn khá nhiều. Từ thực trạng đó, rút ra một số nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế, đồng thời xác định 6 vấn đề đặt ra đối với mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay, đó là: Khoảng cách giữa việc hoạch định, triển khai và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng bộ tỉnh với thực tiễn cuộc sống của người dân Thanh Hóa; về thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa; CTDV của Đảng bộ tỉnh gắn với những điều kiện đặc thù của tỉnh Thanh Hóa; về thực hiện dân chủ trong Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa và thực hiện dân chủ trong Nhân dân trên địa bàn Tỉnh; thực tiễn việc phát huy vai trò của Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong công tác xây dựng Đảng; về nhận thức chính trị, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của một bộ phận Nhân dân trên địa bàn Tỉnh trong tình hình mới.

Từ những kết quả nghiên cứu đã phân tích ở trên là cơ sở hiện thực để tác giả đề xuất các phương hướng, giải pháp tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN Ở TỈNH THANH HÓA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

4.1. DỰ BÁO NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN Ở TỈNH THANH HÓA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới dự báo sẽ chịu sự tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan, trong mỗi nhân tố đó lại có những tác động khác nhau, vừa bao hàm cả tích cực và tiêu cực, vừa có thuận lợi và khó khăn, vừa là thời cơ nhưng đồng thời cũng là thách thức. Những nhân tố cụ thể đó là:

4.1.1. Tác động từ xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Một là, tác động từ xu thế toàn cầu hóa và tiến trình hội nhập quốc tế

Trong giai đoạn tới, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sẽ tiếp tục là nhân tố có ảnh hưởng sâu rộng đến sự phát triển của tỉnh Thanh Hóa, đồng thời tác động mạnh mẽ đến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Những xu thế này không chỉ mở ra cơ hội mới mà còn đặt ra nhiều thách thức trong việc giữ vững niềm tin, bản sắc và sự gắn kết xã hội.

Trước hết, toàn cầu hóa trong tương lai sẽ tạo điều kiện để tỉnh Thanh Hóa hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, thu hút thêm các nguồn lực quốc tế, đặc biệt là vốn đầu tư, công nghệ và nhân lực chất lượng cao. Với lợi thế của Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp trọng điểm, Tỉnh được dự báo sẽ tiếp tục trở thành điểm đến của nhiều tập đoàn lớn đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, châu Âu... Sự phát triển mạnh của công nghiệp, logistics, dịch vụ và du lịch quốc tế sẽ góp phần nâng cao đời sống vật chất - tinh thần của Nhân dân, củng cố niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Khi người dân được thụ hưởng thành quả phát triển, mối quan hệ Đảng - Dân sẽ thêm bền chặt, dựa trên hiệu quả thực tiễn và niềm tin vào năng lực cầm quyền.

Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế trong tương lai sẽ thúc đẩy yêu cầu đổi mới tư duy lãnh đạo và quản trị địa phương. Thanh Hóa sẽ phải thích ứng với những chuẩn mực mới về minh bạch, trách nhiệm giải trình, hiệu quả quản trị và dân chủ hóa đời sống xã hội. Người dân - đặc biệt là thế hệ trẻ, doanh nhân, trí thức - sẽ có cơ hội tiếp cận các giá trị tiến bộ toàn cầu, từ đó đặt ra yêu cầu cao hơn đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên

về năng lực, đạo đức và phong cách phục vụ. Điều này sẽ buộc tổ chức Đảng và chính quyền phải đổi mới phương thức lãnh đạo, chuyển từ “quản lý” sang “phục vụ”, từ “chỉ đạo” sang “đồng hành cùng Nhân dân”.

Tuy nhiên, trong trong thời gian tới, mặt trái của toàn cầu hóa cũng sẽ ngày càng rõ nét. Sự du nhập của các yếu tố văn hóa ngoại lai có thể làm phai nhạt bản sắc dân tộc, thay đổi chuẩn mực đạo đức và giá trị truyền thống. Nếu không có cơ chế định hướng, giáo dục và kiểm soát hiệu quả, xã hội dễ bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, chạy theo vật chất, thậm chí nảy sinh tiêu cực như tham nhũng, suy thoái đạo đức, tệ nạn xã hội. Điều này có thể làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với tổ chức Đảng, nhất là khi một bộ phận cán bộ không giữ được phẩm chất, dễ bị tác động bởi cám dỗ vật chất.

Ngoài ra, nguy cơ “khoảng cách thông tin và nhận thức” giữa các nhóm dân cư cũng sẽ gia tăng. Trong thời đại số và kinh tế tri thức, nhiều vấn đề phức tạp và mới mẻ xuất hiện, không phải mọi người dân hay cán bộ, đảng viên đều có khả năng tiếp cận, hiểu đúng, hành xử phù hợp và thích ứng kịp với các vấn đề toàn cầu đó. Nếu đội ngũ lãnh đạo không được trang bị đầy đủ kiến thức về kinh tế số, chuyển đổi xanh, trí tuệ nhân tạo hay quản trị toàn cầu, rất dễ xuất hiện “khoảng cách nhận thức” giữa Đảng và Nhân dân - nhất là với lớp trẻ có tư duy mở và tầm nhìn quốc tế. Sự chênh lệch này nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo của Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

Như vậy, trong tương lai, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vừa là cơ hội, vừa là phép thử lớn cho mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa. Cơ hội chỉ được chuyển hóa thành sức mạnh khi Đảng dẫn dắt quá trình hội nhập bằng năng lực, minh bạch và sự gần dân; đồng thời biết bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa Việt Nam, xây dựng niềm tin và sự đồng thuận xã hội trong bối cảnh toàn cầu đầy biến động.

Hai là, tác động từ sự phát triển của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Trong kỷ nguyên mới, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ tiếp tục là động lực chiến lược định hình tốc độ, chất lượng phát triển của tỉnh Thanh Hóa, đồng thời tác động sâu sắc đến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Đây không chỉ là xu hướng tất yếu của thời đại, mà còn là yếu tố quyết định vị thế và năng lực cạnh tranh của tỉnh trong tiến trình CNH, HĐH và hội nhập quốc tế.

Sự phát triển nhanh chóng của các thành tựu công nghệ mới đã tác động đa chiều đến tư duy quản lý, phương thức sản xuất, đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội và đặc

biệt là mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Nhận thức rõ xu thế và yêu cầu cấp thiết ấy, Bộ Chính trị đã ban hành *Nghị quyết số 57-NQ/TW* ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tiếp đó, Chính phủ cũng đã ban hành *Nghị quyết số 03/NQ-CP* ngày 09/01/2025 triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị. Cả hai văn kiện đều nhấn mạnh quan điểm: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là yếu tố quyết định tốc độ và chất lượng phát triển của quốc gia; là điều kiện tiên quyết, là cơ hội lịch sử để nước ta bứt phá vươn lên giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới”.

Sự phát triển của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có tác động tích cực đến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn Tỉnh Thanh Hóa, thể hiện ở những khía cạnh sau:

Tăng cường minh bạch và kết nối giữa chính quyền với Nhân dân. Trong tương lai, cùng với việc triển khai Chính phủ số, chính quyền số và đô thị thông minh, tỉnh Thanh Hóa sẽ hình thành một môi trường quản trị mở, minh bạch và dựa trên dữ liệu. Người dân sẽ có thể tra cứu, nộp hồ sơ, giám sát và phản hồi ý kiến trực tuyến thông qua các nền tảng số. Điều này giúp giảm thủ tục trung gian, hạn chế tiêu cực, tăng tính công khai, qua đó nâng cao niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền và tổ chức Đảng. Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong kỷ nguyên số sẽ trở nên tương tác hai chiều, nơi người dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tham gia quản lý và phản biện chính sách.

Đổi mới tư duy lãnh đạo, hình thành phong cách “kiến tạo - phục vụ”. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ mới, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), sẽ buộc các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương ở tỉnh Thanh Hóa phải chuyển đổi từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy đổi mới sáng tạo. Các công cụ phân tích dữ liệu, dự báo xu hướng sẽ giúp lãnh đạo nắm bắt chính xác hơn nhu cầu của người dân, đưa ra chính sách linh hoạt, dựa trên bằng chứng và dữ liệu thực tiễn. Qua đó, Đảng không chỉ lãnh đạo bằng đường lối, nghị quyết mà còn bằng năng lực quản trị hiệu quả, phục vụ thiết thực đời sống Nhân dân.

Thúc đẩy phát triển kinh tế số và nâng cao chất lượng sống. Trong tương lai gần, chuyển đổi số trong các ngành kinh tế - đặc biệt là nông nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ và du lịch - sẽ tạo bước đột phá mới cho tỉnh Thanh Hóa. Các mô hình nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh, thương mại điện tử sẽ giúp tăng năng suất,

nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân nông thôn và đô thị. Khi đời sống được nâng cao, người dân sẽ cảm nhận rõ hơn tác động tích cực từ đường lối phát triển của Đảng, từ đó củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội.

Tuy nhiên, nhiều thách thức mới cũng sẽ xuất hiện, chẳng hạn:

Tạo ra khoảng cách số giữa các vùng miền: Trong tương lai, nguy cơ phân hóa về năng lực tiếp cận công nghệ giữa khu vực đô thị và miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn hiện hữu. Nếu hạ tầng số, kỹ năng công nghệ và chính sách hỗ trợ không được đầu tư đồng đều, “khoảng cách số” có thể trở thành “khoảng cách niềm tin”, làm suy giảm sự gắn kết giữa Đảng và Nhân dân ở những khu vực khó khăn.

An ninh mạng và thông tin sai lệch: Khi không gian mạng trở thành kênh thông tin chủ đạo, tin giả, xuyên tạc, bôi nhọ chính sách và cán bộ sẽ là mối đe dọa trực tiếp đến niềm tin xã hội và uy tín của Đảng. Đòi hỏi cấp ủy, chính quyền các cấp phải chủ động truyền thông, định hướng dư luận, phản hồi nhanh và chính xác để giữ vững lòng tin của Nhân dân.

Sự chênh lệch nhận thức và năng lực số trong đội ngũ cán bộ: Một bộ phận cán bộ, đảng viên có thể chậm thích ứng với công nghệ mới, ngại thay đổi, dẫn đến tình trạng “nút thắt thể chế” trong quá trình chuyển đổi số. Nếu không được đào tạo và bồi dưỡng bài bản, họ sẽ trở thành lực cản nội bộ, làm giảm hiệu quả cải cách hành chính và lòng tin của dân.

Nguy cơ “tụt hậu số” trong người dân: Khi công nghệ thay đổi quá nhanh, người dân, nhất là người cao tuổi, lao động nông thôn, nhóm yếu thế, dễ bị bỏ lại phía sau, không theo kịp các dịch vụ công trực tuyến hay mô hình kinh tế số. Nếu Đảng và chính quyền không kịp thời “đồng hành cùng dân”, hỗ trợ đào tạo kỹ năng số, giải thích chính sách một cách dễ hiểu, sẽ dễ tạo ra sự xa cách giữa “chủ trương của Đảng” và “hiểu biết của Nhân dân”.

Tóm lại, trong kỷ nguyên mới, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ là “chìa khóa” giúp tỉnh Thanh Hóa bứt phá phát triển, đồng thời là phép thử đối với năng lực lãnh đạo, thích ứng và gắn bó với Nhân dân của Đảng bộ tỉnh. Nếu biết nắm bắt thời cơ, khơi dậy trí tuệ và sức sáng tạo của Nhân dân, tỉnh Thanh Hóa sẽ xây dựng được một mối quan hệ Đảng - dân hiện đại, tương tác, tin cậy và bền vững trong kỷ nguyên số.

4.1.2. Tác động từ những biến đổi của tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa

Trong giai đoạn tới, tỉnh Thanh Hóa sẽ tiếp tục là một trong những trung tâm phát triển năng động của khu vực Bắc Trung Bộ, với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa và

chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngày càng mạnh mẽ. Những biến đổi về kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị trong tương lai không chỉ mở ra nhiều cơ hội phát triển mới, mà còn tác động sâu sắc đến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn Tỉnh.

Tác động tích cực: Thúc đẩy phát triển, củng cố niềm tin của Nhân dân. Thanh Hóa được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng kinh tế ở mức cao, nhờ lợi thế về Khu kinh tế Nghi Sơn, hệ thống các khu công nghiệp, hạ tầng giao thông chiến lược, cùng định hướng phát triển đô thị thông minh, du lịch bền vững và nông nghiệp công nghệ cao. Khi nền kinh tế phát triển, thu nhập và đời sống người dân được cải thiện, an sinh xã hội được đảm bảo, các chính sách vì dân được triển khai hiệu quả hơn - đây sẽ là nền tảng quan trọng củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng. Sự hiện diện của các dự án quy mô lớn, kết hợp với chính sách phát triển gắn với bảo vệ môi trường và phúc lợi cộng đồng, nếu được thực hiện minh bạch, công bằng, sẽ góp phần thắt chặt mối quan hệ Đảng - dân trên cơ sở “Đảng lo cho dân, dân tin vào Đảng”.

Tác động từ quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa. Trong tương lai, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ sẽ diễn ra nhanh hơn. Tuy nhiên, song song với cơ hội là những vấn đề xã hội mới nảy sinh, có thể ảnh hưởng đến niềm tin và sự đồng thuận nếu không được xử lý kịp thời, chẳng hạn:

Về giải phóng mặt bằng: Khi các dự án mở rộng, nguy cơ phát sinh mâu thuẫn về lợi ích trong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sẽ tăng lên. Nếu công tác này không minh bạch, thiếu công bằng, người dân dễ mất niềm tin và phản ứng tiêu cực với chính quyền.

Về chuyển đổi sinh kế: Khi đất nông nghiệp bị thu hồi, người dân phải thay đổi nghề nghiệp. Nếu chính sách hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề chưa sát thực tế, dễ nảy sinh tâm lý bất ổn, thậm chí phản ứng với định hướng phát triển của Đảng.

Về phân hóa xã hội: Quá trình công nghiệp hóa có thể làm gia tăng chênh lệch giàu nghèo giữa người dân trong cùng địa bàn. Nếu Đảng không có cơ chế điều tiết, hỗ trợ hợp lý, nguy cơ bất bình đẳng và tâm lý so bì trong cộng đồng sẽ ảnh hưởng đến khối đoàn kết và niềm tin của Nhân dân.

Bởi vậy, công nghiệp hóa - đô thị hóa trong tương lai sẽ không chỉ là thước đo tăng trưởng kinh tế, mà còn là bài kiểm nghiệm bản lĩnh lãnh đạo và năng lực quản trị xã hội của Đảng bộ tỉnh trong việc cân bằng lợi ích, bảo vệ quyền lợi của Nhân dân.

Tác động từ chênh lệch phát triển vùng miền. Thanh Hóa có đặc điểm địa hình đa dạng - từ đồng bằng, ven biển đến miền núi cao. Trong thời gian tới, nếu tốc độ phát

triển giữa các vùng tiếp tục mất cân đối, sự chênh lệch về thu nhập, hạ tầng, dịch vụ công, cơ hội giáo dục và y tế có thể tạo ra khoảng cách xã hội. Người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số có thể cảm thấy thiệt thòi hoặc bị bỏ lại phía sau, dẫn đến tâm lý thiếu công bằng, giảm niềm tin vào chính quyền địa phương. Do đó, chính sách phát triển bao trùm và công bằng vùng miền sẽ là yêu cầu cấp thiết. Nếu Đảng bộ tỉnh chủ động phân bổ nguồn lực hợp lý, ưu tiên đầu tư cho vùng yếu kém, bảo đảm “không ai bị bỏ lại phía sau”, thì chính sự thu hẹp khoảng cách phát triển sẽ trở thành điểm tựa củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân vững chắc hơn.

Thách thức về ổn định chính trị - xã hội và niềm tin công chúng. Trong bối cảnh phát triển nhanh, tỉnh Thanh Hóa có thể phải đối mặt với các tác động phức tạp từ mặt trái của KTTT và âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch. Các vấn đề như ô nhiễm môi trường, khiếu nại đất đai, chênh lệch lợi ích, tham nhũng hoặc thông tin sai lệch trên mạng xã hội nếu không được xử lý kịp thời có thể làm xói mòn niềm tin của Nhân dân và tạo ra “điểm nóng” xã hội. Điều này đòi hỏi Đảng bộ tỉnh phải chủ động nắm bắt tình hình, tăng cường đối thoại, minh bạch thông tin và xử lý công tâm, khách quan, để củng cố lòng tin, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong giai đoạn phát triển mới.

Như vậy, trong kỷ nguyên mới, biến đổi kinh tế - xã hội ở tỉnh Thanh Hóa sẽ vừa là động lực phát triển, vừa là phép thử về năng lực lãnh đạo và bản lĩnh chính trị của Đảng bộ tỉnh. Nếu biết chủ động thích ứng, đặt lợi ích của Nhân dân lên hàng đầu và duy trì sự công bằng, minh bạch trong quản trị, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa sẽ tiếp tục được củng cố vững chắc, trở thành nền tảng cho sự phát triển bền vững và kiểu mẫu như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

4.1.3. Tác động từ việc sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn Tỉnh

Chính quyền cơ sở, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, đảng viên tại thôn, bản, xã, phường giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc kết nối giữa Đảng với Nhân dân. Đây là những người trực tiếp triển khai chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với người dân, đồng thời cũng là những người nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của quần chúng để phản ánh lên cấp trên. Vì vậy, họ chính là “cầu nối” quan trọng giữa Đảng và Nhân dân.

Nếu đội ngũ này có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, gần dân, sát dân, lắng nghe và tôn trọng ý kiến người dân, thì sẽ tạo dựng được lòng tin, sự đồng thuận và

ủng hộ của Nhân dân đối với các chủ trương của Đảng. Một cán bộ biết “nói đi đôi với làm”, sống gương mẫu, vì lợi ích chung sẽ góp phần củng cố mối quan hệ bền chặt giữa Đảng và dân, thúc đẩy hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Ngược lại, nếu cán bộ có biểu hiện quan liêu, hách dịch, xa dân, thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm đạo đức, tham nhũng, lợi dụng chức quyền để trục lợi cá nhân, thì sẽ làm suy giảm nghiêm trọng uy tín của tổ chức Đảng. Điều đó khiến người dân mất niềm tin, dẫn đến thái độ thờ ơ, thiếu hợp tác, thậm chí phản đối các chính sách và chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh đó, bộ máy chính quyền ở một số nơi còn hoạt động thiếu hiệu quả, thiếu minh bạch, chậm giải quyết thủ tục hành chính, gây phiền hà cho người dân. Những biểu hiện này khiến cho khoảng cách giữa Đảng và Nhân dân bị kéo giãn, ảnh hưởng xấu đến niềm tin và mối quan hệ gắn bó vốn là nền tảng của hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thời gian qua đã tạo ra nhiều chuyển biến tích cực, nhưng cũng phát sinh những tác động nhất định, ảnh hưởng đến tâm lý của người dân cũng như cán bộ, đảng viên trong thời gian tới. Cụ thể:

Việc tinh gọn bộ máy giúp giảm bớt tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, tiết kiệm nguồn lực, ngân sách nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, được đa số Nhân dân đồng tình, ủng hộ. Nhiều cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp đã vận hành linh hoạt, bộ máy gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Việc sáp nhập, tinh giản có thể dẫn đến tâm lý lo lắng, dao động trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về vị trí việc làm và quyền lợi cá nhân. Một số nơi chưa thực sự rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ sau khi sắp xếp, gây khó khăn trong điều hành, quản lý. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi, sáp nhập cũng phần nào ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

Mặc khác, khi bộ máy thay đổi, quy trình có thể dẫn tới việc giải quyết thủ tục hành chính có thể bị gián đoạn hoặc mất nhiều thời gian hơn, khiến người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn trong một số giao dịch, thủ tục.

Nhìn chung, để phát huy hiệu quả tối đa của việc sắp xếp bộ máy, cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh, đồng thời có giải pháp ổn định tâm lý đội ngũ cán bộ và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người dân trên địa bàn.

4.1.4. Tác động từ trình độ dân trí và ý thức chính trị của người dân

Trong kỷ nguyên mới, trình độ dân trí và ý thức chính trị của người dân tỉnh Thanh Hóa sẽ tiếp tục là một trong những nhân tố có ảnh hưởng sâu sắc đến chất lượng và chiều sâu của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Cùng với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, nhận thức, thái độ và mức độ tham gia chính trị của người dân Thanh Hóa được dự báo sẽ có nhiều thay đổi tích cực, song cũng tiềm ẩn không ít thách thức mới.

Xu hướng tích cực: Dân trí và ý thức chính trị được nâng cao. Trong tương lai gần, tỉnh Thanh Hóa sẽ có bước tiến mạnh mẽ trong giáo dục, đào tạo, chuyển đổi số và truyền thông chính trị, giúp người dân có điều kiện tiếp cận thông tin chính thống, kiến thức pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước một cách nhanh chóng và minh bạch hơn. Người dân ở đô thị, khu công nghiệp, vùng đồng bằng sẽ ngày càng chủ động trong việc tìm hiểu, giám sát, phản biện chính sách. Họ biết rõ hơn quyền và nghĩa vụ công dân, có khả năng phân tích, đánh giá, lựa chọn thông tin đúng đắn, góp phần hạn chế tin giả, tin sai lệch. Khi trình độ dân trí được nâng cao, ý thức chính trị, tinh thần trách nhiệm và niềm tin vào Đảng cũng sẽ vững chắc hơn. Người dân không chỉ là “người thụ hưởng” chính sách mà còn trở thành chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng và thực thi chính sách - đúng với tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đội ngũ trí thức, doanh nhân, người trẻ có trình độ cao sẽ đóng vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền và cộng đồng, góp phần lan tỏa tư duy chính trị tích cực, khoa học và thực tiễn trong xã hội.

Thách thức từ sự chênh lệch dân trí giữa các vùng, miền. Mặc dù xu hướng chung là nâng cao dân trí, song trong tương lai sự chênh lệch trình độ giữa các khu vực ở tỉnh Thanh Hóa vẫn có thể là một rào cản đáng kể:

Ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng dân tộc thiểu số, người dân vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, giáo dục, pháp luật và công nghệ. Nếu công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng không được đổi mới phù hợp, người dân có thể bị chi phối bởi thông tin lệch lạc trên mạng xã hội, dễ bị kích động, hiểu sai hoặc hiểu chưa đầy đủ về chủ trương, đường lối của Đảng. Sự khác biệt về trình độ dân trí và nhận thức chính trị có thể dẫn đến khoảng cách niềm tin, khiến việc triển khai các chính sách ở cơ sở gặp trở ngại, nhất là trong các vấn đề nhạy cảm như đất đai, bồi thường, an sinh hay chuyển đổi sinh kế. Nếu những chênh lệch này không được thu hẹp, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở một số khu vực sẽ thiếu tính tương tác,

đồng thuận, thậm chí có nguy cơ bị các thế lực xấu lợi dụng để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân.

Tác động của truyền thông và mạng xã hội đến ý thức chính trị. Trong thời gian tới, cùng với sự phát triển của công nghệ số và mạng xã hội, người dân Thanh Hóa sẽ có khả năng tiếp cận thông tin nhanh chóng và đa chiều hơn bao giờ hết. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với công tác lãnh đạo, quản lý của Đảng bộ tỉnh.

Nếu được định hướng tốt, truyền thông kỹ thuật số sẽ trở thành công cụ quan trọng để Đảng gần dân hơn, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của dân kịp thời hơn. Ngược lại, nếu thiếu kiểm soát hoặc phản ứng chậm, không gian mạng có thể trở thành mảnh đất cho tin giả, luận điệu sai trái và thông tin thù địch, tác động tiêu cực đến niềm tin chính trị và sự ổn định xã hội. Do đó, Đảng và chính quyền các cấp cần nâng cao năng lực truyền thông chính trị, chủ động dẫn dắt dư luận xã hội, kết hợp giữa tuyên truyền truyền thống và truyền thông số để giữ vững định hướng tư tưởng trong cộng đồng.

Trong giai đoạn tới, trình độ dân trí và ý thức chính trị của người dân Thanh Hóa sẽ là yếu tố then chốt quyết định chiều sâu và chất lượng của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Khi người dân có tri thức, có bản lĩnh và có niềm tin, họ sẽ không chỉ là đối tượng được phục vụ mà còn là chủ thể đồng hành cùng Đảng trong phát triển Tỉnh nhà. Ngược lại, nếu sự chênh lệch dân trí và thiếu hiểu biết chính trị không được khắc phục, nguy cơ xa dân, lệch dân sẽ tăng cao. Do đó, đầu tư cho nâng cao dân trí và ý thức chính trị chính là đầu tư cho niềm tin, sự gắn bó và ổn định chính trị lâu dài của tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ phát triển mới.

4.1.5. Sự chống phá của các thế lực thù địch ngày càng tinh vi

Trong giai đoạn tới, cùng với quá trình phát triển mạnh mẽ của tỉnh Thanh Hóa hướng tới mục tiêu trở thành tỉnh kiểu mẫu như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự chống phá của các thế lực thù địch sẽ tiếp tục diễn biến ngày càng tinh vi, phức tạp và khó lường hơn. Đây được dự báo là một trong những thách thức an ninh - chính trị lớn nhất, có thể tác động trực tiếp đến niềm tin của Nhân dân và mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân nếu không được nhận diện, kiểm soát và ứng phó kịp thời.

Thời gian tới, các thế lực thù địch sẽ tăng cường chiến lược “diễn biến hòa bình” và “phi chính trị hóa” đời sống xã hội, với những thủ đoạn ngày càng mềm dẻo, ẩn mình và có tính công nghệ cao. Trên không gian mạng, chúng sẽ triệt để lợi dụng mạng

xã hội, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo (AI) để lan truyền thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, đặc biệt là những chủ trương liên quan đến đất đai, phòng chống tham nhũng, tôn giáo, dân tộc, và quyền con người. Chúng tăng cường tung tin giả, video giả và tài khoản mạo danh sẽ được sử dụng thường xuyên hơn, nhằm tạo ra “khủng hoảng niềm tin” trong một bộ phận quần chúng, đặc biệt là giới trẻ, nhóm dễ bị tác động bởi thông tin chưa kiểm chứng. Chúng sẽ khai thác triệt để những hạn chế trong công tác lãnh đạo, quản lý, những vụ việc sai phạm của cán bộ, đảng viên để thổi phồng, bóp méo bản chất, từ đó gây hoài nghi, chia rẽ nội bộ và kích động tư tưởng phản kháng trong dân chúng.

Nếu không được kiểm soát, các hoạt động chống phá sẽ gây hệ lụy nghiêm trọng đến mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân: Làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với tổ chức Đảng và chính quyền cơ sở, đặc biệt khi thông tin tiêu cực lan truyền nhanh hơn phản hồi chính thống. Tạo ra tâm lý hoang mang, nghi ngờ, thờ ơ chính trị trong một bộ phận dân cư, nhất là thanh niên và lao động nhập cư tại các khu công nghiệp. Kích động chia rẽ nội bộ Nhân dân, khoét sâu sự khác biệt về vùng miền, dân tộc, tôn giáo, làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân - nền tảng chính trị - xã hội quan trọng của Tỉnh. Bên cạnh đó, trong bối cảnh Thanh Hóa đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, những mâu thuẫn lợi ích kinh tế - xã hội mới cũng có thể bị các thế lực thù địch lợi dụng để tác động, kích động phản ứng tập thể, gây mất ổn định ở một số địa bàn trọng điểm.

Một xu hướng đáng lo ngại trong tương lai là các thế lực thù địch tìm cách “chuyển hóa mềm” từ bên trong: Thông qua các tổ chức phi chính phủ, viện nghiên cứu, dự án hợp tác quốc tế trá hình, chúng sẽ tác động dần dần vào tư tưởng, lối sống, văn hóa và đạo đức xã hội, hướng tới làm phai nhạt lý tưởng cách mạng, làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng. Một số đối tượng còn lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận để tác động vào đội ngũ cán bộ, đảng viên, kích thích “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nếu không được nhận diện sớm, những biểu hiện lệch chuẩn này có thể dẫn đến sự xói mòn niềm tin chính trị từ bên trong bộ máy, gây khó khăn cho công tác quản lý và giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở.

Vì vậy, trong kỷ nguyên mới, cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở tỉnh Thanh Hóa sẽ trở nên gay gắt và phức tạp hơn, nhất là trong môi trường số toàn cầu hóa. Tuy nhiên, nếu Tỉnh chủ động xây dựng “lá chắn niềm tin” trong Nhân dân,

tăng cường sức đề kháng tư tưởng và phát huy dân chủ đi đôi với kỷ cương, thì mọi âm mưu chống phá sẽ bị vô hiệu hóa từ gốc rễ. Khi Đảng trong sạch, vững mạnh và gần dân, Nhân dân tin tưởng, đồng lòng và gắn bó, thì đó chính là lá chắn kiên cố nhất bảo vệ Thanh Hóa trước mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi trong thời đại mới.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN Ở TỈNH THANH HÓA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thông qua việc nghiên cứu thực trạng mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong những năm qua, từ những nhân tố tác động đến mối quan hệ này, đã đặt ra cho các cấp ủy đảng, các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Tỉnh những phương hướng tăng cường, củng cố mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới như sau:

4.2.1. Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa cần gắn chặt với đặc thù của địa phương

Thanh Hóa là vùng đất địa linh nhân kiệt, có bề dày lịch sử hàng nghìn năm gắn với những giá trị truyền thống văn hóa, yêu nước, cách mạng và đoàn kết cộng đồng bền chặt. Truyền thống “trung dũng kiên cường”, “thủy chung, nhân nghĩa”, và đặc biệt là tinh thần “quê hương Bà Triệu, đất địa linh nhân kiệt” đã trở thành cội nguồn tinh thần quý báu, là sợi dây gắn kết giữa Nhân dân với Đảng qua các thời kỳ.

Trải qua các thời kỳ đấu tranh và xây dựng đất nước, Nhân dân Thanh Hóa luôn đồng hành cùng Đảng, cống hiến và hy sinh vì Tổ quốc. Truyền thống ấy không chỉ tạo nên bản sắc riêng có của tỉnh Thanh Hóa, mà còn là nền tảng tinh thần vững chắc giúp Đảng bộ tỉnh phát huy sức mạnh đại đoàn kết, dẫn dắt Nhân dân vượt qua khó khăn. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập, việc củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và Nhân dân cần dựa trên niềm tin chính trị, truyền thống văn hóa - lịch sử và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Việc gắn truyền thống văn hóa, lịch sử vào việc củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng là hướng đi bền vững và lâu dài. Cần đẩy mạnh giáo dục truyền thống cách mạng, văn hóa, lịch sử địa phương cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ, nhằm khơi dậy lòng yêu nước, tự hào dân tộc và trách nhiệm công dân. Tôn vinh, phát huy giá trị tốt đẹp của các dân tộc trong tỉnh Thanh Hóa như đoàn kết, cần cù, sáng tạo; đồng thời loại bỏ hủ tục, tư tưởng lạc hậu. Lòng

ghép giá trị truyền thống vào chính sách để gần gũi, phù hợp thực tế, tạo sự đồng thuận xã hội. Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, đặt lợi ích Nhân dân lên trên hết - đó là sợi dây gắn bó giữa Đảng và dân. Cán bộ, đảng viên phải tiên phong, gương mẫu, có bản lĩnh, đạo đức, năng lực, và luôn thấm nhuần tinh thần “gần dân, trọng dân, vì dân, dựa vào dân”.

Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong tình hình mới không chỉ là nhiệm vụ chính trị, mà còn là trách nhiệm văn hóa, đạo đức cách mạng, đòi hỏi sự kế thừa truyền thống ngàn đời và đổi mới tư duy hành động phù hợp với thời đại. Trên vùng đất giàu truyền thống như Thanh Hóa, đây chính là lợi thế và cũng là động lực quan trọng để xây dựng một khối đoàn kết toàn dân vững chắc, chung tay vì mục tiêu phát triển nhanh và bền vững trong tương lai.

4.2.2. Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa gắn với nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn Tỉnh trong sạch, vững mạnh

Trong những năm qua, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa luôn quyết liệt trong việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác và cũng đã gặt hái được những kết quả khả quan. Tuy nhiên, những căn bệnh nguy hiểm đó luôn thường trực và tồn tại dưới nhiều góc độ khác nhau, nó vẫn lẩn khuất đâu đó trong xã hội, làm nguy hại đến Đảng, làm mất niềm tin của Nhân dân, gây chia rẽ đối với mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân.

Công cuộc đổi mới là tất yếu của cách mạng trong bối cảnh mới, đòi hỏi ĐCSVN không ngừng tự hoàn thiện, đổi mới và chỉnh đốn toàn diện. Lịch sử chứng minh, quá trình trưởng thành của Đảng luôn gắn liền với việc nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và đáp ứng yêu cầu phát triển. Trước những thách thức mới, Đảng cần thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị, từ Nhà nước, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội đến các đoàn thể quần chúng. Hiệu quả lãnh đạo không chỉ ở chủ trương đúng hay cán bộ giỏi, mà còn ở cách thức tổ chức, vận hành thực tiễn. Đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường chỉnh đốn Đảng là điều kiện sống còn để nâng cao năng lực cầm quyền, hiệu quả quản lý và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Muốn vậy, cần sự đoàn kết, đồng thuận, hành động thống nhất giữa Đảng, Nhà nước, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN, tạo nguồn sức mạnh nội sinh quyết định thành công trên con đường XHCN.

Để giữ vững và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với Nhân dân, các cấp ủy Đảng ở tỉnh Thanh Hóa vừa phải đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung và phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị, vừa đảm bảo cơ chế dân chủ, phát huy quyền làm chủ của người dân trên địa bàn Tỉnh. Mặt khác, Đảng và Nhà nước phải có vai trò trách nhiệm và năng lực cao hơn trong lãnh đạo, quản lý, đấu tranh có hiệu quả với bệnh quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác để đất nước phát triển nhanh, vững chắc, đúng hướng. Qua đó, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa mới ngày càng được củng cố và tăng cường.

4.2.3. Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa gắn liền với tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho Nhân dân

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng là nền tảng để xây dựng niềm tin, nâng cao nhận thức và củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với Nhân dân. Trong bối cảnh Thanh Hóa đang phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, đồng thời phải đối mặt với không ít thách thức về thông tin, tư tưởng, việc tăng cường giáo dục chính trị cho Nhân dân càng trở nên cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược.

Trước hết, cần đẩy mạnh tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước bằng nhiều hình thức sinh động, dễ tiếp cận, phù hợp với từng vùng miền và từng nhóm đối tượng. Cách tuyên truyền cần đổi mới theo hướng lấy người dân làm trung tâm, tránh hành chính hóa, lý luận khô cứng; thay vào đó là gắn với thực tiễn đời sống, lấy ví dụ cụ thể, ngôn ngữ dễ hiểu, nhất là tại các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các hình thức như tuyên truyền qua hội nghị thôn bản, loa phát thanh, băng tin, mạng xã hội, video ngắn, kịch bản hóa nội dung chính trị theo hình thức văn nghệ... cần được tận dụng linh hoạt để tăng tính hấp dẫn và lan tỏa.

Bên cạnh đó, cần nâng cao trình độ dân trí và ý thức chính trị cho Nhân dân, nhất là ở các vùng còn khó khăn. Việc này không chỉ là nâng cao tri thức chung, mà còn là trang bị cho người dân kỹ năng phân tích, lựa chọn thông tin, hiểu biết pháp luật và nhận thức đúng về quyền - nghĩa vụ của công dân. Khi người dân có kiến thức chính trị vững, họ sẽ chủ động tham gia vào các hoạt động của địa phương, phản biện và đóng góp xây dựng chính sách, từ đó gắn bó hơn với tổ chức Đảng và chính quyền.

Trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay, cần đặc biệt chú trọng công tác định hướng tư tưởng và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể cần chủ động phát hiện, xử lý thông tin xuyên tạc,

kích động, đồng thời tăng cường thông tin chính thống, khách quan, kịp thời để Nhân dân nắm bắt, tránh bị hoang mang, hiểu sai. Việc xây dựng các kênh truyền thông chính thức gần gũi, minh bạch và tương tác với người dân là rất cần thiết để tạo nên một “hàng rào thông tin tích cực” bảo vệ niềm tin của Nhân dân vào Đảng.

Có thể khẳng định rằng, khi người dân hiểu đúng, tin đúng, và hành động đúng, thì mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân sẽ được củng cố vững chắc hơn. Do đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng phải được thực hiện thường xuyên, bài bản, sát thực tiễn, đóng vai trò là chiếc cầu nối bền chặt giữa ý Đảng với lòng dân.

4.2.4. Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa phải đảm bảo phát huy nguồn lực của Nhân dân, để phục vụ nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định “mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân” [26, tr.28]. Một đất nước mà xem nhẹ vai trò của Nhân dân, không lấy Nhân dân làm mục tiêu, động lực để phấn đấu thì đất nước đó sẽ không tồn tại và phát triển được. Lịch sử nhân loại qua các triều đại cũng đã chứng minh: “*Thuận dân giả xuong, nghịch dân giả vong*”, tức là người thuận theo lòng dân thì hưng vượng, người đi ngược lại với lòng dân thì sẽ tiêu vong. Bởi vậy, mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước phải xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân, đem lại lợi ích thực tế cho các tầng lớp nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Có như vậy mới được lòng dân, Nhân dân mới tin tưởng vào Đảng, mới dốc hết sức mình để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và xây dựng đất nước. Qua đó, mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa cũng sẽ được củng cố, tăng cường.

Những bài học thực tiễn sâu sắc trong quá trình lãnh đạo cách mạng cho thấy yêu cầu cấp thiết phải không ngừng củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường đại đoàn kết toàn dân và gìn giữ mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với dân. Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân, từ việc Đảng luôn sát dân, hiểu dân, vì dân. Muốn giữ vững lòng dân, mọi chủ trương, chính sách phải đặt lợi ích, nguyện vọng của Nhân dân làm trung tâm và động lực hành động. Đảng, Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân được thực thi thực chất, tạo điều kiện để dân tham gia xây dựng, giám sát, phản biện chính sách, qua đó nâng cao chất lượng quản trị và uy tín của Đảng.

Thời gian tới, Đảng bộ và chính quyền các cấp ở tỉnh Thanh Hóa cần tiếp tục phát huy dân chủ XHCN, bảo đảm quyền làm chủ thực sự của Nhân dân trong mọi lĩnh vực. Cần tập hợp, phát huy trí tuệ, vai trò và tinh thần làm chủ của Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, giám sát cán bộ, đảng viên và tham gia xây dựng chính sách. Đảng lãnh đạo để tập hợp ý chí, nguyện vọng Nhân dân, tổ chức Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, bảo đảm “dân là chủ, dân làm chủ”. Nhân dân phải được tham gia, góp ý, được tôn trọng và giải thích rõ các chủ trương, chính sách. Muốn dân chủ xã hội hiệu quả, trước hết phải dân chủ trong Đảng - nền tảng và thước đo năng lực lãnh đạo, tính chính danh của Đảng. Dân chủ được bảo đảm khi Nhân dân có quyền giám sát tổ chức đảng, chính quyền và khi cán bộ, đảng viên thực hiện đúng trách nhiệm, chịu sự kiểm soát của dân. Đảng, Nhà nước cần ban hành chính sách phù hợp nguyện vọng Nhân dân, lấy nâng cao đời sống, phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, an sinh làm trung tâm, đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân gắn với mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, dân chủ không thể tách rời kỷ cương. Việc mở rộng dân chủ phải luôn đi đôi với việc tăng cường pháp chế, đề cao ý thức trách nhiệm công dân, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương xã hội và nâng cao chuẩn mực đạo đức công vụ. Chỉ khi dân chủ được thực hành trong khuôn khổ pháp luật, có sự giám sát lẫn nhau giữa quyền lực và trách nhiệm, thì mới có thể phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, tạo dựng niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

4.3. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN Ở TỈNH THANH HÓA TRONG KỶ NGUYÊN MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Để tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa, nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình, nhiệm vụ của công cuộc đổi mới trong giai đoạn hiện nay, cần phải thực hiện tốt những giải pháp chủ yếu sau:

4.3.1. Nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về tầm quan trọng của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân

4.3.1.1. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên

Việc nâng cao nhận thức về vai trò gắn bó giữa Đảng và Nhân dân là yêu cầu có tính chiến lược trong xây dựng Đảng, phát triển đất nước nói chung và của tỉnh Thanh

Hóa nói riêng. Cần nhận thức rõ rằng, Đảng là lực lượng lãnh đạo chính trị tối cao, có trách nhiệm hoạch định đường lối phát triển đất nước trên nền tảng thực tiễn và vì lợi ích chính đáng của Nhân dân. Trong khi đó, Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng, mà còn là chủ thể, là nguồn sức mạnh vật chất và tinh thần quyết định sự thành công của mọi đường lối, chính sách.

Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ mật thiết, mang tính sống còn. Nếu để rạn nứt niềm tin, xa rời quần chúng, Đảng sẽ mất chỗ dựa xã hội vững chắc nhất, tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng, chia rẽ. Vì vậy, các cấp ủy cần thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm xuyên suốt của Đảng ta “trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “dân là gốc”... Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu, củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN” [26, tr.96-97].

Đồng thời, cần đẩy mạnh học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về CTDV, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò Nhân dân trong xây dựng hệ thống chính trị. Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cấp ủy đảng, hệ thống chính trị về CTDV; có cơ chế phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới” [26, tr.191]. Mối quan hệ Đảng - Nhân dân phải được thể hiện bằng hành động thực tiễn, vì nếu xa dân, mất lòng dân, Đảng sẽ không thể hoàn thành sứ mệnh chính trị của mình.

Mặt khác, cần đổi mới mạnh mẽ công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị - tư tưởng thông qua việc phát huy vai trò của báo chí, truyền thông, cổng thông tin điện tử, kết hợp đa dạng hóa hình thức và nội dung truyền tải, đặc biệt chú trọng các thông điệp gần gũi, dễ tiếp cận, phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhất là giới trẻ. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về truyền thống gắn bó giữa Đảng và Nhân dân. Đại hội XIX của Đảng bộ tỉnh nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng; công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của

Nhà nước; công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” [30, tr.123]. Điều đó xuất phát từ tầm quan trọng của trình độ lý luận chính trị đối với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nói chung và yêu cầu phát huy hiệu quả mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân nói riêng. Để nâng cao trình độ lý luận chính trị của cán bộ cần tập trung vào một số nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, bảo đảm trong công tác cán bộ, nhất là khâu quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp phải thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đảng, Tỉnh ủy về tiêu chuẩn trình độ lý luận chính trị đã được ban hành; phải gắn lý luận với thực tiễn, chú trọng bồi dưỡng cán bộ cơ sở, người trực tiếp gần dân, sát dân. Cần kiên quyết chấm dứt tình trạng “nợ chuẩn lý luận”, “học hình thức” trong quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ. Có như vậy, mới khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ có tâm lý đi học để trả nợ tiêu chuẩn, ảnh hưởng lớn đến động cơ, thái độ học tập của người học.

Hai là, cần nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị - nền tảng cốt lõi để xây dựng niềm tin và năng lực nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Việc triển khai các chương trình đào tạo lý luận chính trị tại trường Chính trị tỉnh phải thực hiện nghiêm, đồng bộ theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (các quy định về tiêu chuẩn xét tuyển, số lượng học viên trong một lớp, định mức giờ giảng của giảng viên, quy chế thi và quy chế quản sinh...).

Ba là, trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa cần chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng đội ngũ giảng viên vừa giỏi lý luận, vừa am hiểu thực tiễn. Tham mưu với BTV Tỉnh ủy xây dựng phương thức tuyển dụng giảng viên đặc thù dành cho nhà trường; tham mưu với Tỉnh ủy và UBND tỉnh hình thành đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là cán bộ lãnh đạo các sở, ban, ngành trong Tỉnh. Bên cạnh đó, cần phối hợp xây dựng cơ chế đánh giá khách quan, thực chất quá trình học tập của học viên khi tham gia học tập trung cấp và cao cấp lý luận chính trị, triển khai mạnh mẽ các lớp tập huấn chuyên đề tại cơ sở. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác tổng kết thực tiễn về quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, từ đó rút ra bài học để phục vụ công tác đào tạo cán bộ sát với yêu cầu mới.

4.3.1.2. Nâng cao nhận thức của Nhân dân về tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Để Nhân dân tỉnh Thanh Hóa hiểu rõ tầm quan trọng và nhận thức đầy đủ vai trò của mình trong mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng thì

trước hết cần phải nâng cao hiểu biết cho người dân, làm cho người dân có kiến thức về văn hóa, pháp luật, khoa học, kỹ năng xã hội và lý luận chính trị.

Khi được trang bị tri thức, Nhân dân hiểu rõ quyền, nghĩa vụ công dân, chủ động tham gia góp ý, phản biện, giám sát và đồng hành cùng Đảng trong thực hiện chính sách. Trình độ dân trí cao giúp người dân phân biệt đúng - sai, bảo vệ cái đúng, đấu tranh với tiêu cực. Với vai trò chủ thể trong quan hệ Đảng - dân, Nhân dân cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm và giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng để cùng xây dựng tỉnh Thanh Hóa phát triển bền vững. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phổ biến chủ trương, chính sách phải được triển khai sâu rộng, đa dạng kênh truyền thông (báo chí, phát thanh, truyền hình, internet, truyền miệng...), nội dung tuyên truyền gần gũi, gắn với đời sống thực tiễn như đất đai, thuế, xây dựng, an toàn thực phẩm, phòng chống tham nhũng, tiêu cực... Đồng thời, đảng viên cần phát huy vai trò cầu nối, trực tiếp đối thoại, giải thích, giúp dân hiểu và củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và Nhân dân.

Bởi vậy, nâng cao dân trí và nhận thức của Nhân dân là yêu cầu có tính chất chiến lược, vừa mang tính lâu dài, vừa có ý nghĩa quyết định trong việc phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước nói chung, của tỉnh Thanh Hóa nói riêng. Để thực hiện hiệu quả giải pháp này, cần tập trung làm tốt các việc sau:

Một là, đẩy mạnh công tác giáo dục, phổ biến kiến thức cho Nhân dân, đặc biệt là kiến thức pháp luật, chính sách, kỹ năng sống và kiến thức về quản lý xã hội. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tuyên truyền qua nhiều hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng (nông dân, công nhân, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ, thanh niên...), từng vùng miền khác nhau, nhằm tạo điều kiện để người dân *hiểu biết đúng, đầy đủ* về quyền, nghĩa vụ và vai trò của mình trong đời sống xã hội.

Hai là, phát triển hệ thống giáo dục thường xuyên, giáo dục cộng đồng, mở rộng các trung tâm học tập suốt đời tại cơ sở, tạo điều kiện cho người dân, đặc biệt là người lao động và người cao tuổi, được tiếp cận với tri thức mới, nâng cao trình độ, rèn luyện kỹ năng làm việc, kỹ năng xã hội, từ đó chủ động thích ứng với yêu cầu phát triển trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

Ba là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức, tạo môi trường học tập linh hoạt, thân thiện với người dân thông qua các nền tảng số, mạng xã hội, cổng thông tin, ứng dụng di động... Đây

là hướng đi thiết thực nhằm nâng cao dân trí trong kỷ nguyên số, góp phần thu hẹp khoảng cách thông tin giữa các vùng, miền.

Bốn là, nâng cao năng lực tham gia và năng lực phản biện của Nhân dân thông qua việc khuyến khích, hỗ trợ người dân tham gia các tổ chức chính trị - xã hội, các hoạt động cộng đồng, các diễn đàn thảo luận, đối thoại giữa chính quyền với Nhân dân. Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng phản biện, giám sát, góp ý xây dựng chính sách cho các lực lượng nòng cốt trong cộng đồng, qua đó phát huy hiệu quả vai trò làm chủ của Nhân dân trong quản lý xã hội.

Năm là, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, nhà giáo, cán bộ khoa học - kỹ thuật, văn nghệ sĩ và các nhà hoạt động xã hội trong việc lan tỏa tri thức, cổ vũ tinh thần học tập, đổi mới sáng tạo trong Nhân dân, xây dựng môi trường văn hóa học tập và thực hành dân chủ một cách lành mạnh, tiến bộ.

Sáu là, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ những nhóm yếu thế trong xã hội như đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa... được tiếp cận với giáo dục, thông tin, dịch vụ công và cơ hội tham gia quản lý nhà nước, nhằm bảo đảm quyền bình đẳng và nâng cao năng lực làm chủ một cách thực chất, không ai bị bỏ lại phía sau.

Việc nâng cao dân trí và năng lực làm chủ của Nhân dân không chỉ là nền tảng để thực hiện hiệu quả dân chủ XHCN, mà còn là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững; qua đó, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, dân chủ, công bằng, tiến bộ, nơi Nhân dân thật sự là chủ thể của quá trình phát triển và được thụ hưởng đầy đủ thành quả do chính mình làm nên.

4.3.1.3. Tiến hành tổng kết thực tiễn và rút ra bài học kinh nghiệm về việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Việc tổng kết thực tiễn mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là một yêu cầu cấp thiết nhằm đánh giá một cách khách quan, toàn diện quá trình triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và sự hưởng ứng, tham gia tích cực của Nhân dân trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng luôn quan tâm tới công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn trên nhiều lĩnh vực, trong đó có nội dung “Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng”

[27, tr.248]. Đại hội lần thứ XIX của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa cũng nhấn mạnh: “Tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học... phổ biến những kinh nghiệm hay, cách làm mới, nhân rộng các điển hình tiên tiến, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh” [28, tr.123]. Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ theo nền KTTT định hướng XHCN, từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân và ngày càng hội nhập sâu rộng vào đời sống chính trị, kinh tế toàn cầu, đã và đang đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn có tính chất căn bản, cấp thiết cần được nghiên cứu, làm sáng tỏ.

Thực tiễn hiện nay vẫn đang tồn tại không ít khoảng trống trong lý luận cũng như sự mơ hồ trong triển khai thực hành, thể hiện qua nhiều vấn đề quan trọng chưa được tổng kết một cách hệ thống, toàn diện. Đáng chú ý là những nội dung như: “quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của nhà nước, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội vẫn chưa thực sự rõ ràng trong lý luận cũng như trong thực tiễn” [51, tr.384]; sự phân định và phối hợp giữa Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị; hay vấn đề trách nhiệm và chịu trách nhiệm của cấp ủy trước Nhân dân; cơ chế để Nhân dân giám sát hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên - một yếu tố cốt lõi nhằm bảo đảm tính dân chủ và tính tự chịu trách nhiệm trong Đảng, vẫn chưa được thể chế hóa rõ ràng, đầy đủ. Chính sự thiếu vắng các tổng kết lý luận - thực tiễn kịp thời, sâu sắc đã dẫn tới hệ quả là nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số người giữ cương vị lãnh đạo, quản lý về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân còn hạn chế, phiến diện, thậm chí lệch lạc. Từ đó, trong quá trình tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, phương pháp, nguyên tắc dân vận và lãnh đạo quần chúng đã xảy ra tình trạng lúng túng, tùy tiện, hình thức ở nhiều cấp, nhiều nơi.

Thời gian tới, BCH và BTV Tỉnh ủy cần chỉ đạo các Ban xây dựng Đảng phối hợp với ngành, địa phương tổng kết nghiêm túc việc thực hiện tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở các cấp, lĩnh vực. Việc tổng kết phải khách quan, toàn diện, tránh hình thức, rút ra bài học thực tiễn làm cơ sở mở rộng dân chủ, nâng cao hiệu quả pháp lệnh dân chủ ở cơ sở và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Đồng thời, gắn công tác tổng kết với đổi mới giáo dục lý luận chính trị, nâng cao nhận thức về mối quan hệ Đảng - Nhân dân, xây dựng hệ thống tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh hiểu đúng, làm đúng, gần dân và vì dân.

4.3.2. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng ở tỉnh Thanh Hóa

4.3.2.1. Xây dựng các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự trong sạch, vững mạnh

Những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ở tỉnh Thanh Hóa thời gian qua đã làm tổn hại uy tín của Đảng, suy giảm niềm tin của Nhân dân. Vì vậy, cần kiên quyết xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh; xử lý nghiêm các hành vi tham ô, lãng phí, quan liêu. Đồng thời, chú trọng đào tạo, rèn luyện cán bộ, đảng viên có phẩm chất đạo đức, năng lực, tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, gắn bó với Nhân dân và dám chịu trách nhiệm trước Nhân dân.

Để xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, cần tập trung vào việc củng cố cả tổ chức và con người – hai yếu tố quyết định năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Trước hết, các tổ chức đảng ở mọi cấp phải được kiện toàn về cơ cấu, hoạt động đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm tính thống nhất trong chỉ đạo và sự gắn bó chặt chẽ với Nhân dân. Mỗi tổ chức đảng cần thường xuyên tự kiểm tra, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, coi trọng chất lượng sinh hoạt chi bộ, kịp thời phát hiện và khắc phục những biểu hiện yếu kém, suy thoái. Cần chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao. Đây là giải pháp trọng tâm, giúp tăng sức đề kháng trước ảnh hưởng tiêu cực, cám dỗ của chủ nghĩa cá nhân, vật chất và lối sống lệch chuẩn. Công tác đánh giá, sử dụng cán bộ phải công tâm, khách quan, dựa trên kết quả thực tiễn và sự tín nhiệm của Nhân dân. Kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, tham nhũng, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Cần triển khai đồng bộ, kiên trì các nghị quyết, quy định của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là *Nghị quyết Trung ương 4* (khóa XII, XIII), *Kết luận 01-KL/TW* của Bộ Chính trị (khóa XIII) về tiếp tục thực hiện *Chỉ thị 05-CT/TW* về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, cùng *Quy định 55-QĐ/TW* và *08-QĐi/TW* về trách nhiệm nêu gương. Qua đó, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng, đạo đức, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong giai đoạn mới.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đấu tranh, phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cần gắn việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình và đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên, tập thể, cá nhân lãnh đạo, quản lý hằng năm với việc thực hiện *Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII)*, nâng cao tinh thần tự giác trong tự phê bình, phê bình, xem đây là phương thức quan trọng để cảnh báo, điều chỉnh, hoàn thiện từ bên trong, nhằm khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của tập thể, cá nhân đã chỉ ra sau kiểm điểm theo kế hoạch của từng cấp, từng cán bộ, đảng viên, với định kỳ 6 tháng và hằng năm; tập trung gọi ý kiểm điểm đối với những nơi có dấu hiệu suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, hoặc những vấn đề gây bức xúc trong dư luận; việc kiểm điểm cần được tiến hành nghiêm túc, dân chủ, thẳng thắn, mang tính xây dựng; cấp trên phải gương mẫu tự phê bình trước và phải xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân không tự giác kiểm điểm, thiếu tinh thần cầu thị, né tránh trách nhiệm hoặc không khắc phục khuyết điểm sau kiểm điểm. Phải đề cao trách nhiệm nêu gương của cấp ủy, từng đồng chí trong ban lãnh đạo và người đứng đầu, nhất là trong công tác xây dựng Đảng và giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đồng thời, thực hiện nghiêm Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, các quy định của Trung ương, của Tỉnh ủy và nghị quyết của các cấp ủy về một số vấn đề quản lý cán bộ, đảng viên; về giữ mối quan hệ với Đảng ủy, Chi ủy nơi cư trú; về việc cấp ủy viên cấp trên dự sinh hoạt với chi bộ; về đạo đức, lối sống và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là của cán bộ chủ chốt các cấp. Phải kiên quyết loại bỏ biểu hiện cơ hội, vụ lợi, chủ nghĩa cá nhân, lợi ích nhóm, củng cố niềm tin của Nhân dân với Đảng thông qua hành động cụ thể, minh bạch, nhất quán của đội ngũ cán bộ. Giáo dục lý luận chính trị, quản lý đảng viên chặt chẽ và tăng cường kiểm tra nội bộ là điều kiện tiên quyết để xây dựng đội ngũ trong sạch, vững mạnh.

Ba là, chúng ta cần tiếp tục củng cố vững chắc nền tảng Đảng bộ và hệ thống chính trị, hướng tới một bộ máy thực sự trong sạch, vững mạnh. Điều này đồng nghĩa với việc không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy Đảng, đồng thời tối ưu hóa hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Mục tiêu cụ thể là phần đầu hằng năm đạt trên 80% TCCSD hoàn thành tốt nhiệm vụ, kiên quyết không để xảy ra tình trạng các TCCSD không hoàn thành nhiệm vụ. Để hiện thực hóa mục tiêu này, chúng ta sẽ tập trung triển khai hiệu quả Chương trình

hành động số 13-CTr/TU ngày 16/4/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh, nhằm tạo ra những chuyển biến rõ rệt trong việc kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt. Song song với đó, cần rà soát, sửa đổi và hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, và đánh giá cán bộ, công chức ở mọi cấp, mọi ngành. Quá trình này phải được thực hiện một cách công khai, minh bạch và sát với thực tiễn, đảm bảo xây dựng một đội ngũ cán bộ tinh nhuệ, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Bốn là, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ, bảo đảm thiết thực, sát nhiệm vụ, tránh hình thức, chiếu lệ. Thực hiện nghiêm *Nghị quyết số 10-NQ/TU* ngày 23/7/2018 và *Chỉ thị số 05-CT/TU* ngày 28/5/2021 của BTV Tỉnh ủy về phát triển tổ chức đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; chú trọng phát triển đảng viên là chủ doanh nghiệp, công nhân, người lao động đủ điều kiện và sàng lọc, đưa ra khỏi tổ chức những đảng viên suy thoái, vi phạm. Cấp ủy, bí thư chi bộ cần đổi mới phương pháp sinh hoạt, khuyến khích dân chủ, phản biện, lựa chọn nội dung phù hợp, tổ chức sinh hoạt chuyên đề có chiều sâu, nâng cao tính giáo dục và sức chiến đấu của chi bộ. Đồng thời, đổi mới phong cách làm việc của cấp ủy theo hướng dân chủ, gần dân, nói đi đôi với làm; phát huy nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người lãnh đạo. Hoàn thiện quy định, tiêu chí nêu gương; khen thưởng kịp thời gương tiêu biểu, kiên quyết xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm, thiếu gương mẫu, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân.

Từ đó, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa phải không ngừng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ về số lượng, vững về phẩm chất, mạnh về năng lực, thật sự tiên phong, gương mẫu và trong sạch, xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của Nhân dân.

4.3.2.2. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đảm bảo tính hiệu quả của các chủ trương, chính sách trong thực tiễn

Thực tiễn 95 năm trưởng thành và phát triển của Đảng, việc đổi mới phương thức lãnh đạo gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt nhiều kết quả rõ nét. Văn kiện Đại hội XIII xác định: “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới” [27, tr.253]. Trên tinh thần đó, để phát huy mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp với tình hình mới của Tỉnh và cả nước.

Để đạt hiệu quả cao trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với cải cách hành chính và đổi mới phương thức vận hành.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhận định: “Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức” [27, tr.146-147]. Cần xác lập rõ vai trò, chức năng, quyền hạn giữa các cơ quan, tổ chức nhằm xóa bỏ sự chồng chéo, trùng lặp hay bỏ sót nhiệm vụ. Việc rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, nhất là các cơ quan có chức năng tương đồng giữa Đảng và Nhà nước, là yêu cầu cấp thiết. Nên đẩy mạnh hợp nhất một số đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực có thể xã hội hóa như y tế, giáo dục; đồng thời, thực hiện nhất thể hóa một số chức danh để tăng tính liên thông, giảm đầu mối trung gian, bảo đảm quản lý tập trung, liên mạch, rõ trách nhiệm.

Hai là, nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược trong ban hành và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết sát với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân.

Văn kiện XIX của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã chỉ ra “một số cấp ủy đảng, chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa chủ động, thiếu sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ; năng lực dự báo và khả năng khắc phục, giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở ngành, địa phương, đơn vị còn hạn chế” [30, tr.72]. Do đó, việc ban hành nghị quyết không chỉ cần tầm nhìn bao quát, dài hạn mà còn phải dựa trên cơ sở phân tích xu thế phát triển toàn diện trong nước, quốc tế và địa phương để dự báo chính xác tình hình. Đòi hỏi sự đổi mới trong tư duy lãnh đạo, bản lĩnh chính trị, cùng với việc xây dựng đội ngũ chuyên gia tham mưu có chất lượng cao. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng công tác tham mưu của các cơ quan Đảng, đặc biệt trong định hướng chiến lược, ban hành và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết. Phải coi trọng vai trò pháp luật với tư cách là công cụ điều hành phát triển bền vững, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người dân và doanh nghiệp.

Ba là, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng đối với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội.

Đảng cần xác lập phương thức lãnh đạo phù hợp, trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tổ chức và đặc thù hoạt động của từng tổ chức, tránh tình trạng can thiệp hành chính

hoặc chỉ đạo áp đặt. Cần chú trọng xây dựng cơ chế phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả, qua đó phát huy vai trò cầu nối của Mặt trận và các đoàn thể trong tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động nhằm tạo sự đồng thuận xã hội sâu rộng, góp phần hiện thực hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bằng hành động thực tiễn của người dân.

Bốn là, cải cách căn bản công tác cán bộ, bảo đảm cả về chất lượng lẫn quy trình, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự có tâm, có tầm.

Cần hoàn thiện quy trình lựa chọn, đánh giá, bổ nhiệm cán bộ theo hướng khách quan, minh bạch, công bằng, khắc phục tình trạng hình thức, cục bộ, nể nang; bảo đảm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh phát triển TCCSD ở xã, phường, thị trấn, thôn, bản, tổ dân phố. Đẩy mạnh tinh giản biên chế theo vị trí việc làm, có trọng tâm, trọng điểm gắn với tái cơ cấu đội ngũ công chức, viên chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả. Đặc biệt, cần quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ chiến lược có phẩm chất chính trị vững vàng, tư duy đổi mới và năng lực thực tiễn. Tạo cơ chế thu hút, tuyển dụng nhân tài, vào làm việc trong hệ thống chính trị, khuyến khích họ cống hiến và có trách nhiệm. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, giúp việc cho Đảng có năng lực phân tích chiến lược, tổng hợp, xử lý tình huống và kiến tạo chính sách trong bối cảnh mới.

Năm là, đổi mới toàn diện công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng, bảo đảm nguyên tắc “ng nghiêm minh, kịp thời, công bằng, dân chủ”.

Cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng nhằm kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên vi phạm, suy thoái, những phần tử cơ hội, gây mất đoàn kết nội bộ. Các cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBKT các cấp phải nhận thức rõ kiểm tra, giám sát là công cụ bảo vệ Đảng từ sớm, từ xa, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”. Công tác này cần được triển khai đồng bộ theo các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Trung ương và Tỉnh ủy. Trọng tâm là Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của BCH Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng, cùng với Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030. Đặc biệt, cần chú trọng Kết luận số 1275-KL/TU ngày 20/9/2022 của BTV Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng của các TCCSD trực thuộc Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động kiểm tra phải tập trung vào lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, đầu tư công, tài chính, cán bộ. Phải giám sát có

trọng tâm, xử lý nghiêm vi phạm, nhân rộng điển hình tốt theo phương châm “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”, chống bao che sai phạm, tránh tình trạng “nhẹ trên, nặng dưới”, bảo đảm khách quan, công tâm. Đồng thời, cần kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ kiểm tra, phối hợp hiệu quả giữa kiểm tra Đảng và cơ quan Nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Những sai phạm xảy ra gần đây tại tỉnh Thanh Hóa là lời cảnh báo rõ ràng về những nguy cơ tiềm ẩn trong nội bộ, đe dọa trực tiếp đến sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. Do đó, yêu cầu cấp thiết là đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực kiểm tra, giám sát, siết chặt kỷ luật, kỷ cương để giữ vững vai trò lãnh đạo và uy tín của Đảng trong tình hình mới.

4.3.2.3. Phát huy dân chủ trong các cấp ủy Đảng, mở rộng dân chủ trong toàn xã hội trên địa bàn Tỉnh

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi dân chủ là nền tảng tạo nên sức mạnh nội tại của Đảng, Người cho rằng: “để làm cho Đảng mạnh, thì phải mở rộng dân chủ” [60, tr.287] và trong Đảng “phải thật sự mở rộng dân chủ để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình” [61, tr.544]. Theo Người, để Đảng thực sự vững mạnh, không thể thiếu việc mở rộng dân chủ trong nội bộ, nơi mỗi đảng viên đều được quyền bày tỏ chính kiến, thể hiện trách nhiệm chính trị của mình đối với các vấn đề chung. Dân chủ trong Đảng không đơn thuần là một nguyên tắc tổ chức, mà còn là biểu hiện sinh động của quyền làm chủ thực sự của mỗi đảng viên, là sự bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi trong khuôn khổ Điều lệ và Nghị quyết của Đảng. Thực hành dân chủ trong Đảng được xem là “chìa khóa vạn năng”, là cơ chế tự bảo vệ để Đảng vượt qua thử thách, giữ vững bản chất cách mạng và sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Đồng thời thực hành dân chủ trong Đảng cũng là điều kiện tiên quyết để thực hiện dân chủ trong toàn xã hội và phát huy quyền làm chủ thực sự của Nhân dân trong mọi lĩnh vực. Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng” [25, tr.622].

Tiếp nối tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tiếp tục phát huy dân chủ XHCN, thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân trong việc quyết định những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước” [26, tr.71]. Việc phát huy dân chủ không chỉ nhằm bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, mà còn là giải pháp hữu hiệu để phòng, chống sự tha hóa quyền lực, suy thoái tư tưởng, đạo

đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Dân chủ không chỉ là mục tiêu phấn đấu mà còn là động lực tạo nên những chuyển biến tích cực, bền vững cho sự phát triển đất nước. Quan điểm đó cũng được khẳng định rõ trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên CNXH* (bổ sung, phát triển năm 2011): “Dân chủ XHCN là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực” [23, tr.84-85].

Do đó, trong thời gian tới, để tiếp tục phát huy dân chủ trong Đảng, tạo điều kiện mở rộng thực hành dân chủ trong toàn xã, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa, cần chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp phù hợp với đặc thù địa phương như sau:

Một là, nâng cao nhận thức sâu sắc, đầy đủ về thực hành dân chủ trong Đảng, trước hết ở đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu. Dân chủ trong Đảng không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm thể hiện bằng sự tham gia tích cực, thẳng thắn trong thảo luận, đóng góp ý kiến, phản biện xây dựng. Người lãnh đạo phải biết lắng nghe với tinh thần cầu thị, phát huy trí tuệ tập thể, tổng hợp các ý kiến khác biệt thành tư duy chung mang tính định hướng và sáng tạo. Đồng thời, phải chống lại tư tưởng mệnh lệnh, gia trưởng, coi thường tiếng nói của cấp dưới. Vì vậy, phải chú trọng “thực hành dân chủ trong Đảng gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng” [26, tr.181]. Đây là yêu cầu nguyên tắc, xuyên suốt trong xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Hai là, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức tuyên truyền về dân chủ trong Đảng, hướng tới tính đối thoại, tương tác, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Tuyên truyền phải lấy minh bạch thông tin làm nền tảng, đáp ứng quyền được biết, được tham gia và giám sát của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Cần ứng dụng công nghệ số, phát huy các phương tiện truyền thông hiện đại để truyền tải thông tin một cách linh hoạt, đa chiều, hiệu quả. Đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện xuyên tạc, lợi dụng dân chủ để gây chia rẽ, kích động, phục vụ mưu đồ cá nhân, nhóm lợi ích; khắc phục tình trạng dân chủ hình thức, dân chủ một chiều trong đời sống chính trị và xã hội.

Ba là, hoàn thiện và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong Đảng, coi đây là nền tảng cho sự lãnh đạo tập thể, phát huy dân trí, dân chủ trong quá trình hoạch định chủ trương, chính sách. Cần có quy trình lấy ý kiến phản biện một cách khoa học, có hồi đáp rõ ràng từ các tổ chức đảng đối với MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Đồng thời, việc phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu phải đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, quy định cụ thể trách nhiệm và chế tài xử lý khi vi

phạm. Để làm được điều đó, cần đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về dân chủ trong Đảng, từ đó xây dựng cơ chế phù hợp với bối cảnh mới, góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch, hiệu lực trong lãnh đạo của Đảng.

4.3.2.4. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động trên địa bàn Tỉnh, góp phần củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới

Một là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với CTDV, nâng cao vai trò của công tác tuyên truyền, vận động trong tình hình mới.

Xuất phát từ quan điểm nhất quán “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, cấp ủy các cấp, đặc biệt là Tỉnh ủy Thanh Hóa, cần bám sát thực tiễn, lãnh đạo sâu sát, cụ thể, toàn diện công tác vận động quần chúng thông qua việc triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị Trung ương. Mục tiêu là tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh. Trong quá trình thực hiện Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng đều xây dựng được kế hoạch, chương trình hành động với những nội dung, giải pháp cụ thể và chỉ đạo quyết liệt tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ đảng viên đối với công tác vận động quần chúng.

Trong triển khai các chủ trương, nghị quyết về CTDV, Tỉnh ủy và các cấp ủy cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Đảng thành chính sách sát thực tiễn, nhất là liên quan trực tiếp đến quyền lợi người dân. Chính quyền các cấp cần ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất, bồi thường, tái định cư, phát triển vùng lúa, cây công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, giao đất, giao rừng, ứng dụng khoa học kỹ thuật; đồng thời thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án phát triển vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa như: thực hiện chương trình 135 về đầu tư phát triển kinh tế - xã hội miền núi; *Quyết định 253-QĐ-TTg* về phát triển kinh tế xã hội miền tây Thanh Hoá, *Nghị quyết 30a* của Chính phủ về giảm nghèo nhanh và bền vững cho các huyện đặc biệt khó khăn. Cần đầu tư đồng bộ, ưu tiên vùng đặc thù, doanh nghiệp ngoài nhà nước; bảo đảm mỗi chương trình phát triển kinh tế - xã hội hài hòa lợi ích Nhà nước, tập thể và cá nhân, lấy sự đồng thuận của Nhân dân làm thước đo hiệu quả.

Cần xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm CTDV, nhất là ở cơ sở, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần vì dân, trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn. Ưu tiên

đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ trẻ, có năng lực, bản lĩnh chính trị vững vàng; phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản làm cầu nối giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể theo hướng thiết thực, gần dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Làm rõ trách nhiệm tổ chức đảng trong kiểm tra, sơ tổng kết CTDV; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, gắn lý luận với thực tiễn. Từng bước cụ thể hóa các nội dung chỉ đạo của Đại hội XIII của Đảng về “Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ thật sự trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân” [27, tr.248], đồng thời “Chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách CTDV” [27, tr.249], coi CTDV là phương thức quan trọng huy động sức mạnh Nhân dân cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Vì vậy, phải đặt công tác này ở vị trí trung tâm trong chiến lược củng cố lòng dân, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân - nền tảng bền vững cho sự ổn định và phát triển lâu dài.

Hai là, đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền, vận động theo hướng sát thực tiễn, phù hợp với từng nhóm đối tượng và đặc điểm vùng, miền, nhằm phát huy tối đa vai trò chủ thể của Nhân dân trong xây dựng và phát triển đất nước.

Việc tuyên truyền không chỉ dừng ở việc phổ biến chủ trương, chính sách, mà cần chuyển từ “thông tin một chiều” sang “đối thoại hai chiều”, trong đó lắng nghe, phản hồi, tiếp thu ý kiến phản biện của Nhân dân, MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội là yêu cầu không thể thiếu.

Cần phát huy sức mạnh của truyền thông hiện đại, nhất là nền tảng số, mạng xã hội, báo chí, phát thanh, truyền hình và đội ngũ tuyên truyền viên để truyền tải thông tin kịp thời, dễ hiểu, tạo đồng thuận xã hội. Nội dung tuyên truyền phải phù hợp với từng nhóm dân cư như nông thôn, dân tộc thiểu số, tôn giáo, thanh niên, phụ nữ, người lao động khu vực ngoài nhà nước. Đồng thời, cấp ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị cần thống nhất nhận thức, hành động trong thực hiện quy chế CTDV; người đứng đầu phải nêu gương trong thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tích cực tiếp dân, đối thoại và giải quyết kịp thời, minh bạch các vấn đề phát sinh.

Việc thực hiện dân chủ phải gắn chặt với các phong trào thi đua yêu nước, các chương trình lớn như xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, phát triển kinh tế vùng đặc thù... Mọi chính sách liên quan đến đất đai, đền bù, tái định cư, thu - chi công khai ở cơ sở cần được công bố rõ ràng, được Nhân dân tham gia góp ý trước khi triển khai.

Cần đưa CTDV chính quyền vào tiêu chí đánh giá chất lượng cán bộ, công chức; bổ sung quy chế, quy định phù hợp thực tiễn từng cơ quan, đơn vị để CTDV trở thành một nội dung bắt buộc, thường xuyên, liên tục, không hình thức.

Từng cấp ủy, chính quyền cần chủ động rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách bảo đảm tính khả thi, phù hợp với thực tế, nhất là trong phát triển kinh tế, cải thiện đời sống Nhân dân, khơi dậy khát vọng vươn lên của từng cộng đồng. Việc xây dựng chính sách phải có sự tham gia của MTTQ, các đoàn thể và Nhân dân, bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích Nhà nước, tập thể và cá nhân. Đồng thời, phải đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân vận các cấp có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, bản lĩnh chính trị và kỹ năng vận động quần chúng. Đội ngũ này cần thật sự gần dân, hiểu dân, biết lắng nghe, có khả năng “dân vận khéo”. Phải quan tâm xây dựng lực lượng nòng cốt ở cơ sở, đặc biệt ở vùng dân tộc, tôn giáo - như già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo - làm cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Tất cả những giải pháp trên phải được cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch hành động thực tiễn, có phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Quan trọng hơn, phải bảo đảm cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện, lấy hiệu quả phục vụ Nhân dân làm tiêu chí đánh giá cao nhất đối với CTDV trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng về CTDV, bảo đảm thực hiện đồng bộ, nghiêm túc, hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị.

Cấp ủy các cấp cần chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề, đặc biệt là giám sát việc thể chế hóa, triển khai các nội dung của *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX*, các kết luận, quy định của BTV Tỉnh ủy liên quan đến CTDV. Trọng tâm là đánh giá mức độ thực hiện Quy chế CTDV trong các cơ quan nhà nước theo đúng tinh thần *Quyết định số 763-QĐ/TU* và các văn bản hướng dẫn.

Việc kiểm tra, giám sát không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan đảng mà cần có sự tham gia tích cực của Nhân dân - lực lượng giám sát xã hội hiệu quả nhất. Nhân dân là người thụ hưởng chính sách và cũng là người trực tiếp tiếp xúc với đội ngũ cán bộ, đảng viên. Vì vậy họ có vị trí đặc biệt trong phát hiện sai phạm mà cán bộ, đảng viên mắc phải như quan liêu, tham nhũng, lãng phí, góp phần nâng cao chất lượng bộ máy công quyền. Thực tiễn cho thấy, hơn 70% các vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện từ thông tin phản ánh của báo chí và người dân - điều này khẳng định vai trò trung tâm của Nhân dân trong giám sát quyền lực và bảo vệ uy tín của Đảng. Như Chủ tịch Hồ

Chí Minh đã khẳng định: “Nếu không có nhân dân giúp sức, thì Đảng không làm được việc gì hết” [57, tr.278]. Chính vì vậy, “một giây, một phút cũng không thể giảm bớt mối liên hệ giữa ta và dân chúng” [58, tr.325].

Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành khoa học, có hệ thống và gắn liền với công tác xây dựng Đảng. Cấp ủy các cấp cần xác định rõ trách nhiệm trong kiểm tra thực hiện quy chế dân vận, thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành. Mỗi cơ quan, đơn vị cần phân công lãnh đạo phụ trách CTDV, duy trì làm việc định kỳ với Ban dân vận, MTTQ và các đoàn thể để nắm bắt, tháo gỡ khó khăn từ cơ sở. Cần tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến Nhân dân, kịp thời điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, nâng cao chất lượng tham mưu của hệ thống dân vận; Ban dân vận các cấp phải chủ động theo dõi, tổng hợp tình hình, đề xuất giải pháp hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với UBKT, Mặt trận và các đoàn thể tổ chức kiểm tra liên ngành, nhất là tại các địa bàn phức tạp, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, tôn giáo.

Việc bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng CTDV cho đội ngũ cán bộ làm CTDV phải được xem là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với quy hoạch, bố trí sử dụng hợp lý, phát huy đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm, có uy tín, nhất là ở cơ sở. Đồng thời, cần đẩy mạnh công tác sơ kết, tổng kết để đánh giá thực chất kết quả thực hiện các nghị quyết, làm rõ tác động thực tế, rút ra bài học kinh nghiệm trong triển khai CTDV giai đoạn 2020-2025 và chuẩn bị cho nhiệm kỳ tiếp theo.

Cuối cùng, việc kiểm tra, giám sát CTDV phải đặt trong tổng thể xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, với sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể, lấy sự hài lòng và đồng thuận của Nhân dân làm thước đo cho sự thành công của CTDV trong tình hình mới.

4.3.3. Thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân; xây dựng hệ thống chính quyền các cấp tỉnh Thanh Hóa thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân

4.3.3.1. Thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa

Việc thể chế hóa và cụ thể hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện đúng đắn, đồng thời phát huy đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân. Ở tỉnh Thanh Hóa, quá trình này cần được triển khai theo hướng xây dựng cơ chế pháp lý rõ ràng, minh bạch và khả thi, để

mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân thực sự đi vào thực tiễn, trở thành nền tảng cho phát triển bền vững và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Hiện nay, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, ở Việt Nam nói chung, tỉnh Thanh Hóa nói riêng chủ yếu được thực hiện dựa trên các quy định và ý chí chính trị chứ chưa hoặc ít được thể chế hóa thành các quy định pháp luật cụ thể. Việc quy định về vai trò lãnh đạo của Đảng chủ yếu thể hiện ở Điều 4 Hiến pháp 2013, còn nội dung, phương thức lãnh đạo lại được thể hiện trong các văn kiện của Đảng. Quyền làm chủ của Nhân dân cũng chỉ được ghi nhận chung chung, thiếu những cơ chế cụ thể để thực thi. Điều này dễ dẫn đến tình trạng dân chủ hình thức, thiếu sự thống nhất trong tổ chức và thực hiện.

Để mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa ngày càng gắn bó, thực chất và hiệu quả hơn, cần tập trung vào việc thể chế hóa (xây dựng thành quy định cụ thể) và cụ thể hóa (đưa vào thực tiễn) các nội dung của mối quan hệ này. Điều đó giúp bảo đảm Đảng lãnh đạo đúng vai trò, Nhà nước quản lý hiệu quả, còn Nhân dân thật sự làm chủ và giám sát quyền lực, cụ thể:

Một là, hoàn thiện cơ chế, quy định về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân.

Xây dựng và ban hành các quy định, quy chế cụ thể hóa vai trò, trách nhiệm và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, MTTQ và các đoàn thể chính trị – xã hội trong Tỉnh, bằng các chủ trương, đường lối, chiến lược và công tác cán bộ. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng ghi nhận: “Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng Cương lĩnh, chiến lược, các chủ trương, chính sách lớn, bằng công tác tổ chức, cán bộ, bằng kiểm tra, giám sát; lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, Hiến pháp và pháp luật” [26, tr.196-197]. Đảng giữ vai trò lãnh đạo nhưng không lạm quyền, lấn sân, bao biện hay làm thay Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, mà lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa các chủ trương, đường lối thành chính sách, pháp luật cụ thể; tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Nhân dân về hiệu quả của các chính sách đó. Việc quy định rõ vai trò và giới hạn quyền lãnh đạo của Đảng trong pháp luật không chỉ bảo đảm tính chính danh và kỷ cương trong hệ thống chính trị mà còn ngăn ngừa tình trạng bao biện, chồng chéo chức năng giữa các chủ thể. Mặt khác, cần luật hóa và thể chế hóa quyền làm chủ của Nhân dân bằng việc cụ thể hóa

cơ chế dân chủ ở cơ sở, cơ chế tham vấn, phản biện, giám sát, đối thoại và tham gia của Nhân dân đối với tổ chức đảng, chính quyền các cấp, trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật. Đồng thời, lồng ghép nội dung về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân vào hệ thống văn bản pháp luật và quy chế của Tỉnh, như Quy chế tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân; Quy chế giám sát, phản biện xã hội của MTTQ và các đoàn thể.

Hai là, phát huy quyền làm chủ và vai trò giám sát, phản biện của Nhân dân.

Hiến pháp 2013 quy định: “Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa GCCN với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội và HĐND và các cơ quan khác của nhà nước” [80, tr.8-10]. Nhân dân là trung tâm của mối quan hệ, là chủ thể của quyền lực. Vì vậy cần: Cụ thể hóa và mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện như tham gia góp ý, bỏ phiếu tín nhiệm, trưng cầu ý dân, hội nghị Nhân dân, lấy ý kiến, kiến nghị của Nhân dân về các dự án, chính sách liên quan đến quyền lợi của người dân, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, có phản hồi rõ ràng; phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể chính trị – xã hội trong việc tập hợp, phản biện ý kiến của Nhân dân, giám sát hoạt động của tổ chức đảng và chính quyền; tăng cường cơ chế giám sát xã hội, cho phép Nhân dân tham gia đánh giá cán bộ, đảng viên, giám sát việc thực hiện cam kết của người đứng đầu, đặc biệt trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; thiết lập các kênh tiếp nhận thông tin, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân (qua cổng thông tin điện tử, ứng dụng, đường dây nóng...) để bảo đảm mọi ý kiến đều được lắng nghe và phản hồi minh bạch.

Ba là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Thiết lập cơ chế giám sát nội bộ trong Đảng gắn với giám sát của Nhân dân nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các biểu hiện xa dân, vi phạm dân chủ. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân thực hiện tốt CTĐV, xây dựng mối quan hệ mật thiết với Nhân dân, đồng thời xử lý nghiêm những vi phạm gây tổn hại uy tín của Đảng.

Bốn là, Thực hiện đồng bộ giữa thể chế hóa và tổ chức thực thi. Không chỉ dừng lại ở việc ban hành văn bản, tỉnh Thanh Hóa cần chú trọng khâu tổ chức thực hiện, kiểm tra và tổng kết thực tiễn. Đưa nội dung xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân vào chương trình công tác thường xuyên của cấp ủy, chính quyền và các tổ chức

chính trị – xã hội. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện các cơ chế thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân, qua đó rút kinh nghiệm, bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với yêu cầu phát triển mới của Tỉnh.

Như vậy, việc thể chế hóa và cụ thể hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa là quá trình biến các chủ trương, nguyên tắc thành quy định rõ ràng và hành động cụ thể. Khi thực hiện đồng bộ các giải pháp trên, Đảng sẽ thật sự gắn bó với Nhân dân, Nhân dân tin tưởng và đồng hành cùng Đảng, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Tỉnh.

4.3.3.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm chính quyền các cấp tỉnh Thanh Hóa thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân

Hệ thống pháp luật không chỉ là công cụ điều chỉnh hành vi và bảo đảm trật tự trong đời sống xã hội, mà còn là biểu hiện sinh động của trình độ quản trị quốc gia, phản ánh mức độ văn minh, dân chủ và phát triển của một đất nước. Pháp luật là khuôn khổ mà mọi chủ thể - từ cá nhân, tổ chức đến Đảng và Nhà nước - đều phải tuân thủ trong tham gia vào các quan hệ xã hội. Để pháp luật thực sự trở thành nền tảng cho một Nhà nước của dân, do dân và vì dân, cần phải xây dựng hệ thống pháp luật xuất phát từ thực tiễn cuộc sống, gắn bó mật thiết với quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân.

Trong bối cảnh hiện nay, để phát huy vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát chính sách, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa cần tập trung thực hiện một số trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, khả thi và dễ tiếp cận. Pháp luật phải lấy người dân làm trung tâm, phản ánh đúng thực tiễn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững. Việc thi hành pháp luật cần được tổ chức theo cơ chế phối hợp chặt chẽ, phân công rõ ràng giữa các cơ quan, có sự giám sát độc lập và toàn diện từ xã hội và Nhân dân.

Hai là, tách bạch rõ quy trình xây dựng chính sách với quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Việc phân tích tác động chính sách phải thực chất, định lượng rõ ràng, tránh chung chung, hình thức. Cần đổi mới hình thức lấy ý kiến góp ý theo hướng có trọng tâm, đúng đối tượng, phản ánh đúng các nhóm lợi ích và mối quan tâm cụ thể của từng cộng đồng dân cư.

Ba là, xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên trong hoàn thiện pháp luật để tập trung nguồn lực đầu tư, đặc biệt là những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ và đời sống người dân. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia sâu rộng của các tổ chức xã

hội, hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong quá trình xây dựng chính sách, góp phần nâng cao chất lượng văn bản pháp luật và bảo đảm tính thực tiễn cao.

Bốn là, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu và thường xuyên. Việc xây dựng, ban hành văn bản pháp luật cần được giao cho những người có chuyên môn vững, đạo đức công vụ cao, được cập nhật kiến thức và kỹ năng mới. Mở rộng các chương trình phổ biến kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức trong toàn hệ thống nhằm hạn chế sai sót, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật vào thực tiễn.

Năm là, hoàn thiện thể chế pháp lý trên các lĩnh vực cốt lõi như tổ chức bộ máy nhà nước, quyền con người, quyền công dân, thị trường và xã hội. Đồng thời, cần tiếp tục cụ thể hóa các quy định về phát triển KTTT định hướng XHCN, đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực pháp luật trong quốc phòng, an ninh, giáo dục, khoa học - công nghệ, kinh tế xanh, kinh tế số. Đặc biệt, cần tạo hành lang pháp lý thông thoáng, ổn định và minh bạch để thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát huy sáng kiến và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Chính quyền các cấp, đặc biệt là UBND tỉnh, cần chủ động bám sát chủ trương, chính sách của Đảng và thực tiễn địa phương để kịp thời tham mưu, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thiết thực, sát với cuộc sống. Bảo đảm pháp luật không chỉ được ban hành đúng, mà còn được thực thi hiệu quả, góp phần hiện thực hóa Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam - một Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân.

4.3.3.3. Đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham ô, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác trong hệ thống chính quyền các cấp của Tỉnh

Hiện nay, tỉnh Thanh Hóa đang triển khai mạnh mẽ cuộc đấu tranh phòng, chống tham ô, lãng phí, quan liêu và tệ nạn xã hội với tinh thần “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Tuy vậy, vẫn còn xảy ra những vụ việc nghiêm trọng khi một số cán bộ, đảng viên lợi dụng chức vụ để trục lợi, gây thất thoát tài sản công, làm suy giảm niềm tin của Nhân dân. Như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ ra: “Nhiều cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí... Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp, nhiều ngành, làm cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong dư luận, là thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ” [25, tr.196]. Đây là

biểu hiện nguy hiểm của suy thoái tư tưởng, đạo đức, đe dọa trực tiếp uy tín của Đảng và sự ổn định của chế độ, đòi hỏi phải kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn kịp thời. Văn kiện Đại hội lần thứ XIX của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa cũng ghi nhận: “Công tác phòng chống tham nhũng hiệu lực, hiệu quả chưa cao, còn xảy ra nhiều vụ việc trong quá trình thực hiện chính sách phát triển kinh tế, xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ở một số địa phương, đơn vị” [30, tr.71].

Trước tình hình đó, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa cần tiếp tục siết chặt kỷ cương, đẩy mạnh toàn diện, hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với những giải pháp trọng tâm sau:

Một là, đề cao vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Mỗi cán bộ, đảng viên cần thể hiện lập trường rõ ràng, hành động quyết liệt trong việc bài trừ chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng vụ lợi, biểu hiện hách dịch, cửa quyền. Cần gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả công tác, hiệu quả quản lý, đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm những vi phạm, không có ngoại lệ đối với bất kỳ ai, kể cả người đứng đầu nếu để xảy ra sai phạm trong phạm vi mình quản lý.

Hai là, cần xây dựng cơ chế phòng ngừa chặt chẽ, phát hiện sớm và xử lý nghiêm tham nhũng, lãng phí ngay từ khi mới phát sinh. Phát huy vai trò giám sát, tố cáo của Nhân dân, coi đó là quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tiếp thu tinh thần của Đại hội XII: “Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, MTTQ, các đoàn thể nhân dân, các phương tiện thông tin đại chúng và của Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế khuyến khích và bảo vệ tổ chức, cá nhân phát hiện, tố cáo tham nhũng, lãng phí” [25, tr.213]. Đồng thời thiết lập kênh phản ánh minh bạch, bảo vệ người tố cáo và khen thưởng xứng đáng các cá nhân dũng cảm đấu tranh vì lợi ích chung. Song song, xử lý nghiêm những trường hợp lợi dụng đấu tranh chống tham nhũng để gây chia rẽ hoặc bao che sai phạm.

Ba là, đổi mới toàn diện cơ chế kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và giám sát, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực như đầu tư công, tài chính, đất đai, ngân sách. Tăng cường giám sát xã hội của MTTQ, các đoàn thể và báo chí trong phát hiện, phản ánh sai phạm theo quan điểm của Đảng: “Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan có chức năng đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án để nâng

cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” [25, tr.213]. KIỆN toàn bộ máy các cơ quan phòng, chống tham nhũng; đẩy nhanh xử lý các vụ việc nghiêm trọng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật để tạo niềm tin và sức răn đe. Đồng thời, thiết lập cơ chế đối thoại định kỳ giữa chính quyền và Nhân dân nhằm lắng nghe, giải quyết kịp thời kiến nghị, bức xúc từ cơ sở.

Bốn là, củng cố và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng - không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn có bản lĩnh chính trị, đạo đức trong sáng, dũng cảm đấu tranh với sai phạm. Cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng, tăng cường các biện pháp quản lý tài sản, kê khai và kiểm soát thu nhập, minh bạch tài chính cá nhân của cán bộ, công chức, xử lý nghiêm hành vi kê khai không trung thực. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý các vụ việc phức tạp, vụ án tham nhũng, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan, sai; gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc, gây bức xúc kéo dài trong dư luận, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Năm là, tập trung xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội bền vững, công bằng, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, tạo điều kiện để người dân vươn lên bằng lao động chính đáng. Khắc phục tình trạng lợi dụng khó khăn kinh tế để biến minh cho hành vi tiêu cực. Đặc biệt, kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy những cán bộ thoái hóa, biến chất, bất kể họ ở cương vị nào. Chỉ khi Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh từ gốc, mới có thể phục hồi và củng cố niềm tin trong Nhân dân.

Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cấp bách và điều kiện tiên quyết để củng cố niềm tin, gắn bó giữa Đảng và Nhân dân. Thực hiện tốt công tác này sẽ giúp Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa khẳng định vai trò lãnh đạo, xây dựng nền hành chính liêm chính, kỷ cương, thúc đẩy đổi mới sâu rộng và phát triển bền vững.

4.3.4. Xây dựng cầu nối vững chắc giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa thông qua việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

4.3.4.1. Phát huy vai trò cầu nối của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Giải pháp phát huy vai trò cầu nối của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là một nội dung then chốt nhằm tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh

đạo của Đảng bộ tỉnh trong giai đoạn hiện nay. Trong bối cảnh đất nước đang đẩy CNH, HĐH và hội nhập quốc tế, tỉnh Thanh Hóa đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Việc phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể càng trở nên cấp thiết nhằm tập hợp sức mạnh của Nhân dân, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Trước hết, MTTQ tỉnh cần chủ động làm đầu mối liên hệ giữa Đảng và Nhân dân, tổ chức thường xuyên các diễn đàn đối thoại trực tiếp giữa cấp ủy, chính quyền với Nhân dân ở các cấp. Đây là kênh quan trọng để lãnh đạo lắng nghe ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân về các vấn đề kinh tế - xã hội, môi trường, an sinh, cải cách hành chính... Qua đó, cấp ủy, chính quyền có cơ sở để điều chỉnh, bổ sung chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn. Các diễn đàn cần được tổ chức dân chủ, cởi mở, đảm bảo người dân được phát biểu thẳng thắn, đồng thời lãnh đạo thể hiện tinh thần cầu thị, trách nhiệm trong việc tiếp thu và phản hồi. Việc đối thoại không chỉ giúp tháo gỡ những vướng mắc cụ thể mà còn góp phần củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Song song với đó, cần thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều mang tính thường xuyên, chặt chẽ và minh bạch. Toàn bộ ý kiến, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân cần được MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội tổng hợp, phân loại rõ ràng theo lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, trật tự, cải cách hành chính... Sau khi tổng hợp, các báo cáo cần được gửi trực tiếp tới BTV Tỉnh ủy, các cơ quan chuyên môn hoặc cấp có thẩm quyền để xem xét, giải quyết. Quan trọng hơn, kết quả xử lý, phản hồi cần được công khai minh bạch thông qua các kênh truyền thông chính thức như cổng thông tin điện tử, trang mạng xã hội của Mặt trận, hoặc thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở. Cơ chế phản hồi này không chỉ giúp Nhân dân biết rõ kết quả giải quyết, mà còn góp phần củng cố lòng tin của người dân vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và chính quyền các cấp, đồng thời nâng cao tính trách nhiệm, kỷ luật hành chính trong hoạt động của bộ máy công quyền.

Bên cạnh đó, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cần đổi mới phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát dân, hành động vì dân, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội thực chất hơn, nhất là trong các vấn đề liên quan đến đời sống, quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Nhân dân. Các tổ chức thành viên như Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... phải

tăng cường nắm bắt tâm tư, nguyện vọng hội viên, đoàn viên; phản ánh trung thực với cấp ủy, chính quyền, đồng thời vận động Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

Ngoài ra, trong thời đại chuyển đổi số, MTTQ tỉnh cần ứng dụng công nghệ thông tin trong CTDV và tiếp nhận phản ánh của người dân thông qua các nền tảng trực tuyến, cổng thông tin “Nghe Dân nói – Nói Dân nghe” hay ứng dụng di động phản ánh hiện trường. Qua đó, các hoạt động dân vận, giám sát xã hội không chỉ mang tính thời sự mà còn thể hiện rõ tính công khai, minh bạch, gần gũi với đời sống người dân trong bối cảnh công nghệ số đang ngày càng phát triển.

Như vậy, việc phát huy vai trò cầu nối của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội không chỉ là giải pháp trước mắt mà còn mang tính chiến lược lâu dài. Khi Mặt trận và các đoàn thể thực sự trở thành nhịp cầu tin cậy giữa Đảng, chính quyền và Nhân dân, tiếng nói của Nhân dân sẽ được lắng nghe, còn chủ trương, chính sách của Đảng sẽ đến với dân một cách hiệu quả, thiết thực hơn. Đây chính là yếu tố quan trọng góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường sự đồng thuận xã hội, tạo động lực mạnh mẽ để tỉnh Thanh Hóa phát triển nhanh và bền vững trong giai đoạn mới.

4.3.4.2. Nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ Mặt trận và đoàn thể ở tỉnh Thanh Hóa trong tình hình mới

Nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ Mặt trận và các đoàn thể ở tỉnh Thanh Hóa trong tình hình mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo chuyển biến mạnh mẽ về tư duy, phương pháp và kỹ năng công tác của đội ngũ cán bộ MTTQ và các đoàn thể chính trị – xã hội, giúp cán bộ chủ động, sáng tạo, gần dân hơn, đáp ứng yêu cầu CTDV, giám sát và phản biện xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trước bối cảnh đất nước nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng đang đẩy mạnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng, đời sống xã hội ngày càng đa dạng và phức tạp, đội ngũ cán bộ Mặt trận và đoàn thể cần được trang bị đầy đủ về kiến thức, kỹ năng, phương pháp và bản lĩnh chính trị để thực sự trở thành cầu nối tin cậy giữa Đảng với Nhân dân.

Trước hết, cần tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ các cấp theo hướng thiết thực, hiệu quả và phù hợp với thực tiễn cơ sở. Nội dung tập huấn cần chú trọng rèn luyện các kỹ năng dân vận, thuyết phục, đối thoại xã hội và xử lý tình huống, giúp cán bộ biết lắng nghe, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng

của Nhân dân, chủ động tham gia giải quyết các vấn đề nảy sinh ở cơ sở. Bên cạnh đó, cần tăng cường đào tạo kỹ năng truyền thông số, sử dụng mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến để tuyên truyền, vận động, định hướng dư luận xã hội, góp phần đấu tranh, phản bác các thông tin sai lệch, thù địch trên không gian mạng. Việc cập nhật kiến thức pháp luật, chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước cũng cần được thực hiện thường xuyên, giúp cán bộ Mặt trận và đoàn thể nắm vững cơ sở lý luận và thực tiễn để tuyên truyền, vận dụng hiệu quả trong công tác.

Song song với việc bồi dưỡng năng lực, cần xây dựng cơ chế đánh giá cán bộ theo hướng thực chất, khách quan và gắn với kết quả công việc. Việc đánh giá phải dựa trên hiệu quả gắn kết giữa cán bộ với Nhân dân và mức độ hài lòng của người dân, coi đây là thước đo quan trọng phản ánh phẩm chất, uy tín và năng lực của mỗi cán bộ. Các tiêu chí cụ thể có thể bao gồm: khả năng tập hợp và phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân; hiệu quả tham mưu, phản hồi và giải quyết các vấn đề dân sinh; thái độ, tinh thần trách nhiệm, mức độ tin nhiệm trong cộng đồng. Ứng dụng công nghệ số trong công tác đánh giá như khảo sát trực tuyến, phiếu phản hồi điện tử sẽ góp phần tăng tính minh bạch, kịp thời và khuyến khích cán bộ nỗ lực hơn trong công việc. Đồng thời, kết quả đánh giá cần được gắn chặt với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, khen thưởng và kỷ luật, qua đó tạo động lực cho đội ngũ cán bộ Mặt trận và đoàn thể không ngừng rèn luyện, phấn đấu, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Thực hiện tốt những điều đó sẽ giúp đội ngũ cán bộ MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội ở tỉnh Thanh Hóa ngày càng trưởng thành, có năng lực, bản lĩnh và phong cách dân vận khoa học, hiện đại. Đây chính là yếu tố then chốt để củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân, xây dựng niềm tin, sự đồng thuận xã hội và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa vững mạnh, giàu đẹp.

4.3.4.3. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội không chỉ là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng, mà còn là phương thức thiết yếu để phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tăng cường minh bạch, củng cố niềm tin và sự đồng thuận xã hội. Thực hiện tốt công tác này chính là góp phần bảo đảm tính dân chủ, công khai trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách, xây dựng bộ máy chính quyền liêm chính, hiệu lực, hiệu quả.

Trong bối cảnh hiện nay, cần nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội như một chiến lược lâu dài trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội phải phát huy vai trò trung tâm trong kết nối ý Đảng - lòng dân, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, nhất là trong thực thi chính sách và giải quyết vấn đề dân sinh. MTTQ tỉnh cần chủ động xây dựng kế hoạch giám sát chuyên sâu, sát thực tiễn, tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, quy hoạch, cải cách hành chính, môi trường, y tế, giáo dục. Mọi hoạt động giám sát, phản biện phải khách quan, khoa học, có cơ sở pháp lý và phản ánh trung thực ý chí, nguyện vọng của Nhân dân.

Bên cạnh đó, cần thúc đẩy cải tiến hình thức phản biện theo hướng thiết thực, hiệu quả, có phân loại đối tượng và nội dung phản biện rõ ràng. Cơ chế phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể phải được kiện toàn, rõ trách nhiệm và linh hoạt trong xử lý các tình huống phát sinh tại cơ sở. Sự phối hợp này không chỉ dừng ở việc trao đổi thông tin, mà phải hướng tới cùng giám sát, cùng tham mưu giải pháp, cùng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhân dân. Đặc biệt, cần phát huy vai trò giám sát của Nhân dân - lực lượng trực tiếp thụ hưởng chính sách, quyết định trong đánh giá chất lượng thực thi chính sách công. Để làm được điều này, cần hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý ý kiến, kiến nghị, đơn thư của người dân một cách minh bạch, có phản hồi rõ ràng, đúng thẩm quyền và đúng thời hạn. Cán bộ tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cần có năng lực, phẩm chất và thái độ đúng mực, không để xảy ra tình trạng những nhiễu, thờ ơ hay bao che sai phạm.

Việc giám sát phản biện không thể tách rời khỏi nhiệm vụ xây dựng Đảng và chính quyền. MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cần tích cực tham gia vào quá trình hoạch định, thực hiện và đánh giá các chủ trương, chính sách, chương trình phát triển của Tỉnh, từ đó nâng cao vai trò đại diện tiếng nói của Nhân dân trong thực tiễn quản trị. Cần lựa chọn hình thức giám sát linh hoạt, sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, tăng cường truyền thông để vừa lan tỏa thông tin, vừa kịp thời phản ánh ý kiến xã hội một cách khách quan.

Cuối cùng, cần kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giám sát, phản biện, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Cần khắc phục triệt để tình trạng hình thức, phô trương trong giám sát, hướng đến xây dựng cơ chế phản biện chuyên nghiệp, công tâm, mang tính xây dựng. Việc giám sát, phản biện xã hội chỉ thực sự phát huy vai trò khi trở thành kênh trung thực phản ánh thực tiễn, đồng thời là một phần thiết yếu của tiến trình phát triển dân chủ và quản trị hiệu quả trong hệ thống chính trị tỉnh Thanh Hóa.

4.3.5. Phát huy hơn nữa vai trò của Nhân dân trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trên địa bàn Tỉnh

4.3.5.1. Phát huy dân chủ ở cơ sở - triển khai hiệu quả “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định, dân chủ không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực phát triển xã hội. Người coi dân chủ là chìa khóa để tháo gỡ mọi khó khăn, là biểu hiện của quyền lực thuộc về Nhân dân - nơi “dân là chủ” và “dân làm chủ” là nguyên lý cốt lõi. Trong điều kiện hiện nay, thực hành dân chủ ở cơ sở chính là bảo đảm cho người dân được tham gia đầy đủ vào đời sống chính trị - xã hội thông qua phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [26, tr.27]. Đây không chỉ là cơ chế tổ chức thực hiện quyền làm chủ mà còn là nền tảng để xây dựng chính quyền gần dân, hiểu dân và vì dân.

Tại tỉnh Thanh Hóa, việc thực thi dân chủ ở cơ sở đã được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm đẩy mạnh. Thực tiễn triển khai đã tạo chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, từ đó lan tỏa tới từng cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân. Dân chủ không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu, mà đã trở thành thực tiễn sống động trong quản trị xã hội, góp phần xây dựng bộ máy trong sạch, phòng chống các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, đồng thời nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Để tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng thực hành dân chủ ở cơ sở, cấp ủy, chính quyền, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa cần tập trung thực hiện những giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong việc bảo vệ và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, phải nêu gương trong việc thực hành dân chủ, thật sự thấm nhuần tinh thần “tin dân, trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân, có trách nhiệm với dân”. Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch các nội dung công khai về quy hoạch, đầu tư, ngân sách... bằng nhiều hình thức truyền thông đa dạng, dễ tiếp cận. Dân chủ phải đi đôi với minh bạch và thông tin phải đến được với người dân một cách kịp thời, bảo đảm để Nhân dân *được biết* đầy đủ, chính xác, đảm bảo thực hiện hiệu quả theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Hai là, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách thành quy định phù hợp thực tiễn cơ sở. Mọi quyết sách liên quan đến đời sống Nhân dân như đền bù, tái định cư, quy

hoạch, hỗ trợ an sinh... cần được thảo luận dân chủ, công khai, lấy ý kiến Nhân dân một cách thực chất, không hình thức. Cần phát huy các cuộc họp dân cư như một thiết chế dân chủ quan trọng để người dân *được bàn bạc*, phản ánh và tham gia vào quá trình quyết định những vấn đề ảnh hưởng đến cộng đồng; đồng thời đẩy mạnh thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước và nhân rộng điển hình “Dân vận khéo”.

Ba là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực thực hành dân chủ của người dân. Cùng với đó là khơi dậy tinh thần trách nhiệm, sự gắn bó với cộng đồng, chủ động tham gia các hoạt động phát triển nông thôn, bảo vệ môi trường, gìn giữ an ninh trật tự, xây dựng đời sống văn hóa... nhằm phát huy vai trò chủ thể, để Nhân dân *trực tiếp làm* và gắn bó, có trách nhiệm với thành quả chung. Dân chủ không thể tách rời với nghĩa vụ công dân - nơi người dân vừa là chủ thể, vừa là người thực hiện và bảo vệ thành quả của chính mình.

Bốn là, xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả từ Nhân dân đối với hoạt động công quyền. Phát huy vai trò của MTTQ, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng, các tổ chức xã hội trong giám sát thực thi chính sách, phát hiện sai phạm. Đặc biệt, phải bảo đảm để Nhân dân có điều kiện thực hiện giám sát thực chất, không bị cản trở hoặc hình thức. Người đứng đầu phải chủ động tiếp dân, lắng nghe, đối thoại và chịu trách nhiệm giải quyết các kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Phát huy hiệu quả cơ chế giám sát, phản biện xã hội của các cơ quan dân cử, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội theo tinh thần Quyết định số 217-QĐ/TW và 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị, qua đó giúp Nhân dân *kiểm tra, giám sát* quyền lực một cách hiệu quả.

Năm là, cải cách mạnh mẽ hành chính, nâng cao đạo đức công vụ, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo đánh giá cán bộ, công chức. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo phải thực hiện nghiêm túc, kịp thời, công khai, minh bạch. Mọi chính sách an sinh, phát triển phải đến đúng đối tượng, không để xảy ra sai lệch, thất thoát, gây mất lòng tin. Dân chủ thực sự chỉ có ý nghĩa khi người dân được *thụ hưởng* công bằng và xứng đáng.

Dân chủ ở cơ sở vừa là quyền, vừa là trách nhiệm và biểu hiện niềm tin của Đảng với Nhân dân. Thực hiện tốt dân chủ sẽ tạo nền tảng cho nền hành chính phục vụ, chính quyền liêm chính và củng cố niềm tin bền vững của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước, góp phần xây dựng tinh Thanh Hóa phát triển toàn diện, bền vững.

4.3.5.2. Không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Trong kỷ nguyên mới, Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa cần định hướng phát triển toàn diện và cân đối trên mọi phương diện đời sống xã hội. Trọng tâm là đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa, giữ vững an ninh chính trị từ cơ sở, và từng bước nâng cao chất lượng sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho Nhân dân, phù hợp với yêu cầu của thời kỳ phát triển mới.

Cần triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, lấy nâng cao dân trí và khả năng tham gia đời sống chính trị của người dân làm nền tảng. Sự nhận thức về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước sẽ tăng cường khi đời sống vật chất được cải thiện rõ rệt. Vì vậy, nhiệm vụ cấp thiết là tạo thêm việc làm, cải thiện mức sống và điều kiện sống của dân cư, giải quyết tình trạng thất nghiệp, đặc biệt cho lực lượng lao động trẻ, sinh viên tốt nghiệp đang gặp khó khăn trong việc tìm kiếm công ăn việc làm, trong khi nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao tại Tỉnh lại đang rất lớn. Giải pháp cần tập trung vào tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng hiện đại, khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, mở rộng thị trường lao động qua hợp tác quốc tế, đồng thời tổ chức lại lực lượng lao động cho phù hợp với yêu cầu phát triển. Những chính sách này phải hướng đến mục tiêu nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững ổn định xã hội và an ninh trên địa bàn. Thực hiện phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” một cách thực chất, Nhà nước cần đóng vai trò kiến tạo và hỗ trợ, đồng thời có cơ chế huy động hiệu quả nguồn lực từ người dân và xã hội, nhưng tuyệt đối không được tạo gánh nặng, nhất là cho người dân nghèo và nông dân ở các khu vực khó khăn.

Cùng với đó, cần tiếp tục phát huy hiệu quả của các phong trào thi đua yêu nước như “Chung sức xây dựng nông thôn mới”, hướng tới mục tiêu xây dựng Thanh Hóa trở thành tỉnh gương mẫu. Tỉnh ủy, UBND tỉnh cần có các chỉ đạo cụ thể, thực hiện nghiêm việc tổng kết các chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng bám sát lợi ích thiết thực của người dân, tránh biểu hiện hình thức, bệnh thành tích. Khuyến khích các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp và các mô hình sản xuất quy mô hộ, trang trại đầu tư mở rộng sản xuất, ứng dụng công nghệ mới nhằm tạo việc làm bền vững cho người lao động. Việc huy động sức dân cần dựa trên nguyên tắc tự nguyện, công khai và minh bạch, gắn với lợi ích cụ thể của cộng đồng.

Trên nền tảng những kết quả đã đạt được trong các phong trào xã hội, cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động vì cộng đồng như: xoá đói giảm nghèo, chăm sóc người có công, hoạt động nhân đạo, cải thiện nhà ở cho người nghèo, chăm lo đối tượng yếu thế... đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số để bảo đảm sự phát triển hài hòa, công bằng giữa các vùng miền. Cần thực hiện hiệu quả quy chế dân chủ ở cơ sở, nâng cao đời sống văn hóa trong cộng đồng dân cư và cơ quan công sở. Đồng thời, tăng cường vận động quần chúng tham gia phòng chống tệ nạn xã hội, đẩy lùi mê tín dị đoan, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

4.3.5.3. Quan tâm, chỉ đạo giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị chính đáng của Nhân dân

Thời gian qua, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã xuất hiện nhiều vụ việc gây bất bình trong Nhân dân, phần lớn tập trung ở các lĩnh vực quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chính sách xã hội, đặc biệt là công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng khi triển khai dự án. Việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật còn hạn chế; công tác tiếp dân, lắng nghe và giải quyết kiến nghị của người dân chưa được thực hiện đầy đủ và kịp thời, khiến tình trạng khiếu kiện diễn biến phức tạp, nhiều vụ việc kéo dài, vượt cấp. Bên cạnh đó, năng lực quản lý ở một số địa phương, đơn vị còn yếu; một bộ phận cán bộ thiếu tinh thần trách nhiệm, thậm chí có hành vi nhũng nhiễu, trục lợi cá nhân, làm xói mòn niềm tin của Nhân dân vào chính quyền. Những hạn chế này đã góp phần làm bùng phát tâm lý bất mãn, dẫn đến khiếu nại, tố cáo ngày càng nhiều và phức tạp.

Trong bối cảnh đó, việc tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng là yêu cầu cấp thiết nhằm tháo gỡ những vướng mắc, mâu thuẫn từ cơ sở. Cần tổ chức thanh tra theo kế hoạch đã được phê duyệt, triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 23-CT/TU của BTV Tỉnh ủy và các kết luận thanh tra từ Trung ương. Khi phát sinh khiếu nại đông người, người đứng đầu chính quyền địa phương phải trực tiếp đối thoại, lắng nghe ý kiến của dân, không được khoán trắng cho cấp dưới. Sự tham gia đồng bộ của các cơ quan chức năng, đoàn thể chính trị là yếu tố quan trọng để giải quyết dứt điểm các vụ việc, đồng thời tạo sự đồng thuận trong xã hội. Bên cạnh đó, việc minh bạch hóa tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức cần được đẩy mạnh, gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng. Các cấp ủy, tổ chức Đảng phải làm tốt công tác nắm bắt tình hình dư luận, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, chủ động tuyên truyền, giải thích để người dân hiểu đúng, hiểu đủ về chủ trương, chính sách pháp luật.

Trước mắt, cần tập trung xử lý những vấn đề bức xúc, nổi cộm như việc làm, đầu ra cho nông sản, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, hỗ trợ học tập, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo... MTTQ và các đoàn thể cần chủ động phối hợp với các cơ quan Đảng để tham mưu ban hành các cơ chế giám sát và phản biện xã hội hiệu quả. Đặc biệt, cần tổ chức các buổi tiếp xúc, đối thoại định kỳ giữa cán bộ chủ chốt và người dân, tăng cường lấy ý kiến, phiếu tín nhiệm nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình và lòng tin của Nhân dân. UBND các cấp, các ngành phải nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý dứt điểm các vụ việc tồn đọng, kéo dài, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng - những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, gây mất ổn định xã hội. Công tác này hiện còn nhiều bất cập, đặc biệt tại cấp xã - nơi tiếp xúc trực tiếp với người dân. Do đó cần sớm có biện pháp chấn chỉnh, cần phải nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Nhân dân ở các cấp, tăng cường kiểm tra đột xuất, bảo đảm kỷ cương hành chính và quyền làm chủ của Nhân dân. Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng cũng đã khẳng định “Coi trọng kiểm tra, giám sát trong Đảng kết hợp với phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, của MTTQ, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định nêu gương” [26, tr.184]. Tỉnh cần tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất tại trụ sở tiếp công dân, xây dựng cơ chế phối hợp giữa UBND, MTTQ và các đoàn thể nhằm giám sát hiệu quả công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển kinh tế toàn diện, bảo đảm an sinh xã hội để cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân - vì đây cũng là giải pháp căn cơ để giảm bớt các mâu thuẫn từ gốc.

Trong bối cảnh khiếu nại, tố cáo có xu hướng tăng cả về số lượng lẫn mức độ phức tạp, điều cốt lõi là các cấp chính quyền phải giải quyết thấu đáo, đúng pháp luật, khách quan và công khai. Đây không chỉ là trách nhiệm hành chính, mà còn là thước đo niềm tin của người dân với Đảng, chính quyền; là nền tảng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và xây dựng một xã hội ổn định, phát triển.

4.3.6. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa

4.3.6.1. Nâng cao cảnh giác trước nguy cơ bị các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc, nói xấu Đảng, chia rẽ mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn Tỉnh

Trong thời gian qua, các thế lực thù địch, các tổ chức phản động lưu vong sống ở nước ngoài đã lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động tư tưởng ly khai giữa

cộng đồng người Mông tại tỉnh Thanh Hóa. Họ đã gieo mầm mống từ nhiều năm, ngày càng âm ỉ và có nguy cơ bùng phát nếu chúng ta không tỉnh táo, cảnh giác cao độ. Vì vậy, việc sớm phát hiện và kiên quyết ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn của những thế lực này là rất quan trọng để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng và ổn định xã hội.

Các tổ chức phản động người Mông lưu vong như “Mặt trận giải phóng thống nhất người Mông”, “Phát triển quốc gia Mông”, “Trung tâm văn hóa Mông” (Hoa Kỳ), “Hội đồng nhân quyền Lào” và nhiều nhóm phản động người Mông lưu vong ở Lào, đã móc nối với các tổ chức trong nước như “Đảng Vương quốc Mèo tự trị”, “Mặt trận đoàn kết người Mông”, “Đảng Apolo”, “Đảng Châu Pha”, “Cựu chiến binh Long Chặng”... để tuyên truyền xuyên tạc, lợi dụng vấn đề tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền, kích động tư tưởng ly khai. Chúng lợi dụng khó khăn, nhận thức hạn chế của một bộ phận đồng bào vùng sâu, vùng xa để lôi kéo, tổ chức các hoạt động như “Nhà nước Mông”, “Tổ chức Dương Văn Minh”, tài trợ tiền bạc, xuyên tạc, vu cáo chính quyền, kêu gọi can thiệp quốc tế, gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Đứng trước những thủ đoạn chống phá ngày càng tinh vi và nguy hiểm của các thế lực thù địch, các cấp chính quyền, cơ quan chức năng và các tổ chức đoàn thể cần triển khai đồng bộ các giải pháp, để giải quyết tận gốc việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo âm mưu gây chia rẽ, kích động bạo lực ở tỉnh Thanh Hóa của các thế lực thù địch trong thời gian tới như:

Một là, cần xây dựng một nền tảng nhận thức sâu sắc và toàn diện cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của việc bảo vệ an ninh tư tưởng trước các chiêu trò lợi dụng dân chủ, nhân quyền để chống phá đất nước. Đây không chỉ là trách nhiệm riêng của các cơ quan chức năng mà là nghĩa vụ chung của toàn xã hội. Mỗi cán bộ, đảng viên phải rèn luyện bản lĩnh chính trị vững chắc, có khả năng phân tích, nhận diện và phản bác các luận điệu sai trái, thù địch một cách chủ động và kiên quyết. Họ chính là lực lượng tiên phong, là “lá chắn” tư tưởng trong việc bảo vệ giá trị cốt lõi của chế độ, góp phần khẳng định và phát huy thực chất dân chủ, nhân quyền mang bản sắc Việt Nam.

Hai là, cần đẩy mạnh truyền thông chính trị - xã hội hiệu quả, linh hoạt để nâng cao nhận thức cộng đồng về chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Cấp ủy, chính quyền các địa phương, nhất là các xã vùng cao như Lang Chánh, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, phải tuyên truyền sát thực tế, dùng ngôn

ngữ dễ hiểu giúp đồng bào nhận rõ âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động. Phát huy vai trò của chức sắc, chức việc tôn giáo trong định hướng dư luận, giữ gìn đoàn kết; tăng cường đối thoại giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo để tháo gỡ vướng mắc, tạo điều kiện cho đồng bào hành đạo đúng pháp luật. Qua đó củng cố niềm tin, phát huy tinh thần “sống tốt đời, đẹp đạo”, đoàn kết các dân tộc và tôn giáo cùng đấu tranh, ngăn chặn âm mưu chia rẽ, phá hoại.

Ba là, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến dân tộc và tôn giáo một cách toàn diện, sâu sắc, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững. Đảng và Nhà nước cần đề ra những chủ trương, chính sách sát thực, linh hoạt, nhằm đáp ứng các nhu cầu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và cộng đồng tôn giáo. Trong quá trình triển khai, phải đảm bảo tính công bằng, không phân biệt, đồng thời khẳng định sự tôn trọng và bảo vệ bản sắc văn hóa, phong tục, tín ngưỡng truyền thống. Cần tích cực loại bỏ các biểu hiện lợi dụng dân tộc, tôn giáo để gây chia rẽ, tạo dựng môi trường đoàn kết, khơi dậy tinh thần trách nhiệm cộng đồng và lòng tin vào chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Việc tuyên truyền, giáo dục xã hội về chính sách dân tộc và tôn giáo phải được thực hiện thường xuyên, linh hoạt, phù hợp với từng vùng, từng đối tượng, từ đó thúc đẩy đồng bào chủ động tham gia vào sự nghiệp phát triển đất nước.

Bốn là, phát huy vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở như một “pháo đài” vững chắc trong công cuộc nhận diện và ngăn chặn các âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để phá hoại. Cần củng cố bộ máy phụ trách công tác dân tộc - tôn giáo với năng lực chuyên môn cao, ổn định, đủ quyền hạn để xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh. Đặc biệt, chính quyền các cấp phải chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, đảm bảo họ gắn bó chặt chẽ với cơ sở, là cầu nối tin cậy giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân. Đồng thời, tăng cường sự lãnh đạo tại những địa bàn có đông tín đồ tôn giáo, nhất là nơi tiềm ẩn nguy cơ cực đoan hóa, nhằm giữ vững lòng dân, củng cố khối đoàn kết trong cộng đồng.

Năm là, đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là yếu tố then chốt để làm thất bại âm mưu lợi dụng điểm yếu nội bộ của các thế lực thù địch. Cán bộ, đảng viên phải thường xuyên rèn luyện đạo đức, tư tưởng, năng lực, ngăn chặn sớm các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đồng thời, thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo, nâng cao đời sống vùng sâu, vùng xa để ngăn chặn việc lợi dụng khó khăn kinh tế lôi

kéo, kích động. Chính quyền cần kịp thời giải quyết khiếu nại, định hướng dư luận và củng cố lòng tin của Nhân dân.

Sáu là, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ hàng đầu, trong đó cần củng cố trận địa tư tưởng và tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo. Hệ thống chính trị cơ sở phải vững mạnh, linh hoạt, không để phát sinh điểm nóng. Cấp ủy, người đứng đầu phải gần dân, nêu gương, thực hiện tinh thần “hiều dân - trọng dân - vì dân”. Mỗi người dân Thanh Hóa cần nâng cao nhận thức, kiên định tư tưởng, giữ gìn bản sắc văn hóa và đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc, góp phần hiện thực hóa khát vọng xây dựng tỉnh Thanh Hóa trở thành tỉnh kiểu mẫu như Hồ Chí Minh mong muốn.

4.3.6.2. Kiên quyết đấu tranh, chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn Tỉnh

Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động và những phần tử cơ hội về chính trị, đang ráo riết sử dụng nhiều thủ đoạn thâm độc nhằm thực hiện chiến lược “chia rẽ để thống trị”. Thậm chí có cả những cán bộ, đảng viên do yếu kém về năng lực chuyên môn, không có bản lĩnh chính trị hoặc bất mãn trong quá trình làm việc, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” dẫn đến những quan điểm sai trái, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn Tỉnh. Chúng khai thác các điểm nhạy cảm trong xã hội, bóp méo sự thật, thổi phồng, khuếch đại vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền... với mục tiêu phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc, làm lung lay niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và chế độ. Những luận điệu xuyên tạc, xảo trá không chỉ gieo rắc hoài nghi, mất phương hướng mà còn âm mưu kích động, gây bất ổn từ bên trong lòng dân.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng tinh thần cảnh giác cao, nâng cao ý thức công dân, đề cao trách nhiệm xã hội và phát huy lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, đấu tranh, chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn Tỉnh là điều cần thiết và cấp bách. Nhân dân không chỉ là người thụ hưởng chính sách mà còn là chủ thể bảo vệ thành quả cách mạng, đồng hành cùng Đảng, bảo vệ, giúp đỡ Đảng trong mọi giai đoạn. Cần loại bỏ tư duy cục bộ, bè phái, chủ nghĩa cá nhân - những mầm mống dễ bị kẻ thù lợi dụng - để giữ gìn sự thống nhất, gắn bó của khối đại đoàn kết dân tộc.

Trước sự chống phá ngày càng tinh vi, Đảng và Nhà nước rất cần sự vững vàng từ Nhân dân - một khối lòng dân đoàn kết, kiên định, không bị khuấy động bởi thông tin xấu độc hay những lời dụ dỗ có chủ ý. Nhân dân cần chủ động nâng cao hiểu biết về

chính trị - xã hội, tinh táo tiếp cận và xử lý thông tin, tránh bị thao túng bởi tin đồn vô căn cứ. Mỗi người dân đều có thể trở thành một chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng nếu họ đủ nhận thức, đủ bản lĩnh và niềm tin. Song song với đó, cần tăng cường tuyên truyền chính sách, pháp luật đến mọi tầng lớp Nhân dân bằng hình thức phù hợp, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp cận. Chấm dứt tình trạng ép buộc khi chưa có sự hiểu biết đầy đủ trong Nhân dân - vì chính sự thiếu minh bạch, nóng vội này có thể trở thành cái cớ để các thế lực thù địch lợi dụng. Đồng thời, cần phân tích kỹ thực trạng tâm lý xã hội, xác định rõ từng nhóm đối tượng, từ đó có hình thức truyền thông, tổ chức vận động, đấu tranh phù hợp.

Một nội dung cốt lõi khác là phải quyết liệt trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Cần xử lý kịp thời, nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên có dấu hiệu suy thoái do yếu kém về chuyên môn, có suy nghĩ lệch lạc, bất mãn với chế độ dẫn đến những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa, đồng thời xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, để giữ vững kỷ cương, kỷ luật Đảng và Nhà nước, lấy lại sự tin yêu từ phía Nhân dân. Bởi lẽ, chính sự suy thoái trong đội ngũ cán bộ, đảng viên là một trong những nguyên nhân làm suy giảm niềm tin của Nhân dân, tạo ra những lỗ hổng lớn cho các thế lực phản động lợi dụng. *Nghị quyết Đại hội XIII* của Đảng đã chỉ ra: “Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở một số địa phương, bộ, ngành chưa có chuyển biến rõ rệt; công tác phòng ngừa tham nhũng ở một số nơi còn hình thức. Việc phát hiện xử lý tham nhũng, lãng phí vẫn còn hạn chế, nhất là việc tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí trong nội bộ cơ quan, đơn vị còn yếu; tình trạng những nhiễu, tiêu cực trong một số cơ quan, đơn vị khu vực hành chính, dịch vụ công chưa được đẩy lùi... Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt lúng túng” [27, tr.187]. Do đó, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong công tác này có vai trò đặc biệt quan trọng để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ chính cuộc sống bình yên của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

Cuối cùng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch không phải là công việc của riêng ai, mà là sứ mệnh chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đây là một nhiệm vụ gian khổ, nhiều thách thức, nhưng bằng lý tưởng cách mạng, bằng sức mạnh từ lòng dân và sự lãnh đạo kiên cường của Đảng, chúng ta nhất định sẽ vượt qua, giữ vững trận địa tư tưởng và bảo vệ vững chắc nền tảng của chế độ XHCN mà Nhân dân ta đã dày công vun đắp.

Tiểu kết chương 4

Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là một mối quan hệ lớn và vô cùng quan trọng trong lịch sử dân tộc ta kể từ khi Đảng ra đời đến nay. Bởi mối quan hệ này có ý nghĩa lớn đối với vận mệnh của quốc gia, dân tộc và nó quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Điều đó cũng xuất phát từ vai trò to lớn của Nhân dân, từ sức mạnh lật thuyền là dân, đẩy thuyền cũng là dân, sức mạnh vật chất của Nhân dân dưới sự chỉ huy của Đảng đã làm nên những thắng lợi vĩ đại, tạo nên một mối quan hệ tự nhiên không thể tách rời.

Hiện nay, các thế lực thù địch đang dùng đủ mọi âm mưu, thủ đoạn nhằm xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân. Trong đó, mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa thời gian qua cũng đứng trước những khó khăn, thử thách mới. Nếu không được khắc phục kịp thời cũng sẽ trở thành nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và sự phát triển chung của cả Tỉnh. Do vậy, để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới, cần phải đảm bảo một số phương hướng như: Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa cần gắn chặt với đặc thù của địa phương; gắn với nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn Tỉnh trong sạch, vững mạnh; gắn liền với tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho Nhân dân; phải đảm bảo phát huy nguồn lực của Nhân dân, để phục vụ nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân. Đồng thời thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các nhóm giải pháp sau: Nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về tầm quan trọng của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân; tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng ở tỉnh Thanh Hóa; thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân - xây dựng hệ thống chính quyền các cấp tỉnh Thanh Hóa thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; xây dựng cầu nối vững chắc giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa thông qua việc phát huy vai trò của MTTQ Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy hơn nữa vai trò của Nhân dân trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trên địa bàn Tỉnh; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

KẾT LUẬN

Từ việc phân tích khái niệm, nội dung mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh; thực trạng vận dụng mối quan hệ đó ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay, luận án rút ra một số kết luận sau:

1. Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ gắn bó mật thiết, không thể tách rời, có ý nghĩa quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng nước ta, đồng thời là một trong những nguyên tắc tổ chức, hoạt động của ĐCSVN, bảo đảm nguồn sức mạnh vô địch của Đảng và mọi thắng lợi của cách mạng. Bởi, nếu xa rời mối quan hệ đó, Đảng sẽ mất đi chỗ dựa vững chắc của mình, có nguy cơ đe dọa đến sự tồn vong của Đảng, của chế độ. Giữ vững, củng cố và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân là nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và toàn thể Nhân dân. Từ ý nghĩa và tầm quan trọng của mối quan hệ này, đã có nhiều công trình khoa học tập trung nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất quan điểm, giải pháp để củng cố, tăng cường hơn nữa mối quan hệ đó trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm: *Một là*, Đảng đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết thể hiện được trí tuệ và lòng dân, đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của Nhân dân. *Hai là*, Đảng tổ chức thực hiện, đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào cuộc sống của Nhân dân, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của dân, gần dân, tin dân, trọng dân. *Ba là*, Đảng không ngừng cải thiện, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. *Bốn là*, Nhân dân tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ, bảo vệ Đảng. *Năm là*, Nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng. *Sáu là*, Nhân dân thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân.

3. Mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong thời gian qua, đã đạt được những kết quả nhất định, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế lớn cần khắc phục. Qua đánh giá thực trạng, phân tích nguyên nhân của kết quả đạt được và hạn chế, luận án rút ra 6 vấn đề trong mối quan hệ gắn bó giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa: *Một là*, khoảng cách giữa việc hoạch định, triển khai và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng bộ tỉnh với thực tiễn cuộc sống của người dân Thanh Hóa; *Hai là*, về thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa; *Ba là*, CTDV của Đảng bộ tỉnh gắn với những điều kiện đặc thù của tỉnh Thanh Hóa; *Bốn là*,

về thực hiện dân chủ trong Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa và thực hiện dân chủ trong Nhân dân trên địa bàn Tỉnh; *Năm là*, thực tiễn việc phát huy vai trò của Nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong công tác xây dựng Đảng; *Sáu là*, về nhận thức chính trị, ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của một bộ phận Nhân dân trên địa bàn Tỉnh trong tình hình mới.

4. Để giải quyết triệt để những vấn đề đặt ra đối với mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa hiện nay, nhằm tăng cường mối quan hệ này trong kỷ nguyên mới, cần phải thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhóm giải pháp sau: *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa về tầm quan trọng của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân. *Thứ hai*, tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng ở tỉnh Thanh Hóa. *Thứ ba*, thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân; xây dựng hệ thống chính quyền các cấp tỉnh Thanh Hóa thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. *Thứ tư*, xây dựng cầu nối vững chắc giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa thông qua việc phát huy vai trò của MTTQ Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội. *Thứ năm*, phát huy hơn nữa vai trò của Nhân dân trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trên địa bàn Tỉnh. *Thứ sáu*, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

5. Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở tỉnh Thanh Hóa không chỉ góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, mà còn trực tiếp nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ tỉnh. Khi Đảng bộ các cấp thấm nhuần sâu sắc tư tưởng “lấy dân làm gốc”, “ý Đảng hợp với lòng dân”, thì mọi chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng mới thực sự đi vào cuộc sống, tạo sự đồng thuận và huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội. Do đó, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn có giá trị thực tiễn to lớn trong việc đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bền vững của tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Qua đó, một lần nữa khẳng định tính đúng đắn, trường tồn và sức sống mãnh liệt của tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng Đảng vững mạnh và phát triển đất nước theo con đường XHCN.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vũ Thị Thùy (2023), “Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân”, *Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử*, ngày 16 tháng 11 năm 2023 (<https://lyluanchinhtri.vn/dang-bo-tinh-thanh-hoa-thuc-hien-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-tang-cuong-moi-quan-he-giua-dang-voi-nhan-dan-3225.html>).
2. Vũ Thị Thùy (2024), “Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (62), tr. 24-30.
3. Vũ Thị Thùy (2024), “Mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa*, (2/20), tr. 43-54.
4. Đặng Công Thành - Vũ Thị Thùy (2024), “Mối quan hệ giữa Đảng với dân và những vấn đề có tính nguyên tắc về xây dựng đội ngũ cán bộ trong tác phẩm “Sửa đổi lỗi làm việc””, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (2/2024), tr.1-4.
5. Vũ Thị Thùy (2024), “Phát huy mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (Số đặc biệt quý IV/2024), tr.45-51.
6. Vũ Thị Thùy (2025), “Vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy các nguồn lực vốn có của nhân dân để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, (Số 176/237, tháng 11/2025), tr.29-34.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phương An (2024), “Quan điểm vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (65), tr.61-68.
2. Trần Thị Phúc An (2024), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (1+2/694-695), tr.102-105,132.
3. Nguyễn Ngọc Ánh (2023), “Củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Cộng sản*, (1.007), tr.41-48.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá (1996), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa*, tập 1, NXB CTQG, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá (1996), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa*, tập 2, NXB CTQG, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá (1996), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa*, tập 3, NXB CTQG, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (2009), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa 1975 - 2005*, NXB Thanh Hóa, Thanh Hóa.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa (2015), *Biên niên những sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Thanh hóa 2005 - 2015*, NXB Thanh Hóa, Thanh Hóa.
9. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thanh Hoá (2016), *Báo cáo số 54-BC/BTCTU ngày 15/12/2016 Tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 2016, phương hướng, nhiệm vụ năm 2017*, Thanh Hóa.
10. Ban Dân vận Trung ương - Nguyễn Thế Trung (2014), *Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân trong thời kỳ mới*, NXB CTQG - Sự thật, Hà Nội.
11. Hoàng Chí Bảo (2024), “Mối quan hệ giữa Đảng, Nhân dân với Bác Hồ”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (Tháng 1), tr.18-23.
12. Nguyễn Thị Thanh Bình (2024), “Phản bác một số luận điệu xuyên tạc mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (555), tr.69-75.
13. Phan Huy Chú (2014), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, tr.42, NXB Trẻ.
14. C.Mác và Ph.Ăng-ghen (1995), *Toàn tập, tập 1*, NXB CTQG, Hà Nội.
15. C.Mác và Ph.Ăng-ghen (1995), *Toàn tập, tập 2*, NXB CTQG, Hà Nội.

16. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n (1995), *Toàn tập, tập 4*, NXB CTQG, Hà Nội.
17. Doãn Thị Chín (2021), “Học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, (5/2021), tr.64-69.
18. Hà Thị Thùy Dương (2015), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (3/2015), tr.27-31.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự Thật, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, NXB CTQG, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, NXB CTQG, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB CTQG, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB CTQG, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, NXB CTQG, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB CTQG, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB CTQG, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, NXB CTQG, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, NXB CTQG, Hà Nội.
29. Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá (2015), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII*, NXB Thanh Hoá, Thanh Hóa.
30. Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX*, NXB Thanh Hoá, Thanh Hóa.
31. Phạm Văn Đồng (2012), *Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc*, NXB CTQG, Hà Nội.

32. Phạm Thanh Giang (2023), “Củng cố và tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (1.021), tr.49-54.
33. Đoàn Thế Hanh (2011), “Làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy sức mạnh nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong điều kiện hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, (830), tr.76-80.
34. Đoàn Thế Hanh (2020), “Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản cầm quyền với nhân dân trong Di chúc Hồ Chí Minh và ý nghĩa định hướng”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (303+304/1+2/2020), tr.20-27.
35. Trịnh Gia Hiếu (2017), *Chất lượng đội ngũ đảng viên của các đảng bộ ở tỉnh Thanh Hóa giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Khoa học Chính trị, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
36. Trương Văn Hồng (2007), “Kinh nghiệm của Đảng dân chủ - xã hội Đức trong xử lý quan hệ với quần chúng”, *Tạp chí Thông tin những vấn đề lý luận*, (18), tr.17-23.
37. Trần Thị Hương (2015), *Thực hiện nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Xây dựng Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
38. Trần Thị Hương (2025), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân qua gần 40 năm đổi mới ở Việt Nam”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (01), tr.13-16.
39. Nguyễn Mạnh Hưởng (2005), “Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân trong điều kiện mới”, *Tạp chí lý luận chính trị*, (2), tr.25-28.
40. Nguyễn Văn Hùng và Mai Việt Bách (2021), “Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh trong thời kỳ mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (969), tr.47-51.
41. Đào Đoàn Hùng (2024), “Xây dựng, củng cố và hoàn thiện mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn qua gần 40 năm đổi mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (1039), tr.47-54.
42. Trần Đình Huỳnh và Phan Hữu Tích (1996), *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền*, NXB CTQG, Hà Nội.
43. Trần Đình Huỳnh (2010), “Để giữ vững vai trò lãnh đạo, Đảng phải biết lắng nghe và học hỏi quần chúng nhân dân”, *Tạp chí Dân vận*, (8), tr.52-53.

44. Tỉnh ủy Nghệ An, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2025), *Hội thảo khoa học cấp quốc gia: “Chủ tịch Hồ Chí Minh - biểu tượng cao đẹp của ý chí, khát vọng độc lập của dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân”*, Nghệ An.
45. Nguyễn Khánh (2010), *Một số suy nghĩ về mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước và nhân dân*, NXB CTQG, Hà Nội.
46. Hà Thị Khiết (2023), “Phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, giữ mối quan hệ gắn bó “máu thịt” với các tầng lớp nhân dân”, *Tạp chí Dân vận*, (6/335), tr.13-15.
47. Nguyễn Tùng Lâm (2012), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân với sự nghiệp cách mạng ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (12/20120), tr.3-9.
48. Tô Lâm (2024), “Quyết tâm xây dựng Đảng vững mạnh, nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, *Tạp chí Dân vận*, (8/350), tr.10-12.
49. Nhị Lê (2021), “Phát triển mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân và dựa vào nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (6/2021), tr.50-55.
50. Trường Lưu (2017), “Công tác xây dựng Đảng của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, (130), tr.92 - 95.
51. Đinh Xuân Lý (2016), “Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong xây dựng hệ thống chính trị nước ta theo quan điểm Đại hội Đảng lần thứ XII”, *Tạp chí Triết học*, (11/306), tr.30-34.
52. Đinh Xuân Lý và Trần Phiên (2021), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân - nhìn từ Đại hội lần thứ XIII của Đảng”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (3/2021), tr.48 - 53.
53. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, NXB CTQG, Hà Nội.
54. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, NXB CTQG, Hà Nội.
55. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, NXB CTQG, Hà Nội.
56. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, NXB CTQG, Hà Nội.
57. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, NXB CTQG, Hà Nội.
58. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, NXB CTQG, Hà Nội.
59. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, NXB CTQG, Hà Nội.
60. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, NXB CTQG, Hà Nội.
61. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, NXB CTQG, Hà Nội.

62. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, NXB CTQG, Hà Nội.
63. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, NXB CTQG, Hà Nội.
64. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, NXB CTQG, Hà Nội.
65. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, NXB CTQG, Hà Nội.
66. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, NXB CTQG, Hà Nội.
67. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, NXB CTQG, Hà Nội.
68. Văn Thị Thanh Mai (2018), “Tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa đảng với nhân dân”, *Tạp chí khoa học chính trị*, (3/2018), tr.22-25.
69. Nguyễn Năng Nam (2010), “Tăng cường mối quan hệ giữa đảng và nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (4/2010), tr.22-24.
70. Lê Đình Năm (2021), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân và ý nghĩa đối với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, (9/2021), tr.26-31.
71. Dương Xuân Ngọc (2013), “Quan hệ giữa đảng và nhân dân trong thời kỳ phát triển mới của đất nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (7/2013), tr.40-45.
72. Phùng Hữu Phú (2002), *Luận cứ khoa học và những giải pháp thực tiễn tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở nước ta hiện nay*, Đề tài KHXH 05-06, Hà Nội.
73. Bùi Đình Phong (2013), “Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng cầm quyền với dân dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (11), tr.12-15.
74. Bùi Đình Phong (2022), “Mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Chính phủ từ Hồ Chí Minh đến Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị*, (2/84), tr.12-17.
75. Bùi Đình Phong (2022), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (537/11-2022), tr.20-25.
76. Trần Văn Phòng (2022), “Mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ theo quan điểm của Đảng ta”, *Tạp chí Triết học*, (11/378), tr.3-9.
77. Quách Thị Minh Phượng (2023), “Yêu cầu trong giải quyết mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, (10), tr.22-28.

78. Nguyễn Thị Hoài Phương (2024), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (61), tr.50-55.
79. Đỗ Văn Phới (2024), “Củng cố, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Dân vận*, (9/351), tr.11-15.
80. Quốc hội Việt Nam (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, NXB CTQG, Hà Nội.
81. Nguyễn Duy Quỳnh (2017), *Mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Đại học quốc gia Hà Nội - trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
82. Lý Việt Quang (2023), “Hồ Chí Minh với chuẩn mực đạo đức gắn bó mật thiết với Nhân dân”, *Tạp chí Tuyên giáo*, (6/2023), tr.43-48.
83. Trương Tấn Sang (2010), “Xây dựng mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân: Nhân tố quyết định sự vững mạnh của Đảng, làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam”, *Tạp chí Dân vận*, (1&2), tr.16-19.
84. Nguyễn Văn Sáu, Trần Xuân Sầm và Lê Doãn Tá (2002), *Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân trong thời kỳ đổi mới đất nước - Vấn đề và kinh nghiệm*, NXB CTQG, Hà Nội.
85. Lê Doãn Tá (2002), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân”, *Tạp chí lý luận chính trị*, (1/2002), tr.4-8.
86. Tổ chuyên đề Ban nghiên cứu - giảng dạy Xây dựng Đảng, trường Đảng Trung ương Trung Quốc (2007), “Kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Cu Ba về tăng cường mối liên hệ với quần chúng”, *Tạp chí Thông tin những vấn đề lý luận*, (6), tr.25-53.
87. Đỗ Xuân Tuất (2019), “Gắn bó mật thiết với Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh - nét đặc sắc trong văn hóa cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, (146), tr.3-8.
88. Đỗ Xuân Tuất, và Nguyễn Thị Hiền (2024), “Tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, (64), tr.8-13.
89. Thanh Tuyền (2010), “Thực hiện nguyên tắc Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân trong sự nghiệp đổi mới”, *Tạp chí Dân vận*, (1&2), tr.47-50.

90. Trần Thị Minh Tuyết (2016), “Củng cố mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, (1+2/2016), tr.19-24.
91. Mạch Quang Thắng (2021), “Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (10/2021), tr.12-14.
92. Phạm Tất Thắng (2022), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh gắn với phát huy sức mạnh, quyền làm chủ của Nhân dân - Giá trị và định hướng vận dụng trong thực tiễn”, *Tạp chí Cộng sản*, (1.000), tr.28-35.
93. Phạm Tất Thắng (2024), “Tổng Bí thư Trần Phú và bài học về xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân”, *Tạp chí Dân vận*, (5/347), tr.14-16.
94. Hoàng Diệu Thảo (2025), “Quán triệt thực hiện quan điểm “dân là gốc” trong giải quyết mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, (389), tr.20-24.
95. Đàm Văn Thọ và Vũ Hùng (1997), *Mối quan hệ giữa Đảng và Dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB CTQG, Hà Nội.
96. Lê Minh Thông (2008), *Một số vấn đề về xây dựng Đảng trong văn kiện Đại hội X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
97. Nguyễn Thị Minh Thùy (2022), “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần gắn kết mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, (10/2022), tr.28-32.
98. Nguyễn Thị Minh Thùy (2022), “Một số biện pháp nhằm tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân theo quan điểm Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, (2/2022), tr.35-40.
99. Đinh Văn Thụy (2022), “Các mối quan hệ trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, (10/377), tr.3-11.
100. Đinh Văn Thụy (2024), “Các mối quan hệ trong cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (10), tr.26-30.
101. Hà Thị Bích Thủy (2023), “Củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”, *Tạp chí Tuyên giáo*, (02/2023), tr.10- 13.

102. Tăng Thị Thu Trang (2023), “Phương thức làm chủ của nhân dân trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (373), tr.21-24, 36.
103. Phan Văn Trinh (2008), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3), tr.7-12.
104. Nguyễn Phú Trọng (chủ biên) (2011), *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, Nxb CTQG, Hà Nội.
105. Nguyễn Phú Trọng (2024), “Làm tốt công tác dân vận và liên hệ mật thiết với Nhân dân là truyền thống tốt đẹp và là nguồn sức mạnh vô địch của Đảng ta”, *Tạp chí Dân vận*, (8/350), tr.4-9.
106. Nguyễn Thế Trung, Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Tiến Thịnh (2014), *Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong thời kỳ mới*, NXB CTQG, Hà Nội.
107. Nguyễn Thế Trung (2025), *Đảng và dân trong thời kỳ mới*, NXB CTQG Sự thật, Hà Nội.
108. Hoàng Đình Trung (2017), *Thực hiện mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” ở tỉnh Nam Định*, Luận án tiến sĩ Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
109. Yên Ngọc Trung (2021), *Tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB CTQG - Sự thật, Hà Nội.
110. Tỉnh ủy Thanh Hoá (2016), *Báo cáo số 229-BC/TU ngày 25/12/2016 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Chuyên đề nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng đối với chính quyền các cấp ở địa phương - Thực trạng và giải pháp”*, Thanh Hóa.
111. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2016), *Báo cáo số 61-BC/TU ngày 30/6/2016 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Tình hình và kết quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*, Thanh Hóa.
112. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2019), *Báo cáo số 355-BC/TU ngày 11/3/2019 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Tình hình thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước năm 2011; thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 và một số chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước”*, Thanh Hóa.

113. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2020), *Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 18/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Thanh Hóa.
114. Tỉnh ủy Thanh Hóa, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2020), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 90 năm truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa*, Thanh Hóa.
115. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2021), *Báo cáo số 53-BC/TU ngày 18/6/2021 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về Sơ kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*, Thanh Hóa.
116. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2022), *Báo cáo số 207-BC/TU ngày 06/9/2022 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021); Quy định số 08-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 37-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy về những điều đảng viên không được làm”*, Thanh Hóa.
117. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2022), *Báo cáo Tóm tắt số 201-BC/TU ngày 20/8/2022 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2021 và 7 tháng năm 2022; kết quả thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp; nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới và một số đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch nước”*, Thanh Hóa.
118. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2022), *Báo cáo số 94-BC/BDVTU ngày 04/1/2022 của Ban Dân vận Tỉnh Thanh Hóa về “Tổng kết công tác dân vận năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ năm 2022”*, Thanh Hóa.
119. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2022), *Báo cáo số 129-BC/TU ngày 17/1/2022 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2021; nhiệm vụ trọng tâm năm 2022; một số đề xuất, kiến nghị với Thủ tướng Chính Phủ”*, Thanh Hóa.
120. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2023), *Báo cáo số 281-BC/TU ngày 08/5/2023 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Tổng kết thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh”*, Thanh Hóa.

121. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2023), *Báo cáo số 236-BC/BDVTU ngày 30/12/2023 của Ban Dân vận Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Tổng kết công tác dân vận năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024”*, Thanh Hóa.
122. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2023), *Báo cáo số 346-BC/TU ngày 29/9/2023 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đến nay; nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới; một số đề xuất, kiến nghị với Chính Phủ, Thủ tướng Chính Phủ”*, Thanh Hóa.
123. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2024), *Báo cáo số 03-BC/BDVTU ngày 15/01/2024 của Ban Dân vận Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Tổng kết hoạt động của Ban Dân vận Tỉnh ủy năm 2023 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024”*, Thanh Hóa.
124. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2024), *Báo cáo số 410-BC/TU ngày 14/03/2024 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về “Tổng kết công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025”*, Thanh Hóa.
125. Tỉnh ủy Thanh Hóa (2025), *Các văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Thanh Hóa.
126. Trung tâm từ điển học Vietlex (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Hà Nội.
127. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2025), *Đề án số 84 /ĐA-UBND ngày 29/4/2025 về “Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025”*, Thanh Hóa.
128. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 44, NXB Tiến bộ, Matxcova.
129. V.I.Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 5, NXB Tiến bộ, Matxcova.
130. V.I.Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 8, NXB Tiến bộ, Matxcova.
131. V.I.Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 39, NXB Tiến bộ, Matxcova.
132. Dương Trung Ý (2013), “Cơ sở của mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (6/2013), tr.44-49.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH THANH HÓA

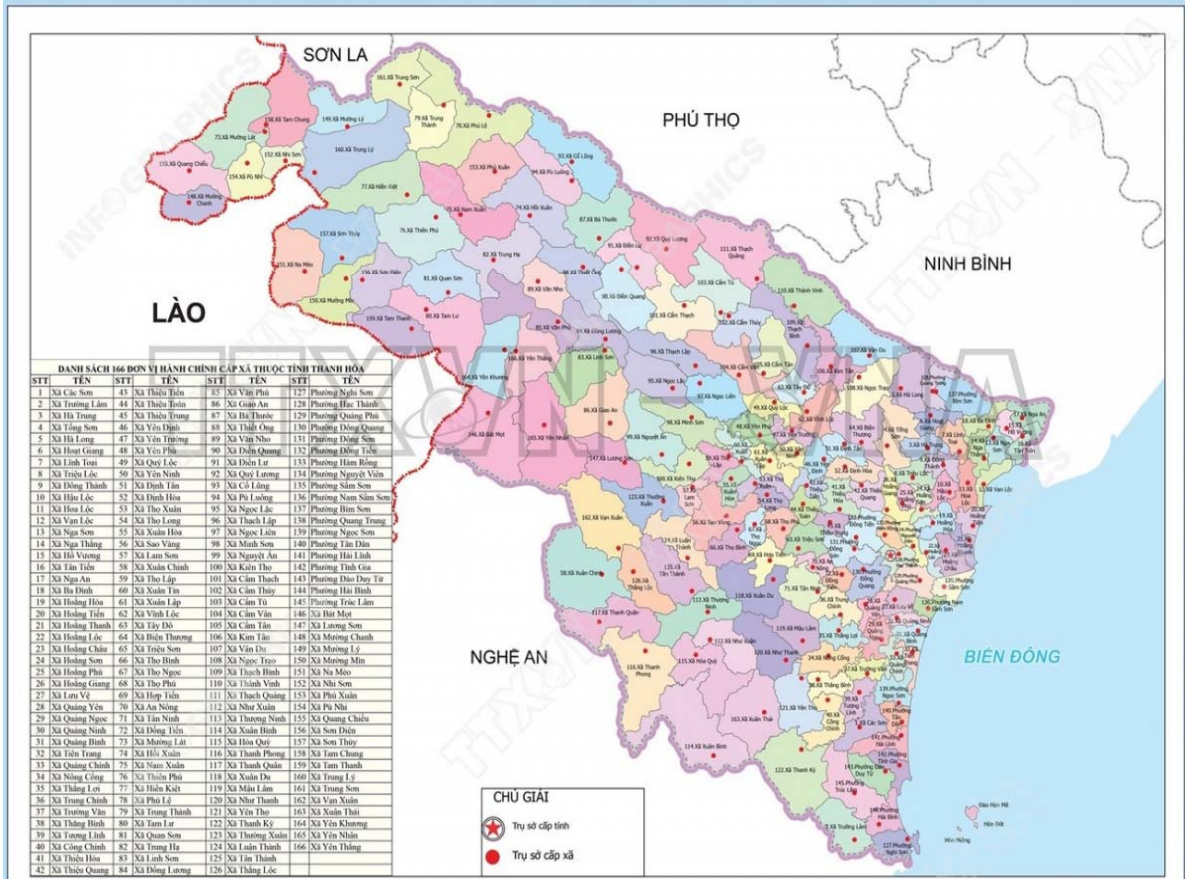
THANH HÓA

166 ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(147 XÃ, 19 PHƯỜNG)

(Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025, có hiệu lực từ ngày 16/6/2025)

Diện tích: 11.114,71 km²

Dân số: 4.324.783 người



Đơn vị sản xuất:

- Thông tấn xã Việt Nam
- Trung tâm Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý thuộc Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam

Bản đồ được thành lập theo tài liệu:

- Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:100.000

Phụ lục 2

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

HỒ CHÍ MINH

NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2025

PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
KHẢO SÁT VIỆC Củng Cố, Tăng Cường Mối Quan Hệ Giữa
ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Kính thưa Ông (Bà)!

Thực hiện nhiệm vụ được giao, hiện nay, chúng tôi đang nghiên cứu đề tài luận án Tiến sĩ: “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay*”. Để có cơ sở đánh giá đúng thực trạng, từ đó đề xuất các phương hướng, giải pháp góp phần củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa, đề nghị Ông (Bà) vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề nêu ra trong bảng hỏi này.

Mỗi câu hỏi có những phương án lựa chọn khác nhau, Ông (Bà) lựa chọn phương án trả lời nào thì đánh dấu X vào ô vuông bên phải của phương án đó, các phương án còn lại để trống. Rất mong Ông (Bà) không bỏ sót câu hỏi nào.

Chúng tôi cam kết các thông tin của bảng hỏi chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học và bảo đảm không công bố tên người trả lời.

Xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của Ông (Bà)!

I. THÔNG TIN NHÂN KHẨU - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Nơi cư trú hiện tại:

Đô thị ☐	Nông thôn ☐
---------------------------------	------------------------------------

2. Giới tính:

Nam ☐	Nữ ☐
------------------------------	-----------------------------

3. Trình độ học vấn:

- Phổ thông ☐	- Đại học ☐
- Trung cấp/cao đẳng ☐	- Sau đại học ☐

4. Tuổi (theo dương lịch):

- Từ 18 đến 25 ☐	- Từ 46 đến 60 ☐
- Từ 26 đến 35 ☐	- Trên 60 ☐
- Từ 36 đến 45 ☐	

5. Nghề nghiệp hiện nay:

- Công chức/ viên chức ☐	- Hưu trí ☐
- Công nhân ☐	- Lực lượng vũ trang ☐
- Nông dân ☐	- Doanh nhân ☐
- Lao động tự do ☐	- Khác:.....

6. Ông (Bà) có phải là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam không?

- Có ☐	- Không ☐
-------------------------------	----------------------------------

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Theo Ông (Bà), Nhân dân có vị trí, vai trò như thế nào trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc? (Có thể chọn nhiều phương án)

TT	Vai trò của Nhân dân	Đồng ý
1	Nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử	☐
2	Nhân dân là lực lượng chủ yếu và đóng vai trò quyết định mọi thắng lợi của cách mạng	☐
3	Nhân dân là chủ và làm chủ trong chế độ xã hội mới	☐
4	Nhân dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng và hệ thống chính trị	☐
5	Ý kiến khác:.....	

Câu 2. Ông (Bà) cho biết, vai trò của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng nước ta là gì? (Có thể chọn nhiều phương án)

TT	Vai trò của Đảng	Đồng ý
1	Đảng tập hợp Nhân dân và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc	☐

2	Đảng đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, để đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân	☐
3	Đảng tổ chức và lãnh đạo Nhân dân làm cách mạng	☐
4	Ý kiến khác:.....	

Câu 3. Theo Ông/Bà, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân có vị trí, vai trò như thế nào trong sự nghiệp cách mạng nước ta? (Có thể chọn nhiều phương án)

TT	Vị trí, vai trò của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân	Đồng ý
1	Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng	☐
2	Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời, có sự thống nhất về lợi ích.	☐
3	Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là ngọn cờ tập hợp lực lượng, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nguồn sức mạnh to lớn của Nhân dân	☐
4	Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là nhân tố đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng	☐
5	Ý kiến khác:.....	

Câu 4. Những đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đã ban hành trong thời gian qua được Ông (Bà) biết đến thông qua các kênh thông tin nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

TT	Kênh thông tin	Đồng ý
1	Sách, báo, tạp chí	☐
2	Đài phát thanh, truyền hình	☐
3	Thông qua các buổi học nghị quyết	☐
4	Nhờ cán bộ tuyên truyền	☐
5	Tự nghiên cứu, tìm hiểu thông qua mạng internet	☐
6	Ý kiến khác:	

Câu 5. Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước tại địa phương nơi Ông (Bà) cư trú có kịp thời và phù hợp với thực tế đời sống, nhu cầu và điều kiện của người dân không?

TT	Phân loại mức độ	Ý kiến
1	Không kịp thời, không phù hợp	☐
2	Ít kịp thời, ít phù hợp	☐
3	Kịp thời, phù hợp	☐
4	Rất kịp thời, phù hợp	☐

Câu 6. Theo Ông (Bà), các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua có giúp cải thiện đời sống của Nhân dân không?

TT	Phân loại mức độ	Ý kiến
1	Không cải thiện	☐
2	Ít cải thiện	☐
3	Cải thiện	☐
4	Cải thiện rất nhiều	☐

Câu 7. Mức độ tin tưởng của Ông (Bà) đối với cấp ủy đảng và cấp chính quyền nơi cư trú hiện nay như thế nào?

TT	Phân loại mức độ	Ý kiến
1	Không tin tưởng	☐
2	Ít tin tưởng	☐
3	Tin tưởng	☐
4	Rất tin tưởng	☐

Câu 8. Theo Ông (Bà), công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã phát huy hiệu quả chưa?

TT	Phân loại mức độ	Ý kiến
1	Không phát huy hiệu quả	☐
2	Ít hiệu quả	☐
3	Phát huy hiệu quả	☐
4	Phát huy hiệu quả cao	☐

Câu 9. Theo Ông (Bà), các vụ việc tham nhũng tại địa phương có được xử lý kịp thời và minh bạch không?

TT	Phân loại mức độ	Ý kiến
1	Không kịp thời, không minh bạch	☐
2	Ít kịp thời, ít minh bạch	☐
3	Kịp thời, minh bạch	☐
4	Rất kịp thời, minh bạch	☐

Câu 10. Ông (Bà) đã từng tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng các chính sách, chủ trương của Đảng, kế hoạch phát triển của địa phương không?

TT	Mức độ tham gia	Ý kiến
1	Không nhớ	☐
2	Không tham gia	☐
3	Thỉnh thoảng tham gia	☐
4	Thường xuyên tham gia	☐

Câu 11. Ông (Bà) đánh giá về mức độ thực hiện quyền công dân (quyền bầu cử và ứng cử; quyền tự do ngôn luận, báo chí; tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, học tập, làm việc...) của người dân tỉnh Thanh Hóa hiện nay như thế nào?

TT	Mức độ thực hiện quyền công dân	Ý kiến
1	Kém	☐
2	Trung bình	☐
3	Tốt	☐
4	Rất tốt	☐

Câu 12. Theo quan sát của Ông (Bà), người dân nơi Ông (Bà) cư trú có ý thức như thế nào trong việc thực hiện nghĩa vụ công dân (chấp hành pháp luật, nghĩa vụ lao động và đóng góp kinh tế, nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc...)?

TT	Mức độ thực hiện nghĩa vụ công dân	Ý kiến
1	Kém	☐
2	Trung bình	☐
3	Tốt	☐
4	Rất tốt	☐

Câu 13. Ông (Bà) có nhận xét gì về thái độ và trách nhiệm phục vụ Nhân dân của cán bộ, đảng viên nơi Ông (Bà) cư trú?

TT	Phân loại mức độ	Ý kiến
1	Không tôn trọng, không có trách nhiệm	☐
2	Ít tôn trọng và ít có trách nhiệm	☐
3	Tôn trọng và trách nhiệm	☐
4	Rất tôn trọng và có trách nhiệm	☐

Câu 14. Theo Ông (Bà), công tác dân vận có được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương, cơ sở nơi Ông (Bà) cư trú quan tâm không?

TT	Phân loại mức độ	Ý kiến
1	Không quan tâm	☐
2	Ít quan tâm	☐
3	Quan tâm	☐
4	Rất quan tâm	☐

Câu 15. Cấp ủy nơi Ông (Bà) cư trú có thường xuyên tiếp xúc và đối thoại về những vấn đề Nhân dân quan tâm không?

TT	Phân loại mức độ thực hiện	Ý kiến
1	Không nhớ	☐
2	Không tiếp xúc, đối thoại	☐
3	Ít tiếp xúc, đối thoại	☐
4	Thường xuyên tiếp xúc, đối thoại	☐

Câu 16. Khi thực hiện tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy Đảng, Chính quyền với Nhân dân, theo Ông (Bà) định kỳ thời gian như thế nào là hợp lý nhất?

TT	Định kỳ thời gian	Ý kiến
1	1 tháng tiếp xúc, đối thoại 1 lần	☐
2	3 tháng tiếp xúc, đối thoại 1 lần	☐
3	6 tháng tiếp xúc, đối thoại 1 lần	☐
4	12 tháng tiếp xúc, đối thoại 1 lần	☐

Câu 17. Ông (bà) đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay?

TT	Phân loại mức độ	Ý kiến
1	Không quan trọng	☐
2	Ít quan trọng	☐
3	Bình thường	☐
4	Quan trọng	☐
5	Rất quan trọng	☐

Câu 18. Ông (Bà) đánh giá như thế nào về kết quả của việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay? (chỉ ra mức độ của từng kết quả)

TT	Kết quả	Mức độ			
		Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1	Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các đường lối, chủ trương, nghị quyết, văn bản kịp thời, hiệu quả để lãnh đạo Nhân dân	☐	☐	☐	☐
2	Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã chú ý cải thiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân	☐	☐	☐	☐
3	Niềm tin của Nhân dân vào Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ngày càng được củng cố, tăng cường	☐	☐	☐	☐
4	Nhân dân tỉnh Thanh Hóa ngày càng phát huy trí tuệ, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng bộ Tỉnh	☐	☐	☐	☐
5	Phần lớn Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân	☐	☐	☐	☐

Câu 19. Theo Ông (Bà), nguyên nhân của những thành tựu đạt được trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay là gì? (Có thể chọn nhiều phương án)

TT	Nguyên nhân của kết quả đạt được	Đồng ý
1	Những truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa được phát huy	☐
2	Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã triển khai kịp thời, có hiệu quả những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân	☐
3	Những chuyển biến tích cực từ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời gian qua đã củng cố thêm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa	☐
4	Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân có nhiều đổi mới	☐
5	Ý kiến khác:.....	

Câu 20. Ông (Bà) chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân dẫn đến những thành tựu đạt được trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay?

TT	Nguyên nhân của kết quả đạt được	Mức độ			
		Không quan trọng	Bình thường	Quan trọng	Rất Quan trọng
1	Những truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa được phát huy	☐	☐	☐	☐
2	Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã triển khai kịp thời, có hiệu quả những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân	☐	☐	☐	☐
3	Những chuyển biến tích cực từ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời gian qua đã củng cố thêm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa	☐	☐	☐	☐
4	Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân có nhiều đổi mới	☐	☐	☐	☐

Câu 21. Ông (Bà) đánh giá như thế nào về những hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay? (Chỉ ra mức độ của từng hạn chế)?

TT	Nội dung hạn chế	Mức độ			
		Rất nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Bình thường	Không nghiêm trọng
1	Một số tổ chức Đảng có biểu hiện mất dân chủ, xa rời quần chúng nhân dân	☐	☐	☐	☐
2	Việc thể chế hoá một số chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng chưa phù hợp với thực tế, chưa phản ánh được nguyện vọng chính đáng của Nhân dân	☐	☐	☐	☐
3	Công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng còn một số bất cập, nhất là ở khu vực miền núi	☐	☐	☐	☐
4	Sự tha hóa quyền lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nguy cơ quan liêu, xa rời Nhân dân của chính quyền các cấp	☐	☐	☐	☐

Câu 22. Theo Ông (Bà), nguyên nhân của những hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay là gì? (Có thể chọn nhiều phương án)

TT	Nguyên nhân của hạn chế	Đồng ý
1	Những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường	☐
2	Một số cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp ở một số cơ quan, đơn vị chưa làm tốt chức trách, nhiệm vụ	☐
3	Một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, lãnh đạo thực hiện công tác dân vận chưa hiệu quả	☐
4	Nhận thức của một bộ phận người dân Thanh Hóa còn hạn chế	☐
5	Sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động	☐
6	Ý kiến khác:.....	

Câu 23. Ông (Bà) chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay?

TT	Nguyên nhân của hạn chế	Mức độ			
		Không quan trọng	Bình thường	Quan trọng	Rất Quan trọng
1	Những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường	☐	☐	☐	☐
2	Một số cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp ở một số cơ quan, đơn vị chưa làm tốt chức trách, nhiệm vụ	☐	☐	☐	☐
3	Một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, lãnh đạo thực hiện công tác dân vận chưa hiệu quả	☐	☐	☐	☐
4	Nhận thức của một bộ phận người dân Thanh Hóa còn hạn chế	☐	☐	☐	☐
5	Sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động	☐	☐	☐	☐

Câu 24. Theo Ông (Bà), để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào sau đây (đánh giá về mức độ cần thiết của từng giải pháp)?

TT	Giải pháp	Mức độ			
		Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
A	Giải pháp về nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tầm quan trọng của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân				
1	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên	☐	☐	☐	☐
2	Nâng cao dân trí và nhận thức của Nhân dân về xây dựng, củng cố, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới	☐	☐	☐	☐
3	Tiến hành tổng kết thực tiễn mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	☐	☐	☐	☐

TT	Giải pháp	Mức độ			
		Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
B	Giải pháp về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng ở Thanh Hóa				
1	Xây dựng các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự trong sạch, vững mạnh	☐	☐	☐	☐
2	Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đảm bảo tính hiệu quả của các chủ trương, chính sách trong thực tiễn	☐	☐	☐	☐
3	Phát huy dân chủ trong các cấp ủy Đảng, mở rộng dân chủ trong toàn xã hội	☐	☐	☐	☐
4	Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động trên địa bàn tỉnh; góp phần củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới	☐	☐	☐	☐
C	Giải pháp về tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, chăm lo xây dựng chính quyền các cấp thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân				
1	Tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm chính quyền các cấp thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân	☐	☐	☐	☐
2	Đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác trong hệ thống chính quyền các cấp của tỉnh	☐	☐	☐	☐
3	Ý kiến khác:.....				
D	Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội				
1	Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân	☐	☐	☐	☐
2	Nâng cao nhận thức của MTTQ, các tổ chức	☐	☐	☐	☐

TT	Giải pháp	Mức độ			
		Không cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
	chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của CTDV trong tình hình mới				
E	Giải pháp về phát huy vai trò của Nhân dân trong củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa				
1	Phát huy dân chủ ở cơ sở - triển khai hiệu quả “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”	☐	☐	☐	☐
2	Không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân	☐	☐	☐	☐
3	Quan tâm, chỉ đạo giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị chính đáng của Nhân dân	☐	☐	☐	☐
F	Giải pháp về đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh				
1	Nâng cao cảnh giác trước nguy cơ bị các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc, nói xấu Đảng, chia rẽ mối quan hệ gắn bó giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa	☐	☐	☐	☐
2	Kiên quyết đấu tranh, chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh	☐	☐	☐	☐

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Quý vị!

Phụ lục 3
TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
VỀ VIỆC Củng Cố, Tăng Cường Mối Quan Hệ Giữa Đảng và Nhân Dân
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

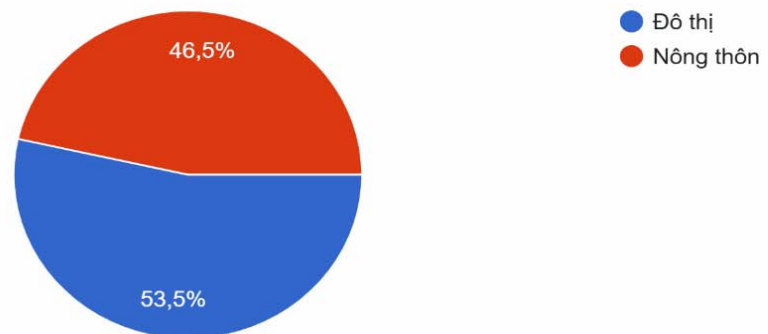
I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, ĐỐI TƯỢNG, SỐ LƯỢNG CÂU HỎI KHẢO SÁT

- Thời gian khảo sát: Năm 2025
- Địa điểm: Phường Hạc Thành, phường Sầm Sơn, phường Bim Sơn, phường Nghi Sơn, xã Triệu Sơn, xã Hoằng Hóa, xã Nông Cống, xã Mường Lát, xã Quan Sơn, xã Bá Thước
- Tổng số câu hỏi: 25 câu hỏi
- Đối tượng khảo sát: Cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Số phiếu phát ra: 500 phiếu
- Số phiếu thu về: 486 phiếu
- Phương pháp: Phiếu điều tra được nghiên cứu sinh thực hiện bằng hình thức online, kèm hướng dẫn cụ thể những cá nhân được lấy ý kiến để trả lời câu hỏi được nêu ra trong phiếu. Phương pháp này đảm bảo tính khách quan trong điều tra.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

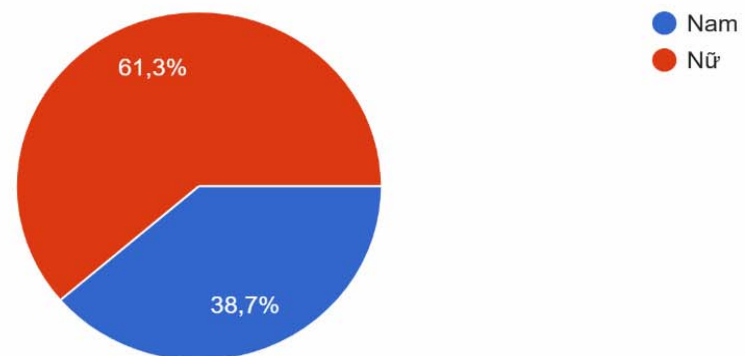
1. Nơi cư trú hiện tại:

486 câu trả lời



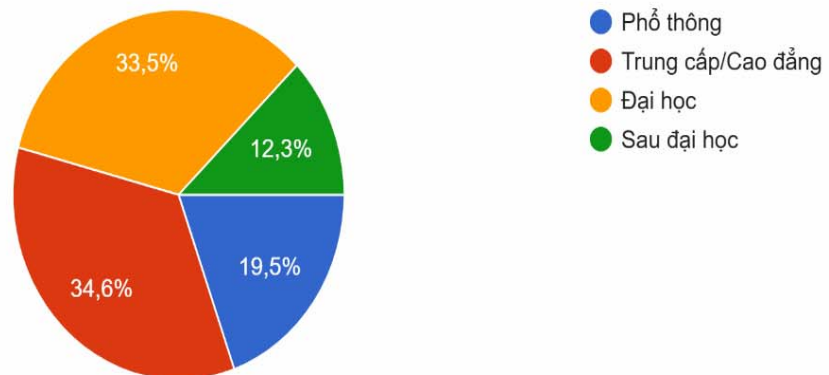
2. Giới tính

486 câu trả lời



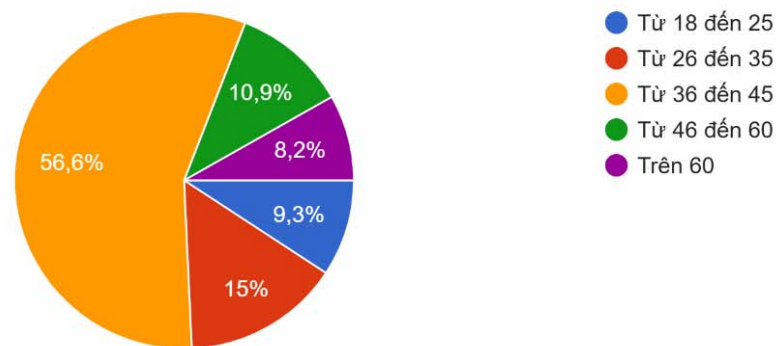
3. Trình độ học vấn hiện tại của Ông/Bà ?

486 câu trả lời



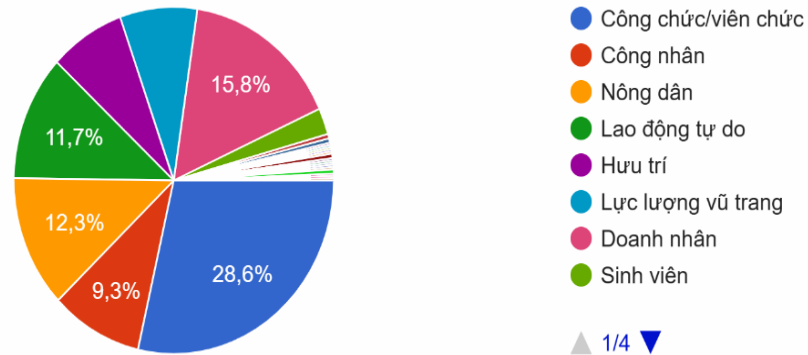
4. Tuổi của Ông/Bà ?

486 câu trả lời



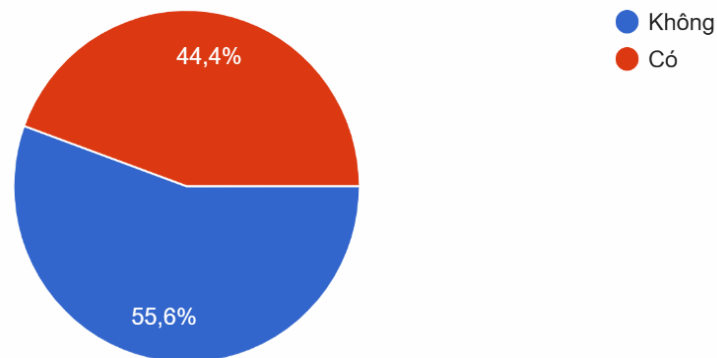
5. Nghề nghiệp hiện nay ?

486 câu trả lời



6. Ông/bà có phải là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam không ?

486 câu trả lời



Biểu đồ 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6: Thông tin cá nhân của đối tượng điều tra

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

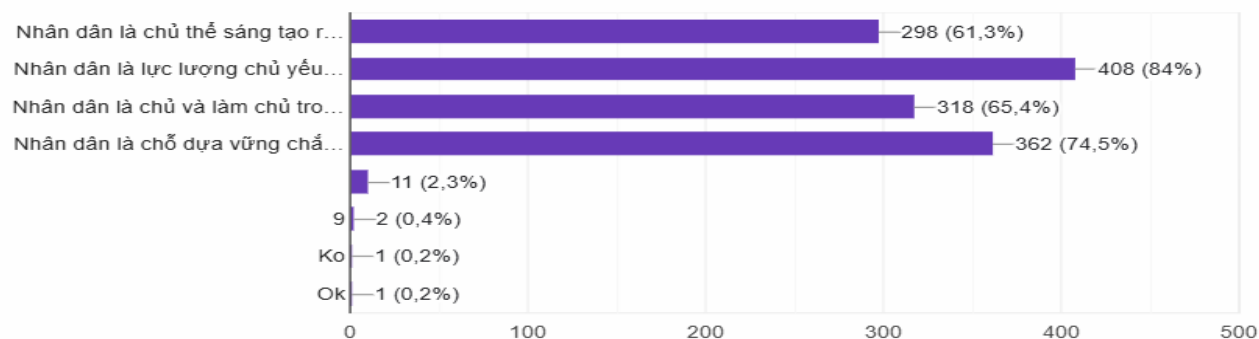
T	Thông tin chung	Thông tin chi tiết	Số phiếu	Tỷ lệ
1	Nơi cư trú	Đô thị	260/486	53,5%
		Nông thôn	226/486	46,5%
2	Giới tính	Nam	188/486	38,7%
		Nữ	298/486	61,3%
3	Trình độ học vấn	Phổ thông	95/486	19,5%
		Trung cấp/cao đẳng	168/486	34,6%
		Đại học	163/486	33,5%
		Sau đại học	60/486	12,3%
4	Độ tuổi	Từ 18 đến 25	45/486	9,3%
		Từ 26 đến 35	73/486	15,0%
		Từ 36 đến 45	275/486	56,6%
		Từ 46 đến 60	53/486	10,9%
		Trên 60	40/486	8,2%
5	Nghề nghiệp hiện nay	Công chức/ viên chức	139/486	28,6%
		Công nhân	45/486	9,3%
		Nông dân	60/486	12,3%
		Lao động tự do	57/486	11,7%
		Hưu trí	37/486	7,6%
		Lực lượng vũ trang	38/486	7,8%
		Doanh nhân	77/486	15,8%
		Khác:.....	33/486	6,9%
6	Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam	Có	216/486	44,4%
		Không	270/486	55,6%

Bảng 1.1. Thông tin cá nhân của đối tượng điều tra

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 1. Theo Ông (Bà), Nhân dân có vị trí, vai trò như thế nào trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc? (Có thể chọn nhiều phương án)

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.1. Hiểu biết của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

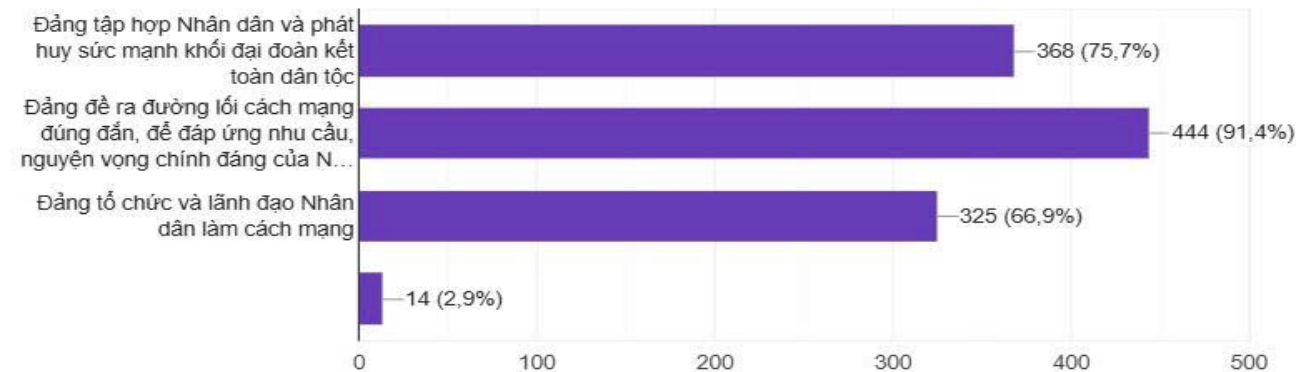
TT	Vị trí, vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc	Ý kiến đồng ý	Tỷ lệ
1	Nhân dân là chủ thể sáng tạo ra lịch sử	298/486	61,3%
2	Nhân dân là lực lượng chủ yếu và đóng vai trò quyết định mọi thắng lợi của cách mạng	408/486	84,0%
3	Nhân dân là chủ và làm chủ trong chế độ xã hội mới	318/486	65,4%
4	Nhân dân là chỗ dựa vững chắc của Đảng và hệ thống chính trị	362/486	74,5%
5	Ý kiến khác:.....	15/486	3,1%

Bảng 1.2. Hiểu biết của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 2. Ông (Bà) cho biết, vai trò của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng nước ta là gì? (Có thể chọn nhiều phương án)

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.2. Hiểu biết của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của Đảng trong sự nghiệp cách mạng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

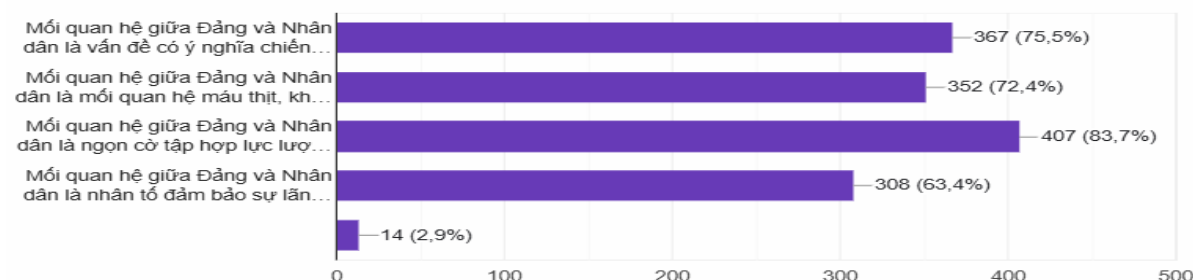
TT	Vị trí, vai trò của Đảng trong sự nghiệp cách mạng	Ý kiến đồng ý	Tỷ lệ
1	Đảng tập hợp Nhân dân và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc	368/486	75,7%
2	Đảng đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, để đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân	444/486	91,4%
3	Đảng tổ chức và lãnh đạo Nhân dân làm cách mạng	325/486	66,9%
4	Ý kiến khác:.....	14/486	2,9%

Bảng 1.3. Hiểu biết của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của Đảng trong sự nghiệp cách mạng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 3. Theo Ông/Bà, mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân có vị trí, vai trò như thế nào trong sự nghiệp cách mạng nước ta? (Có thể chọn nhiều phương án)

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.3. Hiểu biết của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng nước ta

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

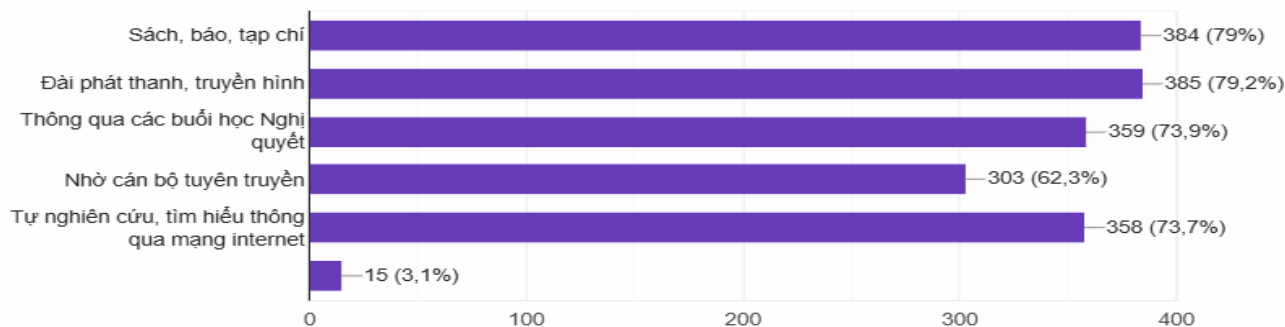
TT	Vị trí, vai trò của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng nước ta	Ý kiến đồng ý	Tỷ lệ
1	Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định sự thành công của cách mạng	367/486	75,5%
2	Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời, có sự thống nhất về lợi ích	352/486	72,4%
3	Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là ngọn cờ tập hợp lực lượng, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nguồn sức mạnh to lớn của Nhân dân	407/486	83,7%
4	Mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân là nhân tố đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng	308/486	63,4%
5	Ý kiến khác:.....	14/486	2,9%

Bảng 1.4. Hiểu biết của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vị trí, vai trò của mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng nước ta

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 4. Những đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đã ban hành trong thời gian qua được Ông (Bà) biết đến thông qua các kênh thông tin nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.4. Kênh thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước được đối tượng khảo sát biết đến

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

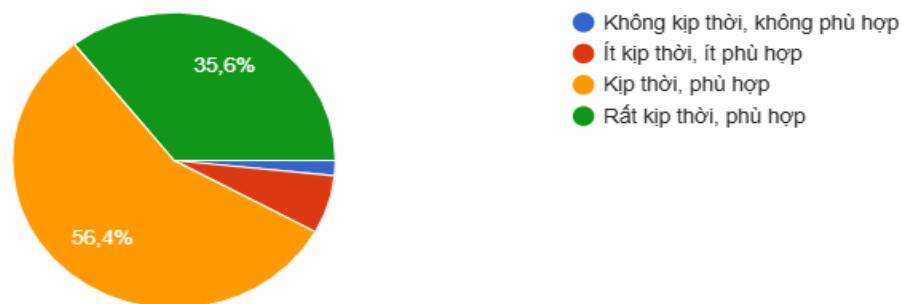
TT	Những kênh thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Sách, báo, tạp chí	384/486	79%
2	Đài phát thanh, truyền hình	385/486	79,2%
3	Thông qua các buổi học nghị quyết	359/486	73,9%
4	Nhờ cán bộ tuyên truyền	303/486	62,3%
5	Tự nghiên cứu, tìm hiểu thông qua mạng internet	358/486	73,7%
6	Ý kiến khác:	15/486	3,1%

Bảng 1.5. Kênh thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước được đối tượng khảo sát biết đến

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 5. Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước tại địa phương nơi Ông (Bà) cư trú có kịp thời và phù hợp với thực tế đời sống, nhu cầu và điều kiện của người dân không?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.5. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về việc ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

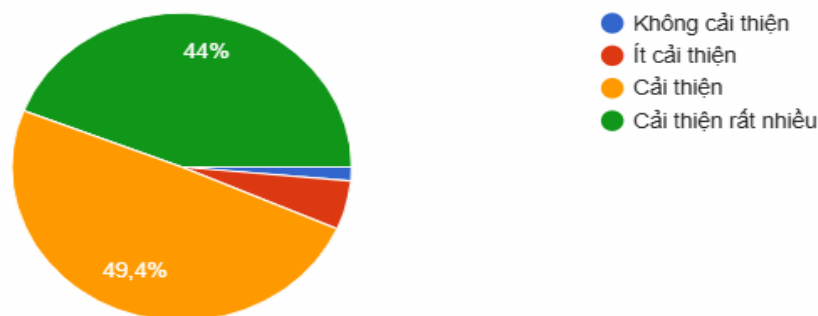
TT	Phân loại mức độ	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không kịp thời, không phù hợp	8/486	1,6%
2	Ít kịp thời, ít phù hợp	31/486	6,4%
3	Kịp thời, phù hợp	274/486	56,4%
4	Rất kịp thời, phù hợp	173/486	35,6%

Bảng 1.6. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về việc ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 6. Theo Ông (Bà), các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua có giúp cải thiện đời sống của Nhân dân không?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.6. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua nhằm cải thiện đời sống của Nhân dân

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

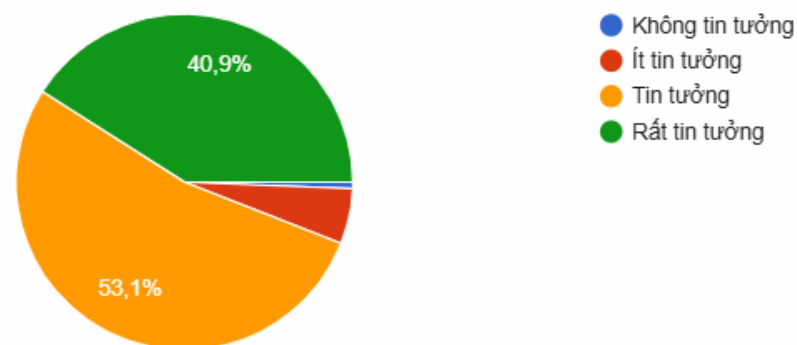
TT	Phân loại mức độ	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không cải thiện	7/486	1,4%
2	Ít cải thiện	25/486	5,1%
3	Cải thiện	240/486	49,4%
4	Cải thiện rất nhiều	214/486	44%

Bảng 1.7. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua nhằm cải thiện đời sống của Nhân dân

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 7. Mức độ tin tưởng của Ông (Bà) đối với cấp ủy đảng và cấp chính quyền nơi cư trú hiện nay như thế nào?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.7. Mức độ tin tưởng của đối tượng khảo sát đối với cấp ủy đảng và cấp chính quyền nơi cư trú hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

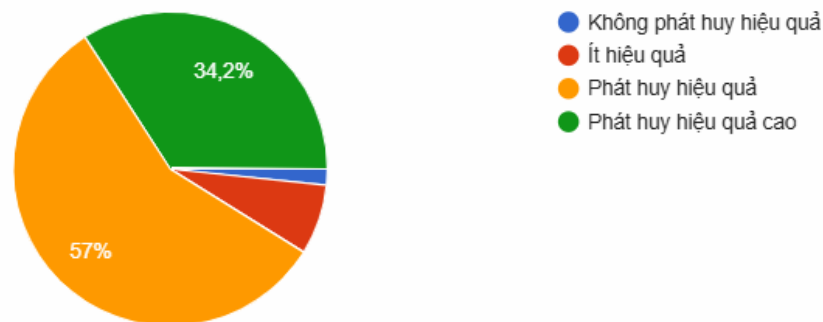
TT	Phân loại mức độ	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không tin tưởng	3/486	0,6%
2	Ít tin tưởng	26/486	5,3%
3	Tin tưởng	258/486	53,1%
4	Rất tin tưởng	199/486	40,9%

Bảng 1.8. Mức độ tin tưởng của đối tượng khảo sát đối với cấp ủy đảng và cấp chính quyền nơi cư trú hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 8. Theo Ông (Bà), công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã phát huy hiệu quả chưa?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.8. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về sự phát huy hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

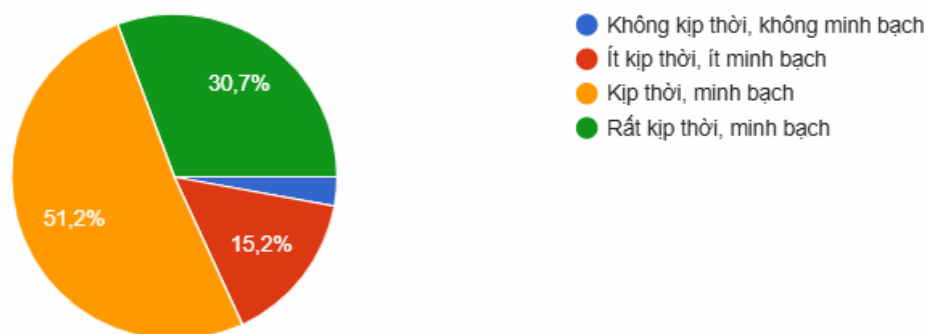
TT	Phân loại mức độ	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không phát huy hiệu quả	8/486	1,6%
2	Ít hiệu quả	35/486	7,2%
3	Phát huy hiệu quả	277/486	57%
4	Phát huy hiệu quả cao	166/486	34,2%

Bảng 1.9. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về sự phát huy hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát của Đảng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 9. Theo Ông (Bà), các vụ việc tham nhũng tại địa phương có được xử lý kịp thời và minh bạch không?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.9. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về xử lý các vụ việc tham nhũng tại địa phương

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

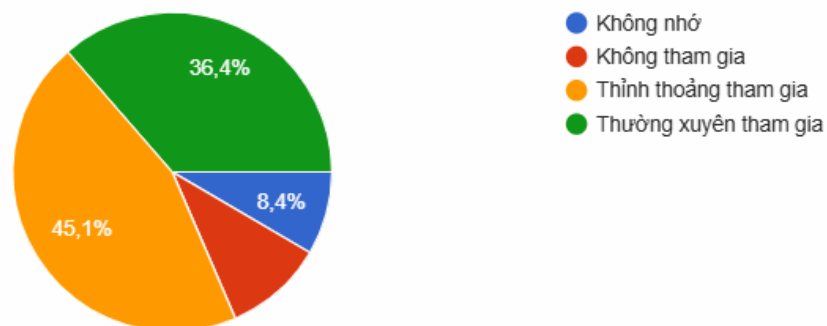
TT	Phân loại mức độ	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không kịp thời, không minh bạch	14/486	2,9%
2	Ít kịp thời, ít minh bạch	74/486	15,2%
3	Kịp thời, minh bạch	249/486	51,2%
4	Rất kịp thời, minh bạch	149/486	30,7%

Bảng 1.10. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về xử lý các vụ việc tham nhũng tại địa phương

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 10. Ông (Bà) đã từng tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng các chính sách, chủ trương của Đảng, kế hoạch phát triển của địa phương không?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.10. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về sự tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng các chính sách, chủ trương của Đảng, kế hoạch phát triển của địa phương

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

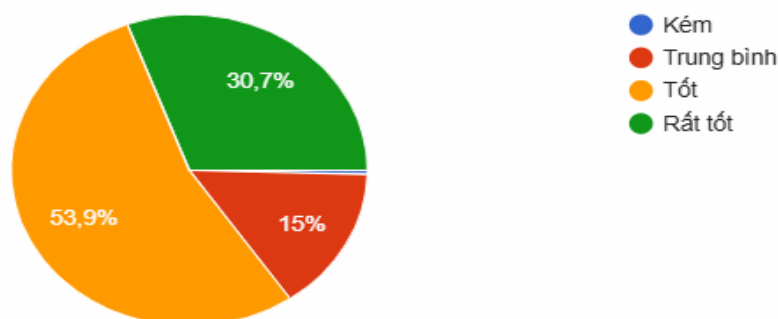
TT	Mức độ tham gia	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không nhớ	41/486	8,4%
2	Không tham gia	49/486	10,1%
3	Thỉnh thoảng tham gia	219/486	45,1%
4	Thường xuyên tham gia	177/486	36,4%

Bảng 1.11. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về sự tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình xây dựng các chính sách, chủ trương của Đảng, kế hoạch phát triển của địa phương

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 11. Ông (Bà) đánh giá về mức độ thực hiện quyền công dân (quyền bầu cử và ứng cử; quyền tự do ngôn luận, báo chí; tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, học tập, làm việc...) của người dân tỉnh Thanh Hóa hiện nay như thế nào?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.11. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về thực hiện quyền công dân của người dân tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

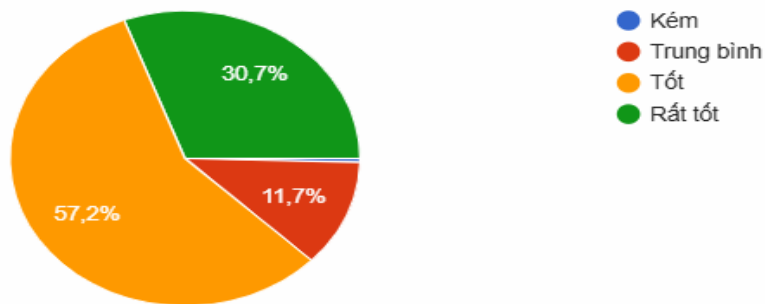
TT	Mức độ thực hiện quyền công dân (quyền bầu cử và ứng cử; quyền tự do ngôn luận, báo chí; tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, học tập, làm việc...)	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Kém	2/486	0,4%
2	Trung bình	73/486	15%
3	Tốt	262/486	53,9%
4	Rất tốt	149/486	30,7%

Bảng 1.12. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về thực hiện quyền công dân của người dân tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 12. Theo quan sát của Ông (Bà), người dân nơi Ông (Bà) cư trú có ý thức như thế nào trong việc thực hiện nghĩa vụ công dân (chấp hành pháp luật, nghĩa vụ lao động và đóng góp kinh tế, nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc...)?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.12. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về thực hiện nghĩa vụ công dân của người dân tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

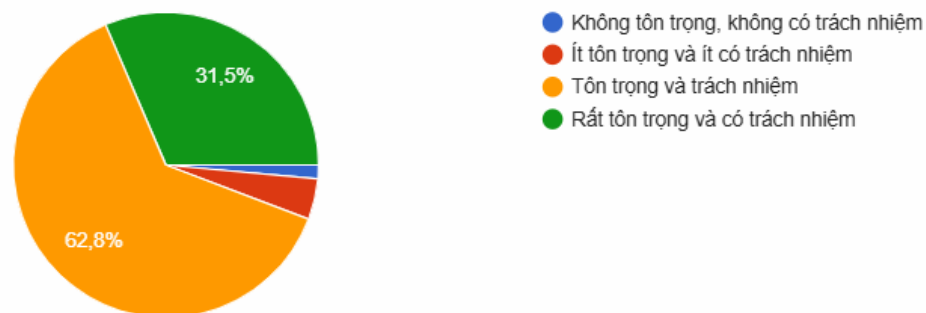
TT	Mức độ thực hiện nghĩa vụ công dân (chấp hành pháp luật, nghĩa vụ lao động và đóng góp kinh tế, nghĩa vụ quân sự, bảo vệ Tổ quốc...)	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Kém	2/486	0,4%
2	Trung bình	57/486	11,7%
3	Tốt	278/486	57,2%
4	Rất tốt	149/486	30,7%

Bảng 1.13. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về thực hiện nghĩa vụ công dân của người dân tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 13. Ông (Bà) có nhận xét gì về thái độ và trách nhiệm phục vụ Nhân dân của cán bộ, đảng viên nơi Ông (Bà) cư trú?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.13. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về thái độ và trách nhiệm phục vụ Nhân dân của cán bộ, đảng viên

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

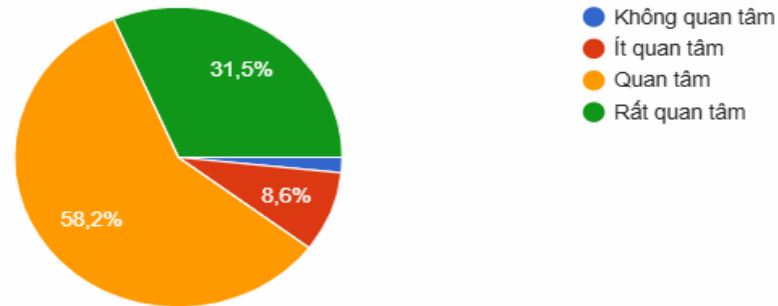
TT	Phân loại mức độ	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không tôn trọng, không có trách nhiệm	7/486	1,4%
2	Ít tôn trọng và ít có trách nhiệm	21/486	4,3%
3	Tôn trọng và trách nhiệm	305/486	62,8%
4	Rất tôn trọng và có trách nhiệm	153/486	31,5%

Bảng 1.14. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về thái độ và trách nhiệm phục vụ Nhân dân của cán bộ, đảng viên

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 14. Theo Ông (Bà), công tác dân vận có được các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương, cơ sở nơi Ông (Bà) cư trú quan tâm không?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.14. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về sự quan tâm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương đối với công tác dân vận

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

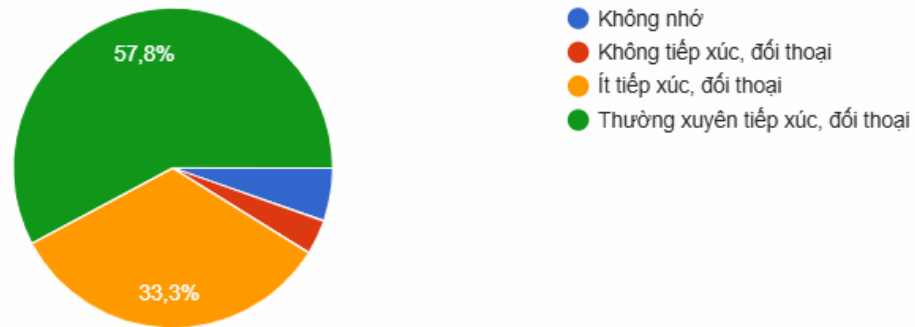
TT	Phân loại mức độ thực hiện	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không quan tâm	8/486	1,6%
2	Ít quan tâm	42/486	8,6%
3	Quan tâm	283/486	58,2%
4	Rất quan tâm	153/486	31,5%

Bảng 1.15. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về sự quan tâm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội địa phương đối với công tác dân vận

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 15. Cấp ủy nơi Ông (Bà) cư trú có thường xuyên tiếp xúc và đối thoại về những vấn đề Nhân dân quan tâm không?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.15. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát đối với sự tiếp xúc và đối thoại về những vấn đề Nhân dân quan tâm của cấp ủy

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

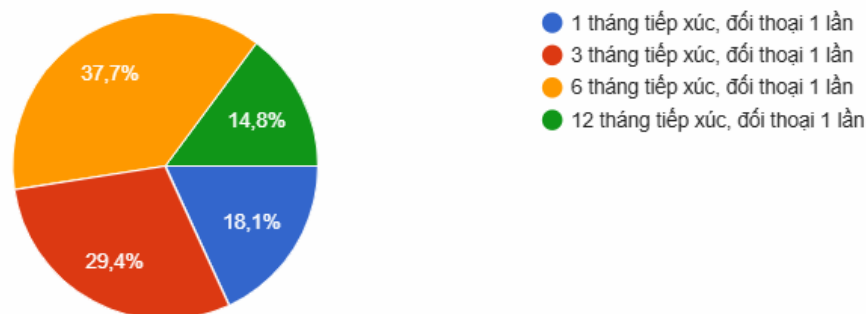
TT	Phân loại mức độ thực hiện	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không nhớ	26/486	5,3%
2	Không tiếp xúc, đối thoại	17/486	3,5%
3	Ít tiếp xúc, đối thoại	162/486	33,3%
4	Thường xuyên tiếp xúc, đối thoại	281/486	57,8%

Bảng 1.16. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát đối với sự tiếp xúc và đối thoại về những vấn đề Nhân dân quan tâm của cấp ủy

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 16. Khi thực hiện tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy Đảng, Chính quyền với Nhân dân, theo Ông (Bà) định kỳ thời gian như thế nào là hợp lý nhất?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.16. Định kỳ thời gian hợp lý nhất khi thực hiện tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy Đảng, Chính quyền với Nhân dân

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

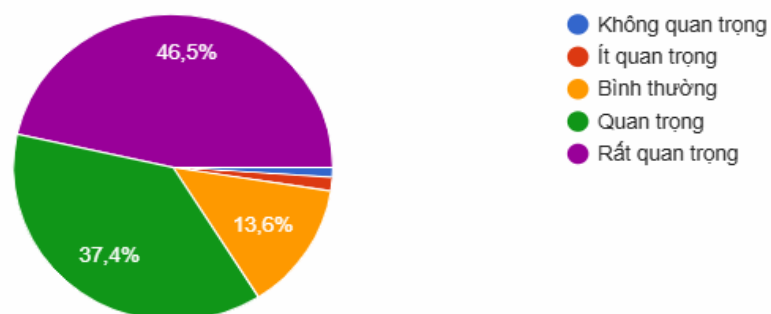
TT	Định kỳ thời gian	Ý kiến	Tỷ lệ
1	1 tháng tiếp xúc, đối thoại 1 lần	88/486	18,1%
2	3 tháng tiếp xúc, đối thoại 1 lần	143/486	29,4%
3	6 tháng tiếp xúc, đối thoại 1 lần	183/486	37,7%
4	12 tháng tiếp xúc, đối thoại 1 lần	72/486	14,8%

Bảng 1.17. Định kỳ thời gian hợp lý nhất khi thực hiện tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy Đảng, Chính quyền với Nhân dân

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 17. Ông (bà) đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay?

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.17. Đánh giá tầm quan trọng của việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

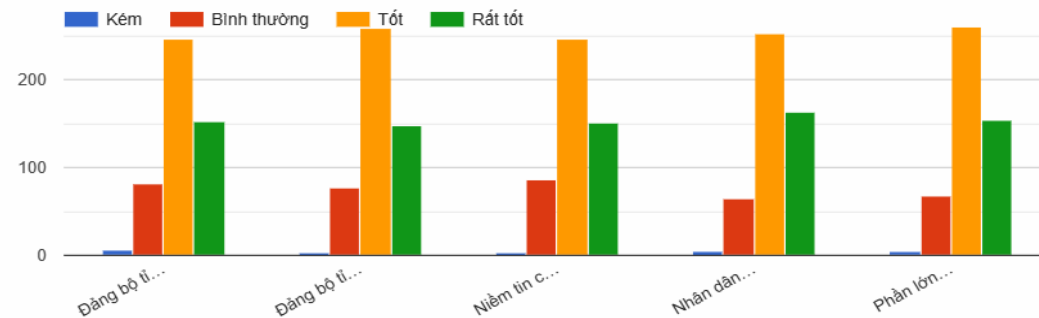
Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

TT	Phân loại mức độ	Ý kiến	Tỷ lệ
1	Không quan trọng	5/486	1%
2	Ít quan trọng	7/486	1,4%
3	Bình thường	66/486	13,6%
4	Quan trọng	182/486	37,4%
5	Rất quan trọng	226/486	46,5%

Bảng 1.18. Đánh giá tầm quan trọng của việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 18. Ông (Bà) đánh giá như thế nào về kết quả của việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay? (chỉ ra mức độ của từng kết quả)



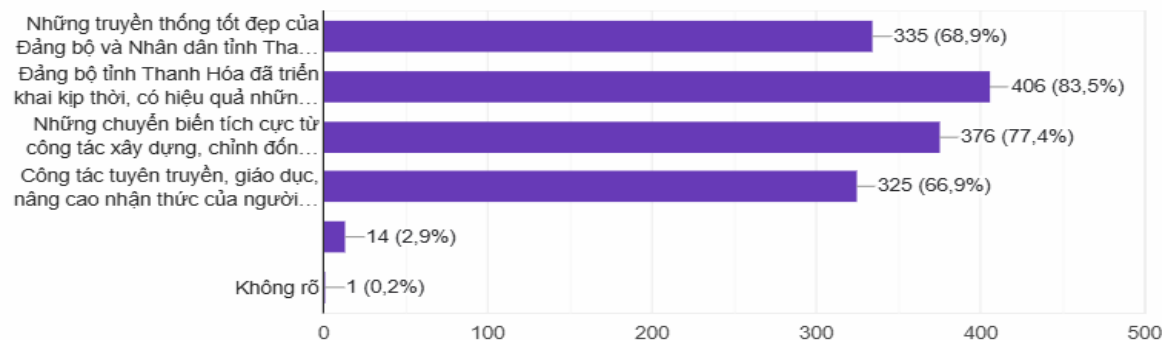
Biểu đồ 2.18. Đánh giá kết quả của việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay
 Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

TT	Kết quả	Mức độ							
		Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
		Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ
1	Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các đường lối, chủ trương, nghị quyết, văn bản kịp thời, hiệu quả để lãnh đạo Nhân dân	6/486	1,2%	81/486	16,7%	247/486	50,8%	152/486	31,3%
2	Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã chú ý cải thiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân	3/486	0,6%	77/486	15,8%	258/486	53,1%	148/486	30,5%
3	Niềm tin của Nhân dân vào Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa ngày càng được củng cố, tăng cường	3/486	0,6%	86/486	17,7%	246/486	50,6%	151/486	31,1%
4	Nhân dân tỉnh Thanh Hóa ngày càng phát huy trí tuệ, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng các quyết sách chính trị của Đảng bộ Tỉnh	5/486	1%	65/486	13,4%	253/486	52,1%	163/486	33,5%
5	Phần lớn Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân	4/486	0,8%	67/486	13,8%	261/486	53,7%	154/486	31,7%

Bảng 1.19. Đánh giá kết quả của việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay
 Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 19. Theo Ông (Bà), nguyên nhân của những kết quả đạt được trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay là gì? (Có thể chọn nhiều phương án)

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.19. Sự nhận thức của đối tượng khảo sát về nguyên nhân của những thành tựu đạt được trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

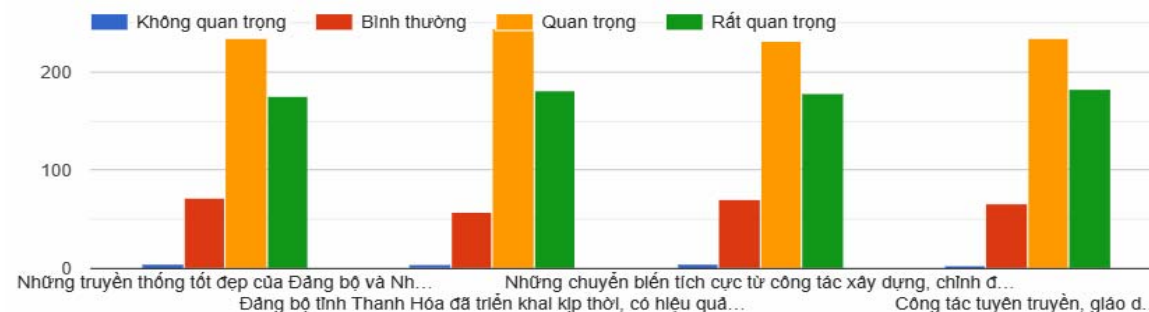
Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

TT	Nguyên nhân của kết quả đạt được	Ý kiến đồng ý	Tỷ lệ
1	Những truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa được phát huy	335/486	68,9%
2	Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã triển khai kịp thời, có hiệu quả những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân	406/486	83,5%
3	Những chuyển biến tích cực từ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời gian qua đã củng cố thêm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa	376/486	77,4%
4	Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân có nhiều đổi mới	325/486	66,9%
5	Ý kiến khác:.....	15/486	3,1%

Bảng 1.20. Sự nhận thức của đối tượng khảo sát về nguyên nhân của những thành tựu đạt được trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 20. Ông (Bà) chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân dẫn đến những kết quả đạt được trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay?



Biểu đồ 2.20. Mức độ quan trọng của từng nguyên nhân dẫn đến những thành tựu đạt được trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

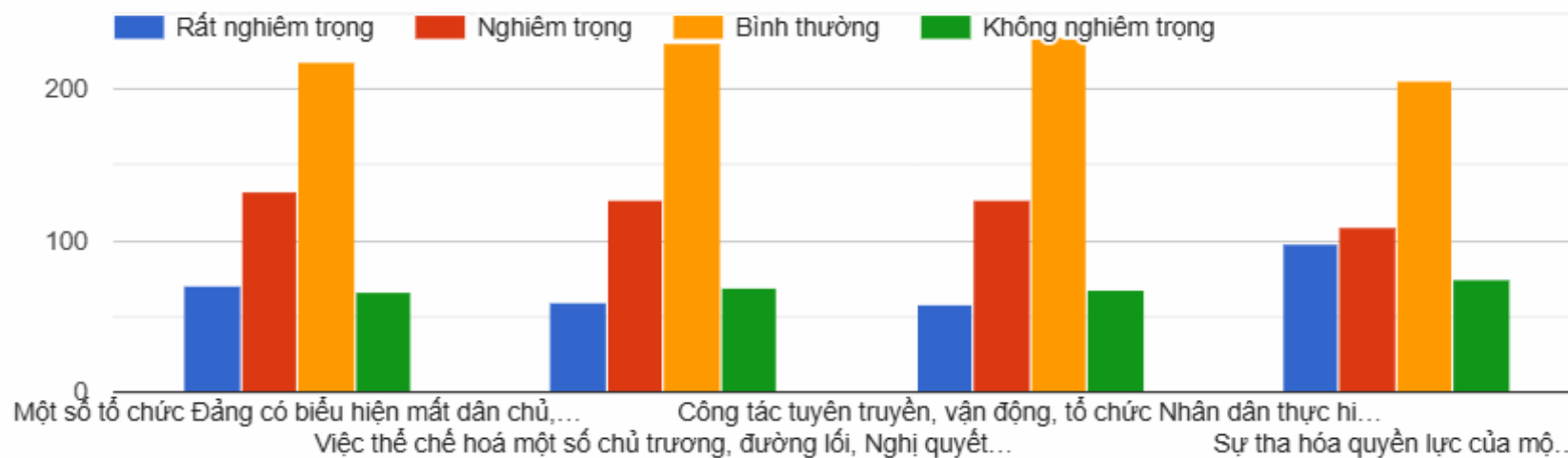
Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

TT	Nguyên nhân của kết quả đạt được	Mức độ							
		Không quan trọng		Bình thường		Quan trọng		Rất Quan trọng	
		Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ
1	Những truyền thống tốt đẹp của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa được phát huy	5/486	1%	72/486	14,8%	234/486	48,2%	175/486	36%
2	Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa đã triển khai kịp thời, có hiệu quả những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân	4/486	0,8%	57/486	11,7%	244/486	50,2%	181/486	37,2%
3	Những chuyển biến tích cực từ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời gian qua đã củng cố thêm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa	5/486	1%	71/486	14,6%	231/486	47,5%	179/486	36,8%
4	Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân có nhiều đổi mới	3/486	0,6%	66/486	13,6%	234/486	48,1%	183/486	37,7%

Bảng 1.21. Mức độ quan trọng của từng nguyên nhân dẫn đến những thành tựu đạt được trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 21. Ông (Bà) đánh giá như thế nào về những hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay? (chỉ ra mức độ nghiêm trọng của từng hạn chế)?



Biểu đồ 2.21. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về những hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

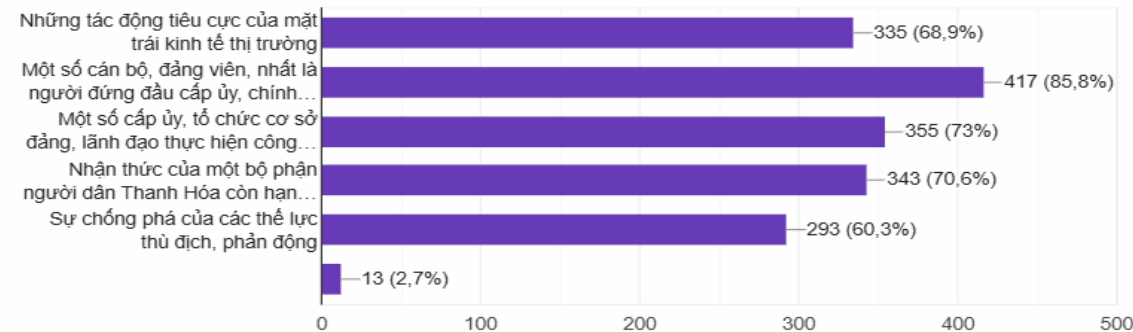
TT	Hạn chế	Mức độ							
		Rất nghiêm trọng		Nghiêm trọng		Bình thường		Không nghiêm trọng	
		Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ
1	Một số tổ chức Đảng có biểu hiện mất dân chủ, xa rời quần chúng nhân dân	70/486	14,4%	132/486	27,2%	218/486	44,8%	66/486	13,6%
2	Việc thể chế hoá một số chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng chưa phù hợp với thực tế, chưa phản ánh được nguyện vọng chính đáng của Nhân dân	59/486	12,1%	127/486	26,1%	231/486	47,5%	69/486	14,3%
3	Công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng còn một số bất cập, nhất là ở khu vực miền núi	58/486	11,9%	127/486	26,1%	234/486	48,2%	67/486	13,8%
4	Sự tha hóa quyền lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nguy cơ quan liêu, xa rời Nhân dân của chính quyền các cấp	98/486	20,2%	109/486	22,4%	205/486	42,2%	74/486	15,2%

Bảng 1.22. Mức độ nhận thức của đối tượng khảo sát về những hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 22. Theo Ông (Bà), nguyên nhân của những hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay là gì? (Có thể chọn nhiều phương án)

486 câu trả lời



Biểu đồ 2.22. Sự nhận thức của đối tượng khảo sát về nguyên nhân của những hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

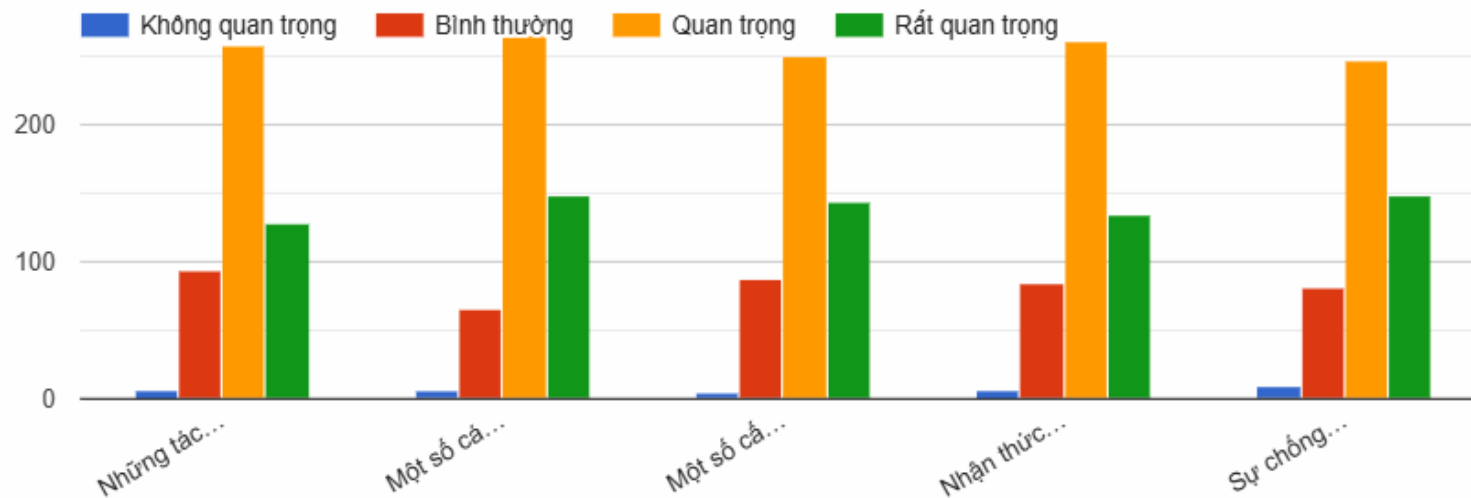
Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

TT	Nguyên nhân của hạn chế	Ý kiến đồng ý	Tỷ lệ
1	Những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường	335/486	68,9%
2	Một số cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp ở một số cơ quan, đơn vị chưa làm tốt chức trách, nhiệm vụ	417/486	85,8%
3	Một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, lãnh đạo thực hiện công tác dân vận chưa hiệu quả	355/486	73%
4	Nhận thức của một bộ phận người dân Thanh Hóa còn hạn chế	343/486	70,6%
5	Sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động	293/486	60,3%
6	Ý kiến khác:.....	13/486	2,7%

Bảng 1.23. Sự nhận thức của đối tượng khảo sát về nguyên nhân của những hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 23. Ông (Bà) chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay?



Biểu đồ 2.23. Mức độ quan trọng của từng nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

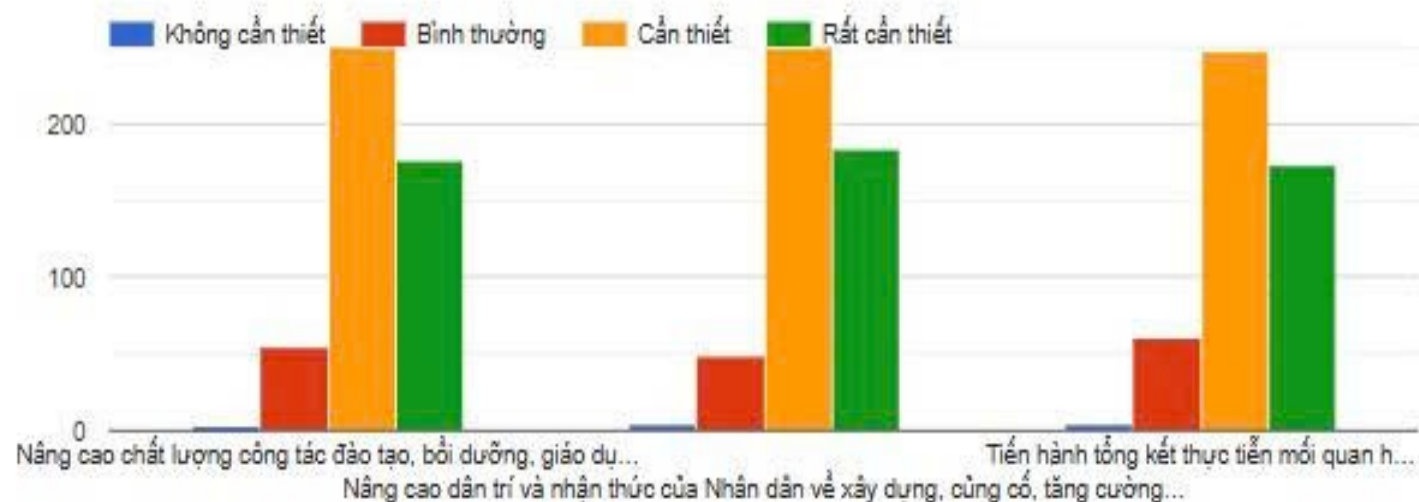
TT	Nguyên nhân của hạn chế	Mức độ							
		Không quan trọng		Bình thường		Quan trọng		Rất Quan trọng	
		Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ
1	Những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường	7/486	1,4%	93/486	19,1%	258/486	53,1%	128/486	26,3%
2	Một số cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp ở một số cơ quan, đơn vị chưa làm tốt chức trách, nhiệm vụ	6/486	1,2%	66/486	13,6%	265/486	54,5%	149/486	30,7%
3	Một số cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, lãnh đạo thực hiện công tác dân vận chưa hiệu quả	4/486	0,8%	88/486	18,1%	250/486	51,4%	144/486	29,6%
4	Nhận thức của một bộ phận người dân Thanh Hóa còn hạn chế	7/486	1,4%	85/486	17,5%	260/486	53,5%	134/486	27,6%
5	Sự chống phá của các thế lực thù địch, phản động	10/486	2,1%	81/486	16,6%	246/486	50,6%	149/486	30,7%

Bảng 1.24. Mức độ quan trọng của từng nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong việc củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 24. Theo Ông (Bà), để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào sau đây (đánh giá về mức độ cần thiết của từng giải pháp)?

A. Giải pháp về nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tầm quan trọng của mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và Nhân dân

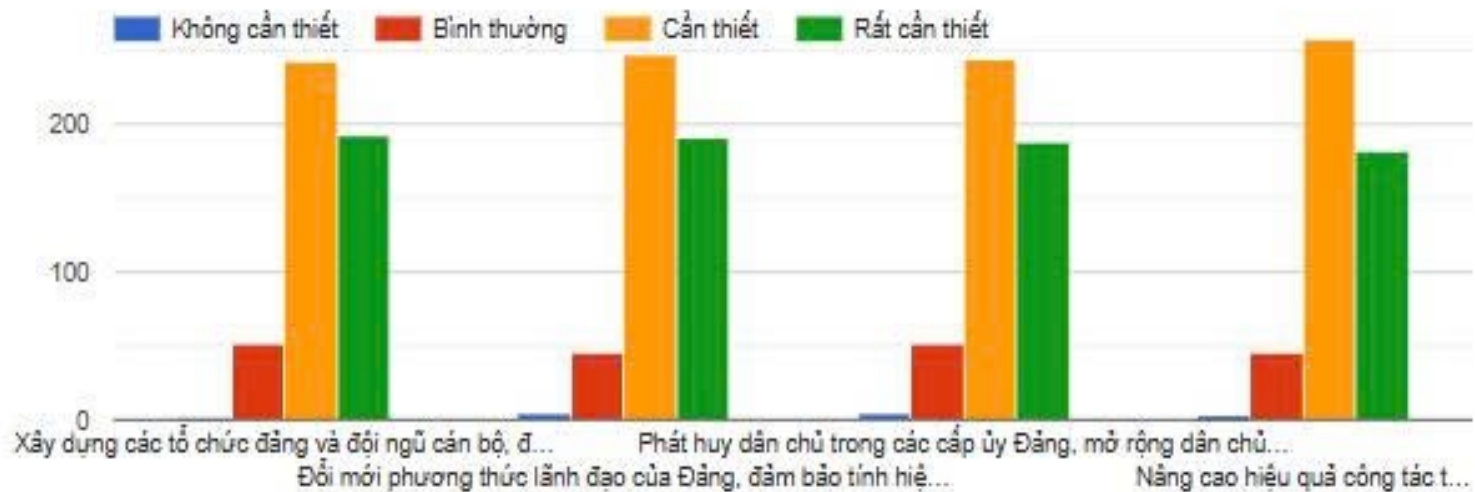


Biểu đồ 2.24. Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay (mức độ cần thiết của từng giải pháp)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 24. Theo Ông (Bà), để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào sau đây (đánh giá về mức độ cần thiết của từng giải pháp)?

B. Giải pháp về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng ở Thanh Hóa



Biểu đồ 2.25. Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay (mức độ cần thiết của từng giải pháp)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 24. Theo Ông (Bà), để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào sau đây (đánh giá về mức độ cần thiết của từng giải pháp)?

C. Giải pháp về tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, chăm lo xây dựng chính quyền các cấp thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân



Biểu đồ 2.26. Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay (mức độ cần thiết của từng giải pháp)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 24. Theo Ông (Bà), để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào sau đây (đánh giá về mức độ cần thiết của từng giải pháp)?

D. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

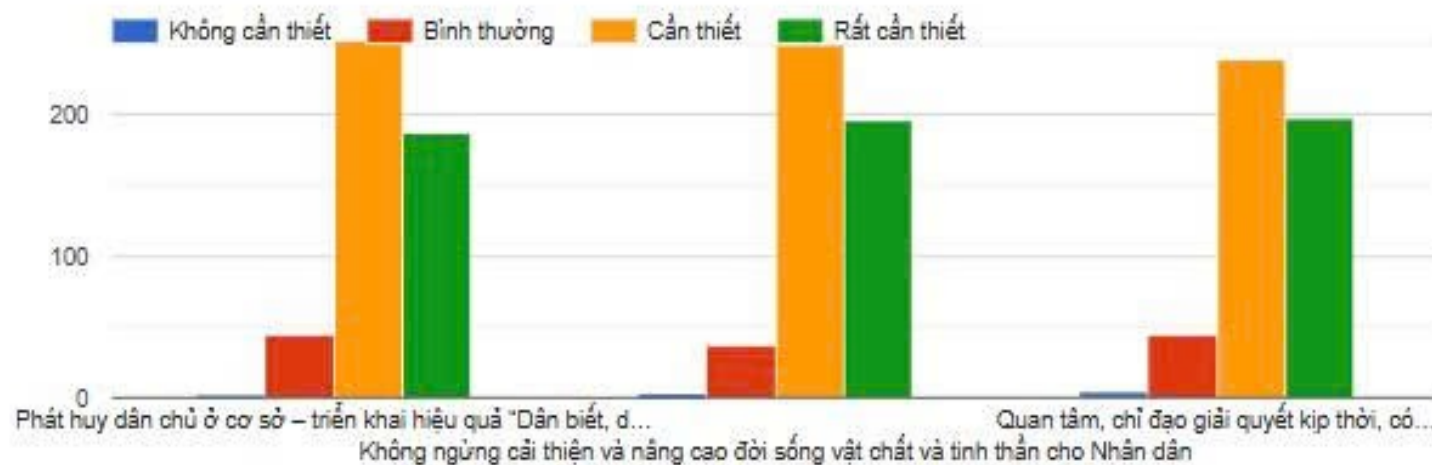


Biểu đồ 2.27. Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay (mức độ cần thiết của từng giải pháp)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 24. Theo Ông (Bà), để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào sau đây (đánh giá về mức độ cần thiết của từng giải pháp)?

E. Giải pháp về phát huy vai trò của Nhân dân trong củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa



Biểu đồ 2.28. Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay (mức độ cần thiết của từng giải pháp)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Câu 24. Theo Ông (Bà), để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay cần thực hiện những giải pháp chủ yếu nào sau đây (đánh giá về mức độ cần thiết của từng giải pháp)?

F. Giải pháp về đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh



Biểu đồ 2.29. Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay (mức độ cần thiết của từng giải pháp)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

TT	Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay	Mức độ							
		Không cần thiết		Bình thường		Cần thiết		Rất cần thiết	
		Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ
A	Giải pháp về nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân về tầm quan trọng của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân								
1	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên	3/486	0,6%	55/486	11,3%	251/486	51,6%	177/486	36,4%
2	Nâng cao dân trí và nhận thức của Nhân dân về xây dựng, củng cố, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong thời gian tới	4/486	0,8%	49/486	10,1%	250/486	51,4%	183/486	37,7%
3	Tiến hành tổng kết thực tiễn mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	4/486	0,8%	60/486	12,4%	248/486	51%	174/486	35,8%
B	Giải pháp về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng ở Thanh Hóa								
1	Xây dựng các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên thật sự trong sạch, vững mạnh	1/486	0,2%	51/486	10,5%	242/486	49,8%	192/486	39,5%
2	Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đảm bảo tính hiệu quả của các chủ trương, chính sách trong thực tiễn	4/486	0,8%	45/486	9,3%	247/486	50,8%	190/486	39,1%
3	Phát huy dân chủ trong các cấp ủy Đảng, mở rộng dân chủ trong toàn xã hội	4/486	0,8%	51/486	10,5%	244/486	50,2%	187/486	38,5%
4	Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động	3/486	0,6%	45/486	9,3%	257/486	52,9%	181/486	37,2%

TT	Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay	Mức độ							
		Không cần thiết		Bình thường		Cần thiết		Rất cần thiết	
		Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ
	trên địa bàn tỉnh; góp phần củng cố, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới								
C	Giải pháp về tích cực tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, chăm lo xây dựng chính quyền các cấp thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân								
1	Tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm chính quyền các cấp thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân	4/486	0,8%	48/486	9,9%	243/486	50%	191/486	39,3%
2	Đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác trong hệ thống chính quyền các cấp của tỉnh	2/486	0,4%	39/486	8,1%	246/486	50,6%	199/486	40,9%
D	Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của MTTQ Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội								
1	Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân	2/486	0,4%	48/486	9,8%	258/486	53,1%	178/486	36,6%
2	Nâng cao nhận thức của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của CTĐV trong tình hình mới	3/486	0,6%	45/486	9,3%	267/486	54,9%	171/486	35,2%
E	Giải pháp về phát huy vai trò của Nhân dân trong củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa								

TT	Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay	Mức độ							
		Không cần thiết		Bình thường		Cần thiết		Rất cần thiết	
		Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ	Đồng ý	Tỷ lệ
1	Phát huy dân chủ ở cơ sở - triển khai hiệu quả “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”	2/486	0,4%	45/486	9,3%	252/486	51,8%	187/486	38,5%
2	Không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân	3/486	0,6%	37/486	7,6%	250/486	51,4%	196/486	40,3%
3	Quan tâm, chỉ đạo giải quyết kịp thời, có hiệu quả những bức xúc, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị chính đáng của Nhân dân	4/486	0,8%	45/486	9,3%	240/486	49,4%	197/486	40,5%
F	Giải pháp về đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh								
1	Nâng cao cảnh giác trước nguy cơ bị các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để xuyên tạc, nói xấu Đảng, chia rẽ mối quan hệ gắn bó giữa Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Thanh Hóa	3/486	2,1%	45/486	16,6%	242/486	50,6%	196/486	30,7%
2	Kiên quyết đấu tranh, chống lại những quan điểm sai trái, xuyên tạc, gây chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân trên địa bàn tỉnh	2/486	0,4%	35/486	7,2%	248/486	51%	201/486	41,4%

Bảng 1.25. Giải pháp để tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay
(mức độ cần thiết của từng giải pháp)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Phụ lục 4

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN TỪ NĂM 2019-2021

Năm	Tổng số tổ chức cơ sở đảng	Kết quả đánh giá chất lượng TCCSD								Tổng số đảng viên	Kết quả đánh giá chất lượng đảng viên							
		Trong sạch vững mạnh (HTXS)		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ			Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		Hoàn thành tốt nhiệm vụ		Hoàn thành nhiệm vụ		Không hoàn thành nhiệm vụ	
		Tổng số	%															
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%									
2019	1.570 ¹	252	17,4	1.200	76,4	98	6,2	14	0,9	228.782 ²	34.418	18,87	148.168	73,5	17.941	8,9	1.018	0.7
2020	1.464 ³	250	18,23	1.156	79	53	3,6	2	1,3	230.217 ⁴	35.460	19,5	146.030	72,8	18.167	9,1	884	0.6
2021	1.460 ⁵	263	18,8	1.134	77,8	61	4,2	1	0,06	230.832 ⁶	29.602	16,7	148.449	75,3	17.687	8,9	1.152	0,8

Nguồn: Báo cáo số 207 - BC/TU ngày 06/9/2022 của tỉnh ủy Thanh Hóa, *Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021); Quy định số 08 QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 37-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy định về những điều đảng viên không được làm*, tr.26.

¹ 06 tổ chức cơ sở đảng không đánh giá xếp loại do mới thành lập.

² Tại thời điểm báo cáo có 27.237 đảng viên không đánh giá, xếp loại, gồm: Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt, đảng viên mới kết nạp dưới 06 tháng, đảng viên đi làm ăn xa.

³ 03 tổ chức cơ sở đảng không đánh giá xếp loại do mới thành lập.

⁴ Tại thời điểm báo cáo có 29.676 đảng viên không đánh giá, xếp loại, gồm: Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt, đảng viên mới kết nạp dưới 06 tháng, đảng viên đi làm ăn xa.

⁵ 01 tổ chức cơ sở đảng không đánh giá xếp loại do mới thành lập.

⁶ Tại thời điểm báo cáo có 33.942 không đánh giá, xếp loại, gồm: Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt, đảng viên mới kết nạp dưới 06 tháng, đảng viên đi làm ăn xa.

Phụ lục 5
KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH
KỶ LUẬT CỦA CẤP ỦY, TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG ĐẢNG BỘ TỈNH
(TỪ NĂM 2019-2022)

TT	Nội dung	Tổng số	Cấp thực hiện			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Cơ sở	
1	Kiểm tra đảng viên	19.268	117	2.934	16.217	Qua kiểm tra kết luận 1013 đảng viên thực hiện chưa tốt; 191 đảng viên có khuyết điểm, vi phạm; phải thi hành kỷ luật 130.
2	Kiểm tra tổ chức đảng	4.967	132	904	3.931	Qua kiểm tra kết luận 131 tổ chức đảng chưa thực hiện tốt; trong đó 10 tổ chức đảng có khuyết điểm, vi phạm.
3	Giám sát đảng viên	24.910	108	3.767	21.035	
4	Giám sát tổ chức đảng	7.314	195	1.185	5.934	
5	Giải quyết khiếu nại đảng viên	10	4	5	1	Giữ nguyên hình thức kỷ luật 10
6	Giải quyết khiếu nại tổ chức đảng					
7	Thi hành kỷ luật đảng viên	2.798	16	166	2616	Hình thức: Khiển trách 2.303; cảnh cáo 385; cách chức 76; khai trừ 33.
8	Thi hành kỷ luật tổ chức	24	2	11	11	Hình thức: Khiển trách 17; Cảnh cáo 7.

Nguồn: Báo cáo số 207 - BC/TU ngày 06/9/2022 của tỉnh ủy Thanh Hóa, Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021); Quy định số 08 QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 37-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy định về những điều đảng viên không được làm, tr.27.

Phụ lục 6
KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH
KỶ LUẬT CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP TRONG ĐẢNG BỘ TỈNH
(TỪ NĂM 2019-2022)

TT	Nội dung	Tổng số	Cấp thực hiện			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Cơ sở	
1	Kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm	3.522	76	816	2.630	Đảng viên có vi phạm 3.130; phải thi hành kỷ luật 2.736.
2	Kiểm tra tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm	93	13	48	32	Tổ chức đảng có vi phạm 57; thi hành kỷ luật 21.
3	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát	3.050	48	517	2.485	
4	Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ thi hành kỷ luật đảng	1.022	28	328	666	
5	Giám sát đảng viên	20.672	99	1.778	18.795	Phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm 232, chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 232.
6	Giám sát tổ chức đảng	4.247	183	588	3.476	Phát hiện tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm 34, chuyển kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 19
7	Giải quyết tố cáo đảng viên	114	8	51	55	Chưa có cơ sở kết luận 28; tố sai 32; đúng và đúng một phần 54, trong đó đúng có vi phạm 44, phải thi hành kỷ luật 30.
8	Giải quyết tố cáo tổ chức đảng	3		2	1	Tố sai 1; đúng và đúng một phần 2
9	Giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng	9	5	4		Giữ nguyên hình thức kỷ luật 7; thay đổi hình thức kỷ luật 2.
10	Kiểm tra tài chính về thu chi ngân sách và SXKD	149	12	72	65	Thu hồi 47 triệu đồng.
11	Kiểm tra tài chính về quản lý, thu nộp, đảng phí	3.668	12	324	3.332	
12	Thi hành kỷ luật đảng viên	611	14	566	31	Khiển trách 217; cảnh cáo 128; cách chức 48; khai trừ 218.

Nguồn: Báo cáo số 207 - BC/TU ngày 06/9/2022 của tỉnh ủy Thanh Hóa, Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021); Quy định số 08 QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 37-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy định về những điều đảng viên không được làm, tr.28-29.

Phụ lục 7

TỔNG HỢP

**CÁN BỘ BỊ MIỄN NHIỆM, THAY THẾ, CHO TỪ CHỨC DO SUY THOÁI, “TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HÓA”;
TUYỂN DỤNG, QUY HOẠCH, ĐỀ BẠT, BỔ NHIỆM, LUÂN CHUYỀN, ĐIỀU ĐỘNG KHÔNG ĐẢM BẢO
VỀ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN TỪ NĂM 2017 - 2022**

STT	Đơn vị	Số lượng cán bộ bị xử lý	Hình thức	Ghi chú
1	Ủy ban nhân dân tỉnh	01	- 01 trường hợp cách chức năm 2017	
2	Thành phố Thanh Hóa	03	01 Trường hợp cảnh cáo 01 Trường hợp cách chức Đảng ủy viên - 01 trường hợp cách hết các chức vụ trong Đảng	
3	Thị xã Bỉm Sơn	02	- 01 trường hợp thu hồi quyết định bổ nhiệm - 01 trường hợp miễn nhiệm	
4	Thị xã Nghi Sơn	03	- 03 trường hợp không đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn	
5	Huyện Hậu Lộc	24	21 trường hợp thu hồi quyết định: Bổ nhiệm không bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn 03 trường hợp cách chức	
6	Huyện Quảng Xương	04	- Buộc thôi việc	
7	Huyện Hà Trung	03	- 02 trường hợp cách chức - 01 trường hợp thôi giữ chức vụ	
8	Huyện Nông Cống	05	- 05 trường hợp cách chức	
9	Huyện Triệu Sơn	04	- 02 trường hợp cách chức - 02 trường hợp thay thế	
10	Huyện Thiệu Hóa	02	- 01 trường hợp khai trừ ra khỏi Đảng - 01 trường hợp miễn nhiệm	
11	Huyện Yên Định	06	- 04 trường hợp cách chức - 01 trường hợp bãi nhiệm - 01 trường hợp khai trừ ra khỏi Đảng	
12	Huyện Thạch Thành	03	- 03 trường hợp cách hết các chức vụ trong Đảng	
13	Huyện Như Xuân	06	- 02 trường hợp cách chức.	

STT	Đơn vị	Số lượng cán bộ bị xử lý	Hình thức	Ghi chú
			- 04 trường hợp thu hồi quyết định	
14	Huyện Thường xuân	03	- 01 trường hợp khai trừ ra khỏi Đảng - 02 trường hợp cách hết các chức vụ trong Đảng	
15	Huyện Ngọc Lặc	01	- Buộc thôi việc	
16	Huyện Lang Chánh	06	- 05 trường hợp khai trừ ra khỏi Đảng - 01 trường hợp cách chức.	
17	Huyện Quan Hóa	02	- 02 trường hợp thu hồi quyết định	
18	Huyện Quan Sơn	04	- 04 trường hợp miễn nhiệm, thay thế	
19	Sở GD&ĐT	01	- Cách chức	
20	Sở NN và PTNT	04	- Thu hồi Quyết định bổ nhiệm	
21	Sở VH-TT-DL	01	- Buộc thôi việc	
	Tổng	88		

Nguồn: Báo cáo số 207 - BC/TU ngày 06/9/2022 của tỉnh ủy Thanh Hóa, Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về xây dựng, chỉnh đốn Đảng (Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII và Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021); Quy định số 08 Qđi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy định trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; Quy định số 37-Qđi/TW của Ban Chấp hành Trung ương quy định về những điều đảng viên không được làm, tr.30-31.